HỢP LƯU
TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
số 45 tháng 2 & 3 năm 1999

TÂN NIÊN KỶ MÃO

ngữ học
tiểu luận văn học
hội họa
phỏng vấn
thơ, truyện chọn lọc

tranh sơn mài NGHIÊU ĐỀ



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com

http://www.kicon.com/hopluu

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 45 tháng 2 &3 năm 1999

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Thể lệ gửi bài:

Kèn theo bài xin ghi dịa chỉ, số điện thoại. Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng. Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Gửi bài qua email xin sử dụng địa chỉ hopluu@hotmail.com

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



tranh Nghiêu Đề

HỢP LƯU
Số 45, Tân niên Kỷ Mão 1999
Tháng 2 & 3 năm 1999



MỤC LỤC

Tranh bìa:
Nghiêu Đề: Thiếu nữ và sen (*sơn mài*)



Thư tòa soạn



Hợp Lưu Xuân Kỷ Mão đặc biệt tưởng niệm thi sĩ Bùi Giáng được đông đảo bạn đọc trong, ngoài nước đón nhận nồng nhiệt. Tại miền Nam California, tất cả các nhà sách đều back order, chỉ trong vòng mười ngày, có nơi đã bán trên trăm cuốn. Rất tiếc, vì mức tiêu thụ vượt ngoài lượng định, trong khi số ấn bản thường kỳ vẫn không tăng, nên tòa soạn đã không đáp ứng được yêu cầu gửi thêm báo của nhiều đại lý trên thế giới, Hợp Lưu trân trọng xin lỗi, đồng thời xin thông báo, số đặc biệt tưởng niệm thi sĩ Bùi Giáng xem như ĐÃ TUYỆT BẢN. Có thể trong tương lai chúng tôi sẽ cho tái bản, nếu nhu cầu độc giả tăng cao đến mức cần tái bản.

Hợp Lưu số này có chủ đề NGỮ HỌC, và cũng là số báo cắm dấu mốc đầu tiên cho một năm mới, đã đến.

Đầu năm, nói chuyện ngữ học, có vẻ như Hợp Lưu muốn "làm khó" độc giả. Hẳn nhiều vị sẽ nhăn mặt: mùa Xuân, tạo vật đang chuyển mình. cỏ cây đang trút bỏ lớp áo vàng úa để thay bằng màu xanh tươi khoẻ của lộc non, sao không nói đến cái trẻ và khỏe ấy, nói làm gì chuyện ngôn ngữ, vốn xưa như trái đất, lại được nhìn qua lăng kính của các nhà ngữ học, chắc chắn sẽ rất nặng và rất khô, đọc một bài đã mệt, huống gì phải đọc hàng trăm trang. Chúng tôi hiểu điều đó. Nhưng sau khi cân nhắc kỹ, cuối cùng đi đến quyết định, dù thế nào vẫn phải thực hiện số báo đã dự trù.

Bởi lẽ, ngôn ngữ luôn là "phương tiện" hàng đầu giúp con người tiếp cận được với nhau. Ngôn ngữ cũng là "phương tiện" giúp cho tiến trình tiến hóa của nhân loại, trong các lĩnh vực, được lưu giữ, triển khai hữu hiệu. Tóm lại, nếu không có ngôn ngữ, chắc chắn chúng ta sẽ không bao giờ "thành người".

Trong lĩnh vực văn chương, ngôn ngữ càng đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Không có ngôn ngữ, không có chữ viết, tất nhiên không có văn chương.

Tìm hiểu và làm đầy thêm kiến thức về ngữ học cũng là cách tạo cho mình một vốn liếng vững vàng hơn để có thể đi vào văn chương, mà không cảm thấy băn khoăn, ngỡ ngàng, nhất là đối với chúng ta, những người, do hoàn cảnh lịch sử, đang sinh sống bên ngoài quê hương, xa cách nghìn trùng với cội nguồn, tức cái nôi của ngôn ngữ dân tộc. Mặt khác, để bảo tồn, gìn giữ và làm phong phú thêm tiếng Việt, chúng tôi tin không có phương cách nào hiệu quả hơn sự hiểu biết thấu đáo ngôn ngữ mẹ đẻ. Đó là cái gốc, là điểm khởi giúp chúng ta làm chủ được tiếng nói của chúng ta.

Từ suy nghĩ trên, chúng tôi mạnh dạn thực hiện số báo này, như một hình thức góp phần - trong muôn một - kiện toàn thêm gia tài vô giá đó: tiếng Việt.

Ngoài phần chủ đề về NGỮ HỌC vừa giới thiệu, Những sáng tác thơ, truyện cùng các mục thường xuyên trong số này cũng rất đặc sắc, với sự có mặt của nhiều cây bút uy tín trong, ngoài nước.

Một lần nữa, Hợp Lưu trân trọng kính chúc quí độc một năm mới an khang, thịnh vượng.

HỢP LƯU

Ngày 10 tháng 1 năm 1999
Giỗ đầu
nhà văn MAI THẢO
(1927-1998)



ĐOÀN XUÂN KIÊN

Xem lại một vấn đề ngữ âm tiếng Việt: *nguyên âm*



Trong khi nói năng, người Việt phát ra từng tiếng rời nhau. Mỗi *tiếng* là một đơn vị nhỏ nhất của lời nói. Đấy là một đặc điểm của tiếng Việt. Tuy vậy, *tiếng* không phải là một khối âm thanh duy nhất, mà mỗi *tiếng* lại là một cấu trúc lập thành từ những yếu tố sau: âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh điệu. Về mặt ngữ âm, đây chính là cấu trúc của một âm tiết tiếng Việt. Mỗi thành phần của âm tiết sẽ do *một âm vị* đảm nhận:

* thành phần âm đầu: do một *phụ âm đầu* đảm nhận;
* thành phần âm chính làm nên phần hạt nhân của âm tiết, do một *nguyên âm* đảm nhận;
* thành phần âm cuối do một *phụ âm cuối* đảm nhận;
* thành phần thanh điệu: do một *thanh* đảm nhận.

Mỗi âm tiết tiếng Việt không thể thiếu hai thành phần căn bản, là âm chính và thanh điệu. Chúng ta biết là tiếng Việt có sáu thanh: ngang, huyền, ngã, hỏi, sắc, nặng. Còn nguyên âm? Cho đến nay những giải thuyết khác nhau về nguyên âm xem ra còn nhiều điểm cần bàn bạc thêm. Ngay từ tên gọi cũng khác nhau: có tác giả gọi

nguyên âm là những *mẫu âm* (Lê, 1968), người khác gọi là *âm chính* (Nguyễn 1959, Đoàn 1977). [1] Đến như số lượng nguyên âm là bao nhiêu, và nhất là tính cách âm vị học của chúng thì dường như còn nhiều điều chưa giải đáp thoả đáng. Bài viết này thử xem xét lại một vài vấn đề về nguyên âm tiếng Việt.

Tiếng Việt có bao nhiêu nguyên âm ?

Quan niệm thông thường trước nay khởi đầu với các nhà dạy chữ quốc ngữ, cho rằng nguyên âm tiếng Việt gồm có **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y** (JMJ 1878). Trương Vĩnh Ký (1883) còn thêm vào các tổ hợp ai, ay, au, ao nhưng lại bỏ y đi. Lối mô tả như trên chỉ xét đến khiá cạnh chữ viết nên chưa nhìn rõ bản chất của các đơn vị ngữ âm: sự phân biệt i và y là hai âm vị cho thấy rõ điểm này.

Từ những công trình ngữ âm của Lê Văn Lý về sau này, việc mô tả hệ thống nguyên âm đã tiến những bước dài. Trong tình hình thư tịch hiện nay có thể quy về năm nhóm quan điểm mô tả các nguyên âm tiếng Việt như sau:

(1) Lê Văn Lý (1948:44, 1968:15) lập thành bảng các âm vị nguyên âm như sau:

độ mở	*trước*	*giưã*	*sau*
1	**i**	**ư**	**u**
2	**iê**	**ươ**	**uô**
3	**ê**	**ơ (â)**	**ô**
4	**e**	**a (ă)**	**o**

(2) Nguyễn Bạt Tuy (1959:30) thì sắp xếp hệ thống nguyên âm như sau:

1 Trong bài này chúng tôi dùng từ *nguyên âm* để chỉ loại đơn vị âm thanh để cấu tạo âm tiết, và từ *âm chính* để chỉ thứ tự thành phần cấu thành âm tiết đó.

		điểm phát		
		trước	giữa	sau
	rộng	**e**	**a**	**o**
độ khuếch	trung	**ê**	**ơ**	**ô**
	hẹp	**i**	**ư**	**u**
	kéo dài	ie(ia)	**ươ** (ưa)	**uô** (ua)

Nhưng ông còn cho rằng mỗi nguyên âm trong số 9 nguyên âm đơn lại có thể ngắn cuả chúng.

(3) Laurence Thompson (1965:20) đưa ra một bảng nguyên âm như sau:

		trước	*sau*	*sau*
		không tròn môi		*tròn môi*
trên	bán nguyên âm	**j**	**g**	**w**
	cao	**i**	**ư**	**u**
	cao vừa	**ê**	**ơ**	**ô**
dưới	thấp vừa	**e**		**o**
	hơi thấp	**ă**		
	thấp	**a**	**â**	
	bán nguyên âm		**h**	

(4) Hoàng & Hoàng (1975: 81) thì lại xếp thành hệ thống như sau:

		trước	*giữa*	*sau*
	đơn	**i**	**ư**	**u**
hẹp	*đôi*	**iê**	**ươ**	**uô**
trung bình		**ê**	**ơ**	**ô**
rộng		**e**	**a**	**o**

(5) Đoàn Thiện Thuật (1977: 207) mô tả hệ thống nguyên âm như sau:

	cố định			*không cố định*		
nhỏ	**i**	**ư**	**u**			
				iê	**ươ**	**uô**
vừa	**ê**	**ơ**	**ô**			
lớn	**e**	**a**	**o**			
	bổng	*trung hoà*	*trầm*	*bổng*	*trung hoà*	*trầm*

Lướt qua các bảng mô tả trên đây, có thể nhặt ra ngay một vài điểm đáng chú ý:

1. Trước hết, trừ bảng mô tả cuả Thompson, các quan điểm khác đều có chung một điểm là đưa ba nguyên âm đôi vào trong hệ thống và xem chúng như là những nguyên âm có giá trị âm vị học ngang với các nguyên âm khác.

Lê Văn Lý là người tiên phong đưa ra bảng phân bố nguyên âm theo vị trí cấu âm cuả lưỡi. Ông cũng là người đầu tiên nhận ra tính cách đặc biệt cuả ba đơn vị **iê, ươ** và **uô** so với các tổ hợp viết với hai kí hiệu nguyên âm thường thấy mà ông gọi là nhị trùng âm (diphthong). Điểm phân biệt này được nhắc đi nhắc lại trong các sách ngữ âm về sau như một kinh điển.

Thompson thì lại cho rằng ba tổ hợp **iê, ươ** và **uô** là ba tổ hợp nguyên âm đặc biệt vì chúng có tính cách phát âm khác với những tổ hợp thường xem là loại "diphthong" như là **ao, au, âu, ua**...Ông cho rằng ba tổ hợp nguyên âm đặc biệt này yếu tố thứ nhất có khi nổi rõ hơn, khi khác thì yếu tố thứ nhì nổi rõ hơn, và có khi thì lại không nhận rõ yếu tố nào nổi hơn. Ông không xếp chúng vào cùng loại với các nguyên âm đơn, nhưng cũng không đưa ba tổ hợp này vào các tổ hợp mà ông gọi là "diphthong". Ông đưa chúng vào một loại riêng, gọi là "vowel cluster" (tổ hợp nguyên âm).

Vấn đề đáng bàn lại ở đây là: thế nào là một nguyên âm kép ? Nguyên âm kép cuả tiếng Việt có phải là "diphthong" ? Hay là "vowel cluster" ?

2. Có hai nguyên âm được đưa vào hệ thống nguyên âm trong sách cuả Lê Văn Lý và Thompson nhưng lại không có trong các hệ thống mô tả khác, đó là nguyên âm **ă** và **â**. Nguyễn Bạt Tụy (1949) là người đầu tiên nhận ra tính cách cuả hai âm này: ông dựa vào thuyết

độ chạm để đưa ra nhận xét rằng nguyên âm có thể "thường" hay "ngắn" là do độ chạm của phụ âm cuối đi sau nó. Do vậy ông cho rằng hai nguyên âm này chỉ là những thể ngắn của hai nguyên âm **a** và **ơ** chứ không phải là những đơn vị độc lập. Từ đó về sau các tác giả bàn về ngữ âm tiếng Việt vẫn nhắc lại luận điểm này của ông, và cho rằng ă và â chỉ là hai nguyên âm ngắn của **a** và **ơ.**

Vấn đề đặt ra là: tiếng Việt có bao nhiêu nguyên âm ngắn như thế? Trong một kết hợp y hệt như thế, hai tiếng *công kênh* /kôngk kêngk/ và *long lanh* /longk lengk/ cũng có hai nguyên âm ngắn là **ô** và **ê**, và **o, e**. Bảng nguyên âm đã có **ă** và **â** thì cũng nên có cả các nguyên âm ngắn khác mới phải.

3. Thompson đưa ra một bảng phân bố nguyên âm khá rậm, trong đó ông đưa vào những đơn vị mà người bản ngữ dễ nhận ra là chúng lạc ra khỏi hệ thống nguyên âm. Đó là những âm mà ông cho là các bán nguyên âm. Ông giải thích rằng các bán âm [j, g] xuất hiện ở sau nguyên âm cũng như [h] xuất hiện khi kéo dài nguyên âm. Nhưng rồi ông cũng nhận rằng về mặt âm vị học thì những hiện tượng trên không phải là những thuộc tính chính của nguyên âm, nên trong một bảng khác, ông chuyển các bán nguyên âm này sang các phụ âm cả. (1965: 21)

Nhìn chung thì tất cả những hệ thống mô tả nguyên âm tiếng Việt trên đây đều thừa nhận 12 nguyên âm, trong đó có 9 nguyên âm đơn là **i ê e ư ơ a o ô u**, và 3 nguyên âm kép là **iê, ươ** và **uô**. Tuy nhiên về chi tiết các tác giả chưa thống nhất với nhau về số lượng các nguyên âm, và quan trọng hơn là một số tính cách âm vị học nổi bật của nguyên âm tiếng Việt.

Nguyên âm đơn và nguyên âm kép

Một trong số những khác biệt trên đây xuất phát từ quan niệm khác nhau về đơn vị nguyên âm. Các tác giả đều thừa nhận là các tổ hợp như **iê, ươ** và **uô** có những tính cách tương đồng với 9 đơn vị nguyên âm khác về nhiều mặt: (1) trước hết, chúng không tách rời nhau mà kết hợp thành một đơn vị duy nhất, làm thành phần chính của một âm tiết; (2) sau nữa, các tổ hợp này đều có yếu tố nguyên âm sau

không phải là một âm cuối, vì các tổ hợp này đều có thể kết hợp được với một âm cuối [2].

Tuy vậy, có một điểm khác biệt nổi bật giưã 9 đơn vị nguyên âm đơn và ba tổ hợp **iê, ươ** và **uô** là: nguyên âm đơn chỉ có một vị trí cấu âm và âm phát ra không thay đổi tính chất, trong khi ba tổ hợp **iê, ươ** và **uô** đều có âm phát ra trượt từ nguyên âm thứ nhất nguyên âm thứ nhì. Tính cách này vạch hẳn một đường phân biệt hai nhóm nguyên âm tiếng Việt, một bên là 9 nguyên âm đơn và một bên kia là nhóm những nguyên âm kép.

Nguyên âm kép [3] thường được hiểu là "hai nguyên âm đi liền nhau, phát âm cùng lúc như là một nguyên âm. Trong quá trình phát âm một âm tiết có mang một nguyên âm kép thì tất yếu có hiện tượng chuyển đổi tính cách cuả nguyên âm do hiện tượng trượt từ một nguyên âm sang một nguyên âm khác" (Dubois 1973; Crystal 1987). Hiểu như thế thì mỗi nguyên âm trong tổ hợp nguyên âm kép là "một nưả" nguyên âm. Một phần tử cuả tổ hợp nguyên âm kép luôn luôn ở vị trí mạnh hơn phần tử kia. Nếu yếu tố đứng trước mạnh hơn, như tổ hợp / **aj** / trong tiếng Anh **pie**, thì người ta gọi là nguyên âm kép *giảm dần*. Tuy vậy, cũng có những ngôn ngữ lại có nguyên âm kép *tăng dần*, như tổ hợp / ai / trong tiếng Portuguese **pais**"xứ sở", trong đó yếu tố / **i** / mạnh hơn.

Căn cứ trên định nghiã này thì những tổ hợp mà Lê Văn Lý và Thompson xem là "diphthong" (nhị trùng âm) cơ chừng không phải, phải là những tổ hợp mà ông Lý xem là những đơn vị một âm vị như **iê, ươ uô** ; cũng thế những tổ hợp Thompson gọi là các tổ hợp nguyên âm "vowel cluster" về bản chất chính là các nguyên âm kép, là "diphthong". Đã thế thì đưa khái niệm "vowel cluster" vào để phân nhóm các nguyên âm kép là thưà.

Trước đây, các nhà ngữ âm đã biện luận rất nhiều về khả năng kết hợp cuả các nguyên âm kép **iê, ươ, uô** để thừa nhận chúng là những nguyên âm kép một âm vị (Lê 1948; Nguyễn 1949; Đoàn 1977).

---

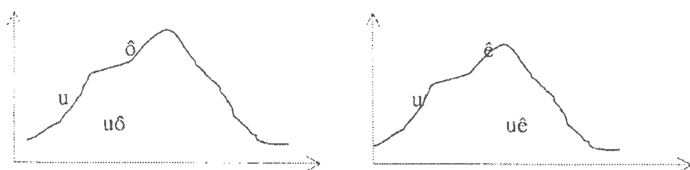
2. Các âm cuối của tiếng Việt thường được viết dưới dạng là **m, p, n, t, ng/nh, u/o** và **i/y**

3. Chúng tôi dùng thuật ngữ *nguyên âm kép* (diphthong và tripthong) để chỉ các tổ hợp kết cấu có hơn một nguyên âm. Các tổ hợp này có thể được gọi bằng nhiều tên khác nhau. Lê Văn Lý (1968) gọi là nhị trùng âm (diphthong) và tam trùng âm (tripthong). Tuy vậy, như sẽ thấy ở dưới, nội dung khái niệm nguyên âm kép khác hẳn tác giả này. Những tổ hợp nguyên âm mà ông cho rằng chỉ là một âm vị chính là những *dipthong* (nguyên âm kép) đúng nghĩa, còn những tổ hợp mà ông gọi là những "nhị trùng âm" (diphthong) hay "tam trùng âm" (tripthong) lại là những tổ hợp khác hẳn

Tuyệt nhiên không có tác giả nào quan tâm đến sự tương đồng giữa ba nguyên âm **kép iê, ươ**, uo và sáu nguyên âm trượt tăng dần khác từ nguyên âm u.

Những tính cách âm vị học của ba nguyên âm kép trên cũng tìm thấy ở sáu nguyên âm kép-trượt-tròn môi khác là **uy, uyê, uê, oe, uơ/ uâ, oa**. Điều cần xem xét ở đây là tính cách của âm tròn môi mở đầu các tổ hợp nguyên âm tiếng Việt.

Khi loại bỏ sáu nguyên âm kép khác trượt từ âm tròn môi / u / ra khỏi hệ thống nguyên âm tiếng Việt, các tác giả đi trước đã mượn đến khái niệm âm đệm và bán âm / u-/ và / i- / để giải thích kết hợp này. Chúng tôi thiết nghĩ đặc điểm phát âm các âm vị tiếng Việt không có hiện tượng các âm vị đệm, mờ nhạt, gọi là bán âm. Chính các tác giả như Đoàn Thiện Thuật cũng phải nhận rằng yếu tố /**i**-/ /**ư**/ và /**u**/ trong các tổ hợp vẫn được nhận là nguyên âm kép đều không phải là âm đệm. Vậy thì có gì khác biệt giữa / u/ trong uô và / u/ trong **uê** ? Cứ liệu thực nghiệm không cho thấy khác biệt nào giữa các tổ hợp hai nguyên âm **iê, ươ, uô** và các tổ hợp khác mà các nhà ngữ âm thường xem là một *bán âm + nguyên âm*, chẳng hạn ua, oe, uê. (Phạm, *et al*. 1998: 3-37). Tất cả những đường nét của các nguyên âm kép đều cho thấy phần mang âm tiết tính đều có hai đỉnh cao: một đỉnh của nguyên âm thứ nhất, và một đỉnh cao hơn tiếp ngay sau đó là của nguyên âm thứ nhì. Khi đến đỉnh cao thì âm tiết bắt đầu khép lại.



Hình 1: Đối chiếu đường nét phát âm của "uô", và "uê"

Ảnh hưởng của cách nhìn nhận hiện tượng tròn môi như trong ngữ âm các tiếng Ấn Âu đã khiến việc mô tả nguyên âm kép tiếng Việt trở thành phức tạp, khi các tác giả đem khái niệm bán âm và âm đệm vào cấu trúc âm tiết tiếng Việt. Vả lại, thừa nhận là có hai bán âm /-i-/ và /-u-/, cách giải thích này cũng không cắt nghiã được hiện tượng không cân đối giữa các nguyên âm trượt từ bán âm / -i-/ và bán âm / -u-/. Thật ra, những phân tích trên đây cho thấy nguyên âm kép tiếng Việt chỉ là những nguyên âm trượt với nhau: ba nguyên âm ở bậc cao nhất là / i /, / ư /, / u / đều có khuynh hướng trượt sang các nguyên âm khác mà làm thành nguyên âm kép. Hiện nay, tất cả các tác giả ngữ

âm tiếng Việt đều công nhận là ba tổ hợp **iê, ươ, uô** là ba nguyên âm kép, và các yếu tố đầu là những nguyên âm thực thụ chứ không phải là bán âm. Yếu tố / i / và / u / trong **iê** và **uô** không phải là một bán âm thì không có lí do gì để bảo các yếu tố đó trong những tổ hợp nguyên âm kép trượt tăng dần khác là sự trượt từ một bán âm sang một nguyên âm.

Do vậy mà điều hợp lí hơn cả là thừa nhận rằng hai nguyên âm tiếng Việt trượt sang nhau. Nói cách khác, sáu tổ hợp nguyên âm tròn môi **uy, uyê, uê, oe, uơ/uâ, oa** cũng là những tổ hợp nguyên âm trượt. Trong hệ thống nguyên âm kép tiếng Việt, có một nguyên âm trượt qua ba vị trí cấu âm:/uiê/. Mặc dù vậy, ba nguyên âm này trượt với nhau vẫn chỉ tạo thành một đỉnh âm tiết là nguyên âm / ê /, do vậy nguyên âm ba này vẫn chỉ có giá trị là một âm vị trong thành phần âm chính cuả âm tiết.

Để lập luận phản bác về tính cách tương đồng về chức năng âm vị học cuả yếu tố / u / trong uô và trong các tổ hợp **uy, uyê, uê, oe, uơ/ uâ, oa** có tác giả đã đưa ra hiện tượng nói lái, hiện tượng láy từ và hiện tượng iếc-hoá (Xem, chẳng hạn, Đoàn 1977: 203-204; Cao 1985:194). Nhưng cả ba hiện tượng này chỉ có thể minh chứng rằng nguyên âm, dù là nguyên âm đơn hay một tổ hợp nguyên âm đều có giá trị âm vị học ngang nhau, và là thành phần âm chính cuả âm tiết mà thôi.

Đáng chú ý chăng là luận điểm cho rằng yếu tố / u / trong uô khác hẳn với / u / trong các tổ hợp **uy, uyê, uê, oe, uơ/uâ, oa** là ở điểm: / u / trong **uô** quy định âm sắc chủ yếu cuả âm tiết chứ không phải chỉ có tác dụng trầm hoá âm sắc cuả âm tiết khi mới mở đầu, như là trong âm tiết *quả* / kuả/ so với *cả* / kả /. Từ đó tác giả kết luận rằng 'chính vì vậy tổ hợp **uô** vẫn được phân bố sau các âm môi, chẳng hạn /buồng/ , /muống/ -giống như nguyên âm đơn làm âm chính cuả âm tiết: / bù/, /phụ/. Trong khi đó các tổ hợp có / u / làm âm đệm không bao giờ được phân bố sau các âm môi.' (Đoàn 1977:204). Điểm này chỉ nói lên sự phân bố kết hợp giưã nguyên âm và phụ âm đầu: phụ âm môi kết hợp được với ba nguyên âm /i/, /ư/ và / u/ hoặc là các tổ hợp nguyên âm trượt ở độ mở hẹp và cùng những vị trí phát âm. Do vậy mà các tổ hợp **iê, ươ, uô** là những tổ hợp hội đủ điều kiện hơn các tổ hợp khác. Ta không thấy những kết hợp âm tiết với các vị trí trượt xa đòi hỏi một cố gắng hơn mức thường, chẳng hạn **boàng* /buàng/ , * *phuê* /fuê/ , **voeo* /vuew/. Khả năng kết hợp với âm môi cuả **uô** do vậy không phải là một đặc trưng âm vị học đủ để vạch một lằn ranh giưã tổ hợp **uô** và các tổ hợp **uy, uyê, uê, oe, uơ/uâ, oa.**

Xét đến khả năng kết hợp cuả 9 tổ hợp nguyên âm kép-trượt có

thể nhận ra tính cách chung cuả các tổ hợp này là:

(i) chúng có khả năng kết hợp với tất cả các phụ âm đầu, tương tự như các nguyên âm đơn;

(ii) chúng có khả năng kết hợp với tất cả các phụ âm cuối hoặc phụ âm cuối, tương tự như mọi nguyên âm đơn;

(iii) chúng có khả năng kết hợp với đủ sáu thanh;

(iv) trong kết hợp âm tiết, các tổ hợp nguyên âm kép cũng đều giống nhau về tính cách: chúng đều có độ mở từ hẹp đến rộng, và thành tố nguyên âm thứ nhì luôn luôn mạnh, và là yếu tố nguyên âm cảm nhiễm thanh mạnh hơn. Tiếng Việt có tất cả 9 nguyên âm kép, đều là những nguyên âm trượt tăng dần cường độ từ một nguyên âm hẹp / i / hay âm tròn môi / u / ở trên hàng cao nhất để sang một nguyên âm thứ nhì ở bậc thấp hơn và có độ mở lớn hơn, do đó có âm lượng mạnh hơn. Chính tính cách trượt tăng dần này sẽ là tính cách chung nhất cuả 9 nguyên âm kép cuả tiếng Việt, tạo thành một hệ thống nhất quán. Vì yếu tố nguyên âm thứ nhì mạnh hơn nên chúng cảm nhiễm thanh mạnh hơn; do đó khi thể hiện ra chữ viết, đồ vị các nguyên âm thứ nhì mang dấu (đồ vị) thanh.

Tóm lại, tiếng Việt có 9 nguyên âm đơn, là **i, ê, e, ư, ơ, a, o, ô, u,** và 9 nguyên âm kép là **iê/ia, ươ/ưa, uyê/uya, uy, uê, oe (ue), oa (ua), uô, uo**. Mười tám nguyên âm cuả tiếng Việt trên đây có thể xếp theo bảng chỉ các nguyên âm với các dạng kết hợp trong phần hạt nhân cuả âm tiết, trong đó các nguyên âm kép sẽ được làm nổi rõ tính cách trượt tăng dần cuả chúng:

Bảng 1: Âm vị nguyên âm theo điểm phát và độ khuếch

Điểm phát	*Không tròn môi*			*Tròn môi*		
		Trước	Giưã	Sau	Trượt từ sau ra trước	Trượt từ sau ra giưã
Độ khuếch	Hẹp	i	ư	u	uy	
	Vưà	ê	ơ	ô	uê	uơ/uâ
	Rộng	e	a	o	oe/ue	oa/ua
	Trượt từ hẹp xuống vưà	iê/ia	ươ/ưa	uô/ua	uyê/uya	

Bảng 1: Âm vị nguyên âm theo điểm phát và độ khuếch

Bảng trên đây cho ta nhận biết đầy đủ các nét khu biệt cuả mỗi âm vị nguyên âm. Chẳng hạn, nhìn vào bảng trên, ta có thể biết rằng / A / là nguyên âm giưã, rộng, không tròn môi; nguyên âm kép / uie / là nguyên âm tròn môi, trượt từ hẹp ra trung, và từ sau ra trước.

Nguyên âm dài / ngắn

Quan hệ giưã nguyên âm và phụ âm cuối có thể là mối quan hệ chặt hay lỏng mà cho âm sắc khác nhau cho âm tiết. Hai âm tiết *lùm xùm* / lù:m xù:m/ (kết hợp lỏng), mà cũng có thể phát âm thành / lùm xùm / (kết hợp chặt). Cả hai kết hợp đều là kết hợp có ý nghiã trong tiếng Việt, vì nó tạo hai âm sắc khác nhau cuả hai phương ngữ bắc và nam. Có khi hai kết hợp tạo nên hai âm tiết khác nghiã hẳn: *tám* và *tắm* là hai âm tiết khác hẳn nhau chỉ từ một yếu tố quan hệ kết hợp - là một yếu tố phi tuyến tính. Trong cách viết chính tả hiện nay, mối quan hệ chặt giưã nguyên âm và phụ âm cuối thường biểu hiệu qua một nguyên âm ngắn hay một phụ âm cuối chặt. Nhưng cũng có trường hợp chính tả chưa phản ảnh đúng mối quan hệ lỏng chặt này. Chẳng hạn âm tiết / anh / chỉ khác âm tiết / eng / ở tính cách lỏng chặt cuả quan hệ nhưng đã biểu hiện qua một nguyên âm khác.

Trong số các nguyên âm đơn-dài, âm / a/ và / ơ / có thể ngắn / ă / và / â / hoạt động tương đối rộng hơn cả so với các nguyên âm khác. Tính cách này cuả âm / a / và / ơ/ là do vị trí trung hoà cuả hai nguyên âm này. Theo Bảng 2 ở dưới đây thì khả năng kết hợp cuả / ơ / cũng không đầy đủ, chỉ có âm / a / là đúng vị trí trung hoà nên hai thể dài/ ngắn cuả chúng cân đối thành từng cặp. Qua bảng này, ta thấy rõ sự phân bổ dứt khoát các kết cấu cuả nguyên âm ở thể dài và ngắn, không lẫn lộn. Sự phân bổ cuả chúng cũng đối lập ở mỗi nguyên âm. Do vậy, điều hợp lí là chúng ta xem chúng chỉ là những thể dài/ngắn cuả cùng một nguyên âm mà thôi.

Có tác giả cho rằng cần phân biệt thể ngắn cuả nguyên âm và nguyên âm ngắn, và cho rằng nguyên âm **e** ngắn, **o** ngắn, **â** và *ă* trong các âm tiếng *anh, ong, âng, ăc* là những nguyên âm đơn ngắn độc lập (Đoàn, 1977: 216 tđ.). Thật ra không có lí do nào xác đáng để đưa bốn nguyên âm này vào bảng khung nguyên âm tiếng Việt cả, vì căn cứ trên khả năng phân bố kết hợp cuả chúng thì ngoại trừ âm **ă** và **â**, các âm ngắn khác không có khả năng kết hợp rộng, mà chỉ tuỳ thuộc một số âm cuối có giới hạn. Cũng qua bảng 2 này, nếu đã thưà nhận một

nguyên âm ngắn là một âm vị độc lập thì phải thừa nhận tất cả các nguyên âm ngắn khác là những âm vị hoàn chỉnh. Một giải pháp như thế vừa cồng kềnh, lại vừa không xác đáng.

Khả năng hoạt động của các nguyên âm gọi là 'nguyên âm ngắn' trong một số các sách ngữ âm tiếng Việt như vậy là rất giới hạn: chúng không tự đảm nhận vai trò âm chính trong một âm tiết mở [4] mà luôn luôn ở dạng kết hợp với các phụ âm cuối hay phụ âm cuối trong các âm tiết khép. Khả năng kết hợp như thế là khả năng chung cho mọi nguyên âm đơn ngắn, chứ không riêng gì bốn nguyên âm kể trên. Do những tính cách trên mà chúng ta coi các nguyên âm ngắn chỉ là những thể ngắn của các nguyên âm mà thôi.

Nguyên âm đơn dài/ngắn

Như đã trình bày ở trên, khi kết hợp âm tiết, nguyên âm có thể bị rút ngắn lại vì tác động của phụ âm cuối. Trong trường hợp đó ta có thể ngắn của nguyên âm. Nói cách khác, nguyên âm ngắn là những dạng kết hợp của nguyên âm đơn-dài, với một số phụ âm cuối nhất định mà thôi chứ không phải là những nguyên âm độc lập.

Chín nguyên âm đơn đều là những nguyên âm có độ dài như nhau. Các nguyên âm đơn này có thể bị thu ngắn trường độ trong một số kết hợp với phụ âm cuối. Dưới đây là bảng kê các khả năng kết hợp của hai thể ngắn và dài của từng nguyên âm với các phụ âm cuối (chúng tôi tạm dùng kí hiệu [:] đặt cạnh nguyên âm để chỉ thể thường của nguyên âm, phân biệt với thể ngắn của chúng mà đúng ra nên viết với kí hiệu [ ] :

Bảng 2 : Các kết hợp của nguyên âm đơn với phụ âm cuối

Phụ âm cuối: / *Nguyên âm:*	**/-m/**	**/-p/**	**/-n/**	**/-t/**	**/-ng-nh/**	**/-c-ch/**	**/-j/**	**/--w/**
/ i : / →	im	ip	in	it	-	-	-	iu
/ i / →	-	-	-	-	inh	ich	-	-
/ e: / →	em	ep	en	et	eng	ec	-	eo
/ e / →	-	-	-	-	anh	ach	-	-
/ ê: / →	em	êp	ên	êt	-	-	-	êu
/ê / →	-	-	-	-	ênh	êch	-	-
/ o: / →	om	op	on	ot	oong	ooc	oi	-
/ o / →	-	-	-	-	ong	oc	-	-
/ ô: / →	ôm	ôp	ôn	ôt	-	-	ôi	-

4. Âm tiết mở là âm tiết không có một âm cuối. Các phụ âm của tiếng Việt là **u/o/ i/y, m, p, n, t ng/nh, c/ch**

/ ô / →	-	-	-	-	ông	ôc	-	-
/ ư:/ →	ưm	ưp	-	-	-	-	ưi	ưu
/ ư / →	-	-	ưn	ưt	ưng	ưc	-	-
/ u:/ →	um	up	un	ut	-	-	ui	-
/ u / →	-	-	-	-	ung	uc	-	-
/ ơ/ →	ơm	ơp	ơn	ơt	--	--	ơi	--
/ â / →	âm	âp	ân	ât	âng	âc	ây	âu
/ a / →	am	ap	an	at	ang	ac	ai	ao
/ă / →	ăm	ăp	ăn	ăt	ăng	ăc	ay	au

Nguyên âm kép dài/ngắn

Các nguyên âm kép cũng có thể ngắn khi chúng kết hợp trong các âm tiết khép, với phụ âm cuối ở thể kết hợp chặt. Dưới đây là bảng kê các kết hợp cuả nguyên âm kép với thể dài và thể ngắn tương ứng. Trong bảng chỉ ghi lại những kết hợp có ý nghiã, nghiã là có từ đang dùng trong tiếng Việt hiện đại mà thôi (chúng tôi lại mượn tạm kí hiệu [:] để chỉ các nguyên âm ở thể ngắn):

Bảng 3 : Các kết hợp cuả nguyên âm kép với phụ âm cuối

Phụ âm cuối: *Nguyên âm:*	**/-m/**	**/-p/**	**/-n/**	**/-t/**	**/-ng-nh/**	**/-c -ch/**	**/-j/**	**/-w/**
/ iê: / →	iêm	iêp	iên	iêt	iêng	iêc	-	iêu
/ iê / →	-	-	-	-	-	-	-	-
/ uyê: / →	-	-	uyên	uyêt	-	-	-	-
/ uyê / →	-	-	-	-	-	-	-	-
/ uy: / →	-	uyp	uyn	uyt	-	-	-	uyu
/ uy / →	-	-	-	-	uynh	uych	-	-
/ oe: / →	-	-	oen	-	-	-	-	oeo
/ oe / →	-	-	-	-	oanh	oach	-	-
/ uê: / →	-	-	uên	uêt	-	-	-	uêu
/ uê / →	-	-	-	-	uênh	uêch	-	-
/ uô: / →	uôm	uôp	uôn	uôt	uông	uôc	uôi	-
/ uô / →	-	-	-	-	-	-	-	-
/ươ: / →	ươm	ươp	ươn	ươt	ương	ươc	ươi	ươu
/ươ / →	-	-	-	-	-	-	-	-
/ uơ / →	-	-	uơn	uơt	-	-	uơi	-
/ uâ / →	-	-	uân	uât	uâng	uâc	uây	-
/ oa / →	-	-	oan	oat	oang	oac	oai	oao
/ oă/ →	oăm	oăp	oăn	oăt	oăng	oăc	oay	uau

Thể ngắn cuả nguyên âm kép phân bố không *đồng đều:* các nguyên âm kép **iê, uyê/uya, ươ, uô** không có kết hợp ở thể ngắn.

Thể ngắn cuả nguyên âm kép cũng phân bố không *đầy đủ*: các nguyên âm vừa có thể ngắn và dài thì cũng không cho thấy mô hình đối lập như ở nguyên âm đơn. Nguyên âm kép rộng /ua/ cũng không phân bố hoàn toàn với mọi phụ âm cuối như nguyên âm đơn /u/ và / a /. Thể ngắn cuả /ua/ kết hợp với đầy đủ các phụ âm cuối.

Tính cách cuả nguyên âm kép

Nguyên âm kép: trượt - tăng dần

Bản chất cuả nguyên âm kép tiếng Việt là tính cách trượt tăng dần. trước nay các tác giả bàn về ngữ âm tiếng Việt đều chỉ chú ý đến hiện tượng trượt giảm dần - vốn là hiện tượng trượt khá phổ biến cuả các ngôn ngữ Ấn Âu [5]- nên đã không tránh khỏi lúng túng khi nhận diện nguyên âm kép cuả tiếng Việt.

Các nguyên âm tiếng Việt có thể kết hợp với nhau để cho những nguyên âm kép trượt tăng dần. Dạng trượt tăng dần là nét đặc trưng cuả lối kết hợp nguyên âm kép tiếng Việt. Nguyên âm trượt tăng dần là các nguyên âm kép lập thành từ một trong hai trường hợp như sau: (a) hoặc là một nguyên âm cùng bậc (hẹp, trung bình, rộng) nhưng đối lập nhau ở điểm phát âm (trước, giưã, sau) trượt về với nhau theo chiều: **sau** ——> **giưã** ——> **trước** ; (b) hoặc là hai nguyên âm khác bậc và điểm phát âm cùng trượt về với nhau theo chiều **cao** ——> **thấp**, nghiã là trượt từ vị trí mở hẹp sang rộng hơn.

Các nguyên âm kép trượt tăng dần cuả tiếng Việt có tính cách chung là âm tiết mang chúng có hai đỉnh cao, trong đó đỉnh thứ nhì mang nguyên âm thứ nhì cao hơn và là đỉnh cao cuả âm tiết. Nguyên âm thứ nhì này sẽ là yếu tố cảm nhiễm thanh mạnh hơn trong bộ phận âm chính cuả âm tiết. Vì thế, các đồ vị thanh được ghi trên các đồ vị ghi âm vị mạnh cuả âm tiết: *tuý luý, kià, huề,quế, hoè, quẽ, khoẻ, ngoẻo, quở, muá, quấn, khoá, thưả...*

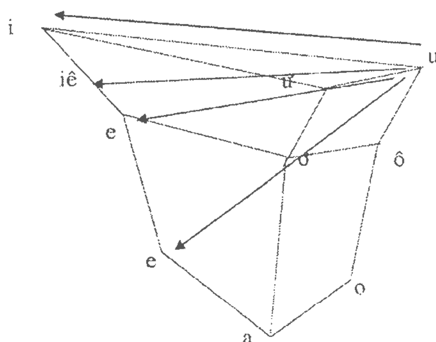
Dưới đây là phần mô tả cụ thể hướng trượt cuả các nguyên âm kép tăng dần:

---

5. Có điểm khá thú vị là không phải ngôn ngữ Ấn Âu nào cũng chỉ có nguyên âm kép trượt giảm dần (falling glide diphthong). Một số ngôn ngữ như tiếng Portuguese, Nga cũng có những nguyên âm trượt tăng dần.

(1)Trượt từ sau ra trước: nguyên âm sau ở độ mở hẹp nhất, trượt về nguyên âm hàng trước : / u / —>/ i / , / u / —> / e /, và / u /—>/ e / . Trong chính tả hiện nay, các âm tròn môi đều viết với cả hai đồ vị 'u' và 'o'.

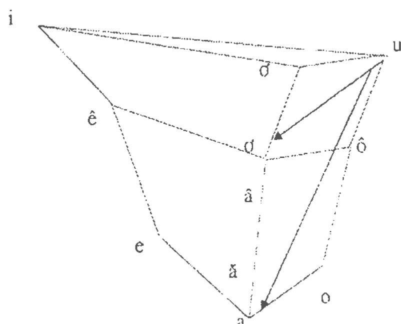
/ u / ——→ / i / ——→ /ui/ : huy, tuỳ, quý, khuy
/u / ——→ / iê / ——→ /uiê/: khuya, nguyệt, tuyển
/ û / ——→ / ê / ——→ /uê/ : khuếch, tếch
/ u / ——→ / e / ——→ /ue / : hoe, que, khoe



Hình 2 : Nguyên âm kép trượt tăng dần từ hàng sau ra trước

(2)Trượt từ sau ra giữa: nguyên âm sau ở độ mở hẹp nhất, trượt về một nguyên âm ở hàng giữa: / u / —> / ơ / , / â / , và / u / —> / a / / ă /. Trong chính tả hiện nay, các âm tròn môi đều viết với cả hai đồ vị 'u' và 'o':

/ u / ——→ / ơ / ——→ /uơ / : quơ, nguơn
/ u / ——→ / â/ ——→ /uaâ/ : quân, khuân
/ u / ——→ / a / ——→ /ua/ : quan, khoan, hoa, qua, khoa
/ u / ——→ / ă / ——→ /uă`/ : quăn, khoăn



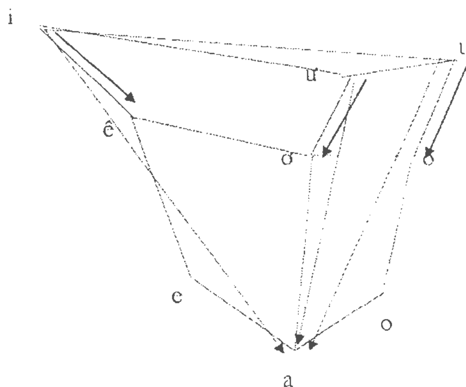
Hình 3 : Nguyên âm kép trượt tăng dần từ hàng sau về giữa

(3) Trượt từ bậc cao xuống thấp, nghiã là từ độ khuếch hẹp xuống rộng hơn:

hàng trước	hàng giưã	hàng sau
/ i /	/ ư /	/ u /
|	|	|
/ ê /	/ ơ /	/ ô /
|	|	|
/ iê /	/ ươ/	/ uô /

Ví dụ: phiên phiến biền biệt — nườm nượp gương lược — tuồn tuột buồn muôn

Trong hình dưới đây, hướng trượt thật sự được kẻ bằng đường liền, và đường đứt là theo chính tả hiện nay:



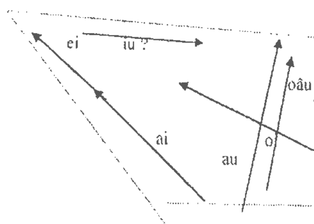
Hình 4: Nguyên âm kép trượt tăng dần từ bậc cao (độ mở hẹp) xuống thấp (độ mở rộng)

Khi đối chiếu nguyên âm kép tiếng Việt với loại âm vị tương đương trong ngôn ngữ Ấn-Âu, có hai điểm cần chú ý là:

(1)Hiện tượng nguyên *âm kép trượt tăng dần* trong tiếng Việt hoàn toàn tương đồng về tính cách âm vị học với các nguyên âm kép *trượt giảm dần* trong các ngôn ngữ Ấn-Âu: đó là những nguyên âm có hai yếu tố trượt lẫn nhau nhưng vẫn chỉ có giá trị như một âm vị. Trong tiếng Anh, *white* / wajt/ có một nguyên âm kép trượt giảm dần, nhưng chỉ có giá trị như một âm vị nguyên âm. Có tác giả xem loại nguyên

âm này trong tiếng Anh chỉ là một nguyên âm thôi, nhưng đã bị giảm tính cách trong quá trình phát âm. (Ladefoged, 1982:76).

(2) Hướng trượt cuả nguyên âm kép trong hai loại hình ngôn ngữ cũng trái ngược nhau: nguyên âm kép tiếng Việt trượt đi từ hai vị trí hẹp/cao; trong khi đó nguyên âm kép ở tiếng Anh chẳng hạn, tất cả các hướng trượt đều ngược lại: từ một nguyên âm ở vị trí thấp, rộng trượt về vị trí hẹp, cao. So sánh hướng trượt nguyên âm trong hình 4 dưới đây và ba đồ hình hướng trượt cuả nguyên âm kép tiếng Việt trên kia, có thể thấy rõ hướng trượt cuả các nguyên âm kép trong hai ngôn ngữ này hoàn toàn trái ngược hẳn nhau. Trừ một trường hợp duy nhất: /ju/ trong you. Nhưng chính nguyên âm kép này cũng bị đặt thành nghi vấn về bản chất cuả nó: đó là hai nguyên âm, hay là một bán âm đầu (Gimson 1980:212) hoặc một phụ âm lỏng /j-/ (Ladefoged 1982:78) kết hợp với một nguyên âm /u/ ? :



Hình 5: Các hướng trượt cuả nguyên âm kép tiếng Anh

Tóm lại, nguyên âm trượt tăng dần là một đặc trưng âm vị học cuả nguyên âm kép tiếng Việt. Đó là hai nguyên âm trượt sang bên nhau từ một trong hai vị trí khác nhau:

* hoặc là từ vị trí hẹp trượt sang vị trí rộng hơn ở bậc thấp hơn,
* hoặc là trượt từ vị trí hàng sau về hàng trước hoặc giưã.

Nhận ra tính cách âm vị học cuả nguyên âm kép tiếng Việt thì vấn đề thành phần âm chính cuả âm tiết tiếng Việt được giải quyết thoả đáng, và cấu trúc âm tiết tiếng Việt do vậy mà trở nên ổn định, với bốn thành phần. Không có thành phần gọi là âm đệm.

Hiện tượng nguyên âm trượt-giảm dần trong tiếng Việt ?

Trong kết cấu âm tiết khép tiếng Việt có phụ âm cuối làm giảm dần âm lượng cuả nguyên âm. Có hai trường hợp nguyên âm kết hợp

với phụ âm cuối / -j / và / -w / thường vẫn được các tác giả đi trước xem như là bán âm. Đó là trường hợp các nguyên âm kết hợp với **u, o, i, y** ở phiá sau chúng. Thí dụ: *sáu, đảo, nhái, thấy...*

Nhìn vấn đề như thế thì có thể bảo rằng có hiện tượng nguyên âm trượt giảm dần trong tiếng Việt. Nhưng bản chất cuả những lối kết cấu này khác hẳn những trường hợp nguyên âm kép-trượt-tăng-dần bàn đến ở phần trên. Những trường hợp này đều có một kết cấu giống nhau: **âm chính + âm cuối.**

Trong kết cấu âm tiết cuả bốn từ *sáu, đảo, nhái*, thấy trên đây thì **au, ao, ai, ây** không phải là những nguyên âm kép, vì lẽ một nguyên âm kép luôn luôn chỉ là một đơn vị âm chính cuả âm tiết, do vậy nó còn có thể kết hợp thêm với một âm cuối. Ta biết rằng tiếng Việt có 8 âm vị sau đây đảm nhận thành phần âm cuối trong âm tiết: **m, p, n, t, ng (nh), c (ch), o (u), i (y)**. Bốn tổ hợp au, ao, ai, ây không thể kết hợp thêm với một âm cuối nào trong số 8 âm cuối kể trên, vì lẽ chúng đã có âm cuối rồi. Chẳng hạn, không thể có kết hợp *au+n, ***ao+n**, ***ai+n**, ***ay+n** trong tiếng Việt.

Khi phát âm thì kết cấu đang bàn ở đây cho thấy tức khắc sự khác biệt cuả chúng: những tổ hợp này không trượt tăng dần như các nguyên âm kép. Ngược lại, chúng "trượt" giảm dần theo đúng quy cách khép âm tiết khi có thành phầm âm cuối. Những âm **u, o, i, y** trong trường hợp này chính là những âm cuối để khép âm tiết lại. So sánh hai từ sau đây: *thuỷ* và *thủi*. Từ trên có âm chính là nguyên âm kép / uy/ trượt tăng dần từ /u/ sang /i/; từ thứ hai có nguyên âm đơn /u/ là âm chính và âm cuối /i/ khép âm tiết lại.

Những tổ hợp nguyên âm + /-j / hay /-w/ này có những tính cách âm vị chung như sau:

* trước hết, các kết cấu có hình thức chữ viết là 'nguyên âm trượt giảm dần' luôn luôn trượt từ một nguyên âm đơn hay kép (thuộc thành phần âm chính cuả âm tiết) sang một phụ âm cuối (thuộc phần âm cuối cuả âm tiết); nói cách khác, kết cấu trong tổ hợp trượt giảm dần là một kết cấu cuả hai âm vị, theo chiều: *nguyên âm* ——> *phụ âm cuối;*
* những tổ hợp kết cấu có / -j / và / -w / này không thể có khả năng kết hợp với một phụ âm cuối nào nưã cả, vì lí do giản dị là chính yếu tố thường vẫn xem là bán âm cuối chính là phụ âm cuối đóng vai trò khép âm tiết lại rồi;
* trong tổ hợp trượt giảm dần, âm vị nguyên âm luôn luôn là đỉnh cuả âm tiết.

Vì những lẽ trên, hiện tượng 'trượt giảm dần' không được kể là những nguyên âm kép, mà chính là hai âm vị riêng rẽ.[6] Đây là một hiện tượng có tính cách ngược hẳn với nguyên âm trượt giảm dần trong các ngôn ngữ Ấn-Âu. Trong các ngôn ngữ này, nguyên âm trượt giảm dần là một âm vị của thành phần âm chính, và do đó chúng có thể kết hợp được với phụ âm cuối.

Hiện tượng 'trượt giảm dần' tiếng Việt có một nét chung đối lập với loại trượt tăng dần ở điểm là hiện tượng trượt giảm dần bắt đầu từ nguyên âm -là thành phần chính của âm tiết- qua phụ âm cuối để kết thúc âm tiết. Nói cách khác, hiện tượng trượt giảm dần chính là hiện tượng giảm âm lượng từ đỉnh âm tiết trước khép âm tiết lại. Vì thế, khi thể hiện ra chữ viết, nguyên âm này thường mang dấu thanh của âm tiết: *mấy, cày, nẫu, ngãi, rượi, nhiễu, nghễu (nghện).*

Nguyên âm kép có giá trị của một âm vị

Nguyên âm trượt tăng dần của tiếng Việt có đầy đủ những nét thoả đáng của một âm vị nguyên âm:

* đó là những âm vị làm hạt nhân của âm tiết như các nguyên âm đơn khác;

* có thể hoán chuyển nguyên âm trượt tăng dần này với một nguyên âm đơn dài trong một âm tiết mà không làm thay đổi tính cách của âm tiết: *trường* → *tràng, hoàn* → *hòn, hợp* → *hiệp;*

* có độ dài ngang với một nguyên âm đơn;

* kết hợp được với các âm cuối như các nguyên âm đơn;

* có thể đứng cuối âm tiết như một nguyên âm đơn dài.

Trước hết, như đã trình bày về hiện tượng nguyên âm kép trượt tăng dần ở trên kia, các nguyên âm kép tiếng Việt đều là những nguyên âm trượt qua nhau chứ không có vai trò nào của phụ âm cuối (hay âm đệm). Các nguyên âm kép trượt từ hai hoặc ba vị trí khác nhau trong hệ thống nguyên âm.

Thứ đến là trong kết hợp âm tiết, tất cả các tổ hợp nói trên đều có hơn một thành tố cấu tạo, nhưng không phải là hai đơn vị nguyên

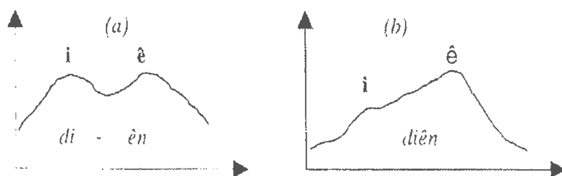
---

6. Hệ thống ngữ âm mô tả trong chương này chỉ có một nguyên âm ba, hiểu như là một nguyên âm /uiê/ (viết là *uyê/uya*). Ngoài ra, các kết hợp kiểu "tam trùng âm" như được trình bày trong sách của Lê Văn Lý, chẳng hạn như *khuây, khuỷu, ngoài*... đều có âm chính là nguyên âm trượt tăng dần kết hợp với một phụ âm cuối. Do vậy, nguyên âm dôi cũng chỉ là một âm vị mà thôi.

âm độc lập. Trong kết hợp âm tiết, các thành tố nguyên âm trong tổ hợp kết hợp với nhau thành một đỉnh âm tiết mà thôi. So sánh cách phát âm các tiếng sau đây:

(a)	*(b)*
đi - ên	**điên**
khuy - ên	**khuyên**
khu - y	**khuy**
cư - ỡi	**cưỡi**
thu - ế	**thuế**
kho - ẻ	**khoẻ**
mu - ốn	**muốn**
khu - a	**khua**

Khi phát âm cột (*a*), ta nhận ra hai âm tiết, mỗi âm tiết có một đỉnh do một nguyên âm đơn tạo thành. Trong khi đó, cột (*b*) khi phát âm chỉ có một âm tiết, đỉnh âm tiết tạo thành do hai nguyên âm trượt qua nhau rất nhanh, đỉnh âm tiết này đạt đỉnh cao ở thành tố nguyên âm thứ nhì. Có thể biểu diễn đường nét âm tiết của hai tiếng đi - ên và điên như sau:



Hình 6 : Đồ biểu âm tiết các tiếng đi - ên và điên

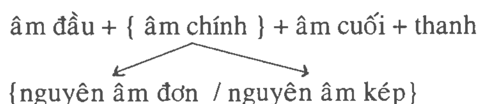
Điều này có ý nghiã rằng: tổ hợp nguyên âm kép chỉ tạo nên một âm tiết, do vậy trường độ của nguyên âm kép này xem như có độ dài tương đương một nguyên âm đơn ở thể bình thường. Nói cách khác, mỗi nguyên âm kép chỉ có giá trị âm vị học như một âm vị mà thôi.

Nguyên âm kép vẫn được xem là một nguyên âm đơn dài, nghiã là vẫn chỉ là một một âm vị trong âm tiết. Những tổ hợp như / ai / và / au / trong tiếng Anh là những nguyên âm kép. Nhưng những tổ hợp như / aj / và / aw /, hay là các tổ hợp âm trượt giữa một âm vẫn thường gọi là phụ âm / j- / và / w- / với một nguyên âm để làm thành một nguyên âm kép tăng dần (chẳng hạn / ja / hay là / wa /) thì có được nhận là nguyên âm kép không ? Các nhà ngữ âm tiếng Anh hãy còn

chưa thống nhất ý kiến về vấn đề này.

Tiếng Việt có tất cả 9 tổ hợp trong đó một nguyên âm kết hợp với / u / và / i /. Những tổ hợp đó là: **iê / ia, ươ / ưa. uyê / uya, uy, uê, uơ/ uâ, oe, oa, uô.** Tình hình nghiên cứu về những kết hợp nguyên âm với hai âm /u/ và /i/ ở trước hay ở sau nó cũng có nhiều giải thuyết khác nhau. Đối với kết hợp /u/ và /i/ ở sau nguyên âm, chúng tôi xem chúng là hai phụ âm cuối, dựa trên tính cách phụ âm rõ rệt cuả chúng. Đối với những kết hợp trước nguyên âm khác, chúng tôi nhất loạt xem hai âm này là nguyên âm thứ nhất trong tổ hợp nguyên âm kép. Chúng tôi căn cứ vào sự phân bố thống nhất cuả các kết hợp / u / + *nguyên âm* trong tiếng Việt là một hiện tượng nằm trong quy luật hoạt động phổ biến cuả nguyên âm trong mọi ngôn ngữ: hiện tượng tổ hợp *nguyên âm (kép) trượt-tăng dần,* và cho rằng nét khu biệt cuả những kết hợp này khá thống nhất trong phần âm chính cuả âm tiết. Các tổ hợp nguyên âm tăng dần có cùng tính cách và giá trị âm vị học như nhau cuả một nguyên âm kép, từ mô hình kết hợp đến trường độ phát âm.

Để thấy thêm tính cách đơn nhất cuả tổ hợp các âm tròn môi (nghiã là có âm /u/) đi kèm với một nguyên âm khác, chúng ta hãy xem xét một số từ láy tiếng Việt, trong đó có hiện tượng âm chính là một nguyên âm đơn láy với một nguyên âm kép tròn môi cùng bậc hay cùng hàng với nó: *bâng khuâng, sung sướng, ngượng ngùng, lúng liếng...* Các từ láy này đều có mô hình cấu trúc như sau:



Hình 7: âm chính trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt

Trong tất cả các thí dụ về loại từ láy dẫn trên, những âm tiết có tròn môi chỉ có một đường ranh dứt khoát giưã âm đầu và âm chính: *kh-uâ-ng, s-ướ-ng, ng-ượ-ng, l-iế-ng.* Nghiã là hiện tượng tròn môi cuả âm / u / là hiện tượng thuộc về âm chính, vì đó là một yếu tố cuả các nguyên âm trong phần âm chính. Cho nên đưa tất cả những tổ hợp hai nguyên âm vào nhóm các tổ hợp nguyên âm kép là một việc hợp lẽ.

Một kết luận khác rút ra từ những thảo luận trên đây, là: dù là nguyên âm đơn hay nguyên âm kép, nguyên âm ngắn hay dài, các âm vị này chỉ là một âm vị duy nhất đảm nhận thành phần âm chính trong cấu trúc âm tiết.

Kết luận thứ ba là: vì không có loại âm vị gọi là bán âm trong

tiếng Việt nên cũng không có thành phần gọi là âm đệm trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt. Sơ đồ cấu trúc âm tiết tiếng Việt do vậy mà chỉ có bốn thành phần, không có đơn vị gọi là âm đệm độc lập, hoặc xem là tiền âm chính -hiểu như một tính cách của âm đầu.

Nguyên âm kép có yếu tố nào mạnh hơn ?

Nguyên âm kép là những tổ hợp nguyên âm trượt từ một nguyên âm này sang một nguyên âm khác. Khi phát âm, đường nét âm điệu của âm tiết có nguyên âm kép sẽ có hai đỉnh, trong đó có một đỉnh cao hơn là của yếu tố nguyên âm mạnh hơn.

Khi tìm hiểu ngữ âm tiếng Việt, các tác giả phương tây và sau này các tác giả người Việt đều lấy khái niệm *diphthong* của các ngôn ngữ phương tây để chỉ các tổ hợp như **iê, ươ, uô** và đều cho là trong các tổ hợp hai nguyên âm kia, yếu tố nguyên âm kế ngay trước là yếu tố "mạnh" hơn. Nguyễn Bạt Tụy (1949: 35-36) cho rằng khi hai nguyên âm đi với nhau thì thế nào cũng có một âm yếu, và ông cho rằng trong ba tổ hợp **iê, ươ, uô** thì các âm **ê, ơ, ô** có phần yếu hơn các âm **i, ư, u.** Ông cũng khẳng định điều này một lần nữa khi cho rằng thanh nhiễm mạnh hơn ở các yếu tô nguyên âm đầu i, ư, u. Đoàn Thiện Thuật (1977: 204) cũng cho rằng thành tố nguyên âm thứ nhất trong các nguyên âm đôi là thành phần nguyên âm mạnh hơn, và do đó âm sắc chủ yếu của mỗi nguyên âm đôi là do yếu tố thứ nhất quy định.

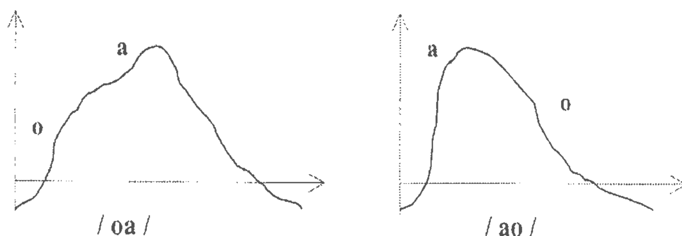
Nhưng cũng có tác giả khác lại nhận thấy yếu tố đầu trong các tổ hợp kiểu trên có khác nhau về tính cách, và phải tách ra làm hai nhóm khác nhau. Lê Văn Lý đã làm thế, và ông cho rằng chỉ có các tổ hợp kiểu **ai, ay, ao, êu, eo...** là các nhị trùng âm, còn ngoài ra ba tổ hợp **iê, ươ, uô** là những tổ hợp có giá trị như nguyên âm đơn. Đi sau ông, Emeneau (1951) vẫn tỏ ra lúng túng trong việc phân cách hai loại tổ hợp trên mà Lê Văn Lý đã rất tách bạch.

Những khẳng định của ông Nguyễn và ông Đoàn đều không được chứng minh cụ thể. Những thuyết minh về âm sắc của âm tiết được quy định do nguyên âm đầu của tổ hợp nguyên âm đôi và ba chỉ cho thấy rằng chúng đều là những nguyên âm đúng nghiã chứ không phải là bán âm, nhưng chưa thể từ đó khẳng định được là yếu tố nguyên âm thứ nhất trong các tổ hợp **iê, ươ, uô** là những yếu tố mạnh hơn yếu tố thứ nhì. Vả chăng, khi đã xác định là các nguyên âm đôi đều bắt đầu bằng một yếu tố thuộc bậc thanh lượng nhỏ rồi chuyển sang một yếu tố khác cùng loại âm sắc ở bậc thanh lượng lớn hơn (Đoàn 1977:221) thì khó có thể kết luận là yếu tố thứ nhất mạnh hơn

yếu tố nguyên âm thứ nhì. Thật ra, cả hai điều thuyết minh cuả ông đều tỏ ra bất nhất, mâu thuẫn với thực nghiệm ngữ âm, theo đó thì yếu tố thứ nhì luôn mạnh hơn, như Lê Văn Lý (1948: 44) đã nhận xét. Đoạn thuyết minh về cách hiệp vần trong thi ca giữa các nguyên âm *i - iê - ê*, hoặc *ư - ươ - ơ, u - uô - ô* cũng không chứng tỏ được là 'mỗi nguyên âm đôi hiệp vần với một nguyên âm đơn cùng âm sắc với *yếu tố đầu* cuả nguyên âm đôi ấy' (Đoàn, 1977:222-223). Như sẽ trình bày trong mục "hoà phối nguyên âm", sự gieo vần thông cho phép các nguyên âm cùng cùng gần gũi nhau về điểm phát âm, chẳng hạn cùng là nguyên âm hàng trước *i - iê - ê*, hàng giữa *ư - ươ - ơ*, và hàng sau *u - uô - ô*, có thể gieo vần với nhau, gọi là những "vần thông".

Trong số các tác giả bàn về tính cách loại tổ hợp nguyên âm này có Thompson (1965:30) thận trọng hơn khi ông cho rằng các tổ hợp iê, ươ và uô khác hẳn tính cách các tổ hợp khác mà ông thừa nhận là "diphthong", vì âm sắc cuả chúng không rõ ràng, có khi thì yếu tố nguyên âm đầu mạnh hơn, có khi yếu tố thứ nhì nổi rõ hơn, mà cũng có trường hợp khó nhận ra đâu là yếu tố trội hơn. Trong một bảng kê tất cả các lối kết hợp nguyên âm, tác giả đã lúng túng khi xếp loại các tổ hợp nguyên âm kép: ông đưa vào hai loại "vowel cluster" và "diphthong" các tổ hợp nguyên âm không theo tiêu chuẩn xác đáng.

Gần đây chúng tôi đã kiểm nghiệm lại bằng cứ liệu thực nghiệm, và cũng nhận thấy là hai kiểu kết hợp mà Lê Văn Lý phân biệt đều có nét diễn biến âm điệu khác nhau (Phạm, *et al*, 1998:3-37), chẳng hạn hai tổ hợp **oa** và **ao** có đường nét âm điệu như sau:



Hình 8: Khác biệt về đường nét âm điệu cuả hai âm đoạn / oa / và / ao /

Những cứ liệu thực nghiệm cuả chúng tôi cho phép khẳng định những nhận xét cuả Lê Văn Lý là đúng: trong các tổ hợp nguyên âm kép, các yếu tố nguyên âm đi trước là những yếu tố trượt từ độ mở hẹp về các vị trí có độ mở rộng hơn, vì vậy các yếu tố ở vị trí rộng là những yếu tố mạnh hơn, quy định âm sắc cuả âm tiết đó.

Hoà phối nguyên âm

Một nét đặc trưng cuả nguyên âm tiếng Việt là sự hoà phối ngữ âm. Đấy là sự hoà phối với nhau nhằm tạo âm hưởng cân đối, hài hoà. Có nhiều cách hoà phối nguyên âm:

(1) *Hoà phối trong nội bộ một âm tiết* : Đây là phép hoà phối cuả các nguyên âm kép trong nội bộ một âm tiết. Chúng kết hợp với nhau theo phép trượt tăng dần. Như vậy, phép trượt tăng dần trong nguyên âm kép chính là một trong những phương thức hoà phối ngữ âm cuả nguyên âm tiếng Việt. Hiện tượng trượt tăng dần cuả nguyên âm kép chính là một lối thể hiện quy luật thuận thanh âm cuả phép hoà phối ngữ âm.

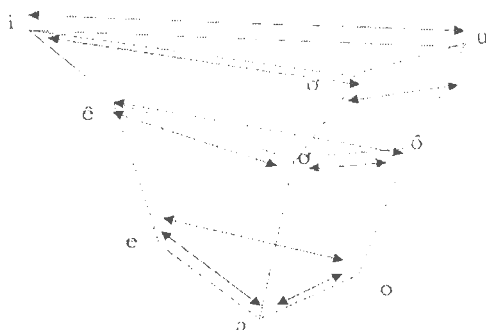
(2)*Hoà phối trong kết hợp song tiết* : Hoà phối nguyên âm còn có thể thực hiện trong phép cấu tạo các tổ hợp hai âm tiết thường gọi là từ láy. Phép láy từ cuả tiếng Việt là một lối hoà phối ngữ âm trong kết hợp song tiết. Nguyên âm trong hai âm tiết cuả từ láy tiếng Việt có thể hoà phối với nhau theo hai cách:

(a) lặp: nguyên âm cuả âm tiết thứ hai chỉ lặp lại nguyên vẹn nguyên âm cuả âm tiết thứ nhất: *căm căm, hầm hầm, sầm sập, cùm cụm, toè loe, đuồn đuỗn...*

(b) láy: nguyên âm hoà phối với nhau bằng cách láy với nhau theo luật hài âm.

Luật hài âm này thể hiện theo hai lối như sau:

* nguyên âm cuả hai âm tiết hoà phối với nhau từ vị trí khác hàng nhưng cùng độ khuếch: *hàng trước<—>hàng giưã<—> hàng sau*

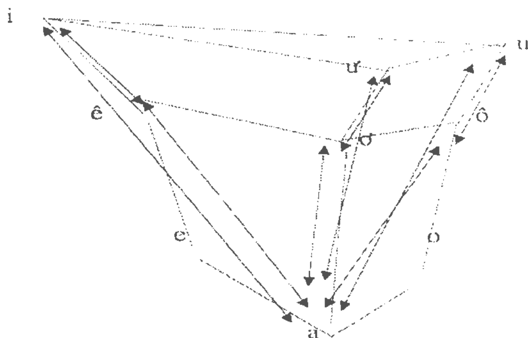


Hình 9 : Hoà phối nguyên âm cùng độ khuếch

Ví dụ: hàng trước<———> hàng giữa: **hí hửng** (*i*———>*ư*)
vẻ vang (*e* ———>*a*)
hàng giữa<——— > hàng sau: **vàng vọt** (*a*———>*o*)
gọn gàng (*o* ———>*a*)
hàng trước<———>hàng sau: **hó hé** (*o*———>*e*)
vi vu (*i* ———>*u*)
ngô nghê (*ô* ———>*ê*)

* nguyên âm hoà phối với nhau từ hai vị trí cùng hàng nhưng khác độ khuếch:

nguyên âm hẹp<———>nguyên âm trung<———>nguyên âm rộng.



Hình 10 : Hoà phối nguyên âm cùng hàng

Ví dụ: nguyên âm hẹp <—> nguyên âm rộng: **phì phà** (*i* —> *a*)
ngút ngàn (*u* —>*a*)
nguyên âm trung<—> nguyên âm rộng: **hớt hải** (*ơ* —> *a*)
hể hả (*ê* —> *a*)
rộn ràng (*ô* —>*a*)
nguyên âm hẹp< —> nguyên âm trung: **tỉ tê** (*i* —>*ê*)
lững lờ (*ư* —>*ơ*)
đụng độ (*u* —>*ô*)

(3) *Phép gieo vần trong thi ca*: âm vận học cổ điển rất chú trọng đến việc gieo vần thơ. Vần của thi ca là phối hợp của ba thành phần âm tiết: âm chính, âm cuối và thanh. Ba bộ phận này kết hợp nhau thành *'khuôn vần'* của âm tiết.

Điều kiện đầu tiên của gieo vần là vần thơ phải cùng thanh. Ví dụ:

* cùng vần bằng (khi có một trong hai thanh bằng: thanh ngang

và thanh huyền):

Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi *dặm trường* (*đôi* và *soi* cùng thanh bằng)

* hoặc là vần trắc (khi có hai trong số bốn thanh trắc vần với nhau):

Sương đầu núi buổi chiều như gội
Nước lòng khe nẻo lội *còn sâu* (*gội* và *lội* cùng thanh trắc)

Điều kiện thứ nhì là hai "khuôn vần" phải cùng âm cuối.

Điều kiện thứ ba là về âm chính. Luật thơ đòi hỏi là khuôn vần phải có âm chính giống nhau để có *vần chính*, hoặc là âm chính gần giống nhau như trong các *vần thông.*

Gieo được 'vần chính' là khi hai khuôn vần có các nguyên âm *giống* nhau về độ khuếch, cùng điểm phát. Câu thơ dưới đây gieo đúng 'vần chính':

Sao tua mấy cái nằm kề
Thương em từ thuở mẹ về *với cha.* (cùng nguyên âm *ê* vần với nhau)

Gieo được 'vần thông' là khi nào hai khuôn vần có các nguyên âm ở cùng điểm phát (cùng là nguyên âm hàng trước, hay là cùng hàng giữa, hàng sau). Theo quy định này thì hai tiếng **lo - so** (vần chính) có thể thông vần với **cô - tô, minh - tinh** (vần chính) có thể thông vần với **thanh - chênh, đắc - trắc** (vần chính) có thể thông vần với **tấc - bấc.** Câu thơ dưới đây là một ví dụ về vần thông:

a (â: *Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét* nhau
Trải qua một cuộc bể dâu (Kiều)

'Vần thông' cũng còn là khi hai khuôn vần có một âm tròn môi vần với nguyên âm không tròn môi cùng hàng và gần gũi về độ mở:

oa (a: *Sao sa sa xuống vườn* hoa

Thương em từ thuở người ra *người vào*

i (uiê: *Sao mai thương nhớ người* đi
Thương em chỉ có trời khuya *nhìn về* (Ca dao)

Ngoài ra, theo Nguyễn Bạt Tụy thì vần thông cũng còn là khi hai khuôn vần không cùng hàng nhưng có *cùng độ khuếch*, nhưng ông cũng phải thừa nhận rằng lối thông vần này trất hiếm (theo Nguyễn 1959: 51):

* Những âm hẹp: **i (ư (u** ? (chúng tôi vẫn chưa tìm thấy dẫn chứng nào)

* Những âm trung: **ê (ơ (ô** *Nhân dân nghe thấu sự* cơ
Sắm sanh áo cánh quần hồ *ra đi*
(Thạch Sanh)

* Những âm rộng: e (a (o *Đệm hồng thuý thơm tho mùi* xạ
Bóng bội hoàn lấp ló *trong trăng*
(Cung Oán)

Tóm lại, nguyên âm tiếng Việt có 9 nguyên âm đơn và 9 nguyên âm kép. Mỗi nguyên âm này lại có thể phát ra ở dạng bình thường hay ở dạng thể ngắn tuỳ theo quan hệ kết hợp lỏng hay chặt với các phụ âm cuối. Các nguyên âm kép tiếng Việt có một tính cách chung là những nguyên âm trượt-tăng-dần. Tính cách nổi bật này đã phân cách hẳn những đơn vị nguyên âm gọi là "diphthong" tiếng Việt và các ngôn ngữ Ấn Âu -trong đó các "diphthong" gần như là toàn bộ các nguyên âm trượt giảm dần mà thôi. Nhận ra tính cách đặc trưng này có ý nghiã lớn nhiều mặt. Trước hết là sáng lên tính hệ thống cuả nguyên âm kép tiếng Việt, và giải toả những ngộ nhận về tính cách đặc trưng cuả nguyên âm kép vì quá nệ vào tiêu chí về nguyên âm kép trong loại hình ngôn ngữ phương tây.

Những phân tích về nguyên âm kép trên đây còn gợi lại việc xem xét cấu trúc âm tiết tiếng Việt. Trước đây, các tác giả ngữ âm tiếng Việt thường băn khoăn về các âm tròn môi /-w-/ ở giưã phụ âm đầu và nguyên âm. Đó là hiện tượng thần âm hoá (Lê 1948) hay đó là những âm đệm nằm giưã hai thành phần âm đầu và âm chính cuả một âm tiết (Đoàn 1977). Khi nhận diện được là âm tròn / u / và âm hẹp / i / là những bộ phận cuả một tổ hợp nguyên âm kép, cái gọi là thành

phần "âm đệm" trong âm tiết tiếng Việt không còn nưã. Âm tiết tiếng Việt được trình bày lại với một cấu trúc ổn định, sáng lên tính hệ thống cuả nó.

ĐOÀN XUÂN KIÊN

Tài liệu:

Cao Xuân Hạo (1985) *Phonologie et Linearité*. Paris: S.E.L.A.F.

Crystal, D. (1987) *A Dictionary of Linguistics and Phonetics*. London:Basil Blackwell.

Dubois, J et al., (1973) *Dictionnaire de Linguistique*. Paris: Larousse.

Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ Âm Tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. ĐH & THCN.

Emeneau, M.B. (1951) *Studies in Vietnamese* (Annamese) Grammar. Berkeley & Los Angeles: University of California Press.

Gimson, A.C. (1980), *An Introduction to pronunciation of English*. (3e ed.)

London:Edward Arnold.

Hoàng Tuệ & Hoàng Minh (1975) "Remarques sur la structure phonologique du vietnamien" in *Essais Linguistique*. (series *Etudes Vietnamiennes* No 40). Hanoi: Xunhasaba

JM J (1878) *Notions pour servir à l' Étude de la Langue Vietnamienne*. Tân Định:Impr de Mission

Ladefoged, P. (1982) *A Course in Phonetics*. New York: Harcourt Brace Jovanovich.

Lê Văn Lý (1948), *Le Parler Vietnamien*. Paris: Hương Anh.

Nguyễn Bạt Tuy (1949), *Chữ Và Vần Việt Khoa Học*. Sài Gòn: Ngôn Ngữ

Phạm Thị Tú Minh, et.al, (1998), *Học Kĩ Đọc Đúng* - Sách Hướng Dẫn I. Tilburg:Zwijsen.

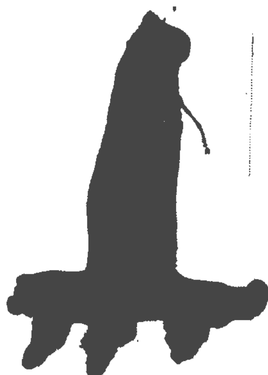
Thompson, L. (1965) *A Vietnamese Grammar*. Seattle: Uni. of Washingtn Press.

Trương, Vĩnh Ký (1883) *Grammaire de la Langue Annamite*. Saigon: C. Guilland et Martiron



THẠCH CÁC

cấu trúc của từ láy



Dẫn nhập :

Bất cứ một dân tộc nào, tiếng nói bao giờ cũng có trước chữ viết. Chữ viết xuất hiện sớm hay muộn tùy thuộc vào nhu cầu sinh hot xã hội, hoàn cảnh chính trị và trí thông minh của dân tộc đó. Chữ viết chỉ là một ký hiệu phát âm thành tiếng nói. Nó là bộ nhớ dùng để thông tri và lưu truyền. Nói theo các nhà ngữ học, nó là từ. *Chữ* và *từ* khác nhau ở chỗ chữ là ký hiệu phát âm được, dù ký hiệu đó có nghĩa hay không có nghĩa. *Hiễp, phàt* không phải là *chữ* vì không phát âm ra được. *Từ* là chữ có nghĩa. *Từ* có thể có một chữ, hai chữ, ba chữ hay bốn chữ. *Câu lạc bộ* là một từ gồm ba chữ, ba chữ mới nói lên được một nghĩa.

Thuở bình minh, *từ* Việt là tiếng đơn âm. Nghĩa là một từ chỉ phát âm thành một tiếng, tiếng ấy gợi lên được một hình dáng, một ý nghĩa cụ thể: *cây, cỏ, sông, núi, nhà, ăn, ở*... Dần dà, tộc Việt phát triển, bành trướng lãnh thổ, ngữ Việt biến chuyển để phù hợp với nếp sinh hot, một số *từ* Việt biến thành tiếng song âm. Nghĩa là một từ phát âm thành hai tiếng mới to được một nghĩa cụ thể, tế nhị hơn: *ba ba, cào cào, đom đóm, đồi mồi, gặp gỡ, giữ giàng, khó khăn, nặng nề, ước ao*...[1] Nói một cách khác, tiếng song âm là tiếng có hai chữ không nghĩa (*ba ba, cào cào*...), hoặc một trong hai chữ đều không nghĩa (*gặp*

---

1. Những từ này đã xuất hiện thành chữ viết ở thế kỷ 17

gỡ, giữ giàng...) . Nếu cả hai chữ đều có nghĩa, thì nó không phải là tiếng song âm, mà là một từ ghép như: *ghen ghét, đầy đủ, luồn lách...* Đến thế kỷ 20, một số từ phát âm thành ba tiếng, bốn tiếng mới thành một nghĩa như : *sạch sành sanh, câu lạc bộ, cà rịch cà tang, bập bà bập bùng...* Bài viết này không khảo sát những từ có ba âm, bốn âm.

Tiếng đơn âm biến thành tiếng song âm ở lúc nào không ai biết. Người ta chỉ thấy những tiếng này đã xuất hiện rải rác trong những tác phẩm quốc âm cổ, viết cách đây trên 300 năm như: *Quốc Âm Thi Tập* của Nguyễn Trãi[2], *Tự Điển Việt Bồ La* của A. De Rhodes, *Thiên Nam Minh Giám, Chỉ Nam Ngọc Âm...* Theo thời gian, những tiếng song âm càng lúc càng nhiều ra. Đầu thế kỷ 20, người ta nhận thấy phần lớn những tiếng song âm có cách cấu trúc đặc biệt. Những tiếng này được gọi một cái tên riêng là tiếng **lấp láy**[3], hay sau này gọi là **từ láy**. Nói như vậy có nghĩa rằng một số những tiếng song âm lúc đầu còn chập chong, chưa thành nếp, chưa phải là những từ láy như: *chợ búa, già nua, góa bụa...*

từ ----> từ song âm ----> từ láy

Đến gần cuối thế kỷ 20, từ láy rộ hẳn lên, như một cây ngôn ngữ gặp được một môi trường thích nghi, trở thành rậm rạp, sum suê, chằng chịt nhánh cành, lúc lỉu cây trái. Cái gì cũng vậy, khi nó sản xuất ra hàng loạt thì tự nó đặt lấy một quy luật cho nó. Từ láy cũng có quy luật, có cách cấu trúc riêng biệt của nó.

Cấu trúc của từ láy :

Thông thường, cấu trúc của một từ (đơn âm) trong tiếng Việt gồm hai bộ phận: bộ phận đầu là những tiếng phụ âm, bộ phận sau là vận âm:

từ = phụ âm + vận âm
việt = v + iêt
nam = n + am

Cũng có những từ chỉ có vận âm khi nó đứng một mình và có nghĩa như : *ăn, uống, êm, ấm...* nhưng số từ này vẫn là thiểu số.

2. Nguyễn Trãi (1380-1442) bị tru di, nên tập thơ nôm bị thất lạc. Mãi đến thế kỷ thứ 17 người ta mới sưu tập được thơ nôm của Nguyễn Trãi gồm 254 bài.
3. Chữ của Nguyễn Đình: *Luật Ngã Hỏi* - Tạp chí Tao Đàn số 8, 16-6-1939. Ông Hồ Lê - *Vấn Đề Của Cấu Tạo Từ Của Tiếng Việt Hiện Đại*, NXB Khoa Học Xã Hội, 1976 - viết sai thành **lắp láy**

Bộ phận phụ âm đầu và bộ phận vận âm cuối có thể tháo rời ra, lắp vào một bộ phận khác. Các trẻ em bắt đầu học tiếng Việt bằng cách đánh vần và ráp vần theo đặc tính tháo ráp của từ tiếng Việt. Chính đặc tính này đã tạo ra từ láy và cách nói lái trong ngôn ngữ Việt.

Bất cứ **hai từ** nào đứng cạnh nhau đều có thể **lái nhau**. Bằng cách: giữ nguyên hai phụ âm đứng đầu, giao hoán hai vận âm đứng sau: **đen thui ----> đui then**, **mai liên ----> miên lai**...

Hầu như người VN nào cũng đều biết cách nói lái theo kiểu trên. Hai từ sinh ra từ hai từ lái nhau, thường thường đều không có nghĩa gì cả. Nhưng đôi lúc cũng tạo thành chữ có nghĩa như *cá đối* sinh ra *cối đá*. Trẻ con thường dùng những hình thức nói lái này để chọc ghẹo hay thông tin bí mật nhau theo lối trẻ con.

Trong văn học, cách lái này trở thành một lối chơi chữ văn chương như: **chú phỉnh** tôi rồi *chính phủ* ơi, con *cá đối* nằm trong *cối đá*...

Từ láy lại có cách cấu trúc khác. Một từ *đơn âm* nẩy sinh thành một từ *song âm* theo một ngữ điệu nhịp nhàng. Trong tiếng song âm này bao giờ cũng có một *từ* làm *gốc* cho ngữ nghĩa, và một chữ *kết hợp* làm chủ động cho ngữ điệu. Chữ *kết hợp* không phải là một *từ* vì nó nẩy sinh từ tiếng chính, nên không có nghĩa gì cả. Nó kết hợp với tiếng chính thành ngữ điệu. Nó chỉ là một ký âm, không đứng riêng một mình được: *dịu* dàng, *gầy* guộc, **giặt** giya, **khéo** léo... Những chữ in đậm là từ chính làm gốc cho ngữ nghĩa, những chữ không in đậm là chữ kết hợp, không nghĩa, làm gốc cho ngữ điệu. *Dàng, guộc, giya, léo*... không có nghĩa gì cả, không thể đứng riêng một mình như một từ đơn âm.

Tóm li, một từ trong tiếng Việt có thể chuyển hóa thành một từ láy :

từ ---> từ song âm ---> từ láy [ngữ nghĩa + ngữ điệu]

Từ láy là từ có lặp lại. Có ba cách lặp lại của một từ để sinh ra từ láy:

-lặp lại phụ âm đứng đầu, gọi tắt là [**ph.a.**], một hình thức giữ nguyên phụ âm đứng đầu, vận âm của từ chính nẩy ra một vận âm khác theo thế thuận âm:

thưa ---> **thưa thớt**

-lặp lại vận âm đứng sau, gọi tắt là [**v.a.**], một hình thức giữ nguyên vận âm đứng sau, phụ âm tiếng chính nẩy ra một phụ âm khác theo thế thuận âm:

thưa ---> **lưa thưa**

-lặp lại toàn âm, phụ âm đứng đầu và vận âm đứng sau, gọi tắt là **[t.a.]**, một hình thức lặp li toàn bộ từ chính:

thưa ---> **thưa thưa**

Vậy, một *từ* có thể *láy* thành ba dạng : **[ph.a.], [v.a.]**, và **[t.a]** như *thưa* có thể biến thành *thưa thớt* [ph.a.], *lưa thưa* [v.a.], *thưa thưa* [t.a.]. Trong ba dạng này, chữ *kết hợp* đều có lặp lại một phần hay toàn phần của từ chính. Chữ *kết hợp* còn gọi là *tiếng đệm*, đệm vào cho âm thanh được nhịp nhàng.

Từ cách cấu trúc trên, ta có thể đúc kết thành một định nghĩa về từ láy: **từ láy là một tiếng song âm gồm có một tiếng chính và một tiếng đệm. Tiếng đệm nẩy sinh từ tiếng chính có nhịp nhàng, do sự lặp li phụ âm đứng đầu, hoặc vận âm đứng sau, hoặc lặp lại cả hai**. Tiếng đệm luôn luôn là tiếng không có nghĩa liên hệ với từ chính. Lặp lại có nhịp nhàng là nhu cầu trong tiếng Việt biến tiếng đơn âm thành tiếng song âm[4].

Những từ láy gồm ba âm như : sạch sành sanh, tất tần tật, tuốt tuồn tuột... ; những từ láy gồm bốn âm như : bập bà bập bùng, cấp ca cấp củm, kĩu cà kĩu kịt... đều bị giới hạn, không bàn đến trong bài viết này.

Hiện nay có trên sáu ngàn từ láy thông dụng nằm dưới dạng [ph.a], [v.a.] và [t.a.]. **Không có một từ nào gọi là từ láy nằm ra ngoài ba dạng thức trên.**[5]

Có một số ít từ song âm mà cả hai chữ đều không nghĩa, có dạng thức trên, thường là những danh từ cụ thể dùng để gọi tên như: *bìm bịp, chèo bẻo, chào mào, chuồn chuồn, thằn lằn...lờn bơn, bằng lăng,*

---

4. GS Lê Ngọc Trụ gọi từ láy là tiếng đôi. Trong tiếng đôi này có ba loại: hai tiếng đều có nghĩa; một tiếng có nghĩa; cả hai tiếng đều không nghĩa. *Chánh Tả Việt Ngữ*, tr. 152. Sự phân loại này không còn đúng nữa vì hai từ có nghĩa như *mạnh giỏi, đầy đủ, sửa soạn, tìm kiếm*... như GS đưa ra làm thí dụ, không thể gọi là từ láy được. GS Nguyễn Tài Cẩn - *Ngữ Pháp Tiếng Việt*, tr. 116, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 1996 -cho rằng từ láy là từ lặp lại từng phần của từ chính, âm đầu, âm giữa, âm cuối, như *mồ côi* (lặp lại chữ ô). *bủn xỉn* (lặp lại chữ *n*). Cách thức này không phù hợp với đặc tính *từ* tiếng Việt: phụ âm đầu và vận âm đứng sau.

5. Ông Hoàng Văn Hành - *Từ Láy Trong Tiếng Việt*, tr. 40, NXB Khoa Học Xã Hội, 1985- đưa ra tám kiểu điển hình của *từ láy đôi* (Xem Hợp Lưu, tr. 24, số 40, 1998), cũng chỉ là ba dạng thức [ph.a.], [v.a.], [t.a.] Nhưng sự phân loại của ông không đúng theo cấu trúc của từ láy. Vì vậy trong *Từ Điển Từ Láy Tiếng Việt*, NXB Giáo Dục, 1994, do ông chủ biên vẫn còn có một số từ không phải là từ láy như à *uôm, bầu bán, cắc kè, chăm chút, chếnh choáng , cò cửa, cuống quít, cứng cát, đàng điếm, hàng hóa, vởn vẹn.*

thao lao... cũng được gọi là những từ láy.

Nhìn lại quá trình phát triển tiếng Việt, người ta thấy từ láy là một trong những động lực làm giàu tiếng Việt. Nó biến từ đơn âm thành từ song âm, rồi đến những từ ba âm, bốn âm... Rồi từ những từ láy đó nó biến dạng thành những từ láy khác hay tự tách thành những đơn âm khác, những từ láy khác... Nó như những đợt sóng phù sa tấp tới, dễ dàng làm phì nhiêu cho cây ngôn ngữ. Nhìn lại gần hơn, cụ thể hơn, từ láy có một chức năng uốn nắn thanh điệu, lựa chọn vận sao cho hòa hợp nhịp nhàng trong lời nói, trong câu văn. Để hiểu rõ thêm đặc tính của từ láy, ta lần lượt xét đến cách cấu trúc của từ láy qua ba dạng [ph.a.], [v.a.] và [t.a.]. Khi biết được cấu trúc của từ láy, người ta am tường ngữ nghĩa của tiếng Việt, dùng từ chữ chính xác hơn và viết không sai lầm về chính tả.

A-Lặp lại từ phụ âm đứng đầu, [ph.a] :

Những từ láy lặp lại từ phụ âm đứng đầu phải theo luật trầm bổng.

a-luật bổng: không (dấu) sắc hỏi. Đó là những từ láy có một hoặc hai trong ba dấu đó:

-không - không : **hay** ho, **khoe** khoang, **xanh** xao
-không - sắc : **cau** có, **nhăn** nhó ; **đất** đai, **nắng** nôi
-không - hỏi : **nhanh** nhẩu, **vui** vẻ ; **khẳng** khiu, **mỏng** manh
-hỏi - hỏi : **đểnh** đoảng, **lỏng** lẻo, **nhỏ** nhẻ
-hỏi - sắc : **mải** miết, **rải** rác ; **bướng** bỉnh, **mát** mẻ
-sắc - sắc : **chắc** chắn, **rách** rưới, **sống** sít

b-luật trầm: huyền ngã nặng. ‡ó là những từ láy có một hoặc hai trong ba dấu đó:

-huyền - huyền : **nồng** nàn, **rườm** rà, **tồi** tàn
-huyền - ngã : **buồn** bã, rầu rĩ ; **dễ** dàng, **rõ** ràng
-huyền nặng : **dành** dụm, **đầy** đặn ; **lạnh** lùng, **nhẹ** nhàng
-ngã - ngã : **cũ** kỹ, **dễ** dãi, **thõng** thẽo
-ngã - nặng : **chững** chạc, **dõng** dạc ; **gặp** gỡ, **mạnh** mẽ
-nặng - nặng : **bực** bội, **chạy** chọt, **chậm** chạp

NHẬN XÉT :

1- Trong từ láy [ph.a], một từ chính có khi có nhiều tiếng đệm vì nhu cầu âm điệu trầm bổng như: **thẹn** thò, **thẹn** thùa, **thẹn** thùng ; **tròn** trặn, **tròn** trịa, **tròn** trĩnh...

Về mặt ngữ nghĩa, những từ này có nghĩa rất gần nhau: tròn trịa

= tròn trặn = tròn trĩnh. Nó chỉ thay đổi thanh điệu để phù hợp âm điệu trong câu văn.

Về mặt chính tả, phải được chấp nhận sự khác biệt tiếng đệm: **mượt** mà, **mượt** mạt. Không thể bảo rằng *mượt mà* có trong tự điển, *mượt mạt* không có, là dùng sai.

* Ánh trăng hơi sáng, một thứ ánh sáng dịu mờ làm cho gò má nhô cao của Riêng tròn li mượt mạt...

Lê Lựu - *Người Về Đồng Cói*

Tương tự, ta có những từ láy như: **che** chở / **che** chúm, **gắng** gỏi / **gắng** gổ, **lầy** lụa / **lầy** lã, **rắp** ranh / **rắp** rem, **sai** suyển / **sai** siển...

2-Những từ không theo cách cấu trúc từ láy [ph.a.] thường là từ ghép như : bền bỉ, lam lũ, nài nỉ, nhiễu nhương, phỉnh phờ, sửng sờ, trơ trẽn...

Bền bỉ không phải là một từ láy. Xét về cách cấu trúc, *bền bỉ* không theo luật trầm bổng. Xét về nghĩa, theo *Từ Điển Việt Bồ La* của Alexandre De Rhodes,1651, *bỉ* cũng có nghĩa tương tự như *bền*, chỉ sự làm việc lâu dài. Vậy, *bền bỉ* là một từ ghép. Từ ghép là từ có hai chữ có nghĩa ghép lại với nhau.

Cũng có những từ có dng [ph.a.] nhưng không phải là từ láy vì cả hai chữ đều có nghĩa như: buôn bán, đi đứng, giữ gìn, học hành...

3-Trong một từ láy [ph.a.], tiếng đệm có khi đứng trước tiếng chính, có khi đứng sau tiếng tiếng chính.

Khi tiếng đệm đứng sau tiếng chính, nghĩa của tiếng chính được xác định rõ ràng, mạnh mẽ: **vắng** vẻ = vắng hẳn, **nhẹ** nhàng = nhẹ hẳn.

-khu vườn *vắng vẻ* = khu vườn *vắng hoe*
-đứa bé đi *chững chạc* = đứa bé đi *vững chắc.*

từ láy = [tiếng chính + tiếng đệm]
nghĩa tiếng chính được xác định

Khi tiếng đệm **đứng trước** tiếng chính, nghĩa của tiếng chính thay đổi, hoặc giảm thiểu hẳn như: man mát = có vẻ mát, tưng tức = hơi tức.

-biêng **biếc,** đường **được**, khang **khác,** khin **khít**, man **mát**, ngòn **ngọt**, thinh **thích**...

Đặc biệt tiếng đệm có vần **âp**, nghĩa của tiếng chính bị long lay, động đậy, khi có khi không: lập **loè** = khi loè sáng khi không, chập chững = không vững vàng.

-khấp **khểnh**, lấp **ló**, lập **loè**, mấp **mé**, mấp **mô**, mập **mờ,** nhấp **nhô**, phập **phồng**, thập **thò**, thấp **thoáng**, xập **xệu**, xập **xoè ...**

Những tiếng đệm nhấn mạnh tiếng chính có vần như:

-ao : táo **bo**, khao **khát**, ngao **ngán**, ráo **riết**, táo **tác**, thao **thức**, ao **ước**...

-ay : dày **dạn**, đày **đọa**, gay **gắt**, lay **lất**, mày **mò**, máy **mó**, ray **rứt...**

-ăn : căn **dặn**, dằn **dỗi**, đấn **đo**, ăn **năn**, cần **nhằn...**

-âm : ấm **ách**, dậm **dọa**, dấm **dúi**, khấm **khá**, lầm **lì**, nhậm **nhầy,** ấm **ớ**, trầm **trồ**, tấm **tức**, ấm **ức...**

-ân : ân **ái**, ân **cần**, chần **chờ**, ân **hận**, ngẩn **ngơ**, ngẩn **xẩn...**

Đặc biệt tiếng đệm có vần **uc, ung** làm nghĩa của tiếng chính động đậy qua lại liên tục:

-uc : cục **cựa**, gục **gặc**, lúc lắc, nhúc **nhích**, trúc **trắc**, lục **tục**, xục **xịch...**

-ung : đung **đưa,** lung **lay**, tung **toé**...

Tóm lại, tiếng đệm đứng trước tiếng chính, nghĩa của tiếng chính thay đổi :

từ láy = [tiếng đệm + tiếng chính]

nghĩa tiếng chính thay đổi.

4-Nhận xét trên cho ta thấy từ láy [ph.a.] không thể đổi vị trí giữa tiếng chính và tiếng đệm.Tuy nhiên, một số ít từ láy [ph.a.] có thể thay đổi vị trí như: hẹn hò = hò hẹn, khát khao = khao khát, ước ao = ao ước... Những từ láy [ph.a.] này thường thường có nghĩa tổng quát.

5-Có một số từ láy [ph.a.] mà tiếng đệm có vần **iêc** thường chỉ ý mỉa mai, mát mẻ, khinh thường như : *bạn biệc, cười kiệc, khách khiếc, gái ghiếc, học hiệc, nhảy nhiếc...*(**iếc** dùng cho luật bổng, **iệc** dùng cho luật trầm).

-Mượn về không xem thì mượn làm gì?

-Trêu nó chơi, chứ **xem xiếc** gì!

Khái Hưng - *Sóng Gió Đồ Sơn*

...**ngộ nghiệc** chi đó mà trầm trồ?

Hồ Trường An - *Chuyện Quê Nam*

... nghĩ mình là người học thức, **viết báo viết biếc,** mà tỏ cái dốt

trước mặt một anh thợ bạc thì ê quá.

Phan Khôi - *Ông Năm Chuột*

Rồi nghe đâu nó bị bắt lại vì **kháng chiến kháng chiếc** gì đó.

Phan Lạc Tiếp - *Cánh Vạc Lưng Trời*

6-Những tiếng song âm thiếu hẳn phụ âm đứng đầu mà vẫn bị chi phối bởi luật trầm bổng như: *ầm ĩ, inh ỏi, ồn ã, uể oải, uốn éo, yếu ớt*...cũng được gọi là từ láy, viết tắt là [-ph.a.].

B-LẶP LẠI TỪ VẬN ÂM ĐỨNG SAU, [V.A.] :

Những từ láy [v.a.] lặp li theo vận âm :

a-Tiếng đệm đứng sau :

-**chạy** vạy	- **lẻ** tẻ
-**cự** nự	- **lễ** mễ
-**giả** lả	- **phân** vân
-**kể** lể	- **tham** lam
-**kêu** rêu	- **trớt** quớt
-**khéo** léo	- **túy** lúy
-**lanh** chanh	- **xét** nét

...Hàng trăm từ láy [v.a.] có cách cấu trúc như trên. Cứ theo cách cấu trúc nầy một số từ trong các từ điển tiếng Việt[6] cần xét lại: cắn đắng, cổ lỗ, giác đát, khôi ngô, (nghe) lõm bõm, lũ khủ... Nó phải là: cắn đắn, cắng đắng[7], cổ lổ, giác đác, khôi ngôi, lỏm bỏm, lũ khũ...

Nhà thơ Quách Tấn dùng đúng từ láy *khôi ngôi*. Nhà văn Vĩnh Hảo sử dụng đúng từ láy *cổ lổ*. Nhà văn Hồ Biểu Chánh dùng *cắn đắn*. Nhà văn Hướng Minh dùng *cắng đắng*. Nhà văn Dạ Ngân dùng *giác đác*. Nghe lỏm, hay nghe lỏm bỏm[8], nhà văn Lê Xuyên dùng chỉnh hơn : nghe *lỏm chỏm*.

b-Tiếng đệm đứng trước :

---

6. Chỉ chung các từ điển tiếng Việt: *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Hùinh Tịnh Paulus Của, *Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị* của Lê Ngọc Trụ, *Việt Nam Tự Điển* của Lê Văn Đức, *Tự Điển Tiếng Việt* của Hoàng Phê

7. cắn đắn: đay nghiến, lục đục; cắng đắng = cay đắng, xót xa

8. nghe Lỏm bỏm: nghe lóm, tiếng được tiếng mất; lỏm bỏm là tiếng tượng thanh, tiếng khua động trên nước: rơi lõm bõm, bước lõm bõm.

bát **ngát**	gieo **neo**
bủn **rủn**	ké **né**
cằn **nhằn**	khép **nép**
cheo **leo**	xích **mích**
đê **mê**	xếu **mếu**

...

NHẬN XÉT :

1-Trong từ láy [v.a.], âm lót **o, u** không đáng kể, vẫn coi như ăn vần với nhau giữa tiếng chính và tiếng đệm. Về mặt chính tả, phải chấp nhận những cặp từ láy như:

-cháng váng / choáng váng, lạng quạng / loạng quạng, xồm xàm / xồm xoàm...

-chếnh choáng / chuếnh choáng, lẩn quẩn / luẩn quẩn, sum sê / sum suê, tềnh toàng / tuềnh toàng...

2-Trong từ láy [v.a.], tiếng đệm có phụ âm **l** đứng trước tiếng chính thường chỉ một sự kiện đang xẩy ra: lom khom = đang khom lưng, luýnh quýnh = đang quýnh lên.

nhà cửa lưa thưa = nhà cửa còn đang thưa ; *nhà cửa thưa thớt* = nhà cửa đã thưa hẳn.

3-xập **xoè**, loè **xoè** có nghĩa khác nhau. Gốc chính của hai từ láy này là **xoè**, nghĩa là giương cánh ra. *Xập xoè* có nghĩa lúc giương cánh ra lúc xếp cánh (xem lại [ph.a.] nhận xét - 3 vần **âp**). *Loè xoè* có nghĩa là đương giương cánh bay. Có nhiều cặp từ láy theo loại này:

bấp bênh / lênh bênh, mập mờ / lờ mờ ; nhấp nhô / lô nhô ; thấp thoáng / loáng thoáng, xập xòa / lòa xòa ...

4- *Bài hải, chàng hảng, chồm hổm, đành hanh, tanh bành*... là những từ láy [v.a.] vì cùng một âm vận *ai, ang, ôm, anh*. Nhiều người lầm tưởng đó là những từ láy không theo luật trầm bổng. Không phải vậy. Từ láy [v.a.] không theo luật trầm bổng mà chỉ theo luật cùng vần hay ăn vần giữa tiếng đệm và tiếng chính. Cùng vần có nghĩa là lặp lại y chang vần của tiếng chính mà các nhà ngôn ngữ gọi là điệp vận: **lẽo đẽo, lật bật...** Ăn vần có nghĩa là tiếng chính tiếng đệm cùng vận âm nhưng khác dấu giọng: **lẳng lặng, ngoan ngoãn**... Chính chỗ này làm các nhà ngôn ngữ khựng lại, bối rối, không xếp được chỗ đứng của hai từ láy *lẳng lặng, ngoan ngoãn.* Từ láy [v.a.] mà tiếng chính và tiếng đệm ăn vận với nhau thường là từ láy làm mạnh nghĩa: *chăm bẵm,*

chầm bẩm (biến trại thành *chăm bẩm* - nhìn chăm bẩm), *chìm nghỉm, chói lọi, dịu nhỉu*[9], *tất bật, tím rịm, trọi lỏi, ướt rượt*... Đã có hàng trăm từ láy có cấu trúc theo loại này.

C-LẶP LẠI TOÀN ÂM, PHỤ ÂM
ĐỨNG ĐẦU VÀ VẬN ÂM ĐỨNG SAU, [T.A.]:

a-Từ láy [t.a.] lặp li nguyên chữ :

Hầu như những từ đơn âm đều có thể biến thành từ láy [t.a.] bằng cách lặp lại nguyên chữ: *xanh xanh, đỏ đỏ, vàng vàng, nhà nhà, cửa cửa, ngày ngày, tháng tháng... bon bon, bời bời,khư khư, phăng phăng...* Những sách quốc âm cổ ở thế kỷ 17 đều dùng từ láy lặp ali nguyên chữ: *lăm lăm* (chưa có *lăm le*), *mảnh mảnh* (chưa có *mảnh khảnh*), *chói chói* (chưa có *chói chang*), *thõng thõng* (chưa có *thõng thẹo*)...

b-Từ láy [t.a.] thay đổi dấu giọng :

Đến đầu thế kỷ 20, từ láy [t.a.] không lặp lại nguyên chữ nữa, mà bắt đầu đổi thanh giọng: *đỏ đỏ, trắng trắng, chăm chăm, hây hây, khinh khinh, lặng lặng, ngoan ngoan* ... biến thành *đo đỏ, trăng trắng, chăm chắm, hây hẩy, khinh khỉnh, lẳng lặng, ngoan ngoãn...*

Đến giữa thế kỷ 20, từ láy [t.a.] có cấu trúc dùng thanh điệu mạnh mẽ hơn như : *cuồn cuộn, cuống cuồng, hiển hiện, ngấm ngầm, nghểu nghệu, nháo nhào, quáng quàng, sát sạt, túm tụm, tuốt tuột, tất tật...*

Cứ theo cách câu trúc từ láy [t.a] trên, có hai từ láy trong các từ điển tiếng Việt cần xét lại là: bằng bặn, thẳng thắn. Nó phải là *bằng bặng*, *thẳng thắng* thì đúng hơn.

NHẬN XÉT :

Một từ có thể cho ra ba từ láy [ph.a], [v.a.], [t.a.]. Từ *mờ* cho ra ba từ láy: *mập mờ, lờ mờ, mờ mờ*. Ý nghĩa của ba từ láy này chỉ khác nhau ở trạng thái:

-*mập mờ* : khi mờ khi tỏ.(xem từ láy [ph.a.] nhận xét 3)

---

9. Các tự điển chỉ có ghi nhận *dịu nhiễu*. *Dịu nhiễu* là một từ ghép, dịu mềm mại như nhiễu. Còn *dịu nhỉu* là nột tù láy có nghĩa là dịu mềm lắm. Nhà văn Lê Xuyên đã dùng từ láy này.

-lờ mờ : đang ở trạng thái đang mờ. (xem từ láy [v.a.] nhận xét 3)

-mờ mờ: mờ hẳn ra.

Tương tự, ta thấy có những chùm từ láy như vậy*: nhấp nhô / lô nhô / nhô nhô, xấp xõa / lõa xõa / xoã xõa...*

Bạn thử đọc các đoạn văn sau này và để ý những từ láy in đậm :

1-Ngoài vườn, trên các lối xóm, những cây xoan gầy, thân mốc trắng, giơ lên những cẳng tay đen đủi, trơ trụi, đã trổ trừng túm lá tơ. Trong những đám lá nhỏ, xanh rờn **vân vân** ấy, nhoi ra từng chùm nụ **be bé**. Gặp mưa bụi **li ti**, những chùm nụ nở hoa. Hoa xoan nở cánh chấu, **tim tím, trăng trắng,** vừa nở lại vừa rụng **phơi phới** trong mưa xuân.

Tô Hoài - *Vợ Chồng Trẻ Con*

Những từ láy *vân vân, be bé, li ti, tim tím, trăng trắng, phơi phới* là những từ láy [t.a.] có tác động làm câu văn nhẹ nhàng, mềm mại như mùa xuân vừa chớm đến.

2-Mặt chị **phừng phừng** lên. Cặp môi **bặm bặm**, đồng tiền ở khoé miệng lõm xuống **tròn tròn**. Vừa nói dứt lời, chi **xăm xăm** đi lấy nón rồi cắp rổ đi thẳng ra cổng, để mặt anh ta ngồi trơ đấy... với cái Thảo.

Bùi Hiển - *Chị Mẫn*

Những từ láy [t.a.] lặp lại nguyên chữ *phừng phừng, bặm bặm, tròn tròn, xăm xăm* có tác dụng mnh mẽ, quyết liệt trong câu văn. Câu văn không nói gì đến sự giận dữ, nhưng những từ láy đó gây ra không khí giận dữ.

3-Phố xá **tàn tạ**, đường đá **lổn nhổn**, phơi ra những cái ngõ **rác rưởi,** nhà đóng cửa **im ỉm**. Quán hàng như ngọn đèn **leo lét.**

Tô Hoài - *Cát Bụi Chân Ai*

Những từ láy *tàn tạ, lổn nhổn, rác rưởi, im ỉm, leo lét* thấm vào cảm giác người đọc cái vẻ buồn thiu của một phố vắng.

4-Mắt thì một mí, má thì **phinh phính,** mặt thì da nhẵn t**hin thín**, trắng **phôm phốp**, trông thầy đẹp kiểu con gái.

Nguyễn Công Hoan - *Anh Con Trai Người Bạn Đọc ...Ấy.*

Câu văn dí dỏm, mỉa mai với những từ láy: *phinh phính, thin thín, phôm phốp.*

5-Rít **the thé** trong họng, chân nhảy **chồm chồm**, bà chị dâu vắt ngược mớ tóc ra sau lưng rồi **xăm xăm** bước.

Thế Giang - *Thằng Người Có Đuôi*

Những từ *the thé, chồm chồm, xăm xăm* chỉ cơn tức giận bùng lên trong thân thể mà tác giả không nói gì đến sự tức giận.

Sức mạnh của từ láy ở những câu trên là dùng âm điệu gây ra được môi trường cảm xúc nơi người đọc.

BIẾN TRẠI CỦA TỪ LÁY

Từ láy bắt buộc có tiếng chính tiếng đệm. Nhưng thực tế, nhiều từ láy không thấy đâu là tiếng chính tiếng đệm. Đây là điểm bế tắc của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ Việt khi đi tìm nguồn gốc của ngữ nghĩa để đưa ra một quy luật tổng quát về từ láy[10]. Họ chỉ bàn ngữ Việt ở thể tinh ròng như các ngôn ngữ ở phương Tây, mà không nghĩ rằng trong văn học VN cũng chấp nhận tiếng Việt ở trạng thái biến trại, biến âm. Đã hơn một phần ba từ láy tiếng Việt bị biến trại đi xa dần gốc của nghĩa chữ. Lý do là vì *tiếng Việt là tiếng nặng về âm điệu.* Thay đổi dấu giọng là thay đổi nghĩa chữ: ba, bà, bả, bã, bá, bạ. Nhưng cũng có khi thay đổi dấu giọng vẫn giữ nguyên nghĩa chữ: chưa / chửa, dầu / dẫu, đã / đà , bụi cỏ / búi cỏ , nhánh cây / nhành cây...rồi cành cây / nhành cây, thỏa thuê / ngỏa nguê, phập phòng / phấp phỏng... Người thế kỷ trước nói *chân đăm đá chân chiêu*, người bây giờ nói trại ra *chân nam đá chân chiêu.* Người miền Nam nói *cắp ca cắp cúm*, người miền Bắc nghe thành *cắc ca cắc củm*, và khi người ta dùng quen *cắc ca cắc củm* , vài ba mươi năm sau, những chữ ấy thành con đường mòn không thấy ngả rẽ từ con đường chính - chữ chính là *cắp.* Hàng ngàn chữ quen dùng theo kiểu này trong tiếng Việt khiến các nhà ngữ Việt khó tìm ra được nguồn gốc chữ.

Biến trại một lần còn dễ thấy, biến tri nhiều lần, nhiều tầng, chập chùng, chằng chịt thì khó lòng tìm ra được nguồn gốc ngữ nghĩa.

Bàn về cách biến trại của từ láy, ta hãy bàn cách biến trại đơn giản đến cách biến trại phức tạp. Những trường hợp biến trại thường thấy trong từ láy như : nhiễm nghĩa, thay đổi phụ âm, thay đổi vận âm, thay đổi dấu, thay đổi trầm bổng, thay đổi nét....

---

10. Ông Nguyễn Thiện Giáp - *Cấu Trúc Của Từ Láy Trong Tiếng Việt*, Bắc Thái, 1966 - cho rằng trong 730 từ láy điệp vận [v.a.] đã có gần 2/3 không rõ yếu tố gốc là gì. Trích từ *Ngữ Pháp Tiếng Việt* - Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội, tr. 121, 1996

1-Nhiễm nghĩa : Nhiễm nghĩa có nghĩa là một chữ không nghĩa đứng gần lâu ngày một từ khác có nghĩa, mượn nghĩa một từ đó làm nghĩa cho chính mình để sinh ra một từ láy khác.Nó giống như một người đi mượn vốn người khác để làm một công chuyện đầu tư. Nếu không có chuyện đi đầu tư, nó không hề mượn được vốn.Từ nhiễm nghĩa cũng vậy, nó không thể đứng một mình hoạt động như một từ đơn, nó chỉ đứng làm nghĩa chính cho những từ láy được sinh ra. Thí dụ như từ *chói* sinh ra từ láy *chói chang*. Chang là chữ đệm, không nghĩa. Lâu ngày, *chang* mượn nghĩa của *chói* cho ra từ láy *chang chang*: *trời nắng chang chang.*

chói chang ---> chói=chang ---> chang chang

Trong tiếng Việt, cách sinh ra những từ láy bằng cách nhiễm nghĩa này không phải là ít:

chứa chan --->**chứa=chan** --->chan chan (nước ngập chan chan)
lem hem ---> **lem=hem** ---> hem huốc, tèm hem
lem nhem ---> **lem=nhem** ---> nhem nhuốc, tèm nhem
hớ hênh ---> **hớ=hênh** ---> đênh hênh, tênh hênh
nhạt nhẽo ---> **nhạt=nhẽo** ---> nhẽo nhợt
rành rẽ ---> **rành=rẽ** --- > rẽ ràng, rẽ ròi
rõ ràng ---> **rõ=ràng** ---> ràng ràng (chứng cớ ràng ràng)
tất bật ---> **tất=bật** ---> bật rật
...

Cũng có một số từ láy, dùng lâu ngày, tự nó nhiễm nghĩa, phân ra thành những từ láy khác, rồi sinh sôi nẩy nở như cách phát triển của một tế tào, như *sột soạt :*

sột soạt---> **sột = soạt -->** soạt soạt --->soàn sot, loạt soạt
|
sột sột --->lột sột, sồn sột --> **sồn=sột** -->sồn sồn [bt-1]

2-biến trại theo luật trầm bổng : Vì nhu cầu của âm điệu, nhiều từ láy được biến trại từ luật bổng sang luật trầm hay nghịch lại. Khi biến trại, nghĩa của từ láy cũng thay đổi chút ít, đậm nhạt tùy theo câu văn.

Như *ngăn ngắt* biến thành *ngằn ngặt* (giọng bổng biến thanh giọng trầm) :

Rau bắp cải đầu mùa xoè lá xanh *ngằn ngặt* bên vườn, cạnh các lối đi.

Chu Văn - *Bão Biển*

Như *rừng rực* biến thành *rưng rức* (giọng trầm biến thành giọng bổng) :

Răng đen *rưng rức* hạt na.

Tô Hoài - Quê Nhà

Đen rưng rức = đen bóng (*rưng rức* có gốc ở *rừng rực*, có nghĩa là rực lên, ánh lên).

Hàng trăm từ láy biến tri theo luật trầm bổng này:

bận bịu --> bấn bíu
bực bội --> bức bối
bập bềnh --> bấp bênh
cắm cúi --> cặm cụi
chập chững --> chấp chửng
hầm hập --> hâm hấp
ngây ngất --> ngầy ngật [say ngầy ngật]
ngùn ngụt --> ngun ngút
ngốc nghếch --> ngộc nghệch
phập phòng --> phấp phỏng
tập tễnh --> tấp tểnh
thẻ thót --> thẽ thọt
vất vưởng --> vật vưỡng
vùn vụt --> vun vút
xác xơ --> xạc xờ
xoèn xoẹt --> xoen xoét
xơ xác --> xờ xạc
xuề xòa --> xuế xóa

Ngoài ra, người ta còn thấy từ láy biến trại bằng sự thay đổi dấu giọng tỉ như *chưa* biến thành chửa, đã biến thành *đà :*

chưa -->chửa, đã--> đà, ham --> hám, nhuộm --> nhuốm...
bỡ ngỡ --> bợ ngợ
chói lói --> chỏi lỏi
lễ mễ --> lệ mệlề mề
lô nhô --> lố nhố
...

3-thay đổi phụ âm đầu : một số từ láy biến trại bằng sự thay đổi phụ âm, tỉ như *trời* nói thành *giời*, *cành* cây nói thành *nhành* cây. Trong cách biến trại này, khó biết tiếng nào là tiếng chính, tiếng nào là tiếng biến trại. Tuy nhiên, cũng có một số nhìn thấy được nguồn gốc:

cành cây --> **nhành** cây
cắm cúi --> chắm chúi

chằng chịt --> dằng dịt
hí hởn --> tí tởn
lảnh lót --> thảnh thót
nưng niu --> tưng tiu
rầy rà --> ngầy ngà
thỏa thuê --> ngỏa nguê
vắt vẻo --> lắt lẻo
xằng xịu --> tằng tịu
...

Có hàng trăm từ láy biến trại theo kiểu này. ở thí dụ sau này, ta thấy rõ được nguồn gốc của tiếng biến trại.

*** lúc lỉu :**

Còn Văn, anh kiếm được chiếc võng treo vào hai gốc dừa nơi cuối vườn, trông xéo ra đầm nước. Anh nằm dài ngó lên những tàu dừa, với những quày trái sai *lúc lỉu.*

Đỗ Thúc Vịnh - *Mùa Ảo Ảnh*

Lúc lỉu có nghĩa chen chúc bâu nhau thành chùm. Gốc của nó từ chữ *xúc. Xúc* có nghĩa chen lấn. *Xúc* sinh ra hai từ láy *lúc xúc, xúc xỉu. Lúc lỉu* là tiếng biến trại thay đổi phụ âm đầu của *xúc xỉu.*

*** lắt lẻo** :

Cầu tre *lắt lẻo*, gập ghềnh khó đi.

Ca dao

Lắt lẻo có nghĩa lơ lửng trên cao, không có điểm tựa vững chắc. Gốc của nó là *vắt* [chiếc cầu vắt ngang sông]. *Vắt* sinh ra từ láy *vắt vẻo*, rồi biến trại thành *lắt lẻo.* Người miền Nam phát âm thành *lắc lẻo*, lâu ngày hiểu chữ *lắc lẻo* như nghĩa đong đưa, lắc qua lắc li. *Chánh Tả Tự Vị* của Lê Ngọc Trụ không có từ *lắc lẻo.*

*** chật chưỡng :**

Cầu nhỏ ở ven núi trên này *chật chưỡng* lắm. Giá không có quận dây này thì tôi rơi xuống núi mấy lần rồi.

Thế Lữ - *Một Đêm Trăng*

Chật chưỡng có nghĩa là nghiêng ngả, không vững. Nó là tiếng biến trại của *trật trưỡng,* trật có nghĩa là sai, không đúng khớp làm nghiêng ngả, không vững vàng: *bước đi trật trưỡng.*

Rất nhiều từ láy biến tri theo cách thay đổi phụ âm đầu, nếu nhìn không ra không thể biết nguồn gốc của ngữ nghĩa.

4-thay đổi vận âm cuối : có một số từ láy biến trại bằng sự thay đổi vận âm cuối như:

bàu nhàu --> bèo nhèo
hì hục --> hì hụi
lạc quạc --> lạng quạng
lỉnh kỉnh --> lủng củng
lủng lẳng --> lủng liểng
luộm thuộm --> luội thuội
lưa thưa --> lơ thơ
phăng phăng --> phăm phăm --> phom phom
...

Còn có những từ láy biến trại khác như **thêm dấu** [đăm đăm >đăm đấm], **bớt nét** [phôi phai --> phôi pha], **thêm nét** [vồ vập --> vồn vập], **đổi mũ** [hằm hằm --> hầm hầm], tạo thành những nét đa dạng trong từ láy.

Vài thí dụ điển hình cho thấy các giai đoạn biến trại của một từ láy:

*** phốp pháp :**

Mượn đã thay đổi hẳn. Tay chân *phốp pháp*, và ngực nở ra trông như một lực sĩ.

Lưu Trọng Lư - *Chiếc Cáng Xanh*

Phốp pháp có nghĩa là to lớn, nở nang. Gốc của nó từ chữ *phổng*, có nghĩa phồng to lên. *Phổng* sinh ra hai từ láy phổng phao, phổng pháp. Phổng pháp biến trại theo nhiễm nghĩa (*phổng=pháp*) thành *phốp pháp.*

phổng --> phổng phao --> phổng pháp --> **phốp pháp**

***lựng bựng :**

Vợ chồng chú tư Cờ Đỏ dọn dìa, nhà cửa còn *lựng bựng* lắm.

Kiệt Tấn - *Lớp Lớp Phù Sa*

Lựng bựng có nghĩa là chưa yên ổn, vững vàng. Gốc của nó từ chữ *chững*, có nghĩa vững, chắc. *Chững* sinh ra ba từ láy *chững chạc, chững chàng, chập chững*. *Chập chững* có nghĩa chưa vững vàng, còn chênh vênh. *Chập chững* biến trại theo nhiễm nghĩa (chập=chững) thành lững chững. Lững chững biến tri theo cách thay đổi dấu giọng thành *lựng chựng*. *Lựng chựng* biến trại theo cách thay đổi phụ âm thành *lựng bựng*. Tiến trình biến trại nhiều lần cho ta một lược đồ:

chững --> chập chững --> lững chững --> lựng chựng --> **lựng bựng** [bt-2]
↓
chững chạc --> chững chàng

Từ *chập chững* đến *lựng bựng* qua ba lần biến trại: nhiễm nghĩa, thay đổi dấu giọng, thay đổi phụ âm đầu.

*** lểu đểu :**

Một xừ béo múp rung rinh,
Một xừ *lểu đểu* như hình cò hương.

Tú Mỡ - *Nam Hải Dị Nhân*

Lểu đểu là gì? là cao ngồng, khẳng khiu. Gốc của nó từ tiếng trạng từ *nghệu*, cao nghệu. *Nghệu* sinh ra từ láy *lệu nghệu. Lệu nghệu* biến trại theo luật trầm bổng thành *lêu nghêu. Lêu nghêu* biến trại theo nhiễm nghĩa (lêu=nghêu) thành *lêu đêu. Lêu đêu* biến trại theo dấu giọng thành *lểu đểu.*Bảng tiến trình biến trại của từ láy cho ta thấy rõ ràng hơn:

cao **nghệu** --> lệu nghệu --> lêu nghêu --> lều nghều
↓
lêu khêu --> lêu đêu --> **lểu đểu** [bt-3]

Từ *lệu nghệu, lểu đểu* sinh ra qua ba lần biến trại: luật trầm bổng, nhiễm nghĩa và thay đổi thanh điệu.

*** chập chong** :

Chập chong tối, anh ta về nhà, anh sang hàng xóm xin lửa thổi cơm.

Bùi Hiển - *Chị Mẫn*

chập chong có nghĩa là gì? từ đâu mà ra? *Chập chong* có nghĩa là mập mờ, chưa sáng hẳn mà cũng chưa tối hẳn. Gốc của nó là *nhoè*. *Nhoè* sinh ra *nhập nhoè* :

Hôm ấy tôi đi sớm. Ra khỏi làng, trời còn mù sương, ngoái li chỉ thấy những đốm lửa *nhập nhoè.*

Trung Trung Đỉnh - *Đêm Nguyệt Thực*

Nhập nhoè biến trại thành *nhập nhòa* :

Trời đã bềnh bệch nhưng mặt đất còn *nhập nhòa* tối...

Nguyễn Trọng Tân - *Trang Gia Phả Viết Bằng Vôi*

Nhập nhòa biến dấu thành *nhập nhọa :*

Tôi còn nhớ dù trời khô hay ướt, nóng hay lạnh, ngày ngày mới *nhập nhọa* mặt người, bà Bượm đã đặt đôi quang trên vai, cái áo tơi xoè như bộ lông nhím.

Nguyễn Trọng Tân - *Thương Quê*

Nhập nhọa biến tri thành *nhập nhong* :

Trời *nhập nhong,* nắng vàng mỏng tang trải lớt phớt trên mặt

đảo hoang.

Nguyễn Thị Ấm - *Những Cánh Chim Hoang*

Nhập nhong biến trại thành *chập chong :*

Con cáo ấy rất dữ, nó từ phía miếu Hai Cô bên bờ sông, đêm nào cũng vào làng bắt gà, cũng có khi nó vào làng lúc *chập chong.*

Nguyễn Thị Ngọc Tú - *Câu Chuyện Dưới Tán Lá Rợp*

Tiến trình qua năm lần biến trại đưa đến từ láy *chập chong* được tóm lược :

Nhoè --> nhập nhoè --> nhập nhòa --> nhập nhọa --> nhập nhong --> chập chong

Chập chong còn một nghĩa khác có gốc là *chong* có nghĩa là không vững, nghiêng ngả: *chệnh chong, long chong.* Nghĩa này khác với nghĩa mập mờ bên trên vì nguồn gốc ngữ nghĩa khác nhau.

Cấu trúc từ láy cùng đặc tính biến trại của nó giúp ta truy ra được một số từ láy có nguồn gốc ngữ nghĩa một cách thú vị, khiến ta phân biệt được rõ ràng nghĩa chữ của hai từ có dạng giống nhau như:

-um sùm có nghĩa từ gốc **sùm**, sùm sề rậm rạp: *cây cối um sùm.*

Đồ mặc đã bàu nhàu, mà râu tóc lại *um sùm*, coi như người cũ kỹ, như vật bỏ quên trong xó hóc lâu năm.

Phan Văn Hùm - *Ngồi Tù Khám Lớn*

-um sùm có nghĩa từ gốc **um**, la um: l*a lối um sùm.*

Rất nhiều cặp từ láy dạng giống nhau mà nghĩa gốc khác nhau: bàng bc, bừ bự, lam nham, lăng nhăng, lật bật, lờ phờ, lụi hụi, lướt thướt, ngất ngơ, rười rượi...

KẾT LUẬN :

Tất cả những từ láy được bàn luận, khai triển, truy tầm ra được nguồn chữ, nguồn nghĩa ở các phần trên đều dựa trên cách cấu trúc của từ láy: [ph.a.], [v.a.], và [t.a.]. Những từ láy biến trại vẫn nằm trong ba dạng thức trên. Vốn liếng dồi dào của ngôn ngữ từ láy là do sự đóng góp sáng tạo của nhiều thế hệ nhà văn nhà thơ. Không có nhà văn nhà thơ, không có dồi dào trong ngôn ngữ. Bởi từ láy là yếu tố ngữ điệu trong văn chương. Đến nay vẫn còn có những từ láy mà các nhà văn sử dụng có tính cách sáng tạo vẫn không thấy trong các tự điển như: *chó ngó, chuầy chòa* (của Bùi Hiển) ; *lắp nhắp, lầy lã* (của Chu Văn) ; *mười mà, rãi rệ* (của Doãn Quốc Sỹ), *nả nớt, phiếu diểu* (của Hàn Mặc Tử) ; *tiêu hiêu, đưng đửng* (của Hồ Biểu Chánh) ; *biệng siệng* (của Kim Lân); *luốt chuốt, bia lia* (của Lê Lựu) ; *câu mâu, lỏm chỏm* (của Lê

Xuyên) ; *xếu mếu, mau mảu* (của Nam Cao) ; *tiêu táp, cợt nhợt* (của Nguyễn Bá Học); *xẩm xủi* (của Nguyễn Trọng Tân); *tiệp diệp, giữ giệt* (của Nguyễn Tuân) ; ri rễ, lúc xúc (của Phạm Quỳnh) ; *kiệt diệt, khuống khíu* (của Phan Bội Châu) ; *phán thán* (của Thạch Lam) ; *chếp nếp* (của Tô Hoài), *dân diêu* (của Vương Hồng Sển), lụt tụt (của Xuân Vũ) ...

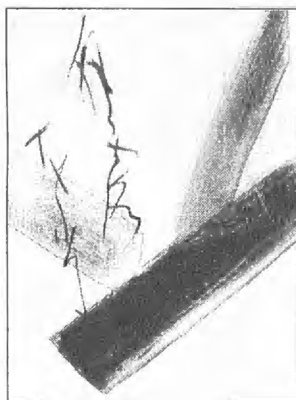
Ba dạng thức [ph.a.], [v.a.], [t.a.] phát triển không đều nhau. Khi xã hội ở trạng thái bình lặng , [ph.a.] và [v.a.] sử dụng nhiều : *nặng nề, chậm chạp, nhẹ nhàng, loanh quanh, đề huề, vui vẻ...* Khi xã hội xáo trộn, sinh hoạt hối hả, [t.a] nổi cộm lên: *quáng quàng, nháo nhào, cuống cuồng, ú ụ, om ỏm,đứ đừ, lứ lừ, nhẽo nhèo, khào kho, loe loé, men mén* (mon men), *mèo meo* (đói mèo meo), *vùng vụng* (hơi vụng về)... Đồng thời [ph.a.] và [v.a] dùng ở thể biến trại hớt hải: *khấp khổm, lởm khởm, lọm thọm, nhô nhốp, giậm giạp, bậu sậu, luối chuối, bia lia...* khiến cho ngôn ngữ rối mù lên như gặp phải trận cuồng phong, mọi thứ đều vương vãi, ngổn ngang, chập chồng. Tuy nhiên, cấu trúc của của từ láy vẫn không thay đổi, đời đời bất biến, vì nó là một thể dạng đặc thù của ngôn ngữ Việt Nam.

THẠCH CÁC
9/1998



NGUYỄN XUÂN QUANG

Ý nghĩa thành tố láy trong Việt ngữ



Nhân đọc bài viết về từ láy trong Việt ngữ gần đây trên Hợp Lưu, xin đóng góp thêm một khám phá của cá nhân tôi về ý nghĩa của thành tố láy (TTL) trong Việt ngữ. Cũng xin nói thêm là tôi không phải là một nhà ngữ học, một nhà ngữ pháp học, ngoài vốn liếng ngữ học không ra gì học ở cấp trung học tôi chưa hề học một giờ nào chuyên môn về ngữ học ở lớp học. Vì thế tôi cố gắng viết bằng những từ thông thường, tránh không muốn dùng các từ chuyên môn của các nhà ngữ học bằng Việt ngữ. Lý do giản dị là tôi hãy còn tơ lơ mơ giữa những từ đã học trước năm 1975 và các từ dùng hiện nay ở Việt Nam mà tôi đọc được trên các báo ở hải ngoại. Cái tơ lơ mơ đó khiến dễ rơi vào lầm và lẫn.

Chúng tôi gọi từ tố láy với từ gốc là thành tố láy ví dụ liếm láp thì *'láp'* là thành tố láy của liếm. Đa số các nhà ngữ học Việt Nam cho rằng ngoại trừ một số nhỏ thành tố láy có nghĩa còn phần lớn đều không có nghĩa như mình mẩy, liếm láp, xanh rì... với *'mẩy'*, *'láp'*, *'rì'* không có nghĩa. Chúng tôi khám phá ra rằng các từ lấp láy có thành tố láy hầu hết đều có nghĩa. Chúng ta cho là vô nghĩa là vì chúng ta không biết nghĩa. Những thành tố láy này đều có nghĩa. Nói một cách tổng quát và giản dị thành tố láy trong Việt ngữ dù dưới dạng nào đi

nữa thì hầu hết nó do từ gốc, từ mẹ mà nó *'láy'* sinh ra. Như thế nó còn mang những di tính của từ mẹ, kể cả phần nghĩa ngữ. Nghĩa của thành tố láy có thể vẫn còn giữ nguyên nghĩa của từ mẹ như trường hợp láy giữ nguyên dạng như ào ào hay vì đã *'láy'*, đã *'lái'*, đã *'lai'* đi thì nghĩa cũng sẽ lai đi, đã thay đổi... Nói gọn lại từ láy trong tiếng Việt láy cả âm đọc lẫn ý nghĩa. Những từ tố láy này có thể là những từ cổ Việt đã mai một hay bị chôn vùi ở đâu đó (nên chúng ta không biết nghĩa) hoặc chúng hiện còn hiện diện ở những dòng tộc ngôn ngữ khác trên thế giới liên hệ với Việt ngữ. Sự liên hệ này có thể ruột thịt hay vay mượn. Thành tố láy của Việt ngữ chính là một từ tố tương ứng của một ngôn ngữ khác liên hệ với Việt ngữ ví dụ *thật thà*, TTL *'thà'* cũng có nghĩa là ngay thẳng chính là Phạn ngữ sthâ, to stand, đứng, thẳng, có (s) thâ = thà. Mỗi tộc ngôn ngữ phát âm nhiều theo một nguyên âm ví dụ Việt ngữ phát âm theo *'ời'* như cổ ngữ blời (trời), Pháp ngữ phát âm theo *'ơ'* như bleu (màu trời) và Anh ngữ theo *'u'* như blue (màu trời). U, ơ, ơi, ời có thể coi như là những âm láy như u ơ, ù ơ. Blời, bleu, blue là một và cũng có thể coi như là tiếng láy của nhau.

Trong bài viết này xin đưa ra nhiều những từ láy Việt ngữ mà thành tố láy thấy trong Việt ngữ và thấy trong Ấn-Âu ngữ.

-Việt và Việt

.*mình mẩy*: thành tố láy *'mẩy'* có nghĩa là mình như thấy trong câu tục ngữ *"đầu chấy, mẩy rận"* [đầu đầy chấy, mẩy (mình) đầy rận].

.*kiêng khem*: thành tố láy *'khem'* có nghĩa là *'kiêng'*. Khem chính là cổ ngữ Việt hèm. Theo kh=h (khì khì = hì hì, cười), khem = hèm.

.*Xanh xao*: xanh nguyên thủy là từ chỉ màu cành lá. Theo x=c (xọm = cọm, còm), xanh = cành. Từ tố láy xao là sao. Tổ tiên ta gọi màu sắc theo các tinh cầu: màu xao tức lam (blue) là màu ngôi sao có ánh sáng xanh dịu, màu trời, màu sáo (màu trứng sáo, xanh da trời), màu đỏ là màu tỏ (mặt trời), màu trắng là màu trăng. Từ tố láy xao như thế có nghĩa là màu blue. Xao chính là Thái ngữ *'sau'* cũng là màu blue. Xanh xao là màu lá cây-màu sao, có nghĩa là màu *'nhợt nhạt'*, pale.

.Gà qué: qué cùng vần với que, quẻ (cái que xăm), kẻ (cổ ngữ Việt là cái kèo nhỏ, Lê Ngọc Trụ, Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị). Tại sao gà lại có nghĩa là que, quẻ, kẻ tức cái cọc. Xin thưa gà thuộc loài chim biểu tượng cho cái giống phái nam. Ta có từ láy chim chóc. Với h câm, chóc = cọc. Con chim là con chóc, con cọc, con c...c! (ta cũng thấy chim có nghĩa là vật nhọn qua qui luật ch=k như chênh = kênh, chim = kim,

vật nhọn). Kiểm chứng với Ấn-Âu ngữ ta cũng thấy Anh ngữ cock, Pháp ngữ coq, gà sống, Anh ngữ cock cũng có nghĩa là cái giống phái nam. Cock có coc- chính là Việt ngữ cọc, c...c. Qué liên hệ với Hán Việt kê (gà). Ta cũng có từ cà kê tức gà kê (cà là cổ ngữ Việt của gà theo c=g như cài = gài). Gà qué có thể coi là từ láy vì gà qué là cà kẻ, cà kê (c,g,q,k láy với nhau như cuộn, guồng, quộn, quấn; cậy, gậy, gẩy, quậy, quấy, quẩy, khẩy, khuấy).

......

-Việt và Anh ngữ

.Liếm láp: ví dụ mẹ mắng con: cái miệng mày liếm láp cả ngày. TTL *'láp'* cũng là liếm. Ta thấy rõ thành tố láy *'láp'* chính là Anh ngữ *'to lap'* : liếm.

.Lớn lao: TTL *'lao'* cũng có nghĩa là lớn, lao chính là Anh ngữ *loud (đọc là 'lao'), lớn, to (nói, âm thanh), loud-speaker:* máy phóng thanh.

.Mù mịt, mờ mịt: Mịt là mù, mờ là sương như sa mù, sa mờ. TTL *'mịt'* chính là Anh ngữ *mist*, sa mù...

.Xanh rì: rì là xanh màu lá. Xanh rì là màu xanh của cây mọc tươi tốt như cỏ mọc xanh rì. Rì là màu lá cây. Theo r=l (ruồng = luồng, lùng) rì = lí, là màu lá cây. Ta có loài hoa lí rất thơm, hoa nấu canh ăn rất ngon. Hoa lí có màu xanh lá cây non, màu lá chuối non. Lí, li chính là Anh ngữ leaf, leaves (lá), Anh ngữ livid xanh mét, tái mét; to become livid with anger: giận tái mét. TTL 'rì' là (màu) leaves.

.Tắm táp: TTL *'táp'* chính là Anh ngữ *'tap'*, vòi nước, liên hệ với tub, thùng đựng chất lỏng, bồn tắm.

......

- Việt và Pháp Ngữ

.Béo bở: ở đây TTL *'bở'* không phải là bở có nghĩa là dễ rời ra mà chính là Pháp ngữ beurre. Bơ là một chất béo nên láy với béo. Bơ chính là cổ ngữ Việt *'bồ'* như thấy trong các từ bồ hòn, bồ hôi, bồ hóng, bồ kết... Theo chuyển hóa b=m, bồ = mồ: bồ hôi = mồ hôi... mồ chính là mỡ. Bồ hòn, mồ hòn là hòn bơ, hòn mỡ, quả bơ, quả mỡ dùng làm sà phòng (Pháp ngữ gọi là savonier, Anh ngữ là soapberry tree); bồ

hôi, mồ hôi do tuyến nhờn như dầu mỡ ở da tiết ra (có người có mồ hôi dầu) chính là bơ hôi, mỡ hôi; bồ hóng, mồ hóng là chất dầu đen do khói đọng lại; bồ kết là quả 'kết' mỡ, dầu dùng gội đầu (kết có kế- liên hệ với kẻ, que, bồ kết có quả dài hình que, bồ kết là cây có quả '*que bơ*', '*que mỡ*' trong khi bồ hòn có quả tròn như hòn bi, bồ hòn là '*hòn bơ*', '*hòn mỡ*'). Nếu tiến xa nữa ta có từ láy bồ hôi bồ kê. Hôi ruột thịt với hoi, oi. Hoi, oi do chất mỡ để ra ngoài không khí bị oxýt hóa biến thành như mỡ hoi, miệng còn oi sữa (sữa có chất béo). Hoi ruột thịt với hợi, heo, giống vật có nhiều mỡ, nguồn cung cấp mỡ chính. Việt ngữ lợn cùng vần với lờn (nhờn) liên hệ với các chất lờn dầu mỡ. Thái ngữ '*moo*', heo. Moo chính là Việt ngữ mỡ. Mồ hôi như thế có gốc từ mỡ hoi, mỡ hợi. Bây giờ nói tới từ kê. Theo *c=k=s=x* như *cắt = sắt*, *kế = xế*, *sế*, *ta có kê = sê*, sề (heo nái). Mồ hội mồ kê nguyên ngữ là '*mỡ hợi mỡ sề*'. Ta có thể kiểm chứng lại với Ấn-Âu ngữ như Pháp ngữ *sueur*, Tây Ban Nha *sudor*, mồ hôi có '*su-*' liên hệ với Cổ ngữ Anh '*sù*'(lợn sề), Latin '*sùs* (lợn sề)... Anh ngữ *sweat* (mồ hôi) liên hệ với *swine* (lợn sề). Ta cũng thấy rõ Việt ngữ sề liên hệ mật thiết với Latin '*sùs*', Cổ ngữ Anh '*sù*'. Từ láy sồ sề (các nhà ngữ pháp học ngày nay bắt phải viết là xồ xề!) chính là '*sù*' sề (sệ, xệ như nái '*sù*', nái sề).

.mỏng manh: TTL '*manh*' chính là Pháp ngữ mince (đọc là '*manh*'), mỏng (mince lame: lưỡi dao cạo).

.*Lỏng le lỏng lét*: le là Cổ ngữ Việt có nghĩa là nước như chim le le là loài chim nước. Le liên hệ với Pháp ngữ lait, sữa (thứ nước dinh dưỡng con người đầu tiên uống). TTL '*le*' và '*lét*' chính là Pháp ngữ lait.

......

- Việt và Tây Ban Nha

.*Mặn mà*: TTL '*mà*' chính là Tây Ban Nha ngữ mar, biển.

.*Mỡ màng*: TTL màng ở đây không hẳn là lớp che, phủ, lớp váng mỡ mà chính là Tây Ban Nha ngữ manteqilla, bơ, Bồ ngữ manteiga, bơ, Pháp ngữ moelle (đọc là '*moan*'), Anh nhữ marrow là tủy (tủy có rất nhiều mỡ).

.*Nhí nha nhí nhảnh* (với nhí là nhỏ như kép nhí) chính là Tây Ban Nha ngữ '*nina*' (n có dấu ngã), bé gái (nhi nha nhi nhô chính là Tây Ban Nha ngữ nina, nino bé gái, bé trai).

......

- Việt và Phạn ngữ

.*Ướt át:* TTL *'át'* chính là Phạn ngữ ak, aka: nước, ârdrà (adj) wet, ướt.

.*Bụi bặm, Bụi bậm*: TTL *'bặm', 'bậm'* chính là Phạn ngữ pâmsu (m có ngã), pâmcu (m có ngã, c đuôi), bụi; pâm- = bậm.

.*Đớn đau, đau đớn*: TTL *'đớn'* chính là Phạn ngữ du, duna, suffering, pain, có dun- = đớn.

.*Te tua*: TTL *'tua'* chính là Phạn ngữ tur (u có mũ), to go quick, swiftness (đi nhanh, đi le te).

......

- Việt và Tiền cổ-Ấn-Âu (Proto-IndoEuropean, PIE)

.*Cong cớn*: TTL *'cớn'* chính là PIE *k'er-/*k'or-/*k'r-, to twist (vặn), to turn (bẻ quẹo), to bend (uống cong)...

.*Mạnh mẽ*: TTL **'mẽ'** cũng có nghĩa là mạnh, non, trẻ, bé. Theo m=b, mẽ = bé. Mẽ liên hệ với PIE *mag[h]- (h nhỏ và cao) 'young'.

.*Tối tăm*: TTL *'tăm'* chính là PIE *tem/*tam/*tm: *'dark, darkness'*: tối (Bombard, A.R., Towards Proto-Nostratic. A New Approach. Amsterdam/Philadelphia: John Benjamins, p.207 No 51).

....

Dĩ nhiên TTL trong Việt ngữ còn liên hệ với các dòng tộc ngôn ngữ khác của ngôn ngữ loài người chứ không phải chỉ Ấn-Âu ngữ mà thôi. Ở đây vì khuôn khổ bài viết chúng tôi không thể liệt kê hết ra được. Chỉ xin nêu ra vài ví dụ: Việt và Hán Việt: bầu bì, TTL *'bì'* chính là Việt ngữ bị, Hán Việt bì là cái bao, cái túi, da (cân trừ bì) cùng nghĩa với bầu (bào, bao); Việt và Thái: Việt ngữ đẹp đẽ, TTL *'đẽ'* chính là Thái ngữ dee, *'nice'*(xinh, đẹp); Việt và Chàm: rừng rậm, Chàm ngữ *'râm'* là rừng; Việt và Mã-Nam Dương: Việt ngữ té de (đi cầu té ra nước) có té , te, tè là nước (té nước) và de cũng là nước: mía dc là mía nấu lấy nước uống. De liên hệ với Mã Nam Dương ayer, nước; Việt và Nhật: xinh xắn, TTL *'xắn'* là Nhật ngữ *'shan'* là xinh (Bình Nguyên Lộc, *Lột Trần Việt ngữ,*); Việt và Á-Phi ngữ: Việt ngữ nói năng, TTL *'năng'*, là chuyển hóa với từ *'rằng', 'dằng'* (nói rằng, *'rằng nghe nổi tiếng cầm đài'*) liên hệ với Proto-Afroasiatic * yan-/*yen- (e ngược), *'to say'*(nói); Việt và Do Thái: sướt mướt (sướt liên hệ với nước như

thấy qua từ ướt sượt), TTL *'mướt'* cũng có nghĩa là ướt, mưa như thấy qua từ rét mướt, liên hệ với Hebrew màtàr *'rain'*(mưa); Việt Thổ Ngữ Mỹ Châu: Việt ngữ lạnh tanh: TTL *'tanh'* liên hệ với Allmosan-Keresiouan, Algic: proto-Algonquian *tahk *'mát'*, Việt ngữ máu me, máu mê: TTL *'me'*, *'mê'* liên hệ với Macro-Panoan: Lenga eme. Panoan: proto-Panoan *imi. Tacanan: proto-Tacanan *ami là máu (dĩ nhiên cả với gốc Hy-lạp hemo-, hema-, ema-)...

......

Cũng xin nói thêm là cần phân biệt từ láy và từ ghép. Từ láy có cả âm đọc và nghĩa đều láy nên âm đọc và nghĩa giống hay gần giống nhau. Từ ghép có nghĩa giống hay gần giống nhau trong khi âm đọc khác nhau . Phần lớn các từ hiện nay cho là láy, thật sự có những từ đi hai hàng nửa láy, nửa ghép hay nghiêng nhiều về phía từ ghép ví dụ hãy xét hai cặp từ tối thui và tối om. Với h câm, thui = tui, túi, tối. Rõ ràng tối và thui có láy âm đọc. T láy thêm hơi vào thành th và -ối trong tối với -ui trong thui láy âm với nhau theo o=u như ối cha! = ui cha! Về nghĩa, thui có nghĩa đen như đen thủi đen thui. Như thế tối thui là một từ láy đúng nghĩa. Còn cặp từ tối om, ta thấy rõ tối và om về âm đọc đã *'lạc âm'*, xa cách. Tối om là dạng biến đổi của tối tăm: tối tăm cho ra tối tom, với t câm như tổ = ổ, tối tom = tối om. Vì om do tom, do tăm láy với tối nên om cũng có nghĩa là tối. Om, um, âm... có nghĩa là tối. Om ruột thịt với Pháp ngữ ombre, bóng tối. Vì cùng nghĩa mà âm láy đã lạc, đã xa nên tối om nghiêng nhiều về phía từ ghép. Ta thấy rõ hơn ở cặp từ chợ búa: *'búa'* chính là Phạn ngữ pur-, pura, chỗ ở, thành phố như Singapura (Singapore, Thành phố Sư tử). Pur- cho ra phố, phủ. Chợ búa là chợ phố. Búa cùng vần với buôn, bản chỉ chỗ ở liên hệ với Đức ngữ, Anh ngữ burg, thành phố như St Peterburg, Strasburg... Chợ búa, chợ phố rõ ra là một từ ghép...

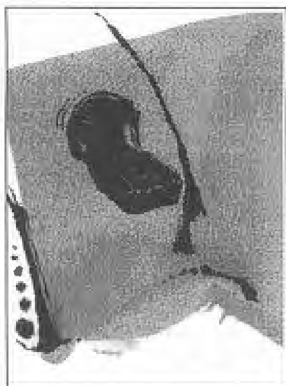
Tóm lại thành tố láy trong tiếng láy Việt ngữ đều có nghĩa, có thể còn giữa nguyên nghĩa của từ mẹ mà nó láy hay nghĩa đã *'láy'*, đã *'lái'*, đã *'lai'*... đi. Thành tố láy có thể là một từ Việt cổ đã bị mai một hoặc còn ở đâu đó hay là một từ có cùng nghĩa trong ngôn ngữ liên hệ với Việt ngữ. Chúng tôi đã dựa vào khám phá này để tìm nguồn gốc nghĩa ngữ cổ ngữ Việt và tìm những từ liên hệ với Việt ngữ trong ngôn ngữ loài người.

NGUYỄN XUÂN QUANG



VÕ XUÂN TRANG

Luật viết dấu hỏi dấu ngã trong từ láy



I. TỪ LÁY VÀ CÁCH NHẬN BIẾT TỪ LÁY

1. Từ láy

Từ láy là những từ được cấu tạo gồm hai tiếng (âm tiết) trở lên (phần lớn là từ hai tiếng) và giữa các tiếng có quan hệ về mặt âm thanh với nhau, trong đó ít nhất có một tiếng không có nghĩa. Ví dụ: V*ui vẻ, đẹp đẽ, khỏe khoắn, lạnh lùng, phất phơ,* v.v...

Sau đây chúng ta tìm hiểu thêm về các quan hệ về âm và quan hệ về thanh ở trong từ láy.

1.1. Quan hệ về âm

Quan hệ về âm giữa các tiếng trong từ láy được biểu hiện cụ thể như sau:

- Ở phụ âm đầu: Có những từ láy chỉ có phụ âm đầu được láy lại. Ví dụ: *mạnh mẽ* (m - m), *đẹp đẽ*(đ - đ), *lóng lánh* (l - l), v.v...

Từ láy kiểu này được gọi là từ láy phụ âm đầu hay từ lấy âm đầu:

- Ở phần vần: Có những từ láy chỉ có phần vần được láy lại. Ví

vụ: *lúng túng, thắc mắc, bủn rủn, lơ thơ,* v.v...

Từ láy kiểu này được gọi là từ láy vần.

- Ở cả phụ âm đầu và phần vần: Có những từ láy cả phụ âm đầu và phần vần đều được láy lại. Ví dụ: *Chuồn chuồn, ba ba, rầm rầm, bươm bướm, châu chấu,* v.v...

Từ láy kiểu này được gọi là từ láy hoàn toàn hay còn gọi là từ lặp [1].

Như vậy, nói đến từ láy trước hết chúng ta cần phải chú ý đến các quan hệ về phụ âm đầu và phần vần, hoặc cả phụ âm đầu và phần vần giữa các tiếng trong từ láy. Ngoài quan hệ về âm, giữa các tiếng của từ láy còn có quan hệ về thanh. Do đó chúng ta cần xét thêm quan hệ về thanh.

1.2. Quan hệ về thanh điệu

Về mặt thanh điệu giữa các tiếng trong từ láy cũng có quan hệ khá rõ. Quan hệ về thanh điệu ở trong từ láy có các biểu hiện cụ thể sau đây:

- Quan hệ cùng thanh.

Các tiếng của từ láy có thể là cùng thanh điệu.

Ví dụ:

* *Lơ thơ, rung rinh* (thanh ngang - thanh ngang).
* *Bối rối, lúng túng* (thanh sắc - thanh sắc).
* *Thỉnh thoảng, đủng đỉnh* (thanh hỏi - thanh hỏi).
* *Lững thững, dễ dãi* (thanh ngã - thanh ngã), v.v...

- Quan hệ cùng nhóm thanh.

Hệ thống thanh điệu của tiếng Việt có thể chia thành hai nhóm: nhóm thanh cao (còn gọi là nhóm thanh bổng) và nhóm thanh thấp (còn gọi là nhóm thanh trầm).

- Nhóm thanh cao gồm có các thanh:

Thanh hỏi, thanh sắc và thanh ngang (còn gọi là thanh không).

- Nhóm thanh thấp gồm có các thanh:

Thanh huyền, thanh ngã và thanh nặng.

Quan hệ cùng nhóm thanh ở trong từ láy thể hiện ở chỗ: Thanh điệu của các tiếng trong từ láy bao giờ cũng thuộc cùng một nhóm thanh. Nếu như một tiếng của từ láy có thanh thuộc nhóm thanh cao thì thanh của tiếng kia cũng thuộc nhóm thanh cao. Ví dụ: *vui vẻ, mát mẻ, lung tung,* v.v...

Ngược lại, một tiếng của từ láy có thanh thuộc nhóm thanh thấp thì tiếng kia cũng có thanh thấp. Ví dụ: *đẹp đẽ, lạnh lùng, dễ dãi,* v.v...

Quan hệ về mặt thanh điệu giữa các tiếng trong từ láy như vậy là có quy luật và có tính phổ biến. Chỉ trừ một số trường hợp rất ít có tính chất ngoại lệ không có quan hệ về thanh.

Ví dụ: *ngoan ngoãn, bền bĩ, phỉnh phờ*, v.v... Thanh điệu của các tiếng trong những từ láy này không cùng thanh và cũng không cùng nhóm thanh.

Quy luật hài hòa về mặt thanh điệu giữa các tiếng trong từ láy (cùng thanh hoặc cùng nhóm thanh) như đã phân tích trên đây, người ta gọi là quy luật hài thanh hay quy luật thuận thanh và cũng có người gọi là luật phù trầm. Nhờ quy luật hài thanh đó mà người ta đã tìm ra luật viết dấu hỏi, dấu ngã trong từ láy, chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau.

1.3. Về mặt ý nghĩa của các tiếng trong từ láy

Về mặt ý nghĩa, từ láy và từ ghép khác nhau ở chỗ: Trong từ ghép[2] các tiếng đều có nghĩa chân thực như: *đất nước, nhà cửa, xe đạp, hoa hồng*,v.v... Chỉ có một số ít từ ghép nhưng nghĩa của một tiếng đã bị mất, ngày nay ít người biết như: *đường sá, xe cộ, hỏi han*,v.v... (*sá, cộ, han* nghĩa đã bị mất). Còn đại bộ phận các tiếng trong từ ghép đều có nghĩa. Trong từ láy có một số ít trường hợp cả hai tiếng đều không có nghĩa (hay nói đúng hơn hiện nay chúng ta không biết được nghĩa của các tiếng đó) như: *đủng đỉnh, lẩm cẩm, vu vơ, bẽn lẽn*, v.v..., còn đại bộ phận từ láy đều có một tiếng có nghĩa chân thực và một tiếng không có nghĩa chân thực. Ví dụ: *đẹp đẽ, mới mẻ, lạnh lùng, vội vàng*, v.v... Các tiếng *đẽ, mẻ, lùng, vàng* v.v... đều không có nghĩa chân thực. Nắm được đặc điểm về mặt ý nghĩa của các tiếng trong từ láy sẽ phân biệt được từ ghép và từ láy và giúp các bạn nhận biết được từ láy một cách đúng đắn và dễ dàng.

2. Cách nhận biết từ láy

Từ ghép và từ láy phần lớn là những từ gồm hai tiếng. Muốn phân biệt từ láy với từ ghép, trước hết ta phải chú ý đến quan hệ về âm và quan hệ về thanh giữa các tiếng tạo nên từ đó. Trường hợp nếu dựa vào quan hệ âm, thanh nhưng không nhận biết được thì ta phải dựa vào ý nghĩa của các tiếng để nhật biết. Để nhận biết từ láy, các bạn có thể dùng các mẹo sau đây:

2.1. Mẹo dựa vào âm (mẹo 1)

Nếu một từ nào đó mà giữa hai tiếng có phụ âm đầu giống nhau

hoặc có phần vần giống nhau hoặc cả âm đầu và vần đều giống nhau thì đó là từ láy. Ví dụ: <I>*xấu xa, sáng sủa, chăm chỉ, bùi ngùi,* v.v... đều là từ láy. Áp dụng mẹo này, có một số trường hợp sẽ lúng túng vì có những từ ghép nhưng có phụ âm đầu và vần giống nhau một cách ngẫu nhiên như *mồ mả* (phụ âm đầu *m* giống nhau), *sửa chữa* (vần *ưa* giống nhau). Do đó chúng ta phải dùng một mẹo bổ sung khác để nhận biết từ láy hay không phải từ láy.

2.2. Mẹo dựa vào thanh (mẹo 2)

Nếu một từ nào đó mà hai tiếng có phụ âm đầu hoặc vần giống nhau, nhưng không có sự hài hòa về thanh điệu (cùng thanh hoặc cùng nhóm thanh) thì từ đó không phải là từ láy.

Dùng mẹo này chúng ta dễ dàng loại trừ những từ như: *mồ mả, mỏi mệt, sửa soạn, sửa chữa, tưởng tượng,* v.v... ra khỏi từ láy, vì những từ này tuy có phụ âm đầu giống nhau *(mồ mả, mỏi mệt, sửa soạn,* v.v...) hoặc có vần giống nhau (*sửa chữa*) hoặc cả phụ âm đầu và vần giống nhau (*tưởng tượng*) nhưng không có sự hài hòa về mặt thanh điệu, tức là giữa các tiếng không có quan hệ về thanh như đã phân tích ở phần trên.

Dùng mẹo này chúng ta sẽ gạt bỏ được những từ ghép mà giữa các tiếng có quan hệ về âm giống như từ láy nhưng là quan hệ ngẫu nhiên.

Trong thực tế cũng có những từ ghép nhưng lại có quan hệ về âm và quan hệ về thanh giống như từ láy. Đó là trường hợp như: *Giữ gìn, nghỉ ngơi, hỏi han*, v.v... Đối với các trường hợp này đến dùng hai mẹo trên đây sẽ lúng túng. Vì vậy chúng ta sẽ dùng một mẹo bổ sung khác nữa.

2.3. Mẹo dựa vào nghĩa (mẹo 3)

Nếu như có một từ nào đó mà cả hai tiếng đều có sự hài hòa âm và hài thanh nhưng cả hai đều có nghĩa thì từ đó không phải là từ láy. Dùng mẹo này chúng ta sẽ gạt bỏ những từ như *giữ gìn, nghỉ ngơi, hỏi han,* v.v... ra khỏi từ láy, vì *gìn* vốn có nghĩa là *giữ, ngơi* có nghĩa là *nghỉ, han* có nghĩa là *hỏi*, v.v...

Đối với các trường hợp như: *mồ mả, mỏi mệt, sửa soạn, sửa chữa,* v.v... chúng ta có thể dùng mẹo hai, nhưng cũng có thể dùng ngay mẹo 3 để gạt bỏ chúng ra khỏi từ láy, vì xét về ý nghĩa thì các tiếng trong các từ nói trên đều có nghĩa chân thực.

2.4. Mẹo đảo trật tự (mẹo 4)

Một số từ ghép liên hợp nếu giữa các tiếng có quan hệ âm thanh giống như từ láy một cách ngẫu nhiên, ngoài việc dùng các mẹo 2, mẹo 3 có thể nhận biết, chúng ta có thể dùng thêm mẹo đảo trật tự các tiếng để xác định là từ ghép hay từ láy. Đối với từ láy và từ ghép, chính phụ thì trật tự các tiếng là cố định, còn đối với từ ghép liên hợp có một số trường hợp trật tự của các tiếng lại tự do thay đổi. Do đó đối với các trường hợp nếu dùng các mẹo trên mà còn băn khoăn, nhất là đối với các từ ghép trong đó có các tiếng nghĩa đã bị mất đi thì chúng ta có thể dùng mẹo đảo trật tự các tiếng để xác định. Nếu như trật tự các tiếng mà đảo ngược thì từ đó là từ ghép liên hợp chứ không phải từ láy. Dùng mẹo này chúng ta sẽ kết luận những từ như *giữ gìn, lả lơi, lơ lửng, hờ hững*, v.v... là từ ghép liên hợp, vì trật tự các tiếng trong những từ này có thể đảo ngược được: *giữ gìn - gìn giữ, lả lơi - lơi lả, lơ lửng - lửng lơ, hờ hững - hững hờ,* v.v... [3]. Quan hệ về mặt âm thanh giữa các tiếng trong các từ ghép nói trên là quan hệ có tính chất ngẫu nhiên.

Tóm lại từ láy là những từ mà giữa các tiếng có sự láy lại về âm thanh. Do đó, muốn nhận biết được từ láy trước hết chúng ta phải xét về mặt quan hệ âm thanh. Trong thực tế tiếng Việt, có những từ ghép, về mặt hình thức âm thanh lại gần giống từ láy hoặc giống như từ láy nên chúng ta phải dựa vào ý nghĩa các tiếng để phân biệt từ láy hay từ ghép. Các mẹo chúng tôi đưa ra trên đây đều có mẹo giúp các bạn xác định được từ nào là từ láy (mẹo 1), nhưng cũng có mẹo lại giúp các bạn xác định từ nào không phải từ láy (mẹo 2 - mẹo 3). Các mẹo đó nói chung đều giúp các bạn trong việc nhận biết từ láy một cách dễ dàng, nhanh chóng, các bạn nên sử dụng cùng một lúc nhiều mẹo chứ không nên dùng mẹo này không được rồi mới dùng mẹo khác.

Việc nắm được từ láy và cách nhận biết từ láy, sẽ giúp ích cho bạn rất nhiều trong việc viết đúng dấu hỏi, dấu ngã đối với các từ láy.

Nếu không phân biệt từ nào là từ láy, từ nào là từ ghép thì các bạn không thể nào vận dụng được luật hỏi ngã trong từ láy mà chúng tôi sẽ trình bày dưới đây.

II. LUẬT VIẾT DẤU HỎI, DẤU NGÃ TRONG TỪ LÁY

Dựa vào quy luật hài thanh của các từ láy như đã trình bày ở phần trên, chúng ta có thể rút ra một vài nhận xét sau đây:

Trong từ láy, tiếng có thanh ngã bao giờ cũng đi với các tiếng có

thanh huyền, thanh nặng, hoặc thanh ngã; ngược lại, tiếng có thanh hỏi bao giờ cũng đi với các tiếng có thanh sắc, thanh ngang, hoặc thanh hỏi.

Trên cơ sở quy luật hài thanh đó, người ta đã tìm ra luật (hay mẹo) viết đúng dấu hỏi, dấu ngã trong từ láy và gọi tắt là luật hỏi ngã trong từ láy.

1. Nội dung của luật hỏi ngã trong từ láy

a. Khi một chữ của từ láy đã viết dấu huyền, dấu nặng, dấu ngã thì chữ kia phải viết dấu ngã (chứ không viết dấu hỏi).

- Theo luật này thì khi gặp các từ láy như *sẵn sàng, vẽ vời, kỹ càng,* v.v... các bạn cứ yên tâm viết các chữ *sẵn, vẽ, kỹ* với dấu ngã, vì các chữ *sàng, vời, càng* đã có dấu huyền.

- Đối với các từ láy như: *dữ dội, đẹp đẽ, não nuột, lạnh lẽo,* v.v... theo luật trên các bạn viết *dữ, đẽ, não, lẽo* với dấu ngã vì các chữ *dội, đẹp, nuột, lạnh* đã viết dấu nặng.

- Đối với cá từ láy kiểu như *dễ dãi*, v.v... các bạn đã viết *dễ* viết dấu ngã (vì có *dễ dàng*) thì theo luật này *dãi*phải viết dấu ngã.

Như vậy theo luật đó các bạn có thể tự mình viết và kiểm tra xem viết dấu ngã đối với các từ láy có đúng không. Luật này chỉ mới giúp các bạn viết đúng dấu ngã. Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung thứ hai của luật để viết đúng dấu hỏi.

b. Khi một chữ của từ láy đã viết dấu sắc, không dấu hoặc dấu hỏi thì chữ kia phải viết dấu hỏi (chứ không viết dấu ngã).

- Theo luật này đối với các từ như: *mát mẻ, vất vả, thảm thiết, hớn hở,*v.v... vì đã có các chữ *mát, vất, thiết, hớn...* viết dấu sắc, nên các chữ *mẻ, vả, thảm, hở...* các bạn cứ viết dấu hỏi là đúng.

- Còn đối với các từ như v*ui vẻ, thong thả, lẻ loi,* v.v... các bạn đã viết các chữ: *vui, thong, loi*, v.v... viết không dấu, nên các chữ *vẻ, thả, lẻ* viết dấu hỏi.

- Trường hợp các từ láy như: *thỉnh thoảng, đủng đỉnh, lẩm cẩm*, v.v... cả hai chữ đều viết dấu hỏi thì ở phần vận dụng luật chúng tôi sẽ nói rõ hơn.

Trên đây, chúng ta đã trình bày với các bạn nội dung luật hỏi, ngã trong từ láy và cũng đã đưa ra một số thí dụ minh họa cho luật đó, nhưng trong thực tế có những từ láy mà cách viết dấu hỏi, dấu ngã lại không theo luật đã trình bày ở trên. Đây là những trường hợp ngoại lệ.

Vì vậy bên cạnh việc nhớ nội dung luật, các bạn cần nắm được các trường hợp ngoại lệ sau đây để viết cho đúng dấu hỏi, dấu ngã.

- *Ngoại lệ 1*: Những từ láy theo luật thì phải viết dấu ngã nhưng thực tế lại viết dấu hỏi: *niềm nở, luồn lỏi, bền bỉ, hẳn hòi, dòm dỏ, phỉnh phờ, xoàng xỉnh, vẻn vẹn, lẳng lặng*.

- *Ngoại lệ 2*: Những từ láy theo luật phải viết dấu hỏi nhưng thực tế lại viết dấu ngã: *ngoan ngoãn, khe khẽ, se sẽ*.

Số lượng ngoại lệ không quá vài chục chữ.

2. Cách nhớ luật hỏi ngã trong từ láy

Quy luật hài thanh trong từ láy áp dụng vào chính tả, giúp chúng ta viết đúng dấu hỏi, dấu ngã trong từ láy. Luật đó có thể gọi luật chính tả "*huyền, ngã, nặng; hỏi sắc, không,*" vì trong từ láy khi viết chính tả thì dấu quyền, dấu ngã và dấu nặng thường đi với nhau; các dấu sắc, dấu hỏi và không dấu thường đi với nhau.

Để nhớ luật này, các bạn cần nhớ câu ca dao sau đây:

*Chị **Huyền** vác **nặng ngã** đau,*
*Anh **Sắc** không **hỏi** một câu gọi là*

Nhớ câu này là các bạn đã nhớ được nội dung luật viết hỏi ngã trong từ láy.

3. Cách vận dụng luật hỏi ngã

Sau khi nắm được nội dung luật, cách nhớ luật, các bạn cần phải biết cách vận dụng luật. Có người tuy nắm được luật, nhớ được luật nhưng vẫn lúng túng khi viết dấu hỏi, dấu ngã trong từ láy, vì không biết cách vận dụng luật.

Sở dĩ không vận dụng được luật là vì các lý do sau đây:

- Không phân biệt được từ láy và những từ không phải từ láy nên việc vận dụng luật sẽ gặp khó khăn và lúng túng.

- Đối với các từ đơn hoặc từ ghép: nếu không biết cách tạo ra từ láy hoặc đưa các từ đó về dạng láy để áp dụng luật thì việc vận dụng luật sẽ bị hạn chế rất nhiều.

Nói là luật hỏi, ngã trong từ láy nhưng phạm vi áp dụng không phải chỉ đơn thuần đối với từ láy mà còn mở rộng ra phạm vi từ đơn và từ ghép. Như vậy, luật hỏi ngã trong từ láy không những chỉ vận dụng trong phạm vi từ láy mà còn vận dụng ra ngoài phạm vi từ láy. Để vận

dụng được luật hỏi ngã trong từ láy các bạn cần nắm chắc hai điều kiện sau đây:

- Một là phải nắm được từ láy và cách nhận biết từ láy, để phân biệt từ láy và những từ khác không phải từ láy.

- Hai là biết cách tạo ra những từ đơn thành từ láy hoặc dạng láy, để vận dụng luật hỏi ngã này.

Đó là những điều kiện mà các bạn cần thiết phải có mới vận dụng luật một cách thành thạo và có hiệu quả. Sau đây chúng tôi sẽ trình bày cách vận dụng luật này trong phạm vi từ láy và ngoài phạm vi từ láy.

3.1. Đối với từ láy

Đối với từ láy thì việc vận dụng luật hỏi ngã không có gì khó khăn, chỉ cần các bạn nhớ được luật và cách nhận biết từ láy, ngoại trừ hai trường hợp khi vận dụng luật có khó khăn.

a. Trường hợp 1: Khi cả hai chữ của từ láy đều viết dấu ngã như: *dễ dãi, võ vẽ*, v.v... Đối với các trường hợp này thì công việc đầu tiên của các bạn là phải xác định cho được một chữ viết dấu ngã. Khi đã xác định một chữ viết dấu ngã thì chữ kia ắt là phải viết dấu ngã. Nhưng làm sao để xác định được một chữ nào đó của từ láy có dấu hỏi hay ngã?

Muốn xác định được một chữ nào đó viết là dấu hỏi hay dấu ngã, tốt nhất và nhanh nhất là các bạn nên tìm một từ láy khác mà từ láy đó có cái chữ mà bạn cần muốn xác định viết là dấu hỏi hay dấu ngã. Trở lại trường hợp *dễ dãi* đã nêu ra ở trên để làm ví dụ: Chắc các bạn sẽ đặt ngay câu hỏi: Tại sao lại biết *dễ dãi* viết dấu ngã mà không phải viết dấu hỏi. Để trả lời câu hỏi này, các bạn chỉ cần tìm được một trong hai chữ *dễ* hoặc *dãi*có dấu gì là xong. Trước hết ta nên chọn chữ *dễ* vì với chữ *dễ* ta sẵn có từ láy *dễ dàng* và với từ láy *dễ dàng* bạn đã xác định chữ *dễ* phải viết dấu ngã. Khi đã biết *dễ* viết dấu ngã rồi thì *dãi* cũng phải viết dấu ngã.

Với cách đó, bạn có thể chọn chữ *dãi*để xác định *dãi* viết dấu hỏi hay dấu ngã. Trường hợp nếu như bằng cách đó vẫn không xác định được một trong hai chữ viết dấu hỏi hay dấu ngã thì các bạn cố gắng học thuộc, như trường hợp *võ vẽ*.

b. Trường hợp 2: Khi cả hai chữ đều viết dấu hỏi như *đủng đỉnh, lẩm cẩm, thỉnh thoảng, rỉ rả*, v.v...

Đối với các trường hợp này bạn cũng phải làm thao tác như trường hợp cả hai chữ đều viết dấu ngã ở trên.

Chúng tôi xin mách thêm cho các bạn một mẹo khác nữa để xác định một trong hai chữ đó viết dấu gì (hỏi hay ngã).

Khi các bạn không tìm ra một từ láy trong đó có chữ các bạn đang cần biết viết dấu gì, các bạn có thể đưa từ đó về dạng láy tư (4 tiếng) kiểu như: >*đủng đỉnh —> đủng đa đủng đỉnh, lủng lẳng —> lủng la lủng lẳng*, v.v... Khi các bạn thấy xuất hiện *đủng đa* (đủng đỉnh), *lủng la* (lủng lẳng) thì các bạn có thể khẳng định *đủng, lủng* phải viết dấu hỏi rồi, và như vậy *đỉnh, lẳng* phải viết dấu hỏi.

Nếu không tìm được từ láy, cũng không đưa được về dạng láy (kiểu 4 tiếng) thì các bạn lại đành phải nhờ đến bảng tra cho chắc chắn, nếu như bạn không tin vào trí nhớ của mình, như trường hợp: *thỉnh thoảng.*

Tóm lại, đối với phạm vi từ láy, có trường hợp cả hai chữ cùng dấu hỏi, hoặc cùng dấu ngã thì việc vận dụng luật có những hạn chế nhất định. Đối với các trường hợp này, công việc đầu tiên các bạn cần làm là phải xác định cho được một trong hai chữ viết dấu gì (hỏi hay ngã). Việc xác định một chữ nào đó viết dấu gì có thể dựa vào một từ láy khác có cái chữ các bạn cần xác định. Nếu không tìm được từ láy thì các bạn lại tạo ra dạng láy tư để xác định chữ đó viết dấu hỏi hay dấu ngã.

3.2 Đối với những từ không phải từ láy

Ở phần trên chúng tôi mới nói đến việc vận dụng luật hỏi ngã trong phạm vi từ láy. Luật hỏi ngã ở đây là luật hỏi ngã của từ láy nhưng việc vận dụng luật thì không dừng ở phạm vi từ láy mà còn mở rộng ra ngoài từ láy, chẳng hạn như đối với các từ đơn và từ ghép.

Một số từ đơn hoặc một số chữ trong các từ ghép nếu các bạn phân vân không biết viết dấu hỏi hay dấu ngã thì các bạn phải tìm thêm một từ láy có từ đó hoặc cái tiếng đó rồi vận dụng luật để tìm dấu hỏi hay dấu ngã. Sau đây là một vài ví dụ:

Từ	**Từ láy**	**Viết dấu gì?**
dễ (dễ làm)	> dễ dàng	dáu ngả
dở (làm dở chưa xong)	> dở dang	dấu hỏi
khỏe (khỏe mạnh)	> khỏe khoắn	dấu hỏi
nghĩ (suy nghĩ)	> nghĩ ngợi	dấu ngã
nghỉ (nghỉ giải lao)	> nghỉ ngơi	dấu hỏi
v.v...		

Còn *ủ rũ* là một từ ghép, nếu các bạn không biết chữ nào viết dấu hỏi, chữ nào viết dấu ngã thì các bạn cứ tách các chữ đó ra rồi tìm cách đưa về từ láy: *ủ ê*. Đây là từ láy giống nhau ở phụ âm đầu vì đều không có phụ âm đầu. Khi đã có từ láy *ủ ê* thì bạn cứ yên tâm viết *ủ* dấu hỏi vì *ê* không dấu.

Còn *rũ* thì ta đã có từ láy *rũ rượi* nên bạn biết ngay *rũ* phải viết dấu ngã.

Khi tạo ra từ láy để xác định dấu hỏi hay dấu ngã, các bạn cần chú ý chọn từ láy sao cho nghĩa của tiếng đó, khi đứng một mình cũng như khi nó đứng trong từ láy, phải là một.

Ví dụ: *dễ* (dễ làm) và *de* trong *dễ dàng, dễ dãi* cũng là một vì nghĩa giống nhau.

- *ủ* trong *ủ rũ* và *ủ* trong *ủ ê* cũng giống nhau.

- *Rũ* trong *ủ ru* cũng giống *rũ* trong r*ũ rượi.*

Khi nào bạn tìm được từ láy mà ý nghĩa của tiếng đó trong từ láy cũng giống như khi nó đứng một mình hoặc trong từ ghép thì việc xác định dấu hỏi hay dấu ngã mới chính xác. Còn nếu bạn tìm ra từ láy nhưng nghĩa khác nhau thì bạn không thể xác định cách viết đúng được. Chẳng hạn *rũ* trong *ủ rũ* mà bạn lại tìm từ láy *rủ rê* thì bạn sẽ viết sai ngay.

Như vậy nhờ vận dụng luật hỏi ngã trong từ láy mà các bạn có thể viết đúng dấu hỏi, dấu ngã của một số từ đơn và cả từ ghép.

VÕ XUÂN TRANG

CHÚ THÍCH:

(1) Ở đây chúng tôi chỉ trình bày sơ lược không chi tiết về từ láy.

(2) Dựa vào quan hệ về nghĩa của các tiếng trong từ ghép người ta chia từ ghép ra làm hai loại: Từ ghép liên hợp và từ ghép chính phụ. Từ ghép liên hợp là từ ghép mà ý nghĩa các tiếng có quan hệ bình đẳng với nhau như: *thôn xóm, tốt tươi* v.v... Từ ghép chính phụ là từ ghép mà ý nghĩa các tiếng có quan hệ phụ thuộc như: *xe đạp, cà chua, máy cày* v.v...

(3) Ngoài việc đảo trật tự các tiếng, còn có thể dùng cách tách các tiếng và xen các từ vào giữa. Nếu tách và xen được các từ khác vào giữa thì đó là từ ghép. Ví dụ: *Gìn vàng giữ ngọc, bướm lả ong lơi, v.v...*



NGUYỄN HỮU LÊ

Mối quan hệ giữa cá tính sáng tạo và tính kế thừa của tư duy nghệ thuật trong văn học.



Trọng sáng tác văn học, cá tính sáng tạo là một khái niệm mà cho đến nay người ta mới chỉ có hình dung mơ hồ về nó hơn là một cách hiểu rạch ròi, sáng sủa. Một tác phẩm có cá tính sáng tạo thường được giải thích là mang nặng "dấu ấn riêng biệt" của người viết ra nó. Nhưng ngay cả những ẩn dụ có vẻ nặng ký này cũng chỉ là cách lấy một lối hiểu mơ hồ nhằm diễn đạt một lối hiểu mơ hồ hơn mà thôi.

Điều đáng ngờ trong cách bài bình văn là cách đối lập một cách thái quá giữa cái riêng và cái chung. Cá tính sáng tạo thường được tìm tòi ở khía cạnh "không giống ai" và ngược lại những bài viết vô bản sắc thường được đồng nhất với lý do lặp lại lối mòn của người khác hoặc của chính mình.

Thực ra một nhà văn có cá tính sáng tạo thường lại là kẻ biết kế thừa nhiều nhất những giá trị văn hóa vô hạn của nhân loại. Cá tính sáng tạo không hề đối lập với tính phổ quát và ngược lại cái "không giống ai" một cách lập dị lại khó có thể coi là có cá tính sáng tạo.

Trong lịch sử văn học Việt Nam chẳng hạn, Truyện Kiều của Nguyễn Du thường được các nhà nghiên cứu xem xét như là một mẫu

mực ở góc độ cá tính sáng tạo. Quả thật thế, đọc Truyện Kiều ở góc độ cảm thụ cảm tính cũng như góc độ tiếp cận lý tính, người đọc đều có ấn tượng mới mẻ và độc đáo. Nhưng mọi cách đối lập để chứng minh cái riêng biệt tuyệt đối của Nguyễn Du lại thường ít có sức thuyết phục hệ thống.

Các nhà nghiên cứu đã thử đối lập Truyện Kiều với thể loại Truyện Nôm và kết quả xem ra thật khả quan. Truyện Kiều đã làm lạ hóa thể loại Truyện Nôm trên khá nhiều bình diện:-Sự xuất hiện của phương pháp phân tích tâm lý đã phá vỡ cốt truyện giản lược của Truyện Nôm; sự tôn trọng logic phát triển nội tại bên trong của nhân vật cũng như logic thực tại đã phá vỡ công thức cái hậu tuyệt đối cũng như các đường ranh giới tuyệt đối thiện- ác, chính- tà có trong thể loại truyện Nôm. Nhân vật của Truyện Kiều thiện đó mà ác cũng đó, chính đó mà tà cũng đó.Nhìn từ góc độ này là chính, từ góc độ khác là tà, từ góc độ này là thiện , từ góc độ khác lại là ác. Cái nhìn, cách phân tích nhiều chiều từ góc độ văn hóa là cái mới lạ của Truyện Kiều so với thể loại truyện Nôm cùng thời.

Thế nhưng phương pháp phân tích tâm lý có trong Truyện Kiều lại khó có thể coi là của riêng Nguyễn Du. Các thể loại trữ tình cùng thời như thơ, phú, ngâm...đã xuất hiện những câu phân tích nội tâm tài hoa. Trong Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Thơ Đường, ca dao...cái nhìn triết lý cũng như nghệ thuật nhiều chiều đã xuất hiện một cách phổ biến trước và trong giai đoạn Nguyễn Du sáng tác Truyện Kiều.

Hiện tượng đa tạp thể loại cũng như đa nguyên văn hóa có trong Truyện Kiều đã góp phần tạo nên cá tính sáng tạo của nhà văn. Tuy nhiên, mọi sự cố gắng đối lập một cách siêu hình cái “mới” như là cái “riêng” tuyệt đối của chủ thể sáng tạo là một cách nhìn phiến diện. Cá tính sáng tạo của nhà văn được hình thành trên cơ sở mối quan hệ giữa tính kế thừa và sáng tạo. Mọi sự cố gắng lập dị khác người của các nhà văn kém tài mặc dù rất riêng biệt, không giống ai nhưng không tạo nên được cá tính sáng tạo; ngược lại ở những nhà văn có dấu ấn cá tính lớn bao giờ cũng là những nhà văn có khả năng kế thừa một cách tuyệt vời kho tài sản văn hóa phong phú của nhân loại.

-Cá tính sáng tạo như đã nói không hề đối lập với tính kế thừa xét từ góc độ phương pháp sáng tạo mà còn từ góc độ hệ chuẩn đo lường nhằm thẩm định, bình giá nghệ thuật. Trong hoạt động bình giá nghệ thuật đương đại, đôi khi người ta đề cao một cách thái quá thẩm mỹ cá tính mà quên mất đặc trưng thẩm mỹ loại tính . Thực ra trong lịch sử văn học nghệ thuật, lối thẩm mỹ cá tính xuất hiện khá muộn mằn.

Đã có một thời kỳ khá dài trong lịch sử văn học nghệ thuật người ta chỉ biết đến thẩm mỹ loại tính.

Sự xuất hiện vai trò chịu trách nhiệm của tác giả chẳng hạn đối với tác phẩm của mình cũng như ý thức về danh vọng nghề nghiệp gắn với bản quyền hoàn toàn xa lạ với văn học dân gian. Ngay cả khi xuất hiện nền văn học bác học ở giai đoạn sơ khai, nhà văn cũng chưa có ý thức rõ rệt về vai trò cá nhân. Có rất nhiều sáng tác của các tác giả khuyết danh chẳng liên quan gì đến việc phải giấu tên vì lý do chính trị hoặc tôn giáo mà chủ yếu là do quan niệm sáng tác thời đó.

Hiện tượng giống nhau về cách kể chuyện cũng như sự phát triển chậm chạp của thể loại truyện cổ dân gian là một trong những ví dụ điển hình. Người kể chuyện cũng như người nghe truyện cổ tích không bận tâm đến thẩm mỹ cá tính theo quan niệm của người hiện đại. Hiện tượng đồng tác giả, hay nói cách khác là không cần biết đến vai trò tác giả trong truyện cổ tích hoàn toàn tương hợp với thị hiếu thẩm mỹ theo loại tính. Người nghe truyện cổ tích không bận tâm đến vai trò sáng tạo của cốt truyện hoặc phương pháp miêu tả cá biệt hóa nhân vật. Cốt truyện trong truyện cổ tích có chung một sơ đồ kết cấu. Nhân vật truyện cổ tích không cần có xuất xứ riêng biệt, không cần có tâm lý tâm trạng đặc biệt. Điều quan trọng là loại tính thiện và loại tính ác có được diễn tả đúng như thói quen quan niệm của công chúng hay không. Kết thúc có hậu trong truyện cổ tích cũng đánh dấu dấu ấn của thói quen kể trên.

Dấu vết của thẩm mỹ loại tính còn in đậm trong một thời gian khá dài của lịch sử văn học thành văn. Tư duy nghệ thuật có những thời kỳ hình thành như là những tập hợp tương đồng (nhà lý luận về sau thường dùng các thuật ngữ như khuynh hướng, phương pháp sáng tác, thể loại...v.v.) Thậm chí có những giai đoạn, người ta không quan niệm sáng tác là một cái gì đó khác hơn bắt chước tiền nhân (tập cổ).Bên cạnh hiện tượng tôn trọng các niêm luật của thể loại, trong văn học trung thế kỷ Việt Nam trở về trước, các thói quen ước lệ, tượng trưng trong mô tả, thói quen coi nhân vật như là phương tiện của dự đồ tư tưởng, phi cá tính, trừu tượng và công thức.(Chúng tôi sẽ dành vấn đề này trong phần tiếp theo :"Tư duy nghệ thuật trong văn học xét từ lát cắt lịch đại").

Nói như thế không có nghĩa là trong giai đoạn nhà văn chưa có ý thức rõ rệt về thẩm mỹ cá tính thì tuyệt đối không xuất hiện phong cách nhà văn trong tư duy nghệ thuật. Trong hàng loạt những đặc điểm tương đồng có trong tư duy nghệ thuật thời đó đã bắt đầu hé mở mầm mống cá tính và thẩm mỹ cá biệt hóa. Điều quan trọng là khi

nhấn mạnh đặc điểm này, người nghiên cứu sẽ tránh được những sai lầm về phương pháp tiếp cận. Đã không hiếm các thầy cô dạy văn lấy đặc trưng thẩm mỹ hiện đại để bình giá các tác phẩm văn học cổ. Trong trường hợp này, do sử dụng lạc hệ chuẩn "đo lường", các bài giảng văn chỉ có thể gây cười một cách ngô nghê.

Khi nêu lên tính phổ biến của thẩm mỹ loại tính, chúng tôi đồng thời cũng nhấn mạnh đặc tính kế thừa và giao lưu của tư duy nghệ thuật trong văn học. Thậm chí trong lịch sử phát sinh và phát triển tư duy nghệ thuật trong văn học nhìn trên phạm vi thế giới, có những thời kỳ phát triển các kiểu loại tư duy nghệ thuật tương đồng trong điều kiện hoàn toàn không có giao lưu văn hóa. Kiểu tư duy nghệ thuật có trong truyện cổ tích chẳng hạn có sự giống nhau đến kinh ngạc ở hầu hết các dân tộc trên thế giới trong điều kiện không có giao lưu văn hóa hoặc giao lưu một cách kém cỏi hạn chế. Không chỉ riêng người Việt có motip mẹ ghẻ con chồng kiểu Tấm Cám. Nhưng cái đáng kinh ngạc hơn không chỉ ở những dấu hiệu bên ngoài giống nhau. Quan niệm mô tả nhân vật theo đặc tính loại (thiện, ác), giản lược đến mức tối đa việc mô tả xuất xứ hoặc vẻ ngoài của nhân vật, tôn trọng kết thúc có hậu của cốt truyện và vai trò "cầu nối" của các lực lượng phù trợ chẳng hạn là những đặc trưng có mặt hầu khắp trong các nền văn hóa thế giới có xuất hiện truyện cổ tích.Một ví dụ thú vị khác nữa là trong Truyện Kiều của Nguyễn Du đã mang dấu hiệu thể loại tiểu thuyết ở giai đoạn phát triển, mặc dù tác giả của nó không được hưởng trực tiếp mối quan hệ giao lưu với tiểu thuyết phương Tây cùng thời.

Trong điều kiện có giao lưu văn hóa, hiện tượng kế thừa của tư duy nghệ thuật trong văn học là một trong những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Tuy nhiên, cách hiểu về mối quan hệ này lắm nơi lắm lúc có những vấn đề nan giải không dễ thỏa hiệp một cách giản đơn. Sự khác nhau và giống nhau giữa đặc tính kế thừa, giao lưu trong sáng tạo với hiện tượng ăn cắp nguyên tác là một ví dụ.

Tuy nhiên ngay cả khi các ranh giới rắc rối kể trên đã được phân định đến mức có thể có sự thoả thuận chung được thì vấn đề cá tính sáng tạo xem ra vẫn chưa được giải quyết. Ấn tượng mù mờ về một khái niệm dẫn đến những quan niệm lắm khi rất xa nhau trong việc tìm kiếm cá tính sáng tạo trên lĩnh vực sáng tác lẫn phê bình văn học. Trong lĩnh vực sáng tác văn học , những tuyên ngôn tuyên chiến với các đỉnh cao của quá khứ của một nhóm nhà văn nào đó (nhóm Sáng Tạo ở miền Nam vào những năm 60 là một ví dụ) thường bắt đầu bằng tinh thần đoạn tuyệt với tính kế thừa nhiều hơn là khả năng phát

giác ra một hướng đi mới, để rồi sau đó cay đắng nhận ra mình là ai và đang ở đâu.

Cá tính sáng tạo không phủ định tính kế thừa, nhưng mục tiêu của nó không chỉ là tính kế thừa. Một nhà văn được coi là có cá tính trong sáng tạo nghệ thuật được đánh giá từ phương diện những khám phá mới mẻ của nó được thừa nhận bởi công chúng nghệ thuật. Nhưng vấn đề rắc rối và mơ hồ chính là quan niệm như thế nào là khám phá mới mẻ ? Trong cuộc chạy đua tìm kiếm cái lạ, không ít nhà văn đã thử phá cái cấu trúc hình thức của một thể loại truyền thống và đôi khi họ cũng có những thành công đáng kể. Sự xuất hiện của Thơ Mới vào nửa đầu thế kỷ này ở Việt Nam đã chắp cánh cho thơ một khả năng diễn đạt mới, không bị câu thúc thái quá bởi niêm luật của các thể thơ cổ Trung Quốc. Sau khi "phá" được cái chật chội của thể loại, những diện mạo mới của tư duy nghệ thuật trong thơ lần lượt xuất hiện. Tuy nhiên, những kiểu lập dị hình thức thỉnh thoảng tạo mốt một cách giả tạo sau đó lại không đi đến kết quả mong muốn. Không ít nhà thơ mày mò ngắt câu theo kiểu bậc thang, băm vằm câu thơ trái với nhịp âm điệu cũng như cú pháp. Tìm kiếm trong câu chữ đến nhàm chán, nhà thơ cáu tiết loại bỏ câu chữ ra khỏi thơ hoặc tẩn mẩn săm soi "bóng chữ". Gần đây xu hướng thử nghiệm loại thơ không lời, mà chỉ là những ký tự , ký âm hoặc hình ảnh là một hiện tượng đang cố tìm tòi cái "lạ" trong thơ. Người ta bắt đầu nghi ngờ ranh giới giữa nghệ thuật ngôn từ và các loại hình nghệ thuật khác như nhạc, họa. Tư duy nghệ thuật trong văn học đang có nguy cơ bị đặt ra ngoài những thang giá trị của các hình thái ý thức xã hội cũng như tâm lý xã hội, lối sống.

*

Có những khuynh hướng tìm kiếm không bị câu thúc bởi nhu cầu lạ hóa bằng mọi giá vẫn cần mẫn tìm kiếm những ưu thế của nghệ thuật ngôn từ nhằm khám phá những hướng đi mới. Nhiều nghệ sỹ lớn của thế kỷ này đã tìm tòi theo hướng này. Theo đó, họ không bỏ nhiều công sức để san phẳng những đỉnh cao để làm lại từ đầu mà chủ yếu là khẳng định quan hệ tiếp nối để hoàn thiện những thành quả mới. Những ví dụ tìm tòi trong các tác phẩm đã được khẳng định của văn học Việt Nam hiện đại đã khẳng định điều đó.

Trong bức thư trao đổi kinh nghiệm viết lách gần đây nhất với một đồng nghiệp, nhà văn Võ Phiến khẳng định:"Chung chung, tôi có cảm tưởng đối với người viết lách thì một thái độ về cuộc sống là quan trọng hơn cả. Có thiết tha, có say mê, có nồng nàn với cuộc sống,

bấy giờ hãy nghĩ tới chuyện viết"(Văn học số 150&151. Tháng 10&11-1998.Tr.45) Trong suốt bức thư này, Võ Phiến chứng minh rằng cái nhìn của nhà văn phải biết "say mê đắm đuối" cuộc sống, nghĩa là nó phải vượt qua cái ranh giới cái nhìn của đám đông vô cảm xung quanh để khám phá sáng tạo. Chung quy lại, đây cũng là một cách đối lập có ý thức với kiểu thẩm mỹ loại tính mà tôi đã có dịp trình bày ở phần trên. Muốn hiểu sâu hơn ý tưởng của Võ Phiến cũng như của nhiều nhà văn thành danh đương đại khác chúng ta có hai cách quan sát trái ngược nhau:-Cách thứ nhất là làm theo kiểu lập luận của Võ Phiến trong bài đã dẫn, đưa ra nhiều ví dụ về các cách khai thác cuộc sống theo hướng thẩm mỹ cá tính hóa của các nhà văn lớn.Cách thứ hai đưa ra những thí dụ về những nhà văn thường thường bậc trung, mặc dù cố gắng xoay xở đến mấy cũng không thoát khỏi sự lặp lại kiểu thẩm mỹ loại tính để rồi đối chiếu so sánh tìm ra những giải pháp tốt nhất.

Khi quan sát một số tác phẩm sản xuất theo nhu cầu đại chúng đại trà chúng tôi sơ bộ có vài nhận xét như sau:

-Tuyệt đại đa số các tác phẩm loại này, đặc biệt là thể loại truyện, sử dụng kinh nghiệm kích thích độc giả đã có của khuynh hướng thẩm mỹ loại tính. Cốt truyện theo đó phải có tình huống có vấn đề gay cấn như vẫn thường xẩy ra trong các tích cổ cải lương. Xung đột đẩy đến kịch tính và cao trào được sử dụng như một thủ pháp kích thích độc giả. Những pha săn bắt, rượt đuổi trong các truyện trinh thám hoặc những tình huống thảm thiết kiểu tử biệt sinh ly, người đi kẻ ở trong tuồng...được khai thác tối đa. Đây chính là lối gom lượm thời gian và biến cố nhân tính như là những tình huống có vấn đề dồn nén liên tục để gây chú ý .

Muốn làm được điều này, nhà văn thường tước bỏ logic thông thường, chỉ sắp đặt tình huống ngẫu nhiên lại với nhau để kích thích phản ứng tâm lý trong độc giả.Cái hấp dẫn suy cho cùng của loại tác phẩm này là ở tình huống có vấn đề. Còn phản ứng tâm lý của nhân vật trước tình huống thì do thiếu tài quan sát, nhà văn chỉ đưa ra được những motip tâm lý nhàn nhạt, vô bản sắc.Nhiều nhân vật khác nhau của cùng một người viết chỉ có những phản ứng tâm lý ước lệ giống nhau trong mọi trường hợp. Do tước bỏ những mảng sống đời thường mà nhà văn lười biếng thường cho là không có vấn đề, ở các tác phẩm này vai trò của quan sát tinh nhậy và say đắm cuộc sống xung quanh bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu. Ở đây tôi xin được phép không sử dụng những dẫn chứng minh họa, mặc dù biết như thế sẽ không mếch lòng ai nhưng cũng làm giảm đi nhiều lắm sức thuyết phục của lập luận.

Với một nhà văn có tài quan sát, tình huống có vấn đề đôi khi

không mấy quan trọng so với cách phản ứng tâm lý trước tình huống.Khi dự đám tang một người ruột thịt, một nhân vật của Lỗ Tấn im bặt một cách khác thường trong biến cố hy hữu này của cuộc đời rồi bỗng khóc rống lên một cách thê lương thảm thiết.Tiếng khóc đó về sau được cắt nghĩa như là sự bừng tỉnh, giác ngộ về cái vô nghĩa lý của kiếp người. Tiếng khóc thê lương đó không phải dành cho người chết mà dành cho chính kẻ khóc. Y đã ngộ ra cái mất mát quá lớn lao mà kẻ trước người sau ai cũng phải đến lượt. Mỗi cái chết của giáo Triệu trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp được khai thác ở những khía cạnh độc đáo khác nhau trong phản ứng tâm lý của nhân vật trước tình huống.Có khi đó là nỗi ngậm ngùi hoang mang trước những bí ẩn của kiếp người:"Ông Miêu bảo: Người ta triết lý để chết thì cũng phải bỏ qua thôi.Ở nước mình, nhiều cái chết ngẫu nhiên đáng sợ lắm. Mọi người đều phải vội vàng cả.Vội vàng như chẳng kịp...Đấy là thân phận anh Triệu", có khi đó là sự khẳng định thêm cái bi quan có lý trước kiếp người:"Đêm xuống.Trên trời sao giăng chi chít.Tôi bỗng hoảng hốt y hệt buổi chiều khi ráng mỡ gà đột nhiên phản chiếu. Tôi nhận ra thế giới bao la vô cùng vô tận, bản thân tôi, sự sống và ngay cả cái chết đều là bé nhỏ và không có ý nghĩa gì."(Tr.263-267.Những bài học nông thôn.Truyện ngắn chọn lọc Nguyễn Huy Thiệp.Nhà xuất bản hội nhà văn.1995)

Khi phát giác ra được rằng phản ứng tâm lý trước tình huống có khả năng làm nẩy sinh vấn đề lớn hơn rất nhiều tự thân tình huống thì nhà văn bắt đầu có khuynh hướng quan sát, phân tích , đào xới vấn đề ngay trong những sự kiện ngỡ như là tẻ nhạt của đời thường. Tiếng vọng đời thường âm ỉ rỉ máu trong các trang truyện ngắn Nam Cao.Ai dám bảo nỗi đau khi phản tỉnh của Chí Phèo là không nặng trĩu tình đời.Các nhân vật trí thức đang rỉ mòn trong sự giẫy giụa thích nghi bằng mọi giá trước những biến cố đời thường của Nam Cao làm xao động con tim người đọc đâu có kém các pha gay cấn cõng mẹ ăn xin trong tích cổ cải lương.Lớp trẻ sau này tiếp tục cái ưu thế quan sát đời thường của Nam Cao bằng giọng điệu của mình.Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Thị Thu Huệ,Tạ Duy Anh, Lê Minh Hà, Hoàng Nga, Phạm Hải Anh v.v...mỗi người một vẻ, nhưng họ đều giống nhau là dần dần đoạn tuyệt với ưu thế của tình huống, cốt truyện để đi sâu vào ưu thế phân tích tâm lý.

Phản ứng tâm lý của người kể chuyện và nhân vật (Trong văn xuôi) hoặc nhân vật trữ tình (Trong thơ) càng có cá tính cao càng có ý thức đối lập một cách rõ rệt với trạng thái vô cảm hoặc lãnh cảm trước thế cuộc nhân sinh của con người nói chung.Để làm được việc này,

nhà văn thường hạn chế thời gian vô cảm, làm bùng nổ ý thức nhân tính bằng cách phơi trần cái vô cảm , săm soi thật kỹ để làm con người tự hổ thẹn trước cái vô cảm. Các truyện ngắn Không có vua, Muối của rừng, Tướng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp đi theo hướng này.

Khi đã nhận chân ra cái vô cảm thi nhà văn có ý thức đưa cái vô cảm hoặc vờ vô cảm đối tác với nhân tính.(Biến tấu đời thường của Song Hà, Hoài cổ, Sau những hẹn hò... của Phan Thị Vàng Anh, Nhà ở phố, Chuyện nhà,Những giọt trầm...của Lê Minh Hà).

Cuộc đối thoại giữa cái mẫn cảm nhân tính với cái vô cảm lý tính trong đời thường cũng như trong tư duy nghệ thuật sẽ làm nẩy sinh những hệ giá trị mới, bổ sung vào kho tàng văn hóa tiềm tàng của nhân loại.Trở lại với sơ đồ cấu trúc của tư duy nghệ thuật trong văn học (Xin tham khảo Hợp lưu số 42 .Tr.5-18) người viết bài này muốn khẳng định thêm một lần nữa rằng những tìm tòi cách tân trong nghệ thuật ngôn từ khó lòng thoát ly khỏi những ràng buộc với công chúng nghệ thuật trên những mối liên hệ cơ bản của đặc trưng nhân tính như hình thái ý thức xã hội, tâm lý xã hội, lối sống. Những rung cảm cảm tính hay những triết lý cao siêu của con người dù rắc rối phức tạp đến mấy cũng khó lòng thoát ly ra khỏi những ràng buộc kể trên. Nhận định này dĩ nhiên rất đáng nghi ngờ vì biết đâu sang thế kỷ XXI nhân loại bỗng dưng xét lại toàn bộ những giá trị văn hóa mà tiến trình loài người đã có để chuyển sang những hệ giá trị khác không cần biết đến những bảng giá trị nhân tính đang "thống trị" thời đại chúng ta.

NGUYỄN HỮU LÊ



HOÀNG NGỌC HIẾN

Khi triết đông và triết tây soi vào nhau

(đọc chuyên luận
Bàn về tính hiệu quả của Francois Jullien)



Sinh năm 1951,thạc sĩ triết học và tiến sĩ văn khoa, Francois Jullien là giáo sư Đại học tổng hợp Paris- VII , giảng dạy triết học và mỹ học Trung hoa cổ điển.Ông là tác gi mười tập chuyên luận so sánh triét học Trung hoa và triết học Âu châu, được đặc biệt chú ý là những công trình của những năm gầnđây:

Đặt cơ sở cho đạo đức:đối thoại của Mạnh tử với một triết gia

Khai sáng(Grasset,1996),

Bàn về tính hiệu qu(Grasset,1997)

Minh triết phương Đông và Triết học phương Tây(Grasset,1998).

Những công.trình của Francois Jullien làm nổi bật vai trò cơ bản của triết học trong đối thoại của những nền văn hoá,đưa ra một phương pháp luận so sánh Triết Đông-Triết Tây làm đổi mới tư duy triết học.

Từ năm 1995,Francois Jullien là chủ tịch Viện quốc tế triết học (Collège international de philosophie), một thiết chế đặc biệt có uy tín quốc tế lớn chuyên tổ chức những cuộc hội thảo quốc tế, chủ trì xuất

bản hai bộ sách lớn("Les essais" và "La Blibliothèque") và một tạp chí triết học(Rue de Descartes).

*

Đứng từ quan điểm triết Tây để phê phán triết Đông hoặc ngược lại ,đó là phê phán (từ) bên ngoài; tiếp cận một học thuyết từ bên ngoài thì không hiểu được sâu sắc, không thấy được những điều đáng học hỏi, do đó sự phê phán cũng hời hợt (phê phán để phê phán). Trong công trình *Bàn về tính hiệu quả* ,F.J. đứng từ bên trong tư tưởng Trung hoa để hiểu quan niệm Trung hoa về tính hiệu quả, tác giả nắm bắt được chiều sâu và những sự tinh tế của quan niệm này, từ đó đối sánh với quan niệm về tính hiệu quả trong tư tưởng phương Tây, thấy được những sự khác biệt, những sở trường, sở đoản của cả hai quan niệm được đối chiếu với nhau như soi vào nhau.

Trong tư tưởng phương Tây, tính hiệu quả được xem xét chủ yếu như là kết quả thực hiện dự án(projet), mà dự án là mô hình (modèle) lý thuyết được phóng chiếu (projeté) vào thực tại tương lai, mà mô hình nào thì cũng có mục tiêu hoặc cứu cánh (fin) ,chung quy lại, thực hiện dự án là tìm những phưng tiện (moyen) thích đáng đặng thực hiện mục tiêu của dự án và như vậy, tính hiệu quả được xem xét trong mối tưng quan phương tiện-cứu cánh: những phương tiện có thực hiện được mục tiêu của dự án không, có biến mô hình lý thuyết (tức là dự án) thành thực tại không? Cách đặt vấn đề như vậy về tính hiệu quả phù hợp với một nếp tư duy khá cơ bản trong tư tưởng phương Tây, đó là nếp tư duy coi trọng mối quan hệ lý thuyết-thực hành . Mặt khác, sự chú trọng đến mô hình lý thuyết ở đây đồng bản chất với sự coi trọng xây dựng thế giới "những hình thức lý tưởng như là những mẫu nguyên uỷ(archétype) hoặc những bản chất thuần tuý(essence pure)"(tr.27) trong tư tưởng phương Tây. Việc tư tưởng Trung Hoa không quan tâm đến những hình thức lý tưởng và quan hệ lý thuyết -thực hành như ở phương Tây được tác giả liên hệ với quan niệm Trung Hoa về tính hiệu quả.

Trong tư tưởng Trung Hoa, thực tại được xem xét như là quá trình. Trong hoạt động của con người (có hiệu quả hay không?), điều quan trọng là ở mỗi thời điểm của quá trình thực tại phải nhận cho ra xu thế của tình hình ở thời điểm đó, tiếp theo là sự theo dõi sự diễn biến của xu thế trong quá trình phát triển của thực tại. Tính hiệu quả của hoạt động của con người là ở sự biết nương theo và lợi dụng xu thế của tình hình (sao cho có lợi cho ta và bất lợi cho đối thủ của ta),

là ở sự tác động tới tình hình, tạo ra sự biến hoá của tình hình, sự diễn biến của xu thế, tạo lập những điều kiện cho sự phát triển dẫn tới hệ quả (mong muốn). Sự nắm bắt, nương theo và lợi dụng xu thế của quá trình phát triển của thực tại cũng giống như lợi dụng xu thế của dòng nước: xu thế của nước là chảy xuống chỗ trũng, bắt dòng nước chảy ngược lên cao thì thật là hoài công, dòng thác có sức chảy mạnh đó là do thế từ trên cao đổ xuống, biết lợi dụng cái thế này có thể tạo dòng chảy mạnh cuốn băng đi cả những tảng đá lớn. Trong tư tưởng của phương Tây, con người hành động trực tiếp tạo ra hiệu quả, với cách suy nghĩ Trung Hoa về tính hiệu quả, con người tác động một cách gián tiếp, và hệ quả tự nó đến thông qua sự tạo điều kiện cho sự biến hoá của tình hình và xu thế tình hình. Tóm lại, tư tưởng phương Tây xem xét tính hiệu quả trong quan hệ phương tiện và cứu cánh còn trong tư tưởng Trung Hoa vấn đề này được xem xét từ góc độ tạo diều kiện (conditionnement) và hệ quả (conséquence) tức là từ góc độ tạo quá trình dẫn đến hệ quả. Hai quan niệm về tính hiệu quz dẫn tới hai phưởng thức tác dộng khác nhau tới thực tại. Tác động một cách gián tiếp (thông qua tạo điều kiện cho quá trình biến hoá và hệ quả tự nó đến) giống như vun gốc, bón phân tạo điều kiện cho cái cây tự nó mọc lên, khác với việc trực tiếp nắm lấy cái cây và kéo nó lên.

Từ quan niệm xem xét thực tại như là quá trình tư tưởng Trung Hoa chú trọng đến sự lựa chọn: tác động ở thời điểm nào, tới khâu nào của quá trình để đạt hiệu quả.Tư tưởng Trung Hoa quan tâm đến sự tác động ở thượng lưu của quá trình thực tại, ở thời điểm này, khâu này của quá trình thực tại, thực tại chưa bị khô cứng, nó còn "lỏng" (fluide), còn "mềm dẻo" (souple) do đó có thể tác động tới nó để tạo thế, chuyển xu thế mà không tốn nhiều công sức; ở hạ lưu của quá trình, thực tại đã định hình, định vị, trở thành cứng nhắc, thời điểm này tác động tới nó sẽ tốn nhiều công sức. Phải chăng câu nói của Lão tử : "*những việc khó phải làm trên đời phải được làm ở giai đoạn dễ dàng...*" là có ý nghĩa như vậy. Cũng như trong việc giáo dục con người, xây dựng tư thế và xu thế phát triển (tức là xây dựng tính cách và chí hướng) đương thời thơ ấu, công việc này tương dối dễ dàng, còn đến tuổi khôn lớn, tính cách đã hình thành, đã nhiễm nhiều thói quen và nếp sống, công việc giáo dục ắt sẽ rất khó khăn và ít hiệu quả. Tác động ở thượng lưu của quá trình là tạo vốn nguồn hiệu quả (fonds d' effet), đây là vốn ngầm nuôi dưỡng quá trình sinh ra hiệu quả sau này, nếu như những hiệu quả dặc biệt sau này là cành, là nhánh thì vốn nguồn được tạo ra ở thượng lưu là cội, là thân cây; vả chăng, có vốn

nguồn thì hiệu quả được tạo ra rồi vẫn còn dư vốn, dư sức để tiếp tục tạo hiệu quả. Can thiệp ở thượng lưu là đạt hiệu quả từ xa. Bằng sự tác động gián tiếp ở thượng lưu, hiệu quả được bao hàm ngay trong quá trình biến hoá của thực tại, hiệu quả tự nó đến, chẳng mất bao nhiều công sức, hiệu quả lại hoà vào thực tại, kín đáo và khiêm nhường. Còn như đến hạ lưu của quá trình thực tại mới ra tay, mới tác động trực tiếp gây hiệu quả, lúc này, thực tại đã dịnh hình, định vị, đã trở thành cứng nhắc, có góc, có cạnh, tác động tới nó mất nhiều công sức và hiệu quả tạo ra được sẽ như gán ghép vào thực tại, có tính chất phô trưng , lộ liễu, lập dị thế tất gây ra sự phản kháng trong thực tại, có phản kháng thì có chống trả, phản kháng lại càng quyết liệt, cứ thế liên miên không tránh khỏi bị sa lầy trong thực tại. Tư tưởng Trung Hoa về tính hiệu quả coi trọng sự kín đáo của hiệu quả, sự thái quá, tính phô trương của hiệu quả cũng như mưu toan chiếm đoạt nó là tối kỵ, như vậy là trái tự nhiên, là tách hiệu quả ra khỏi quá trình thực tại.

Nương theo tinh thần của quan niệm Trung Hoa về tính hiệu quả, tác giả trình bày cách hiểu của mình vè tư tưởng vô vi của Lão tử. Danh ngôn "*...vô vi nhi vô bất vi*" được tác giả hiểu là: không làm gì sao cho không có gì mà không được làm (*"ne rien faire de sorte que(au point que) rien ne soit pas fait"*) (xem tr. 107). Như vậy vô vi chẳng những không loại trừ hiệu quả mà còn dẫn đến hiệu quả cao nhất, hiệu quả đầy đặn, hiệu quả không bị hạn chế, bị thiếu hụt, hiệu quả ở đó "không có gì mà không được làm". Vô vi có nghĩa là không can thiệp vào quá trình phát triển tự nhiên của thực tại, không làm gì ngăn cản xảy ra những gì không có sự can thiệp thì tự nó sẽ xảy ra. Dĩ nhiên , "quá trình phát triển tự nhiên của thực tại". "những gì ... tự nó sẽ xảy ra" chỉ là một cách nói. Trước sau vẫn cần đến tác động gián tiếp của con người để tạo điều kiện cho quá trình tự biến hoá của thực tại dẫn đến hiệu quả mong muốn. Vô vi(không làm), xét đến cùng, cũng là vi (làm). L ão Tử có nói *"vi vô vi"* ("làm sự không làm"). Có vô vi thụ động và vô vi chủ động. Có khi phải dám không làm thì mới có hiệu quả tốt, mới tránh được sự "rách việc", "hỏng việc". Vả chăng, như đã nói ở trên, để được rảnh rang đón chờ hệ quả thì ở thượng lưu quá trình thực tại phải có sự tác động tạo vốn nguồn hệ quả, ở thời điểm này, dẫu là làm một cách kín đáo, tốn ít công sức nhưng cũng là làm.

Tác giả có những nhận xét lý thú so sánh tư tưởng chiến lược phương Tây (mà Clausewitz là tiêu biểu) và tư tưởng chiến lược Trung Hoa (được đại diện ở Tôn tử). Karl von Clausewitz (1780-1831, nhà lý luận quân sự Phổ) trước sau vẫn coi trọng sự giao chiến,hành động

trực tiếp bằng trận đánh. Tôn tử (khong t.k.V tr.C.N.,tác giả cổ điển binh pháp Trung Hoa) xem trận đánh chỉ là kết cục của một quá trình vận động của tương quan lực lượng, điều quan trọng là ngay từ đầu, ở thượng lưu của quá trình, cần nắm bắt xu thế của tình hình, xu thế của sự vận động tương quan lực lượng, từ đó tác động tới xu thế sao cho tình thế ngày càng có lợi cho ta, càng bất lợi cho địch, tới khi địch bị rã rời, mệt mỏi khi ấy mới giao chiến, trận đánh chắc chắn thắng mà ít hao tổn, thậm chí không đánh cũng thắng. Tư tưởng binh pháp của Tôn tử có thể tóm tắt như sau: *" Như vậy, những đạo quân chiến thắng tìm cách thắng trước rồi mới giao chiến còn những đạo quân chiến bại giao chiến trước rồi mới tìm cách thắng"* (xem tr. 57). Tư tưởng này được minh hoạ bằng mẩu chuyện sau đây:

Vũ hầu nước Trịnh muốn đánh Hồ.Vũ bèn gả con gái cho Hồ vương với ý đồ Hồ vương hiếu sắc sẽ mảng vui chơi, hưởng lạc.Vũ lại hỏi cận thần : "Ta muốn động binh, vậy đem quân đánh nước nào?" Một vị tướng bèn thưa: "Có thể đem quân đánh Hồ".Vũ hầu nổi giận sai chém vị tướng và nói: "Hồ là nước anh em. Lại khuyên ta đánh Hồ, lòng dạ nào?" Nghe chuyện này,Hồ vương ngỡ rằng nước Trịnh có thiện chí với mình. Từ đó trễ tràng việc quân, không lo vũ khí, binh lưng. Đột nhiên, nước Trịnh đem quân đánh Hồ và chiếm vương quốc." (xem tr.197) Francois Jullien đứng ở bên trong tư tưởng Trung hoa về tính hiệu quả để tìm hiểu nó, ông triển khai tư duy Trung Hoa theo lô-gích nội tại, cảm nhận và cảm thông sâu sắc những sự thâm thuý, những sắc thái tinh tế của nó- không những ông ghi nhận người Trung Hoa nghĩ gì mà bằng một sự tư biện điêu luyện và một trực giác nhậy cảm ông biện luận vì sao họ lại nghĩ như vậy- do đó theo dõi sự trình bày tài tình của ông dễ có cảm tưởng ông thiên về sự biện hộ và biểu dương tư tưởng Trung Hoa. Không hẳn là như vậy. F.J. trước sau là người của triết học phương Tây. Từ những quan điểm của triết học phương Tây (mà gốc là triết học Hy Lạp cổ đại) ông nêu lên những điểm yếu và thiếu trong tư tưởng Trung Hoa. Tư duy phương Tây nhằm vào hiệu quả là tư duy lập đề án, đề án là để thực thi, mà thực thi đề án không thể không đương đầu với thực tại, giải quyết những khó khăn của thực tại, đồng thời đương đầu với thực tại đặt ra vai trò của chủ thể. Tư duy Trung Hoa tính toán hiệu quả thiên về khai thác, lợi dụng tình thế, thiên về nương theo, khuôn theo thực tại để tiến hành công việc, không phải ngẫu nhiên *nước* là một ám dụ quen thuộc trong triết văn Trung hoa: *nước* vừa chảy vừa nương theo những gồ ghề, lồi lõm, góc cạnh của lòng đáy dòng chảy; do đặc biệt chú trọng đến sự bất trắc, tính nghi ngẫu của những hoàn cảnh, tư tưởng Trung

Hoa ngại đề ra kế hoạch, xác định mục tiêu, mà có chăng kế hoạch, mục tiêu thì luôn luôn biến hoá, mô hồ, đôi khi không biết đâu mà lần. Nói rằng tư tưởng Trung Hoa ngại khó không hẳn là như vậy, đúng hơn nó thiên về thiết kế sự giải quyết khó khăn ở giai đoạn dễ dàng, nhưng nếu so sánh thì rõ ràng là tư tưởng phương Tây nổi trội hơn ở tinh thần đương đầu với thực tại, đối đầu với những khó khăn của thực tại. Chính trong sự đương đầu và đối đầu này con người vượt qua bản thân mình, vai trò của chủ thể được phát huy và khẳng định. Do đó tư tưởng châu Âu *"là lịch sử tiến trình xây dựng...tính bền vững tự tại (autoconsistance) của chủ thể"*(tr. 216). Trong khi đó tư tưởng Trung Hoa do quan tâm đến sự "nắm bắt kh năng được đầu tư trong những quá trình" nên không kể đến những gì có thể tạo ra "tính bền vững tự tại" của chủ thể. Ngay những phẩm chất đạo dức của con người, tư tưởng Trung Hoa thiên về nhấn mạnh chúng như là sản phẩm của tình thế hoặc hoàn cảnh hơn là xem chúng như là những thuộc tính tự tại của chủ thể. Mẹo của Tôn Tử để tạo ra tinh thần dũng cảm của quân đội là đẩy họ "vào một tình thế không có lối thoát, vào nơi tử địa, khiến họ buộc phải sống chết mà đánh, vì không còn đường mà lùi nữa" (tr. 53). "Hèn nhát hay dũng cảm trong chiến đấu,-tác giả bình giảng, - ...không phải là do chúng ta có hay không có những phẩm chất ấy, mà là do tình thế buộc chúng ta phản ứng thế này hay thế nọ"(tr. 220). Để minh hoạ tác giả lại dẫn Tôn Tử: "Sự hèn nhát [của người này] sinh ra từ sự dũng cảm [của người nọ]" cũng như "sự lộn xộn [của người này] sinh ra từ sự kỷ cương [của người kia]" (tr.220). Biết khai thác, lợi dụng tình thế là hiền minh, là khôn ngoan. Nhưng né tránh đối đầu với thực tại chưa hẳn đã là khôn ngoan. Có những tình thế, đương đầu với thực tại, đối đầu với những khó khăn của thực tại là mở đường di tới tự do.

Cái giá lớn nhất mà tư tưởng Trung Hoa phải trả cho sự khôn ngoan, sự hiền minh là bỏ qua mất vai trò của chủ thể.

Chủ thể là sự vô tận của chủ quan.

Chủ thể là ham mê. Mà ngay trong ham mê con người đã sống hết mình. Không nhất thiết phải chờ đến lúc có hiệu quả thì mới sống. Quan hệ với người khác như là đối tác, đối thủ thì tính đến được thua, đến hiệu quả. Nhưng chủ thể của con người còn lớn hơn quan hệ với đối tác, đối thủ. Con người còn quan hệ với người khác như là một thế giới để phát hiện, để nhập cảm, để sống đầy đặn hơn bản thân mình.

Trong chuyên luận Bàn về tính hiệu quả của Francois Jullien tư



HỒ MINH DŨNG
Nghiêu Đề

Năm xưa hẹn nhau ngày trước tết
Anh xuống quận Cam chơi vài hôm
Ngờ đâu đến lúc năm tháng hết
Gặp lại nhau trên mẩu tin buồn

Níu thuở tình còn trang giấy trắng
Anh vẽ xuôi tay giọt sương trong
Nhắm mắt bên này - bên kia ngó
Chỉ đường lật thôi lệ chảy ròng.

HỒ MINH DŨNG

tưởng Trung Hoa về tính hiệu quả được đặt ra như là chính đề (thèse.) Cũng như mọi chính đề, ở đây được khẳng định những hạt nhân duy lý nhưng vẫn lộ ra sự phiến diện. Hướng tới tổng hợp đề, tác giả chờ đợi (cũng có thể là hứa hẹn) một phản đề (antithèse) làm sáng tỏ những mặt mạnh của tư tưởng phương Tây về tính hiệu quả, tinh thần đương đầu với thực tại mở dường đi tới tự do; chủ thể phong phú, vô tận của con người; sảng khoái ham mê cao hơn mọi "hiệu quả"......

HOÀNG NGỌC HIẾN

---

*Nguyên tác tiếng Pháp: *Francois Jullien , Traité de l'efficacité*, Grasset,1997. Trong bài báo này, những số trang là của bản nguyên tác tiếng Pháp.



PHAN NI TẤN (ND)

Lạc vào mây trôi

để nhớ Nghiêu Đề

Từ trong tháng giá
trôi ra oan tình
sôi như kẻ chợ
trầm uất lời kinh
từ trong vàng mả
xông lên ngậm ngùi
âm dương ly tán
đất trời tro bôi
trèo lên trái núi
thi sĩ lộn hồn
nuốt nhầm giấy quyến
đêm về lộn ngôn
xuống biển múc nước
gánh lên nhọc nhằn
tạt cho trôi hết
mưa buồn hạt lăn
luồn vô chữ nghĩa
lôi ra mớ lời
vụng tay rớt xuống
lạc vào mây trôi
đưa tay lên xóa
đám mây chùng bay
câu thơ kiệt sức
gục xuống đầu ngày

tủi thân ngồi khóc
chép miệng thở dài
mưa dầm sùi sụt
ướt ngọn sớm mai
nhướn con mắt tối
sinh tử bay về
trên đôi cánh mỏi
chở nặng tình quê
với tay này hái
trái nguyệt mồ côi
soi trong tịch mịch
lạnh buốt kiếp người



LÂM CHƯƠNG

Dắt tay vào địa ngục

em đâu phải Kiều nương
mà nói chuyện bán trinh làm đĩ
mười lăm năm nhẫn mặt giang hồ
trai tứ chiếng đếch thằng nào rớ được
bọn trọc phú hợm mình tưởng bở
quăng một đêm qua cửa sổ ngàn vàng
chưa níu được lai quần chéo áo
đám ong bướm si tình ngây dại

con thiêu thân bi lụy ngọn đèn
những anh chàng công tử ruồi bu
cũng ngấp nghé trao lời ái mộ

em đâu phải cành vàng lá ngọc
còn niêm phong kín cổng cao tường
chuyện trăng gió mù sương lả tả
bông hoa em đâu dễ lụy vì tình

ta phất phơ đi giữa cõi người
chẳng biết làm gì ngoài chuyện làm thơ
dẫu không thành thi sĩ
cũng được tiếng văn chương
ba mươi năm mải miết
thơ chùa đăng báo chợ
túi rỗng không đời cũng nhẹ tênh
cánh hạc vàng muốn tếch lên mây
đời ô trọc giữ chân người ở lại

buổi gặp em đầu tiên ta choáng váng
chuyện tình cờ mà khốn đốn trăm năm
ai chiếu hoa trải đường dưới gót em đi
ai lót tay em nhung gấm lụa là
ta chỉ có bài thơ
rút ra từ xương tủy
cuộc trầm luân mấy ai ngờ được
chốn bồng lai xa quá là xa
ta và em dắt tay vào địa ngục.

LÂM CHƯƠNG



THỌ DIÊN

Viết trong nước



LTS: Thọ Diên *là một bút hiệu khác của một nhà văn hiện sống trong nước.*

Hợp Lưu

1. Viết không là một thôi thúc khi người ta còn bận miếng cơm manh áo và những ràng buộc trách nhiệm với người thân. Sau 75 ngoài kế sinh nhai, người ta còn phải bỏ thì giờ để xếp hàng với cơ man là sổ: sổ gạo, sổ chất đốt, sổ nhu yếu phẩm, sổ hộ khẩu... Một số người khác bận rộn hơn với sổ tạm trú tạm vắng hoặc khư khư sổ lãnh hàng chầu chực ở các trạm phát hành chờ lãnh những thùng quà của thân nhân gửi về từ nước ngoài. Trong tình hình như vậy, người thích quan sát và yêu chữ nghĩa cũng chỉ có thể bắt đầu một trang nhật ký, thường khi là một tờ giấy đen vớ được, với một cái tiểu tựa đại loại như: Viết ở trạm phát hành Cô Giang, Phòng tiếp tân Ủy ban Nhân Dân Phường, nhật ký viết trong kho, trong giờ học Nghị Quyết 6, lớp bồi dưỡng cán bộ Ban Chấp Hành Công Đoàn... Viết để ghi lại những cái gì đã nhìn thấy và cảm thấy; sự chèn nhét tuyệt vọng chữ nghĩa giữa cơm áo gạo tiền khiến người viết chỉ có thể xoa dịu đôi chút cơn thèm khát nhưng đồng thời cảm thấy thê thiết hơn trước sự bất lực trong nhu cầu sáng tạo. Viết, trong thời điểm ấy, không thể là nghề nghiệp càng không thể mang lại danh phận cho người viết. Không có hoài niệm, vì phải

bước tới, không có hoài bão, vì những ôm ấp riêng tư và ti tiện. Còn mơ hồ lắm ý niệm văn chương trong hoàn cảnh mới. Chưa thấy tạp chí văn học định kỳ, chỉ có nhật báo Nhân Dân, với tờ Tin Sáng vừa tuyên bố "hoàn thành nhiệm vụ chính trị" chuẩn bị đóng cửa. Người viết giấu những tờ giấy đã ghi chép trong ngăn tủ, dưới tấm chiếu trải giường, trong cái cặp đựng giấy tờ tùy thân... chẳng khác mèo giấu cứt. Trong đợt truy quét văn hóa đồi trụy, các tạp chí tiểu thuyết sách báo các loại được moi móc ra từ gầm giường khe tủ để đốt bỏ trước khi cán bộ Thông Tin Văn Hóa địa phương ghé qua hỏi thăm. Đau đớn nhìn Văn, Vấn Đề, Văn Học, Thời Tập, Khởi Hành đã được cắc ca cắc củm để dành đủ số, Camus Grillet Steinbeck Beauvoir Mauriac..., những ấn bản đặc biệt in trên giấy trắng của nhà xuất bản Lá Bối, An Tiêm... có lời đề tặng của riêng tác giả... Tất cả bung lên phừng phừng rồi lịm xuống nghi ngút một chút khói của quá khứ, của một thời lãng mạn ngấu nghiến mọi loại tư tưởng mọi khuynh hướng sáng tác. Sau lưng trước mặt xung quanh tiếng con khóc mè nheo đói sữa, tiếng tu huýt thổi lúc 7 giờ tối mời đi họp tổ, tiếng loa phóng thanh léo nhéo kêu gọi đồng bào thắt lưng buộc bụng, tiếng tổ trưởng phụ nữ hô hào đi khám phụ khoa, đặt vòng, thắt ống dẫn tinh... Nước mắt tiểu tư sản trào ra trong khi ngồi vắt những nắm than đá đem phơi, trong khi ngồi lựa bông cỏ lẫn trong gạo đen, trong khi trệu trạo nhai bo bo dồn xuống cổ họng cho con có sữa bú, trong khi đạp xe bán mạng đưa con đi nhà trẻ trước lúc vào sở làm. Chút khói hiu hắt vướng vất trong nhịp sống hằng ngày, tan loãng lúc nào không hay; ngoái nhìn đống tro tàn, người viết chậc lưỡi rồi quay lưng.

2. Viết, chìm nghỉm trong ký ức gần một phần tư thế kỷ, bỗng chỗi dậy hàm hồ như những cánh cửa được mở bật đồng loạt thổi những luồng gió mới vào một xã hội đã có nhiều thay đổi. Xe cộ có hiệu, nhà ở có thiết bị âm thanh hiện đại, hiệu ăn có máy lạnh, nhảy đầm có bán vé. Vô số những tạp chí văn học được xuất bản định kỳ qui tụ không biết bao nhiêu cây bút trẻ. Người ta ca tụng, chỉ trích, tâng bốc và chà đạp. Trong thập niên này dường như những cây bút nữ đang rầm rộ tự thăng hoa, mỗi người cố tạo cho mình một nét riêng để không bị lẫn lộn với Phạm Thị Hoài, Phan Thị Vàng Anh, Dương Thu Hương... Ngôn ngữ các miền càng lúc càng phong phú và khởi sắc trong khi một số người viết hải ngoại đang lo âu về sự gầy guộc của tiếng Việt lưu vong vốn chỉ còn giao lưu quanh quẩn trong một cộng

đồng càng ngày càng teo nhỏ. (*"Khu vực ngôn ngữ chính trị không mấy tiến bộ, ngôn ngữ của các khoa học nhân văn cũng dẫm chân tại chỗ, của các ngành kinh tế và kỹ thuật phát triển chắp vá và vô chính phủ, quan thoại của Việt ngữ tại chính nước Việt thì ngủ kỹ, nhưng bù vào đó, bạch thoại rực rỡ hơn bao giờ."* (Phạm Thị Hoài, Việt, Australia). Sau 23 năm người viết bỗng dọ dẫm, xét nét, dè chừng như đang rắp tâm làm chuyện gì. Đọc, và có bất chợt gặp nét riêng trong Đảo Của Dân Ngụ Cư của Đỗ Phước Tiến, trong ngôn ngữ thơ phang, chặt của Bùi Chí Vinh, nhưng đại thể là những giọng ca với âm vực giống nhau khó phân biệt tên tuổi, bản sắc. Đề tài đa dạng nhưng tựu trung phản ảnh các khía cạnh xã hội sau thời mở cửa. Một tác phẩm dù dài, ngắn có thể khởi đầu là sự tiêu cực (hối lộ, buôn lậu, lầm lỡ phạm tội ác, sa cơ làm gái điếm, vỡ nợ sau khi huy động vốn, chiếm đoạt tài sản công dân, lừng lẫy thời kháng chiến chống Mỹ rồi lạc đạo trong thời bình...), nói theo ngôn ngữ ngày nay là "những kẻ tự đánh mất mình," rồi kết cuộc là một tình huống cực kỳ có hậu, trong đó tình người được đề cao. Luôn luôn thông điệp gởi tới người đọc là tính nhân bản của vấn đề. Họa hoằn lắm, một bút pháp đặc biệt sẽ đánh động được người đọc vốn đã nhẫn trơ trước những đề tài rặt mùi *"Công An"* hoặc *"An Ninh Thế Giới."* Hình như những cây bút của cuối thập niên này vẫn còn chùn tay khi đào xới một mảnh đất hãy còn nhiều chiều rộng. Vẫn còn e ngại bị chụp mũ, bị diễn dịch sai, bị phê phán tiêu cực hoặc lạc hệ tư tưởng Mác-Lê. Truyện về một người đàn bà mê âm nhạc chia tay một ông chồng nuôi heo sẽ được hiểu như là một thái độ đoạn tuyệt với chế độ, một sự chọn lựa giai cấp. Ngay cả trong lãnh vực quảng cáo truyền hình, một cụ già được đạo diễn đặt ngồi trước tách trà nghi ngút khói để minh họa cho một hiệu trà có uy tín, caméra chỉ được phép quét nhanh ống kính cắt bỏ cận ảnh để chỉ còn thấy một ông cụ nhỏ xíu ngồi tít tắp đằng xa. Đơn giản chỉ vì cụ giống bác Hồ với chòm râu bạc. Đưa hình ảnh giống Bác vào quảng cáo là một sự xúc phạm không thể tha thứ.

3. Như vậy thì còn trời đất gì nữa mà nói. Người viết lại chậc lưỡi, viết chăng? Văn đàn này không dung nạp những kẻ lạc hệ tư tưởng. Dù là tư tưởng giác ngộ cách mạng, nó vẫn có thể bị bóp méo. Chủ biên nào dám đăng tải. Dẫu cho bài viết chỉ chăm chăm một mảnh tình vô tư? Ở miền Nam có những người viết vẫn viết sau 75 như Võ Hồng, Từ Kế Tường, Huỳnh Phan Anh, Nguy Ngữ...; những người còn

lại tại sao không viết? Họ bận sinh kế hay muốn tỏ rõ một lập trường, hay họ run tay sợ bị khước từ vì lạc hệ? Tại sao Thanh Tâm Tuyền đã sống ở vùng đất tự do vẫn im hơi lặng tiếng kể từ ngày rời quê hương? Nhưng viết để tuồn ra nước ngoài đăng có vẻ như làm chuyện trái phép, vừa gian vừa nhục. Nhóm thân hữu bên kia sẽ tiếp đón một người cũ với rất nhiều thân tình nhưng cũng không kém phần soi bói. Để coi có gì lạ, có tiến bộ gì không, dậm chân tại chỗ, thụt lùi hay bức xúc đến độ phải chúi nhủi nương dựa vào cộng đồng hải ngoại như bấu lấy phao cứu sinh? Hay chỉ là một tín hiệu nhấp nháy thông báo tôi có mặt. Mà để làm chi?

4. Cứ đà suy nghĩ này người viết khó lòng ngồi vào bàn, dù chuyện sống còn đã ổn định, con cái đã trưởng thành. Vẫn chùn tay, bởi sau 23 năm những e dè sợ sệt đã hòa nhập trong máu thịt. Trong đám đông ngồi im sợ lỡ lời, đọc phải một tạp chí hải ngoại tự thâm tâm cảm thấy phi pháp, chuyển cho người quen thì dấm dúi như buôn lậu ma túy, lỡ gửi đi một bài chưa đăng trong nước thì dặn đi dặn lại những người biết chuyện đừng nói với ai. Hành lạc với chữ nghĩa kiểu này khác chi đôi gian phu dâm phụ mà tác phẩm là con ngoại hôn. Người viết trốn chui trốn nhủi như đàn bà không chồng mà chửa.

Trong khi đó *"viết ở hải ngoại giống như hành động đứng la khan một mình ngoài sa mạc"*, (Phạm Việt Cường) vì không có tiếng vọng hoặc *"ngỡ chừng như nói vào ống điện thoại chưa nối đường dây"* (Nguyễn Hưng Quốc) vì lặng ngắt. *"Nhà văn khi lên đường lưu vong, sẽ bị mất hút trong nhân loại, trong đám đông hàng tỉ người lô nhô"* (Brodsky).

"Ở hải ngoại viết văn không thể là một nghề nghiệp, và trên thực tế cũng không còn là một danh phận. Viết văn trở thành một cách hành lạc đau đớn của những người bị bất lực" (Nguyễn Hưng Quốc).

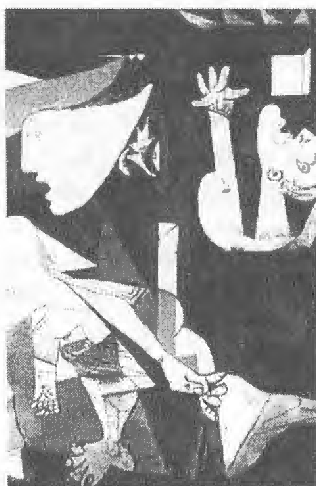
Cuộc hành lạc của đôi gian phu dâm phụ — người viết trong nước và chữ nghĩa — sau rốt cũng không khác chi cuộc hành lạc đau đớn và bất lực của người viết ở hải ngoại.

THỌ DIÊN
tháng 11, 1998



LÊ ĐẠT

Con báo hoa xứ tuyết



Cầm tên em đi tìm
L.Đ.

Jean là công dân thành phố Paris, thủ đô hoa lệ nhất châu Âu, và đối với nhiều người dân châu Âu vốn tự phụ đến mù quáng về nền văn minh thượng thừa của mình, nhất châu Âu thường đồng nghĩa với nhất thế giới. Cái ước muốn "sống và chết ở Paris" của thế kỷ trước vẫn chưa thôi âm ỉ cháy trong lòng nhiều người trên khắp hành tinh vào những lúc cơm chẳng lành canh chẳng ngọt với đất nước họ.

Nhưng với Jean, cụm từ "thủ đô hoa lệ" là một hình dung vô nghĩa.

Khi người ta là một công nhân vệ sinh chuyên trách cống rãnh thì dù có là một công dân Paris nữa cũng chẳng đi đến con số nào!

Tất cả cái rực rỡ của thủ đô ánh sáng làm bạc phếch cả ánh trăng trên bờ sông Seine, nó làm cho buổi đêm Paris còn kỳ ảo hơn cả ban ngày, cũng không soi tới được những mê lộ cống đen ngòm.

Các thành phố, các thủ đô trên thế giới muôn màu muôn vẻ, nhưng đường cống mọi thành phố thì chỉ duy nhất một màu tối đậm đặc.

Nó là màu đơn điệu của sự cơ cực.

Và bộ mặt của cơ cực thì ở đâu cũng vậy, nó còn giống nhau hơn chân dung của những đứa trẻ song sinh cùng một trứng mẹ.

Vào kỷ nguyên của thời trang và mỹ dung, hình như chỉ có sự cơ cực là không cần đến cái khoảng mẽ sơn phết ấy.

Trong cuốn *Guinness* những trò gà ba chân trên thế giới, hình như chưa từng thấy nhắc đến một cuộc trình diễn thời tranh công nhân vệ sinh và cống rãnh!

Jean cũng đã có một thời đi học. Và đã từng say sưa với những "chiếc lá úa vàng cây xào xạc" rụng trên vai những pho tượng đá của vườn Luxembourg. Anh cũng đã từng say sưa với những câu thơ như hát của Ronsard về nàng Hélène đẹp: "*Khi em già rồi đêm khuya ánh nến*". Ôi cái tuổi học trò sao nó xa xôi quá... nó tắt sớm quá trong cuộc đồi quá dài, quá bủn xỉn ánh sáng của mưu sinh. Sách vở thường nói đến cái hạnh phúc đơn sơ của một túp lều tranh và hai trái tim vàng. Jean thì chưa được chứng kiến cảnh tượng đó bao giờ. Bố mẹ Jean có thể yêu nhau từ kiếp trước chứ đời Jean thì chỉ thấy bố mẹ chửi nhau, đánh nhau như cơm bữa, không phải, hơn cơm bữa (phải kể cả những ngày nhẵn túi đành nhịn đói). Hình như cuộc chiến ác liệt và dai dẳng này chưa có một lần hưu chiến, đến mức đã có lần đứa nhỏ già trước tuổi kia phải tự hỏi họ cãi nhau như vậy thì đẻ ra mình vào lúc nào? Và để làm gì? Hay sự ra đời của mình cũng chỉ là kết quả của một cuộc cãi cọ?

Của đáng tội, cũng có một lần họ nhất trí với nhau: cả hai cùng ra đi một ngày sang thế giới bên kia để lại một đứa trẻ mồ côi trong một cuộc đời đông đúc quá và cũng hoang vắng quá.

Nếu Jean là con gái thì có lẽ cuộc sống có thể sẽ dễ dàng hơn. Thiếu gì những kẻ đàn ông bất đắc chí cần giải thoát nỗi buồn nhân sinh trên bụng một người đàn bà.

Nhưng Jean lại là con trai. Và anh chỉ có hai bàn tay chẳng ai cần trong một thế kỷ đương bước vào khủng hoảng. Cũng may nghề cống rãnh cũng chẳng phải là một nghề thơm gì, nên Jean chẳng cần đến ô dù hay tiêu cực phí để có một chỗ đứng "dưới" ánh mặt trời theo nghĩa đen.

Ôi! Cái mùi cống rãnh! Hình như cuộc sống càng hoa lệ càng văn minh thì cái ruột nó càng thối tha, càng bẩn thỉu.

Cái mùi cống rãnh nó như thấm vào từng tế bào của Jean.

Chính phủ xã hội vốn quan tâm đến người lao động đã cải tiến cả một hệ thống phòng tắm khá thông thoáng cho công nhân cống rãnh, nhưng có lẽ nước bốn đại dương và loại xà bông thơm hảo hạng cũng không cọ rửa nổi cái mùi định mệnh kia. Nó khủng khiếp như một nghiệp chướng, một ám ảnh...

Khi về già con người thường trở nên đa cảm. Và nếu người ta sắp

từ giã cõi trần thì sự đa cảm trên có thể phát triển đến mức trở thành ân hận về một cuộc đời nhảm nhí mà mình sắp bỏ lại đằng sau.

Một ông bác từ bên Hoa Kỳ xa lắc xa lơ lúc sắp trả linh hồn lại cho Chúa bỗng hoàn lương, sực nhớ đến một đứa cháu bất hạnh tại Pháp mà ông đã từng đãng trí suốt cuộc đời trần thế, đã móc Jean ra khỏi nơi cống rãnh và phong tặng danh hiệu triệu phú cho người trẻ tuổi.

Jean bước vào sự giàu có như nhà du hành vũ trụ bước khỏi quĩ đạo trái đất. Người lâng lâng trạng thái siêu trọng lượng khó tả.

Suốt đêm anh lang thang qua các bến rượu nơi sang trọng để ba giờ sáng gục bên một ly Hennessy, ngủ giấc ngủ của một người hạnh phúc và ngáy rất to.

Chủ nhân tiệm rượu nhìn bộ complet hàng Anh Cát Lợi sang trọng và nhận ra ngay "con người hùng" của thời sự.

Sớm nay các báo lớn đều đăng ảnh "ngôi sao giấy bạc" này trên trang nhất, trân trọng như ảnh một công nương Diana hay một minh tinh màn bạc cỡ Liz Taylor...

Trong một xã hội tò mò mắc bệnh nhòm lỗ khóa mãn tính, việc một anh phu móc cống đột nhiên trở thành sở hữu chủ của một gia tài năm triệu "cụ Franklin" đáng được người ta lưu ý ngang với tin một ngài Mitterand chủ tịch Đảng Xã Hội Pháp vừa trúng cử tổng thống nhiệm kỳ I... lắm chứ!

Ôi! Cuộc sống mới đáng sướng làm sao!

Các nhà triết học đúng là một lũ "Khốt" dở hơi. Ý nghĩa cuộc sống nhỡn tiền ra đấy lọ phải tìm đâu cho nó hết hơi. Và Jean càng tâm đắc sự thông tuệ của quần chúng trong câu ngạn ngữ đầy triết lý sâu xa về nhân sinh: "Đầu tiên... tiền đâu".

Mặn này cho bõ những ngày nhạt xưa!

Jean la cà tất cả các hộp đêm sang trọng. Anh đã qua tay tất cả những "gái gọi"(1) của giới Paris thượng lưu. Những cô điếm kiêu kỳ lộng lẫy như những nàng công chúa trong truyện cổ tích Perrault, nó ru xanh mãi những giấc mộng thơ trẻ của loài người.

"Một nghìn đêm lẻ" tại Paris ngây ngất chẳng kém gì truyện *Một nghìn đêm le* trong óc tưởng tượng kỳ lạ của nữ hậu Shéhérazade.

Nhưng ai cũng biết một nghìn đêm lẻ dù kỳ lạ đến đâu, nếu lặp lại thì đến đêm hai nghìn lẻ hai cũng sẽ chán đến buồn mửa.

Cái đặc tính của con người hình như là phải không ngừng thay đổi khẩu vị, kể cả "vị" mỹ nhân.

Jean đã đi thăm hầu hết danh lam thắng cảnh thế giới, và quan trọng hơn, hầu hết những "danh lam thắng cảnh" nữ nơi trần gian.

Jean đã thưởng thức những cô gái Xlavơ đẹp nổi tiếng với những cặp mắt ngút ngàn như mênh mông thảo nguyên, những cô gái Nam Mỹ cuồng nhiệt bụng như những rừng nhiệt đới um tùm nơi người ta không tìm thấy lối ra, những cô gái Ý hừng hực miệng núi lửa bừng bừng những dòng nham thạch, nó thiêu rụi những chiến lũy cố thủ nhất của đạo đức.

Jean đã hạnh ngộ những cô gái Tây Ban Nha mang dòng máu dữ dằn của Carmen, nó khiến những đêm hành lạc có cái cuồng nhiệt của những trận đấu bò tót mang nặng dấu ấn của định mệnh.

Con người ta kể cũng lạ. Thuở còn làm phu móc cống thảng hoặc nhìn thấy một người đàn bà diễm lệ, Jean thường nảy ra một ý nghĩ kỳ dị: ước gì được ôm ấp người đẹp một đêm rồi sáng ra chết ngay cũng đã đời. Giờ đây được ôm ấp không đếm xuể đa dạng người đẹp hầu như thuộc đủ các chủng người trên thế giới, Jean bỗng cảm thấy một nỗi chán chường khó tả, một hố hẫng hụt sâu thẳm mà không gì có thể lấp đầy.

Thì ra... cũng "rứa" cả!

Càng ngày Jean càng hiểu rõ dù có du lịch hết làng địa cầu cũng không bao giờ anh ra thoát khỏi mình. Việc thay đổi trong không gian nhiều khi chỉ là một cuộc dọn nhà cho một nỗi buồn không thay đổi.

Con người cần du lịch trong thời gian hơn không gian. Mà du lịch trong thời gian thì chưa có công ty "divu" nào kể cả của Hoa Kỳ phục vụ nổi.

Loài người mỏi mắt chờ đợi một nhà giải trí học nào đó phát minh ra một cách giết thời gian thật sự hữu hiệu. Thời gian, nó là nỗi ám ảnh dai dẳng ngoan cố nhất của nhân sinh. Tất cả chúng ta, vô tình hay cố ý trong cuộc đời hữu hạn của mình đều ít nhiều đã hơn một lần là kẻ sát nhân đại bại của thời gian.

Jean nhớ mãi đêm ấy sau khi thăm tập hợp Kim tự tháp khổng lồ nó chỉ càng làm người ta chán nản với cái bé nhỏ của con người trước cái vô tận, anh uể oải tìm cách trút nỗi vạn cổ sầu vào hang Cắc Cớ một vũ nữ Ai Cập. Cả những cốc rượu kích dục cực mạnh cũng không khiến nhà triệu phú thừa mứa sự đời thêm hưng phấn. Trong khi nằm đợi cô vũ nữ làm vệ sinh thân xác, Jean lơ đãng rút một cuốn sách trên kệ xuống đọc. Đó là cuốn *Hồi ký phương Đông* của Flaubert.

Anh phải bỏ dở đoạn nhà văn Pháp nổi tiếng nghiêm túc và khó tính tả thực đêm ông tiếp xúc với Kuchiouk Hanem, một vũ nữ nổi

tiếng, một điếm cao cấp của thủ đô cổ kính Le Caire: "Nàng vừa tắm xong... cả phần vú thở ra sự râm mát, một cái gì như một mùi tùng chi ngậy ngọt... Trên cánh tay phải nàng xăm một dòng chữ màu lục... bước chân nhún nhảy như một điệu vũ... Tôi đã nhìn thấy vũ điệu này trên những bình cổ Hi Lạp... Thân xác nàng nhún nhảy phóng túng từng trải thèm thuồng dữ dội như một con hổ cái tuôn một nguồn khoái lạc không có dấu chấm hết" (2).

Những dòng chữ như dầu sôi nó làm thân xác Jean cháy bỏng ham muốn đến đau đớn, và đêm ấy anh đã trải một đêm cực lạc tưởng có thể đứt hơi mà chết.

Thì ra vận động giao hợp "siêu dục" chưa bao giờ là một vận động thuần túy thân xác, nó cần, rất cần đến óc tưởng tượng phong phú của một nhà bác học, một nhà thơ.

Nếu như đời sống con người được lập chương từ lúc lọt lòng bởi một ông thầy tử vi ngoại hạng - là Thượng đế - thì chương trình đó cũng là một chương trình đầy ẩn số oái ăm. Không ai có thể nghĩ rằng mê lộ tình dục đã dắt dẫn con người hưởng lạc kia vào cửa chữ của thánh hiền.

Cái đêm Ai Cập ấy khơi nguồn cho một cuộc đời văn bất ngờ. Hay nói như Jean: "Ai biết được mặt giường lại là một bệ phóng tới một chiếc bàn chữ!".

Jean bắt đầu bằng một tập thơ. Làm thơ ít tốn kém sức lao động mà lại thoải mái. Và người làm thơ nào ít nhất cũng được coi là một thiên tài đối với một vài chục độc giả cuồng nhiệt. Nó đủ cung cấp cho anh ta một chỗ dựa vững chắc để chửi thiên hạ và tự đánh giá mình là "sinh bất phùng thời". Một người bạn không phải bạn văn mà là một giám đốc tiếp thị cho một công ty hữu hạn nọ đã khuyên Jean một cách cụ thể và chí tình: "Với thời đại văn học giải trí này, thơ đã là một bộ môn lỗi thời. Sao anh không kể lại cuộc đời chìm nổi của mình có phải ăn khách bao nhiêu không?".

Jean nghe cũng bùi tai. Cuốn hồi ký *Triệu phú móc cống* của anh bán đắt như tôm tươi. Qua môi giới của ông bạn tiếp thị, Jean làm quen với một số nhà phê bình và một số nhà văn "có mác" quanh các bàn nhậu và một số cơ sở mátxa trị liệu bằng nhân điện.

Thì ra cái giới văn học cũng không quá sang trọng như người ta tưởng!

Nhiều báo chí đã nhắc đến tên anh như một hiện tượng, và anh đã lẻn vào chung kết nhiều giải thưởng. Tiếng tăm anh càng lẫy lừng sau buổi xuất hiện trên màn ảnh nhỏ trong chương trình nổi tiếng *Chân dung nhà văn*. Anh đã làm hàng triệu khán giả bực bội, trầm trồ khi trả lời phỏng vấn của một nhà phê bình thời danh bằng cách ngồi lầm lì trước một chai chivas cỡ bự suốt mười lăm phút để cuối cùng tuyên bố một câu xanh dờn: "Nhà văn nói bằng ngôn ngữ của sự im lặng" và chân bất định bước về phía nhà vệ sinh. "Đúng là một nhà văn độc đáo."

Jean trôi nổi trong những cuộc chiêu đãi triền miên, khi thì ở khách sạn khi thì ở nhà hát bên những phụ nữ quyến rũ về thân xác và hấp dẫn về trí tuệ, những cuộc trình diễn nó viễn du tâm hồn ta vào những mộng đẹp triền miên. Xã hội trình diễn về cơ bản là một xã hội du lịch. Những màn trình diễn như những danh lam thắng cảnh diễu hành trong một nền văn minh không gian, nghĩa là ở ngoài ta.

Nhưng không ai du lịch suốt đời. Hơn nữa du lịch không bao giờ thay thế được cuộc sống vốn cơ bản có tính thời gian, nó luôn nhắc nhở mọi người đến số phận hữu hạn và hư ảo của mọi niềm vui, mọi bữa tiệc đời.

Nữa... nữa... nữa... con đường hoan lạc dài quá, không giấc mộng nào đi được đến nơi và những cuộc tình thường đứt gánh.

Đời sống hư ảo của văn chương cũng nhanh chóng làm Jean mệt mỏi như cuộc chu du thế giới, nhưng nó để lại cho Jean một thói quen khả ái: lòng ham mê đọc sách.

Một lần đi qua hàng sách cũ anh mua được một cuốn sách cổ về Phật giáo Mật Tông Tây Tạng.

"Người nào may mắn gặp được con báo hoa xứ tuyết sẽ gặp mặt hạnh phúc".

Jean cười chảy nước mắt. Lâu lắm anh mới gặp lại từ *hạnh phúc*, nó như một thứ tiền cổ lỗ sĩ đã lâu lắm không ai còn sử dụng. Một nhà văn hoạt kê đã viết: "Hạnh phúc là thứ HIV của sự bất hạnh". Tuy đã lỗi thời thật nhưng hạnh phúc có một số tuổi trường thọ bằng tuổi của loài người, không dễ gì một thời đại có thể xóa sổ được nó. Mặc dù Jean coi hạnh phúc là một chuyện tầm phào nhưng thâm tâm anh vẫn khao khát gặp mặt nó như gặp mặt một nàng Bạch Tuyết nào đó trong truyện cổ tích viết cho trẻ nhỏ.

Theo lời chỉ dẫn của dân địa phương, Jean đi sâu vào một vùng hoang vắng, nơi chỉ có một tu viện đổ nát ngập chìm trong tuyết trắng. Một vị tổ Mật Tông xưa đâu như đã từng gặp con báo hoa xứ tuyết tại đó.

Cảnh mênh mông núi tuyết với những cây tùng cao niên có một cái gì đó thật hùng tráng, nó dễ làm người ta tạm thời khuây đi những bận tâm tủn mủn xô bồ nơi trần gian.

Và Jean kiên tâm rình.

Anh tận dụng các thứ mẹo ngụy trang đọc được trong một cuốn "cẩm nang đi săn" trước khi tới đây. Anh đã thức trắng nhiều đêm vì có tin đồng rằng con báo hoa tinh khôn thường xuất hiện vào lúc hai, ba giờ sáng khi người săn quá mệt lăn ra ngủ. Anh đã nghiến răng đắp một lớp tuyết dày phủ từ đầu đến chân chỉ chừa lỗ mũi để thở và đôi mắt để rình con thú hiếm. Con báo vẫn biệt vô âm tín. Nhiều lúc anh đã nản. Nhưng tin anh đi săn con báo hoa xứ tuyết đã được các báo và các phương tiện thông tin đại chúng làm rùm beng, anh không thể trở về tay không để làm trò cười cho thiên hạ. Trong một xã hội của trình diễn, sĩ diện nhiều khi còn quan trọng hơn tiền bạc, thậm chí hơn cả tính mạng.

Anh vẫn rình.

Thời gian một mình miệt mài đối diện với bản thân, vách núi trơ trọi và tuyết trắng làm tâm hồn anh dần dần trở bên hoang vắng.

Cuộc đời hình như xa quá không tới được đây. Và cái kho dự trữ lo toan thắc mắc sĩ diện trong anh cũng vơi dần.

Và anh vẫn rình.

Một hôm anh gặp một ẩn sĩ già rách rưới hệt một kẻ ăn mày, trừ bộ râu đường bệ và khuôn mặt rạng rỡ.

- Con báo hoa xứ tuyết có một khả năng đặc biệt là cực kỳ nhanh mắt, bao giờ cũng nhìn thấy trước người rình nó và kịp thời biến mất trước khi bị phát hiện.

- Cụ đã nhìn thấy nó lần nào chưa?

- Thấy chứ...

Rồi ông cụ bỏ đi về phía tuyết, vừa đi vừa hát nghêu ngao như một thằng rồ.

Jean ở đó không biết đã bao nhiêu thời gian. Hình như đã lâu lắm. Anh càng ngày trở nên tịch mịch hơn đến mức quên cả mục đích đến đây và chẳng còn bận tâm rình con báo hoa nữa.

Đêm hôm ấy anh đột nhiên thấy cả vùng núi tuyết rực sáng. Con báo hoa xuất hiện, da lấp lánh những vì sao tinh khôi tưởng có thể giơ tay là hái được. Anh ngây ngất nhìn nó trong một toàn phúc tột cùng.



LUÂN HOÁN

Sao đêm 10.11.1998

gởi Nghiêu Đề, cõi âm

duỗi tay chạm phải cái lười
trở mình đụng những nhánh cười hồn nhiên
buồn buồn đè ngực nằm yên
sông Trà núi Ấn bay nghiêng quanh người
chập chờn chuông mõ ngược xuôi
trong trầm hương thoảng thoáng mùi ruby
hình như ai định cõng đi
những tàu chuối mướt thầm thì mắt hoa
về đâu sáo sẻ Thu Xà
Lý Trần Quán đợi khói cà phê thơm
giữ giùm Ngọn Tóc Trăm Năm
đủ xanh màu cỏ lót nằm chiêm bao
dụi lòng, ngó, chẳng thấy sao
chắc ngôi sao đó lạc vào trường Giang
vô hương, vô sắc: thiên đàng.

LUÂN HOÁN

Và anh cười sặc sụa.

Con báo hoa xứ tuyết không nhìn thấy anh vì anh đã nhập vào nó!

LÊ ĐẠT

(1) Call girl
(2) Tác giả phải lược dịch vì quá tôn trọng lớp người đọc thanh lịch



NGUYỄN HUY THIỆP

Thương cả cho đời bạc



I

Trước khi đi Nhật Bản, Đặng Tử Mẫn nghe lời Đặng Tử Kính qua Nam Định để gặp Nguyễn Thượng Hiền, Tăng Bạt Hổ. Đến chợ Rồng, Đặng gặp cụ Khổng người làng Định Trạch, vốn trước kia là đốc biện quân lương của Nguyên Quang Bích. Khổng cho Đặng biết Phan Bội Châu mới từ Nghệ An ra Nam Định:

- Cụ Phan đang ở nhà tôi.

Chỗ hai người đứng nói chuyện với nhau là một phiến đá vuông dùng để đập lúa nhưng vỡ một góc nên người ta dùng nó lát đường. Trước khi cháy chợ Rồng năm 1983, người ta vẫn thấy phiến đá ấy lát trước quầy bán cá khô của bà Hai Oanh.

- Thưa cụ, nếu thế thì cụ phải cho tôi gặp được cụ Phan.

Khoảng thời gian đang kể đây là khoảng trước Tết Nguyên Đán năm Ất Tỵ 1905 chừng mấy ngày. Quang cảnh chợ Rồng vui và nhộn nhịp sẽ được tả sau ở cuối chuyện này.

Cụ Khổng dẫn Đặng Tử Mẫn len lỏi vào chợ. Tới gian hàng vải, cụ Khổng giới thiệu Đặng với cụ Đồng Thịnh là người giữ *bát họ* có danh tiếng ở chợ Rồng:

- Ông Đặng là người hào kiệt.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Chúng tôi đều nghe danh ông. "*Văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình.*"

Đặng bảo:

- Thành Nam là nơi có nhiều hào kiệt.

Cụ Khổng bảo:

- Đấy là ngày trước.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Nhất Tú Xương!

Tiểu sử Tú Xương:

Trần Duy Uyên, tức Trần Tế Xương, tức Trần Kế Xương, tức Trần Cao Xương, tức Tú Xương sinh năm Canh Ngọ 1870, mất năm Bính Ngọ 1907, thọ 37 tuổi. Quê Tú Xương ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Đất Vị Xuyên được Tú Xương kể lại:

Có đất nào như đất ấy không?
Phố phường tiếp giáp với bờ sông.
Nhà kia lỗi phép con khinh bố
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
Keo cú người đâu như cứt sắt,
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng
Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh:
Có đất nào như đất ấy không?

Tú Xương là con trai cả cụ Trần Duy Nhuận. Cụ Nhuận có 9 người con, trong đó có 6 con trai và 3 con gái. 6 con trai tên là Uyên, Ngu, Nguyên, Thiệp, Câu, Trừng. 3 con gái tên là Khiết, Tịnh, Vân.

Tú Xương lấy vợ, vợ tên là Phạm Thị Mẫn, hơn Tú Xương 1 tuổi, mất năm 1931, quê ở làng Lương Đường, huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương nhưng sinh ở Nam Định. Vợ Tú Xương làm nghề buôn bán gạo. Tú Xương có 6 người con trai tên là Bành, Bột, Bái, Uông, Lãng, Chử.

Tú Xương học chữ Hán, sống trong buổi giao thời chuyển từ chữ Hán sang chữ quốc ngữ.

Tú Xương mộng công danh theo thói đời, theo đường thi cử, đi thi tám lần nhưng hỏng bảy lần, chỉ đỗ một lần: kỳ thi Ất Dậu 1885: hỏng, Mậu Tý 1888: hỏng, Tân Mão 1891: hỏng, Giáp Ngọ 1894: đỗ tú tài,

Đinh Dậu 1897: hỏng, Canh Tý 1900: hỏng, Quý Mão 1903: hỏng, Bính Ngọ 1906: hỏng.

Kỳ thi năm Giáp Ngọ 1894 Tú Xương đỗ tú tài được một người Pháp tên Buaranh tả lại như sau: "Trường thi Nam Định năm 1894 đông như kiến cỏ. Năm 1891, Nam Định chỉ có 9,000 sĩ tử, năm 1894 con số người đi thi lên tới 11,000. Từ giữa trường thi, chỗ đường thập đạo trông ra, trùng trùng điệp điệp những mu rùa bằng tre, những tấm mui luyện nhà đồ (tức là những thi cụ lều chõng). Kỳ đệ nhất vào ngày 25-10-1894. Kỳ đệ nhị, ngày 15-11. Kỳ đệ tam 25-11. Và kỳ phúc hạch đệ tứ là ngày 1-12-1894. Ngày 8-12-1894 là lễ xướng danh những người đỗ. Tiếng loa ran lên, ồm ồm lanh lảnh. Tiếng í ới gọi nhau lạc đường của người nhà các thầy khóa, của tiểu đồng lão bộc quản gia nhổ lều đội chõng ra về trong đêm tối lập lòe sáng đuốc. Đám đông lên tới 25,000 người. Lễ xướng danh từ rất sớm cho đến chiều. Ghế bành của các quan chấm thi và dự lễ kê cao tới 4 mét. Quan Toàn quyền bận không đến, có quan cai trị Moren thay mặt dự lễ. Cứ xong mỗi tên ông tân khoa xướng lên là mất 5 phút - tính từ lúc cất tiếng loa gọi tên, xoáy sang phía trái xoáy sang phía phải, cho tới khi người trúng thích cánh lách được lên chỗ để trình căn cước. Khoa thi năm 1894 lấy 60 cử nhân và 200 tú tài (lệ triều định đặt ra thường lấy theo tỷ lệ nhất cử tam tú, cứ chấm được một cử nhân thì lấy được ba tú tài). Xướng xong tên được 60 ông cử nhân khoa mất 3 tiếng đồng hồ thì quan Moren về. Các ông tân khoa phục xuống lạy. Ở tỉnh đường quan Tổng đốc, quan Kinh lược Bắc kỳ ban mũ, ban áo tác xanh, ban ô, ban tráp sơn nó là những huân hiệu cụ thể của người men chân lên thang công danh hoạn lộ" (Bắc Kỳ cổ sự).

Tú Xương than sự thi, coi đấy là nghiệp chướng:

Bụng buồn còn muốn nói năng chi
Đệ nhất buồn là cái hỏng thi
Một việc văn chương thôi cũng nhảm
Trăm năm thân thế có ra gì!

Về nghề nghiệp, Tú Xương không có nghề nghiệp gì.

Tú Xương kể lại: "Tôi vốn đi tiêu dao suốt năm, không để ý gì đến cửa nhà, đến nỗi vợ phải đón về dạy con, cung phụng như ông đồ người ngoài, không dám xưng hô theo lễ vợ chồng:

Thày đồ, thày đạc
Dạy học, dạy hành

Vài quyển sách nát
Dăm thằng trẻ ranh
Văn có hay đã đỗ làm quan, võng điều võng tía
Võ có giỏi đã ra giúp nước, khố đỏ khố xanh.
Ý hẳn thày văn dốt vũ dát
Cho nên thày luẩn quẩn loanh quanh
Trông thày:
Con người phong nhã
Ở chốn thị thành
Râu rậm như chổi
Đầu to tày giành
Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo
Cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh
Nhà lính, tính quan: ăn rặt những thịt quay, lạp xườn, mặc rặt những quần vân, áo xuyến;
Đất lề, quê thói: chỗ ngồi cũng án thư, bàn độc, ngoài hiên cũng cánh xếp, mành mành.
Gần có một mụ, sinh được bốn anh: tên Uông, tên Bái, tên Bột, tên Bành
Mẹ muốn con hay, rắp một nỗi biển, cờ, mũ, áo;
Chủ rước thày học, tính đủ tiền chè rượu, cơm canh
Chọn ngày lễ bái
Mở cửa tập tành
Thày ngồi chễm chệ
Trò đứng xung quanh
Dạy câu Kiều lẩy
Dạy khúc lý Kinh
Dạy những khi xuống ngựa lên xe, đứng ngồi phải phép
Dạy những lúc cao lâu, chiếu hát, ăn nói cho sành!"

Tú Xương có tài xuất khẩu thành chương, hay làm thơ bỡn cợt người đời, thói đời.

Thí dụ bỡn ông ấm Điềm:

Ghi chú của Tú Xương: *"Ông Ấm Điềm đang ngồi chơi với ta, một chốc bỗng thấy con bé là người nhà bà Hai Đích tới gọi: "Ông ấm ơi! Ông về gói hộ bà tôi vài cái giò!" Ông ấm lấy làm buồn cười. Hỏi mãi thì hóa ra chủ nhà sai nó đi gọi thằng ấm, nó nghe nhầm ra ông ấm Điềm. Buồn cười quá ta mới bỡn ông ấm rằng:*

Ấm không ra ấm, ấm ra nồi

Ấm chạy lăng quăng, ấm chẳng ngồi
Chán cổ đồ chuyên cùng chén mẫu
Luộc gà, nấu thịt, lại đồ xôi"

Thí dụ bỡn ông Thành Pháo (mượn chuyện chơi tam cúc để réo tên ông Pháo là người may được cử giữ chức phòng thành):

Tượng tượng, xe xe, xé lẻ rồi
Sĩ đen, sĩ đỏ chẳng vào đôi
Đố ai biết được quân nào kết
Mã cũng chui mà tốt cũng chui!

Thí dụ bỡn ông ấm Kỷ là con trai cụ tuần Quang. Mẹ ấm Kỷ dan díu với sư Doãn, tu ở chùa Phù Long (Nam Định):

Ấm Kỷ kia ơi tớ bảo này
Cha con mày phải cái này cay
Thôi đừng võng giá nghênh ngang nữa
Thằng tiểu Phù Long bá ngọ mày!

Thí dụ bỡn bản thân mình:

Một trà, một rượu, một đàn bà
Ba cái lăng nhăng nó hại ta
Chừa được cái gì hay cái nấy
Có chăng chừa rượu với chừa trà

Tú Xương được người đời gọi là "thần thơ thánh chữ." *Có người nói đặc sản Nam Định là chuối ngự và thơ Tú Xương. Cả một thời đại văn chương nhưng Tú Xương được yêu mến nhất:*

Ông nghè, ông thám vô mây khói
Đứng lại văn chương một tú tài.

Tú Xương đã để lại khoảng 150 bài thơ phú và câu đối, phần lớn truyền miệng, bài nào cũng buồn cười, chơi chữ thần tình. Thí dụ nói về người chỉ giỏi cơm rượu mà kém văn chương:

Văn chương chẳng thấy kêu rằng tốt
Chỉ tốt hai hàng lúa mẹ thôi!

Hay:

Ý hẳn thịt xôi lên chặt dạ
Cho nên con tự mới tòi ra!

Thí dụ trêu vợ chồng mới cưới:

Con bé nhà kia nó lấy ai?
Thưa ông nó lấy chú Hai Mai
Đuôi gà cô ả coi xinh gái
Trứng cá anh chàng cũng đẹp giai!

Thí dụ tả ông ốm, bất lực:

Im ỉm thâu đêm lại thẳng ngày
Bệnh đâu có bệnh lạ lùng thay!

v.v...

Có người viết về Tú Xương: "Ông sinh không ai biết, ông chết không ai hay."

Vậy là cụ Đồng Thịnh bảo:
- Nhất Tú Xương.
Đặng Tử Mẫn cũng bảo:
- Nhất Tú Xương thật.
Cụ Khổng đốc biện bảo:
- Hiềm Tú Xương chỉ du hí văn chương.

Khi ba người đang đứng nói chuyện với nhau thì có một người ăn mày đi đến ngửa tay xin tiền ở quầy bán thuốc bắc hiệu ông lang Xán. Ông lang Xán xua tay:

- *Người đói thì ta cũng chẳng no*
Cha thằng nào có tiếc không cho!

Xung quanh cười ầm lên.
Cụ Đồng Thịnh cười:
- Lại Tú Xương!
Nói rồi móc túi cho người ăn mày một hào.
Cụ Khổng đốc biện hỏi:
- Ông Đặng, khi nào ông đi Nhật Bản?
Đặng Tử Mẫn bảo:
- Sang năm mới.
Cụ Đồng Thịnh vào sạp lấy ra một gói lụa đỏ:

- Ông Đặng, đây là tiền đóng góp của người Việt Nam cho nước Việt Nam.

Đặng nói:

- Đa tạ cụ, của ít lòng nhiều.

Lúc ấy bỗng nhiên có tiếng đàn, tiếng nhị réo rắt cất lên. Đám người đứng xúm đông xúm đỏ quanh ông già hát sẩm với cô cháu gái chừng 15 tuổi.

Hát rằng:

- Chị hỡi chị, năm nay túng lắm
Biết làm sao, Tết đến nơi rồi
Mới ngày nào, chị mua muối cùng tôi
Ngoảnh mặt lại, hàng vôi nay đã bán
Này nụ, này hoa, này hài, này hán
Pháo, tranh Tàu, Hương Cảng mới đưa sang
Chị cùng em sắm sửa lo toan
Muốn mua chịu, sợ nhà hàng lại lạ
Chị em ta cùng nhau giữ giá
Đến bây giờ ngã cả chẳng ai nâng
Cũng liều bán váy chơi xuân...

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Lại Tú Xương!

Ông già hát sẩm lại hát:

Hát rằng:

- Người tai mắt ai không thức thú
Lúc về già lụ khụ mới chơi xuân
Suốt quanh năm nào mất cái lông chân
Nhà chứa bẩn để dành phân bón lúa
Ba câu chuyện khoe mình lắm của
Chốn nhà lan sặc sụa những hơi đồng
Theo anh em đến chỗ lầu hồng
Hỏi cô ấy có chồng chăng nhỉ?
Anh đây thật là người chí khí
Tiền cưới treo chi phí một vài hào
Khoe mình chơi nhất Hàng Thao!

Cụ Đồng Thịnh cười:

- Lại Tú Xương!

Đặng Tử Mẫn và cụ Khổng đốc biện chào cụ Đồng Thịnh để về.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Ông Đặng! Sự nghiệp Đông du lớn lắm!

Đặng gật đầu:

- Đa tạ cụ!

Cụ Đồng Thịnh tiễn cụ Khổng đốc biện và Đặng Tử Mẫn tới ngoài cổng chợ.

Cụ Khổng hỏi Đặng:

- Ông Đặng về nhà tôi bây giờ để gặp cụ Phan hay chờ đến tối?

Đặng Tử Mẫn bảo:

- Tôi muốn ghé thăm Tú Xương.

Cụ Đồng Thịnh vẫy một cái xe tay. Người kéo xe tay húi đầu trọc, khuôn mặt ngô nghê thật thà, lúc nào cũng nhe răng cười.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Muốn tìm Tú Xương phải nhờ chú Mán.

Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe chú Mán. Cụ Khổng đốc biện và cụ Đồng Thịnh lại quay vào chợ.

Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe. Ông cất bọc tiền cụ Đồng Thịnh vừa trao vào trong tay nải. Thành Nam Định đang vào Tết: người xe nhộn nhịp, thấp thoáng bóng những cành đào ở nhiều cửa tiệm buôn. Khuôn mặt bạn bè thân quen hiện ra trong tâm trí Đặng: nào là Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Cao Vân, Trần Quý Cáp, Tăng Bạt Hổ, Hoàng Hoa Thám, Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm và nhiều người nữa.

- Tất cả lui vào thiên cổ...

Đặng nghĩ thế. Ông lắng nghe tiếng pháo tép nổ ran cuối phố mà rùng mình. Trời lạnh. Ở Nhật Bản trời lạnh hơn nhiều.

Chiếc xe tay đi lòng vòng một lúc lâu rồi đỗ trước một hiệu cao lâu. Hiệu cao lâu này đến nay không còn nữa. Vị trí của nó đại để ở giữa quán "*karaoke*" của cô Dung béo và Công ty Sách thiết bị trường học thuộc Sở Giáo Dục Nam Định ở phố Hàng Thao bây giờ.

Đặng Tử Mẫn trả tiền xe cho chú Mán rồi gõ cửa hiệu. Chủ hiệu cao lâu là cô Ba Tuyết chạy ra đón Đặng.

Đặng hỏi:

- Ông Tú có ở đây không?

Cô Ba Tuyết cười:

- Gớm! Thì bác cứ vào đây cái đã nào!

II

Tú Xương nằm trên chiếu, đầu gác lên đùi cô đào Thu.
Tú Xương đọc:
- *Người bảo ông điên, ông chẳng điên*
Ông thương, ông tiếc, hóa ông phiền!
Tú Xương suy nghĩ.
Ông nghĩ:
Từ lâu lắm, ở xa lắm, người ta đã nhầm lẫn
Những nhầm lẫn cứ chồng chéo lên nhau
Sống trong những nhầm lẫn thật tai hại
Nhưng tỉnh ra còn tai hại hơn!
"Thiên hạ dễ thường đang ngủ cả
Tội gì mà thức một mình ta"
Thôi thây kệ!
Ai nhầm cứ nhầm
Ta chỉ thấy buồn cười mà thôi
"Những là thương cả cho đời bạc
Nào có căm đâu đến kẻ thù"...

Tú Xương nhắm mắt lại. Ông cảm thấy dễ chịu quá chừng. Cô đào Thu mới 21 tuổi.

- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương ậm ừ. Ông đã chót hứa với cô đào Thu sẽ giúp cho cô một món tiền lưng vốn.

- Em chỉ muốn về quê đi chợ. Làm công việc này nhục lắm.

"Chơi thì nhục. Làm thì không nhục. Tại sao thế? Lại nhầm lẫn rồi!" Tú Xương nghĩ.

- Ông Tú ạ! Em chẳng thấy ai như ông cả.

"Lại nhầm lẫn rồi! Đàn ông thì ai cũng như nhau hết" Tú Xương lại nghĩ.

- Hôm nọ, cái ô mang ra ngoài hiệu cầm đồ chỉ bán được có ba hào.

Tú Xương cười, cô đào Thu cũng cười ngặt nghẹo.

Giai thoại đi hát mất ô:

Có ông đi hát, bị cô đầu nẫng mất ô lục soạn, ông này tiếc của, kể chuyện cho mọi người nghe. Tú Xương làm bài thơ sau:

Đêm qua anh đến chơi đây
Giày giôn anh dận, ô tây anh cầm
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy em hãy còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mất bao giờ
Hỏi em, em cứ ỡm ờ không thưa
Chỉ e rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình...

Bài thơ này lưu truyền, nhà hàng sợ mất tiếng xin Tú Xương nghĩ cách chữa cho đỡ ngượng. Tú Xương bèn làm bài thơ trả lời:

Chẳng qua muôn sự tại giời
Thôi thôi xin chớ dài lời làm chi
Nắng thì nắng cũng có khi
Mưa thì mưa cũng có kỳ mà thôi
Thật lòng anh có thương tôi
Thì anh cứ việc đội giời mà lên
Nhược bằng anh cố bắt đền
Thì xin đền cái đắt tiền bằng ba!

Cô đào Thu lại hỏi:
- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?
Tú Xương bảo:
- Rồi đâu có đó.
Cô đào Thu thở dài.
Tú Xương nghĩ:
Làm người thật khó
Chỉ sống thôi sao mà khó thế
Chẳng lẽ chỉ như thế thôi
Cái cái, đực đực
Những con thú mạnh biểu hiện
Những con thú yếu khêu gợi...
Đực đực, cái cái
Cái cái, đực đực.

Cô đào Thu hỏi:
- Sáng nay ông ăn quà gì? Sáng nay em ăn miến lươn.
Tú Xương đọc:
- *Quần áo rách rưới.*

Ăn uống xô bồ
Cơm hai bữa: cá kho, rau muống
Quà một chiều: khoai lang, lúa ngô...

Cô đào Thu lại hỏi:
- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?
Tú Xương bảo:
- Được.
Cô đào Thu thở dài:
- Ông Tú! Ông sống cũng thanh đạm nhỉ?
Tú Xương đọc:
- *"Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài*
Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt"

(Cái phẩm giá tột cùng ở trong thiên hạ là tình đối với trăng gió. Cái phong lưu bậc nhất ở trên đời là tính khí giang hồ).

Cô đào Thu hỏi:
- Ông Tú! Trên đời ông quí nhất loại người nào?
Tú Xương bảo:
- Loại nào anh hùng hào kiệt và loại rong chơi giang hồ.
Cô đào Thu cười ngặt nghẽo:
- Loại anh hùng hào kiệt ông nào cũng toàn râu là râu!

Tú Xương cười. Ừ, trên sân khấu vị anh hùng hào kiệt nào cũng toàn râu là râu thật.

Tú Xương nghĩ:
Anh hùng chí lớn
Ông râu hùm hàm én
Ông mặt đỏ râu dài
Phong ba cát bụi
Danh tiếng nức trần ai!

Cô đào Thu lại hỏi:
- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?
Tú Xương bảo:
- Tết!
Cô đào Thu bảo:
- Ứ ừ! Tết đến nơi rồi!
Vừa lúc ấy thì Đặng Tử Mẫn bước vào.

III

Chắc chắn cuộc nói chuyện giữa Đặng Tử Mẫn và Tú Xương vô

cùng tao nhã vì Tú Xương đã ngồi thẳng dậy, nét mặt nghiêm trang.

Cô đào Thu hỏi:

- Em có phải đi ra ngoài hay không?

Tú Xương bảo:

- Không! Cô phải ở đây hầu rượu.

Đặng Tử Mẫn và Tú Xương nói về thời thế. Xã hội Việt Nam ở đầu thế kỷ XX có tâm trạng chung lo âu, ngơ ngác. Những mong muốn khai sáng xuất hiện trong giới văn thân. Tấm gương cải cách Minh Trị Nhật Bản khơi dậy khát vọng biến đổi.

Đặng nói:

- Cụ Phan đã có ý định Đông du.

Tú Xương buột miệng:

- Đa tạ cụ.

Cô đào Thu bật cười: mỗi khi Tú Xương đa tạ ai nghĩa là Tú Xương đã nhận ra một điều gì đó buồn cười.

Tú Xương đưa mắt, cô đào Thu biết ý lặng im.

Đặng Tử Mẫn nói:

- Số người ghi tên Đông du nay đã hơn 60 người. Trong miền Nam có Phan Chu Trinh cũng rất có chí. Hiềm Phan Chu Trinh chủ trương *"Pháp - Việt đề huề."* Cụ Phan Bội Châu thì khác, chủ trương bạo động.

Đặng Tử Mẫn nói:

- Ở Bắc Giang, cụ Hoàng Hoa Thám rất mạnh, cụ Phan Bội Châu cũng định lên gặp cụ Hoàng.

Cô đào Thu nín thở.

Đặng Tử Mẫn hỏi:

- Ông Tú! Ông nghĩ gì khi cụ Phan cho rằng *"lập thân tối hạ thị văn chương"?*

Tú Xương lại buột miệng:

- Đa tạ cụ.

Cô đào Thu lại suýt bật cười. Tú Xương đưa mắt nhìn. Cô đào Thu vô tình chạm vào cái tay nải của cụ Đặng Tử Mẫn.

Đặng hỏi:

- Ông Tú, tình cảnh ông hiện giờ thế nào?

Tú Xương bảo:

"Thê tróc, tử phọc."

Giai thoại với vợ bắt, con trói:

Có người mang tặng Tú Xương một cái lồng chim. Thấy con chim

bị nhốt, Tú Xương thương tình thả cho nó bay. Ông bảo: "Ngã phóng, nhĩ phi, dực mao tắc vũ" (Ta thả cho mày bay đi, lông cánh mặc sức bay nhảy). Không dè bà vợ Tú Xương và mấy đứa con tưởng chim xổ lồng nên chạy lại, chộp được, lại nhốt vào lồng như cũ. Tú Xương cám cảnh, bật cười bảo: "Thê tróc, tử phọc, âu lộ hoàn lung" (Vợ bắt, con trói thế là con chim tự do lại quay vào lồng).

Cô đào Thu bảo:
- Ông Tú! Em xuống nhà lấy đàn, lấy trống được không?
Tú Xương bảo:
- Được! Thế là xong chưa?
Cô đào Thu cười bảo:
- Xong rồi.

Đêm hôm đó, trong men rượu, giữa không khí của ngày giáp Tết, Đặng Tử Mẫn ngồi nghe Tú Xương gõ trống và cô đào Thu ngâm thơ.

Thơ rằng:

Sực tỉnh trông ra ngỡ sáng lòa
Đêm sao đêm mãi thế ru mà?
Lạnh lùng bốn bể ba phần tuyết
Xao xác năm canh một tiếng gà
Chim chóc hãy còn vương cửa tổ
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa
Nào ai là kẻ tìm ta đó
Đốt đuốc mà soi kẻo lẫn nhà!

Đoạn kết

Chợ Rồng chiều 30 Tết chật ních người. Ngoài cổng chợ bày la liệt những hàng rau, hàng thịt. Trong chợ là các dãy hàng khô, hàng vải, hàng tạp hóa. Chỗ nào cũng thấy có những câu đối viết trên giấy điều. Mùi gạo thơm quyện lẫn với đủ thứ mùi hàng hóa khác. Tất cả đều có hương vị thân quen nồng nàn.

Cô đào Thu đi sắm Tết. Cô chuẩn bị về quê. Đến quầy bán mứt kẹo, anh chàng bán hàng chọc ghẹo gì cô đào Thu. Cô đào Thu cười ngặt nghẽo, đấm thùm thụp vào lưng anh chàng bán hàng. Cô bảo:

- Chỉ trách người sao chẳng trách mình?
Mình trung đâu đấy, trách người trinh?

Xung quanh cười rộ lên. Có ai nói:

- Lại Tú Xương!

Giai thoại cô đào Thu:

Tú Xương quen cô đào Thu hay xin tiền. Tú Xương hứa giúp một chút vốn nhỏ nhưng chưa có dịp. May có một lần Tú Xương gặp Đặng Tử Mẫn, Đặng có tiền bèn trích một khoản nhỏ giúp cho cô đào Thu. Cũng có người nói rằng cô đào Thu trộm tiền của Đặng Tử Mẫn, Tú Xương biết nhưng lờ đi cho.

Nhân việc này Tú Xương có bài thơ:

Rước phải cô đào mới tẻo teo
Rát tai đà lắm sự ỳ èo
Cầm, kỳ, thi, tửu, vui ra phá
Điền sản, tư cơ mấy cũng nghèo
Bạn ác không vay mà thúc lãi
Thói thành dầu lịch cũng thành keo
Thôi thôi xin kiếu cô từ đấy
Chiều đãi thì tôi cũng vái đèo.

Cô đào Thu đi sắm Tết. Cô không biết rằng ở một góc chợ Tú Xương đang lặng lẽ ngắm nhìn cô.

Tú Xương đi lẫn trong đám người đi chợ. Mọi người không ai biết ông. Một nhà sư khất thực chạm phải Tú Xương. Nhà sư lùi lại nói:

- A di đà Phật!

Tú Xương giật mình nhưng ông thấy buồn cười nên tự dưng buột miệng:

- Cà ki cà kật!

Không biết mọi người xung quanh có nghe Tú Xương nói gì không nhưng tiếng cười bỗng cứ thế ran lên không ngớt.

Tú Xương đi. Kìa Tú Xương đang đi... Ông *"thõng tay vào chợ"*...

NGUYỄN HUY THIỆP
Hà Nội Xuân Mậu Dần 1998



THẬN NHIÊN

Những chớp mắt mùa đông

Tôi , mảnh vỏ trấu
bám trên lưng trâu
lẩn trong đám lông xơ xác bẩn
lũ bọ mòng làm phiền tôi quá
tôi đầm mình xuống bùn .
....
Tôi , con cá nhỏ
mơ thành cá voi xanh
nuốt một ngụm rượu trắng
tôi bơi trong cái lẫu thập cẩm đang sôi
lều bều rau , mực , sứa , tôm , xương , thịt ...
lều bều mộng
lều bều em thi tính sida hiện đại
áo lưới đen nịt ngực cũng đen
tôi lội lệt sệt khi lẫu cạn nước
nhà thơ luồn tay cá ươn vào áo lưới
em cười khanh khách đốt điếu thuốc
tôi là khói thở ra từ mũi .
....
Tôi là bức ảnh
trên tấm thẻ thằng bé chìa ra với dăm tờ vé số
tấm thẻ có chữ " xa mẹ "
xấp vé số có vé cho chuyến du lịch thiên đường
tôi có vé khứ hồi
Seattle - Hồ Chí Minh city
Ảnh tôi dán trên American passport
không có dòng chữ " away from mom "
thằng bé từ chối tờ bạc hai ngàn
từ chối ánh mắt thương hại
tôi thấy tôi quay lưng .
....
Tôi thấy tôi là dấu răng
tím bầm , man rợ
trên khuôn ngực chủm cau con bé quê mười sáu tuổi
....

Tôi là giọt mồ hôi lặng lẻ
nhớp nháp khẩu trang chống bụi ô nhiễm môi trường

....

Tôi thấy tôi trống đồng chim Lạc
bay lờ quờ tôi chảy máu cam

....

Tôi là loài rùa
lổm ngổm cột xâu trên vĩa hè
tôi thấy tôi bàn tay định mệnh
chọn số phận này bỏ số phận kia

....

Tôi thấy tôi bọt bia phè phởn cười sằng sặc
tôi thấy tôi sói tru độc ác
tôi thấy tôi đèn mờ phố muộn Tây ba lô
tôi thấy tôi tiếng rú ga rồ dại phân khối lớn
tôi thấy tôi đống rác khắm mùi hẻm sâu
ngày mưa nước ngập
tôi thấy tôi gân xanh
hằn tay em gầy guộc giặt giụa chồng con

....

Tôi thấy tôi
nước mắt
ngoái đầu nhìn lại
từ cầu thang cuốn phi trường
nước mắt chảy xuôi ?

....

$%#Ỵ&*$%#Ỵ&***?!...
Tôi chưa hiểu gì cả
$%#Ỵ&*$%#Ỵ&***
chớp nháng đèn màu mùa Chúa giáng sinh
tôi con rùa nhiệt đới lừ đừ
nuốt thuốc nhức đầu
xuống dòng
chấm hết buổi sáng
chấm hết cơn ngái ngủ
chấm hết bài thơ
“ những chớp mắt của mộng “
tôi dở cơm đi làm .

THẬN NHIÊN *(Seattle , 18/12/98 .)*



ĐINH LINH

Sàigòn Pull



Cách một một hồ hẹp từ chỗ nhà tôi ở ngay trung tâm Hà Nội là một khách sạn xấu xí tên Saigon Pull. Xây dựng cách đây bốn năm, khách sạn này là một sàn disco nổi, một con tàu đáy phẳng đèn chớp lòe loẹt phát ra những tiếng nhạc chói tai cho đến tận 3 giờ sáng mỗi ngày. Mặc dù tôi đã thử nhét những nút giấy báo vào tai, tiếng nện đều đặn thùm thùm thùm vẫn cứ lọt vào. Một lần tôi thậm chí đã thử quấn băng kín khắp đầu.

Nhưng cái khách sạn này không chỉ là sự bực mình, thật ra nó cũng là một món bở. Cô con gái độc nhất của tôi, làm tiếp viên ở đó. Nó mang về nhà trung bình cũng đến 15 dollars mỗi đêm, bằng cả nửa tháng lương thầy giáo.

Với khoảng thu nhập này, tôi không phải bước ra khỏi nhà nữa. Lúc trước, khi Lài chưa đi làm, tôi nuôi gia đình bằng nghề bán quẹt Zippo cộng với một khoảng lương hưu còm cõi.

Tôi có một vài câu tủ để khắc lên mấy cái quẹt Zippo. Câu mà tôi ưa thích nhất là câu này: "When I die burry me upside down so the world can kiss my ass."

Câu đó có thể dịch ra như thế này: "Khi tôi chết, hãy chôn tôi chổng ngược đầu để thế giới có thể hôn lỗ đít tôi."

Tôi thường ngồi trên lề đường đối diện khách sạn Metropole,

với sáu cái quẹt Zippo bày lên một chiếc khăn tắm trải dưới đất. (Có thêm khoảng một tá khác ở trong cặp). Tốt hơn hết là không nên bày ra tất cả ra. Như vậy trông hàng hóa mới có vẻ khan hiếm. Tôi bán khoảng năm, có khi sáu dollars một chiếc.

Có lần một gã khách lạ với vẻ xúc động cực độ, nước mắt lưng tròng, đã đưa tôi đến hai mươi dollars mặc dù tôi ra giá chỉ có mười dollars.

Tôi biết chạm khắc lên đủ loại vật dụng, với một giá thỏa thuận, khi thì một bức tranh nhiệt đới, khi thì một họ tên, hoặc một hai câu đơn giản bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp. Chẳng hạn trên cái bút nhựa rẻ tiền: cảnh một cây dừa trĩu quả, một mặt trời đang lặn xuống biển và ở phía bên trên là câu này: "Good night, My Love!"

Bây giờ thì tôi ở nhà cả ngày coi sóc Tuấn, thằng cháu ngoại ba tuổi. Chỉ có ba người trong gia đình: tôi Lài và Tuấn.

Tuấn là một thằng nhóc to xương và khôn trước tuổi. Nó đã có thể đọc làu làu bảng chữ cái, cả ngược và xuôi, rồi đếm đến một trăm. Tôi dạy Tuấn một vài từ độc đáo. Có lần lão Trương hàng xóm sang chỗ tôi uống bia, tôi bảo: "Tuấn, nói cho ông Trương nghe, cái gì ở trong cơ thể người?"

Tuấn nhìn tôi vẻ ngơ ngác. Tôi động viên: "Nói đi, cái gì rất nhỏ mà không ai thấy được đấy."

Nó vẫn chưa hiểu ý. Tôi gợi ý: "VVVVV!VVVVVVVVVV!"

"Vi trùng."

"Đấy, ông thấy không," tôi nhìn lão trương, "nó đã biết từ "vi trùng" rồi đấy!"

Lão Trương cười ngặt nghẽo. Con mắt độc nhất còn lại của lão hí lại, kéo dài trên sóng mũi. Miệng lão gần như cắt đứt khuôn mặt lão ra: "Thằng bé này nói tiếng Việt xuất sắc."

Được thể, tôi chỉ vào bức ảnh trên tường: "Ai đấy?"

"Bác Hồ"

"Bác Hồ thế nào?"

"Bác Hồ yêu các cháu thiếu nhi!"

Lúc lão Trương về, tôi ngẫm thấy vui vì lão Trương có vẻ thích thằng cháu Tuấn của tôi lắm, lão lại chẳng bao giờ có nhận xét dở hơi nào về màu da của Tuấn trước mặt tôi.

Thực tế, chẳng bao giờ. Có lần thấy Tuấn đá một quả bóng nhựa trên sàn, lão đưa tay lên trời hét: "Pele!"

Sự thật lão Trương thích nói những câu so sánh xa vời. Lão nói rằng Hà Nội ngày càng trở nên giống New York. (Lão chưa bao giờ gần New York, đúng ra thì lão chưa bao giờ rời khỏi Việt Nam). Lão gọi Lài

là "diễn viên nổi tiếng" và tôi là "ông tướng." Lão bảo: "Ông trông cứ như Võ Nguyên Giáp." Thật ra một so sánh ngớ ngẩn. Như có thể thấy trong tất cả các bức hình, và thậm chí tôi đã từng gặp vị tướng vĩ đại một lần, có hình trong bóp tôi làm chứng hẳn hòi, tướng Giáp có một khuôn mặt tròn, kiểu mặt cóc, trong khi mặt tôi gầy quắt, chẳng có tí thịt nào và mắt hơi lồi ra. Tôi có râu mép rộng trong khi tướng Giáp không có râu. Mặc dù mũi tướng Giáp trông như bị đập giập và phẳng lì, dù sao nó cũng vẫn còn là một thứ phụ tùng trên mặt, trong khi tôi, rất đáng tiếc, đã bị bay mất mũi. Thêm nữa, ai cũng biết tướng Giáp chỉ cao có 4 feet 9, một trong những người lùn nhất hoàn vũ, trong khi tôi, nói có trời đất, là một gã rất cao. Có lẽ lão Trương có ý bảo tôi giống tướng Giáp vì cái khổ người bé tẻo còn lại hiện tại của tôi.

Tôi đã quyết định không gởi Tuấn đến trường. Tại sao lại bắt nó trở thành đối tượng cho sự tàn nhẫn của những đứa trẻ khác. Tôi bàn với Lài về chuyện này. Đến khi Lài thôi làm nghề tiếp viên thì cũng đã 25 tuổi và có thể mở một tiệm làm tóc. Chúng tôi sẽ đặt tên tiệm là "Paris By Night." Nhổ lông mày, nhuộm sấy, làm móng tay. Tuấn có thể giúp việc vặt trong tiệm khi nó khá lớn, rồi thì là một chuyên viên thẩm mỹ.

Mỗi đêm trước khi đi ngủ, tôi xoa lòng trứng lên tóc Tuấn để kéo tóc nó thẳng ra. Tôi chả rõ làm như vậy có hiệu nghiệm không, nhưng cứ thử vậy. Tôi cũng thường bảo nó xoa bóp mũi để kéo mũi cao lên.

"Làm hai mươi lần như thế."

"Nhưng để làm gì vậy ông?"

"Tốt cho mũi cháu!"

Mỗi lần tập mũi xong như vậy, tôi cho Tuấn một nắm kẹo M & M. Hàng nhập, cực đắt.

Bà Bưởi bán hàng rong ở phố bảo tôi ca sĩ Mỹ, Michael Jackson, tắm mỗi ngày trong bồn tắm sữa tươi để làm trắng da ra. Sữa hộp đặc không công hiệu, bà nói thêm.

Một mụ nhà quê dốt nát, bà Bưởi thường nài nỉ khách mua bánh rồi ban phát những lời khuyên bảo tân kỳ nhất về khoa học thẩm mỹ. Nhưng một bình sữa tươi đắt đến hơn một dollar. Tôi không thể tiêu tất cả số tiền Lài kiếm được vào việc mua sữa tươi. Tôi đã nghĩ đến việc chỉ mua một bình sữa nhỏ rồi xoa lên da Tuấn những chỗ quan trọng, có lẽ chỉ hai bàn tay và phía trước mặt nó, bằng một cái khăn lau mặt. Nhưng nếu áp dụng không đồng đều như vậy, nó có thể sẽ lớn lên loang lổ như một con nhái hay một nạn nhân bom Napalm. Không đáng liều như thế.

Nhưng tôi là cái quái gì để có thể gọi bà Bưởi là một mụ nhà quê dốt nát? Rõ đạo đức giả. Tôi nên gãi những cái sẹo trên mặt tôi cho đến khi rướm máu để tạ lỗi vì đã gọi bà Bưởi như vậy. Hãy chỉ cho tôi một người Việt Nam, thậm chí những kẻ au courant nhất, kể cả những c'est moi, có ai mà không cách đây một thế hệ, cùng lắm là hai, cũng chỉ là dân quê mùa dốt nát?

Đấy, chính bạn cũng có thể chỉ là một tên nhà quê dốt nát như thế. Có lẽ sáng nay còn đứng chổng đít lên trời cấy lúa, bùn ngập đầu gối. Chẳng có gì phải xấu hổ cả. Có chết thằng quái nào nếu bạn chưa bao giờ ăn kẹo M & M hay chưa bao giờ mua một cuộn giấy đi cầu.

Hãy tự hào vì bạn là một con người tự nhiên, au naturel, parlez vous Francais? Như một con diệc hay một con trâu nước. Bạn nên hãnh diện vì bạn là một gia tài của những bài ca dao không ai còn nhớ. Bạn nên hãnh diện vì bạn là một kho tàng của những kiến thức kỳ bí mà một tên thị thành như tôi chẳng có chút ý niệm gì cả. (Nói như lão Trương, Hà Nội ngày càng trở nên giống như New York và ngày càng trở nên ít giống phần còn lại của Việt Nam). Nếu tôi coi bạn không ra gì, bạn có thể thư tôi với một cái bụng đầy ốc sên hay đặt cả một con vịt sống vào đó. Bởi vì bạn giang nắng cả ngày, chổng đít lên trời cấy lúa, bạn tráng kiện, hơi khùng khùng một chút, và da rám đen. Nhưng da rám nắng không phải không thay đổi được. Màu da là cái quái gì nếu không phải chỉ là những con vi khuẩn bám trên đó và có thể tẩy sạch bằng hóa chất thích hợp?

Khi tôi đề ra ý kiến mở tiệm uốn tóc, Lài có vẻ bối rối, thậm chí có phần hoảng sợ. Khi bực mình điều gì, môi Lài hơi trề ra như thế nó đang sắp phải hôn một người mà nó không muốn hôn. Đầu nó hơi ngửa ra, mắt chớp nhanh. Lài khốn khổ con tôi. Tôi trấn an Lài: "Đừng lo, đừng lo, bố hứa là bố sẽ chẳng bao giờ chường mặt ra tiệm đâu."

"Bố nói gì thế?" Nó phản đối, đầu ngửa ra, mắt chớp nhanh.

"Ấy, thì đó là một chỗ đẹp. Ai lại muốn trông thấy một con quái vật xấu xí ở đấy?"

Sự thật là thế hệ trẻ có rất ít khoan dung đối với sự xấu xí, đối với tất cả những cái gì tồi tàn, thương tật hay không ăn ảnh. Tất cả những nhắc nhở về cuộc chiến tranh làm chúng bối rối. Cuộc chiến tranh chính nó là một sự xấu hổ. Một sai lầm khổng lồ. (Và chúng nó đúng, dĩ nhiên, nhưng chúng oán trách những người như tôi vì đã tham dự vào cuộc chiến đó như thể chúng tôi đã có thể chọn lựa). Bây giờ chúng thấy những người Mỹ thân thiện rủng rỉnh tiền bạc trên đường phố mà không thể hình dung ra rằng chúng tôi đã từng chiến đấu chống Mỹ.

Mỗi đêm mất ngủ nằm trong mùng cạnh thằng cháu, tôi thường nhớ lại quãng đời bình thường nhưng chông gai. Cho đến lúc này, ở tuổi 53, tôi mới biết thế nào là sự buồn chán, một sự yên bình, nếu không muốn nói là hạnh phúc. Tôi thường nghĩ về vợ tôi, về bốn đêm ăn nằm của chúng tôi. Có những người đàn ông được số phận sinh ra để tận hưởng vô số đêm yêu đương. Số phận của tôi là bốn đêm yêu đương. Thịt đâm vào thịt nhớ nhau suốt đời, người ta nói như vậy. Mỗi đêm mỗi khác nhau. Trong những cách nào đó, có thể là một sự may mắn vì Thế Uyển, người vợ mà tôi chẳng biết bao nhiêu, đã qua đời được hai năm ngày tôi trở về từ cuộc chiến tranh. Tôi đã bị chấn thương cùng khắp, có lẽ chỉ chưa đến nỗi hóa điên.

Có lúc tôi nhớ về những ngày ngắn ngủi ở Huế, thành phố duy nhất ngoài Hà Nội mà tôi biết; hay về vụ tôi lừa quả thối một nhà báo Quân Đội Nhân Dân, bịa chuyện tôi đã ép một xe tăng của quân Cộng Hòa đâm vào chính lô cốt của chúng như thế nào - "Ôi, giá mà cô nghe được tiếng chúng nó kêu thét lên"; hay nhớ về vụ chúng tôi phát hiện ra một xe nhà binh Mỹ lật bên vệ đường với tên tài xế đã chết, và nỗi vui sướng của chúng tôi khi tìm thấy cả một thùng xe đầy thịt hộp và trái cây; hay nhớ về lần tôi dẫm lên một tên lính Mỹ nhưng đã không bắn hắn, và chuyện đó đã làm tôi mất ăn mất ngủ như thế nào cả mấy tuần liền; hay chuyện một két whisky mà tiểu đoàn tôi tìm được trong một căn cứ bị chiếm của quân Cộng Hòa.

Lúc mới ra trận, có lần tôi đã tưởng một dải thòng lòng vắt vẻo trên ngọn cây là ruột người. Màu xám hồng và ri rỉ máu. Tôi hoảng sợ đến nôn thốc nôn tháo. Khi tôi kể chuyện này với những người lính khác, tất cả bọn họ đều cười: "Đấy là một con rắn, thằng đần!"

Thường thì Lài không về nhà cho đến tám giờ sáng hôm sau. Những người nước ngoài và Việt kiều thích đi ngủ trễ, nó bảo. Và thường thì họ thích trò chuyện chút đỉnh khi thức dậy, dù có phải trả thêm chút tiền, nó nói thêm.

Thực ra tôi chẳng bao giờ vặn hỏi Lài về công việc của nó, nhưng đôi khi có những chuyện mà nó kể cho tôi. Chúng tôi đã thỏa thuận là Lài không bao giờ tiếp khách ở nhà. (Có mặt Tuấn, đó sẽ là một điều vô đạo đức).

Tuy vậy có lần một gã Việt kiều đến nhà vào một đêm Lài nghỉ làm và van nài khẩn khoản xin được vào nhà. Mặc dù rất say, gã trai trẻ không hề tỏ vẻ vô lễ. Sau một lúc bàn bạc, chúng tôi quyết định, thôi thì nhằm quái gì, cứ để thằng con hoang khốn khổ vào nhà.

"Cám ơn bác, cám ơn bác lắm," gã Việt kiều nói bằng giọng

Quảng Ngãi đặc sệt, cúi rạp xuống như một con rối, hai bàn tay múp míp chắp lại trước ngực.

"Chưa phải Tết đâu, miễn lạy!"

"Cám ơn bác!"

"Cứ coi chúng tôi như người nhà!"

Thế, bốn mạng người chúng tôi ngủ trên hai cái giường trong căn nhà một phòng. Gã Việt kiều, quần áo nguyên trên người, nằm ôm lấy Lài như thể Lài là cái phao cuối cùng còn nổi bập bềnh trên biển Hải Nam, lũ cá mập trắng đang bơi lội dưới gầm giường. Hắn lầm rầm kể lể chuyện đời hắn, một chuyên gia đổ rác ở Miami, rồi bỏ đi trước lúc mặt trời mọc.

Sau khi gã Việt kiều ra về, thằng ranh con Tuấn hỏi: "Ông ấy là bố của con phải không ạ?"

Mặc dù Saigon Pull cách nhà chúng tôi đúng một sải ném đá, thường thì Lài phải mất mười lăm phút để lái quanh hồ trên chiếc Dream của nó. Tôi luôn nhận ra mỗi khi nó về bằng vào tiếng sủa cuống cuồng của con chó cái Pekinese nhà lão Trương. Lài thường mang một vài món gì đó mua từ chợ, khi thì xôi lạp xưởng, bánh mì paté, khi thì bún thịt nướng. Thỉnh thoảng nó mang về mấy tờ báo hay tạp chí ngoại quốc.

Mặc dù tôi thưởng thức tất cả các bức hình trong các tạp chí, thậm chí cả những bức quái dị: như cảnh bài trí một căn phòng tắm trong một bức ảnh quảng cáo xà phòng, hay cảnh một cái đầu hươu lông lá treo bên trên lò sưởi, những bức hình hấp dẫn tôi nhất là những bức hình chụp tai nạn và thiên tai: hình một chiếc xe đua bốc cháy, một cuộc nổi loạn, một người bị còng tay... Đấy là chỉ để biết chắc rằng những người ngoại quốc cũng đau khổ, ở ngay trên đất nước họ, vì những người ngoại quốc trên đây, năm 1995, không biết đau khổ là gì.

Trên hình bìa của tờ Bưu Điện Băngkok tuần trước là tấm ảnh chụp một người đàn ông đội beret đỏ, quần khaki, áo thun trắng, đang chĩa khẩu SA-93 của Bulgary vào một người đàn ông khác nằm trên mặt đất, trần truồng, ngoại trừ một đôi tất xanh ở chân. Tôi đã thấy chiến tranh, nhưng tôi chưa bao giờ thấy chiến tranh một cách trắng trợn như vậy. Tôi chẳng rõ đấy là ở nước nào. Nhưng cả hai người đàn ông đều da đen nên có lẽ là ở Phi châu. Người đàn ông trần truồng che hạ bộ bằng một tay trong khi cố gắng ngăn cái chết không tránh được bằng tay còn lại. Một chiếc tất tuột lủng lẳng nơi chân. Cạnh đó, năm thiếu niên núp sau một bức tường đang chứng kiến màn trình diễn

công cộng này với những đôi mắt dè chừng.

Tôi chỉ thấy người da đen một lần duy nhất ở khoảng cách gần. Đó là trong một cánh rừng gần Pleiku. Chúng tôi vừa phục kích một toán tuần tra Mỹ và đang ra sức thu lượm vũ khí từ những xác chết trước khi trực thăng đến. Tôi dẫm lên một khúc cây đổ lên cái gì đó mềm mềm. Một cái gì đó rên rỉ dưới chân tôi. Đó là một người lính da đen bị thương khá nặng, máu chảy đầm đìa nhưng hãy còn tỉnh táo, cánh tay phải của anh ta đã văng mất. Cho đến bây giờ tôi hãy còn nhớ khuôn mặt của người lính: anh có những mụn nhỏ kỳ quặc phía dưới má và một chỏm râu dê lưa thưa. Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt cũng đang nhìn trừng trừng vào tôi. Không có ai ở gần kề. Tôi tiếp tục bước đi.

Khi Tuấn sinh ra, tôi lập tức nghĩ đến người lính da đen tôi đã không giết. Một trò đùa của thuyết luân hồi: tôi đã thích người da đen trước kia quá, thì đây, bây giờ tôi có thêm một đứa da đen nữa. Tôi cười như điên đến nỗi trong bệnh viện, người ta tưởng tôi điên.

Chuyện đó đã làm phiền tôi suốt mấy tuần, sự kiện tôi đã không thể bắn người lính đó. Tôi là một người lính như thế nào nếu tôi đã không kết liễu kẻ thù?

Nhưng khuôn mặt đó cứ trở đi trở lại, một khuôn mặt không biểu lộ sợ hãi hay thách thức, với những mụn nhỏ dưới má và một chỏm râu dê lởm chởm. Nếu có một biểu hiệu nào, thì đó là sự bối rối. Như thể anh ta chỉ vừa thức giấc và ngạc nhiên nhìn thấy tôi đứng bên cạnh. Một phản ứng khá nữ tính, tôi kết luận, để cảm thấy bối rối sau khi đã xâm phạm. Đấy là bởi vì anh ta đã bị bắt gặp trong một tình thế thỏa hiệp, một cách rõ ràng nhất, cũng như tôi vậy. Cứ như thể tôi đã bước vào nhà vệ sinh mà không gõ cửa và bắt gặp anh ta đang ngồi chồm hổm trên cái lỗ xi măng. "Xin thứ lỗi, thưa ngài." Nhưng tại sao hai chúng tôi đã phải ở trong cánh rừng tan hoang đầy muỗi đó trong một buổi chiều mùa hè nóng không thể tin được? Anh ta với một cánh tay đã biến mất và người vùi trong bùn? Và tôi với hai chân sắp sửa bị thổi bay đi mãi mãi?

(PHAN NHIÊN HẠO *dịch*)

Sàigòn Pull, nguyên tác Anh ngữ



TRẦN MỘNG TÚ

bài thơ đầu năm

Chúng mình hẹn gặp nhau
cuối năm
Nhưng em không đến chỗ hẹn
em ở nhà
ngồi với ly nước lạnh
chiếc ly thủy tinh
đặt cạnh bình hoa
có vài cánh hoa
rớt vào ly nước
Sự lỗi hẹn
làm trái tim em trở nên
trong suốt

Nếu anh có đến đó
đứng chờ em dưới hàng thông
sẽ có những chiếc lá
dài và nhọn như
những chiếc kim màu xanh
rớt xuống vai anh
Sự chờ đợi làm anh
đau nhói

Bay giờ ở giữa hai ta
là một năm bắt đầu
là chuỗi ngày tháng mới
là những cánh hoa rơi
là ly nước lạnh
là những cái kim màu xanh
và trái tim em
trong suốt

TRẦN MỘNG TÚ (*tháng Giêng Kỷ Mão*)



HỒ ĐÌNH NGHIÊM

Sinh phần



Đợi gần cả tiếng, tên tôi được gióng hô giữa một hành lang có nhiều gió. Tôi đi theo người đàn bà vừa quay lưng, chiếc áo hành nghề của bà nhăn nhàu và màu trắng nguyên thủy của nó chỉ còn luyến lưu đôi chút sau cổ áo lật cao. Những con ruồi bay quờ quạng trên băng ghế gỗ có bảy người ngồi thất thần. Vách tường sơn xanh, bạc thếch. ở độ cao lưng chừng, màu xanh lạ lùng đó bị những mái đầu dựa vào làm biến đổi thành từng vòng tròn xám đen. Tết gần đến, họ chưa quét vôi lại, và những người ngồi đợi gọi tên trông như đám tội nhân chờ bị tra khảo ở trụ sở cảnh sát.

Cánh cửa gương trắng đục được mở ra. Trong phòng giam giữ một thứ mùi khó cắt nghĩa, Nồng, ngai ngái thuốc sát trùng. Nửa sạch sẽ, nửa dơ bẩn. Người đàn bà nhìn tôi:

"Ưa bồi dưỡng không?" Giọng Nghệ-an nặng như một hòn đá vừa rớt xuống đất. Tôi ngó những ngón chân thô lòi ra nơi đôi dép nhựa tím. Tôi nhìn, bởi lẽ đôi dép ấy luôn tạo ra tiếng động, như có người nằm mãi trăn trở trên giường tre. Kẻo kẹt.

"Bồi dưỡng?"

Những ngón chân như năm củ gừng biết di động.

"Ừ. Được ăn một trái chuối. Uống cốc nước cam... Nói trước để

khỏi kiện tụng lôi thôi là có bồi dưỡng thì khi lãnh tiền sẽ bị khấu trừ chút đỉnh. Đồng ý không?"

Ở góc phòng, bày trên bàn sơ sài những thứ thực phẩm mà người ta dùng để bồi dưỡng. Nó hiện diện ở đó thật không phải phép. Nó giống như đồ mẫu dành cho những người tập vẽ tranh tĩnh vật. Nghèo màu sắc, bố cục lỏng lẻo. Miệng tôi đắng. Lâu rồi, tôi chưa được ăn một tô bún, một bát phở. Mặt tôi chắc là choắt lại bằng trái cam. Tôi nói tôi không ưa bồi dưỡng. Người đàn bà nhún vai, bà chỉ vào chiếc ghế biểu tôi ngồi xuống đó. Thiếu cái khăn choàng, thiếu tấm gương soi, nếu đầy đủ thì tôi đang ngồi trong một tiệm hớt tóc hạng sang. Tóc tôi rối bù. Ừ, tại sao mình lại không bao giờ nghĩ tới chuyện hớt tóc gội đầu cạo râu lấy ráy tai xoi mắt ghèn? Một trong ngũ khoái? Tứ khoái là gì? Ăn, ngủ, ỉa, đái. Chỉ có vậy thôi à?

"Xắn tay áo lên. Bao nhiêu xê xê đây?"

Người đàn bà hỏi. Tay bưng cái khay nhôm đựng bông gòn và những ống kim.

"Tôi không biết. Tôi cần năm chục ngàn".

Tiếng cười khan từ trong cổ thoát ra. Người đàn bà nhổ cục đờm xuống đất, đôi dép nhựa tím chà xát lên nó, vẻ thích thú:

"Hừ, năm chục ngàn. Muốn chết hả? Chưa đọc qua điều lệ và nội quy hay sao?"

Theo tay chỉ của người đàn bà, tôi ngó những con chữ viết sơn đỏ bò run rẩy trên tường vôi. Có cả thảy năm điều nằm dưới chữ Ngân hàng huyết. Mắt tôi hoa lên khi đọc chúng, cảm tưởng như bức tường biết thổ huyết. Tôi nhớ câu "Một giọt máu đào hơn ao nước lã" ngày xưa nắn nón tập viết ở bậc tiểu học. Nhớ lờ mờ lời giảng của cô giáo. Ừ, giọt máu nó quan trọng và có giá trị lắm. Ít ra thì khi cần, bán nó cũng có chút đỉnh tiền. Không được bán nhiều thì bán chút chút. Điều số hai viết trên vách có nói cụ thể về giới hạn tối đa của việc mua bán. Tôi đọc nguyên văn hàng chữ kỳ quặc ấy cho người đàn bà nghe. Đọc chậm rãi như ở nhà hàng đã lựa xong món ăn trên cái thực đơn ghi nhiều thứ chẳng hợp khẩu vị mình.

"Tôi biết. Ai ngồi trên ghế này tuồng như cũng ưa câu ấy cả. Làm một lần, choáng váng chút đỉnh nhưng khỏi phải dây dưa tới lui nhiều bận".

Bà dùng sợi dây thun siết chặt vào tay tôi. Ngó chưa đẹp, còn đập bốn năm phát lên sợi gân máu vừa vặn mình dưới da. Tôi nhắm mắt, cố nghĩ tới những điều tốt đẹp, về lòng hy sinh chẳng hạn. Tôi nhớ một đoạn phim coi hồi còn bé, trong giao thông hào cảnh ông Đại úy bị trúng đạn, máu tuôn ra khá nhiều. Cả bọn quyết định bằng mọi

giá phải cứu lấy cấp chỉ huy. Thằng y tá nói: "Có bạn nào chịu truyền máu cho Đại úy không?" Cả bọn thu nhỏ người ngồi không cục cựa. Sau cùng có thằng lính da đen dõng dạc đứng lên làm Lê Lai liều mình cứu chúa. Cấp chỉ huy thoát nạn và ông thóa mạ bọn đàn em bằng những chữ tồi tệ nhất. Ông giận tím người bởi lẽ ông biết trong cơ thể ông đang hòa chảy dòng máu của "bọn đen".

Người tôi nhẹ hẫng khi đứng lên. Tôi thấy hai bóng trắng vừa lướt đi về cuối phòng.

"Đợi tôi viết tờ giấy biên nhận rồi sang phòng bên lĩnh tiền. Lượng sức mà ra về, mai chủ nhật có lao động gì không?'

Tôi vịn thành ghế, căn phòng như lòng chiếc máy bay vừa rùng mình trên một trần mây hụt hẫng. Chỉ khác biệt một điều là nếu được đi mây về gió, khi đó hẳn tôi sẽ nôn thốc tháo. Tôi chẳng có gì để phải mửa mật giờ này, tôi nghĩ tới em tôi và tự nhiên đôi bàn chân đứng vững chải trên mặt đất thôi quay mòng. Người đàn bà vừa ký tên xong trên tờ giấy vàng úa. Tờ giấy chết đi sống lại nhiều lần nên trông thảm thương hơn cả giấy vàng bạc đốt cúng kẻ khuất mặt. Những đứa bán linh hồn cho quỷ, chúng nó có cầm được tờ giấy như tôi đang có không?

Ngoài hành lang hiện diện thêm đôi ba khuôn mặt mới. Tất cả đều nhìn tôi, án chừng và so đo thể lực của mình có hơn cái thằng mặt xanh nanh vàng vừa xô cửa đi ra? Cây sầu đông vẫn còn đứng ở góc sân, chim chóc đã bay và những chiếc lá nhỏ nhít của nó tuồng như có rơi rụng ít nhiều. Tôi cầm tờ giấy lộn đi đổi một xấp giấy lộn khác. Bộn bề, nặng nề, nhưng nó chẳng khác đám mây đen kia một mảy may. Nó sẽ giạt bay, sẽ tan biến. Trong khi chưa tàn hình, tôi thu tay trong túi quần sờ soạn và vỗ về nó theo mỗi bước chân. Gió làm nhăn nhàu mặt sông khi tôi vịn thành cầu bước qua. nhà của Quý đọng nhiều bóng tối khi tôi bước vào ngạch cửa. Củi lửa tàn lạnh tro than, Quý nằm khom mình như con mèo trên chiếc ghế xếp. Con mèo vươn vai, bộ điệu nhác nhớm.

"Bà già đâu?" Tôi hỏi khi ngồi xuống chiếc ghế gỗ lạnh đít.

"Bà đi chợ rồi?"

"Kết quả ra sao?"

"Thất bại".

Quý nhìn vào mặt tôi, như tìm xem có bao nhiêu sắc xanh cả thảy.

"Làm gì mà mày tái mặt máu vậy?'

Hắn tới bên bàn, rót cho tôi tách nước trà. Vòi nước vàng chảy xuống, sủi bọt như nước đái kêu xè xè. Tôi nhìn cái bình men trắng có

vẽ ở ngoài sự tích ba anh em kết nghĩa vườn Đào. Quý là bạn thân duy nhất của tôi còn sót lại giữa trần thế. Những đứa khác thảy đều vượt biên đi đâu mất tiêu. Khi người ta kết nghĩa với nhau, tuy không so bì nhưng ít ra phải tìm thấy ở nhau một sự tương xứng nào đó. Mút-cu kết nghĩa với Hà-nội thì khó nghe hơn là Cu-ba kết nghĩa với Bun-ga-ri. Chồng tên Cầu mà lấy vợ tên Tiêu thì nghe lùng bùng lỗ tai, thua xa chú Hoàng mà se duyên cùng cô Hậu.

"Mày có xem tao là bạn không? Mày cần ít tiền làm vốn đi buôn thì mày xem thường tao quá!"

"Sao lại gọi là xem thường?"

"Mày biết bà già tao nói gì không? Cho hắn vay để thử thời vận à? Có mà hại hắn thêm thì kể. Cái tướng hắn ra đường ngày một ngày hai tụi nó lừa cho mạt máu. Tay trắng lại hoàn trắng tay!"

"Vậy thì tao sẽ phải dựng chuyện gì để đánh động lòng bà? Hai ba chục ngàn thôi mà".

"Tại sao phải dựng chuyện? Sự thật chưa đủ mức độ thảm sầu hay sao? Đây, trong này có ba mươi ngàn. Bà già tao biết hết rồi, cầm lấy đi, bao giờ có hẳn trả lại, không gấp".

Quý ném xuống bàn gói giấy báo. Nó lớn bằng gói bún khô thượng hạng mềm dẻo dai dùng để xuất khẩu. Em gái tôi làm công nhân cho hai công ty Nhật-Việt liên doanh chế biến bún khô, mì gói tam tinh lục tặc. Công việc bình thường chẳng nghe em than thở, bỗng dưng một hôm...

"Mày không biết đó thôi, ở ngoài chợ chuyện gì mà tụi nó không kháo nhau. Hôm ấy nghe đâu bọn sinh viên y khoa thực tập khu nội thương ùn ùn rủ nhau đi xem..."

Lòng tôi lạnh buốt. Máu đột ngột bỏ đi nên con tim vội vã co thắt. Tôi hình dung ra cảnh một con heo bị thọc huyết và đám người cầm tem phiếu đứng vây quanh la ó tranh nhau một khúc thịt ngon. Bụng? Ngực? Bắp đùi? Chỗ này lông nhiều, chỗ kia cạo nhẵn thín...

Tôi xin Quý một điếu thuốc và thử tìm sự choáng váng bởi hơi khói đè nén. Tôi không hiểu được nguyên do gì khiến em tôi tự tử. Tôi mang em vào nhà thương, người ta đóng cửa phòng lột truồng súc ruột cho nó. Người ta cứu nó sống và người ta biểu tôi nộp tiền phạt năm mươi ngàn đồng. Người ta cạo trọc mái tóc thề của nó như thể em tôi có chân trong bọn người làm bạc giả. Phải, tự tử là một hình thức chống đối chế độ. Tôi cúi đầu nghe nhận bản án nhẹ nhàng kia và hôm nay là hạn cuối ngày tôi chuộc em ra khỏi nhà thương lúc nào cũng đầy chật bệnh nhân. Tôi gián tiếp cứu em ruột tôi sống và vô tình tôi đã mang tội với em trong hành động hoàn toàn do bản năng sai

khiến. Cứu một người còn hơn xây chục cái am. Công đức thật lớn, nhưng mà đôi khi cũng đoản hậu quá lắm. Lòng tôi dày vò vô hạn khi nghĩ tới cảnh em gái tôi nằm trần truồng đuối lã để cho bọn đàn ông con trai xăm soi lật sấp lật ngửa, thọc ống này vào rút ống kia ra.

Tôi ném điếu thuốc hút dở ra ngoài sân đất. Tôi nhét gói giấy báo vào lưng quần. Quý bảo:

"Mày lấy xe đạp của tao mà chở nó về chứ?".

Tôi nghe lời, cúi đầu đạp quờ quạng qua nhà thương. Không rõ em tôi sẽ nói những gì với tôi. Tôi đâm sợ hãi khi gặp lại em. Một người tới gần cửa tử rồi bị triệu hồi về sẽ mang trong đầu cái ý nghĩ gì về cảnh giới này? Giây xích xe đạp khô dầu kêu đay nghiến theo vòng quay bánh xe. Tôi thử tìm một lời trách nhẹ nhàng để chạy tội với em: "Chỉ quạnh quẻ có hai anh em mình là ruột thịt sao em đành lòng bỏ mặc anh!"

Tôi gửi xe nơi ông già gù lưng sát hàng rào giây kẽm gai ngăn chia bệnh viện với câu lạc bộ thiếu niên. Tết sắp tới và như vậy tuổi của em tôi sẽ là hai mươi mốt. Số tuổi ấy không làm người ta chín chắn trước cuộc đời, người ta luôn vụng dại và hoàn toàn người ta không được phép bỏ cuộc chơi đầy bất công. Ông gù làm nghề giữ xe cũng bị ngược đãi tợn. Tôi tự hỏi khi chết đi, người ta sẽ liệm ông vào trong một cái áo quan hình thể ra sao? Hẳn là ông sẽ nằm nghiêng một bên cho tiện sổ sách thợ mộc, cho thiên hạ khỏi dị nghị cha này có chức phận gì mà cái hòm ngó khác người thường?

Khác với những gì tôi dự đoán, gương mặt em tôi lãnh cảm như một kẻ không có linh hồn. Da tái xanh, em nhìn tôi với đôi mắt khô, trân tráo tựa cặp mắt của ông mù hát dạo đi loanh quanh trong bến xe, giọng trì kéo, thê thiết: "...nếu mai không nở con đâu biết Xuân về hay chưa." Mắt tôi ướt, tôi dằn lòng khi ngó lên cái sọ nhẵn bóng của em. Những vết xước đỏ chạy ngang dọc trên da đầu như chứng tích về lòng trắc ẩn của đứa cầm tông-đơ bàng hoàng nhìn suối tóc mượt mà rơi rụng hẳn bờ bến. Tôi lôi trong túi quần ra chiếc khăn lụa màu ngà mà mạ tôi lúc xưa ưa trùm đầu. Tôi đưa cho em và tay tôi chạm phải những ngón lạnh buốt. Tôi thật vụng về, lý ra tôi phải mang thêm cho em một chiếc áo ấm. Áo em đang mặc quá mong manh, nhiều vết dơ và tôi như trông rõ sự rung động có ở ngực em. Khổ thân em tôi! Người ta lột truồng em, để khi lai tỉnh, ý thức đầu tiên về sự mất mát của mình là cái nịt vú đã bị đánh cắp.

"Ngọc thấy thế nào?"

Em không trả lời. Em lạ lẫm hẳn khi trùm khăn kín đầu. Trông em như cô gái Do-thái, như người Ả-rập. Như nhân vật trong chuyện

hoang đường Nghìn lẻ một đêm. Mạ tôi khác, trùm khăn vào, bà là một trong ngàn bà già đích thị Việt-nam, chẳng nhầm lẫn.

Tôi chồng tiền cho một người đàn ông khá lực lưỡng vừa bước vào phòng. Tay ông ta cầm sẵn cây bút và cuốn sổ cong góc. Gáy nó dầy nhưng hiện tại chẳng còn nhiều tờ. Như mỗi ngày bạn bốc một tờ lịch và giờ này đã tháng tận năm cùng. Ông đếm tẩn mẩn từng tờ giấy bạc, nghiêm chỉnh làm việc tựa người cảnh sát công lộ phạt xe bạn vi phạm luật giao thông. Ông nhìn hai em tôi một lát, sau cùng thì dúi vào tay tôi vuông giấy có in hàng chữ "xuất viện".

Bụng tôi đói cồn cào nhưng tôi cố kềm giữ ở những bước đi bình thản, tôi nghĩ trong người em tôi hẳn còn tàn tệ hơn, họ súc ruột và thử tưởng tượng xem còn gì là nước nôi cơm cháo?

Ra khỏi bệnh viện, tôi đi lấy xe đạp và đếm lại số tiền còn sót trong túi. Năm ngàn. Đủ để hai anh em "bồi dưỡng" hai tô bún. Tôi nói với Ngọc về chuyện "dĩ thực vi tiên" nhưng em gạt đi.

"Anh chở cho em viếng thăm mộ Mạ một chút, có được không?... Tự dưng hai hôm nay em luôn thấy bóng dáng Mạ lẫn khuất đâu đó. Em thật là đứa bất hiếu!"

Gió xua không nổi lời em tôi, nhưng gió làm tôi khó nhọc đạp xe trong một thần thái bấn loạn. Tôi hình dung tới một gò đất nhiều sỏi đá, tấm gỗ trầy trụa đứng xiêu đổ bên trên và chung quanh rác rưởi cỏ dại mọc phồn thịnh. Chữ bất hiếu Ngọc vừa nói đã tựa một tấm gương đưa ra và tôi không dám soi mặt mình vào. Mồ hôi vả ra, tôi rướn người đạp xe lên dốc.

"Tội nghiệp! Lúc trước thì anh đỡ phải nhọc công... Thật kỳ lạ! Con người khi chết rồi cũng chẳng được yên thân!"

Ngọc ta thán. Trên hai hàng lá cây mù u vừa có những giọt nước rơi rụng xuống. Trước, mộ Mạ được chôn ở ngoại vi thành phố. Sau này người ta nới rộng khu đất dùng làm chỗ giải trí và trên bản vẽ đồ án kiến trúc được nhà nước ký duyệt những nấm mồ kia phải san bằng trong vòng một tháng. Chúng tôi chạy vạy tiền nong và vất vả lắm mới dời được "căn nhà" Mạ lên vùng đồi hoang. Bà già thằng Quý an ủi: "Thôi, bây giờ bà cụ nằm ở chỗ cao ráo thoáng đạt cũng đỡ tủi phần nào. Tao chết đi, nguyện lên đó nằm gần bà chuyện trò cho khỏi cô quạnh".

Chúng tôi gửi xe dưới chân đồi. Trong căn nhà lá ngập ngụa mùi hơi đất ấy có bày bán những viên kẹo chảy nước trong hủ nhựa, những ly nước chè cáu bẩn, những gói thuốc lào mốc meo. Mấy thứ đó chẳng quan trọng, chủ yếu họ chỉ trông nhờ vô những bó hương. Ông chủ nhà bảo: "bán đồ cho người sống không sướng bằng bán đồ cho

kẻ chết!". Tôi mua một bó rồi lặng lẽ bước theo Ngọc. Con đường đất đỏ bò loanh quanh lên triền cỏ xanh. Có ngọn khói nhà ai thổi lửa cũng bò ẻo lã sau rặng liễu thưa. Tịch mịch, đất trời câm nín đến rợn người.

Ngọc quay lui nhìn tôi:

"Em hỏi điều này, anh phải nói thật với em..."

Tôi bước lên sánh vai với em, hai tay vặn vẹo bó hương rít rát.

"Làm sao anh có được năm chục ngàn để nộp tiền phạt? Anh vay nợ ai?"

"Thỉnh thoảng anh mượn xe của Quý để đạp thồ chở khách. Anh tần tiện và anh tự chặt bỏ bớt những nhu cầu, Ngọc thấy không, dạo này anh đâu còn hút thuốc nữa".

Tôi nói trơn tru và tôi nghiệm ra dối gạt đôi khi không hẳn là điều xấu xa nên tránh. Đất nước tôi càng ngày càng khá đi là do bởi ai cũng man khai đặt điều. Họ nói: đó là tư duy động não để sáng tạo ra nghệ thuật... Ừ, đáng tin lắm!

"Em không tin. Em làm tối mắt tắt đèn cả tháng trời cũng không để dành được ngần ấy tiền. Em muốn biết chủ nợ là ai để mai sau em đích thân mang tiền đến trả, chỉ vậy thôi... Phải luôn nhớ tên kẻ đó mà tri ân. Cho vay năm chục ngàn trong lúc mình gặp hoạn nạn, chuyện ấy không phải là điều ai cũng có thể làm được".

Ngọc bước nhanh tới trước, có lẽ em là người có trí nhớ tốt nên em dành phần nhận diện ngôi mộ dùm tôi. Tấm gỗ cắm trên mồ nứt nẻ oằn oại không còn đọc rõ hàng chữ viết tên họ người quá cố, tất cả hầu như hoang sơ tựa nhau vậy mà chỉ đảo mắt một vòng, Ngọc nhận ngay đâu là chỗ nằm của đấng sinh thành. Hai anh em quỳ xuống lom khom thu nhặt rác cỏ phân trâu. Tôi đốt thắp cả bó hương và đưa cho Ngọc ôm vào hai tay. Em cúi đầu, nhắm mắt, môi mấp máy. Một giọt nước ứa ra ở khóe mắt, từ tốn bò xuống cằm. Bên kia đồi thông, gió hú từng hồi vật vã. Tôi đứng khom người nhìn ngó cảnh vật, lòng tôi như căn nhà không hề có cửa nẻo, trống trơn. Tôi buồn tới độ lì lợm mất cảm xúc. Bó hương tàn phân nửa thì Ngọc thôi khấn nguyện, mặt em lem luốc tàn nhang như cô gái nhà quê dùng mỹ phẩm rẻ tiền. Em chia cho tôi một ít để đi cắm quanh quẩn những gò mã láng giềng.

"Năm mới sắp tới rồi, cuộc đời tụi mình sẽ phải đổi khác, phải không anh?"

Tôi không hiểu hết ý câu Ngọc nói. Nó tựa như khuôn mẫu rất sáo mà người ta mang ra xài trong khi chúc tụng hằng năm. "Năm mới, thắng lợi mới", đại loại như vậy. Một năm thì hề hấn gì. Người ta lên kế hoạch năm năm, mười năm sự vật vẫn cứ nguyên dạng thuở ban

đầu. Chợt vẹt hơn, suy suyễn hơn, hao mòn hơn thì có.

"Hồi nãy em đã tạ lỗi với Mạ rồi và em nghĩ Mạ sẽ tha thứ, sẽ phù hộ cho em làm lại con người mới. Anh còn nhớ con Duyên không? Duyên có nốt ruồi ở bên cằm, Duyên có cái răng khểnh đó..."

Duyên. Duyên. Cô ta chết rồi à? Mộ chôn ở đâu? Hay Duyên trốn qua Mỹ và đời phất như diều gặp gió? Tôi bóp trán lú lẫn tự tra cứu lấy một hình bóng. Tôi không biết Duyên là ai cả. Nhưng loáng thoáng có nghe Quý nói đâu đó một đôi lần: "Mày biết con Duyên không, cái con bé có đôi vú lớn như vậy nè. Dạo này nó hay đi vào Đà-Nẵng, đi Nha-Trang, đi giang hồ. Đôi ba tuần sau trở về chốn cũ tiền đô-la nhét chật cái xú-chiên. Mấy bà ngoài chợ bảo làm con gái đẹp kể cũng sướng, ngủ với mấy thằng Việt kiều thì đời thơm hương ngay."

"Duyên nói với em, mày nỡ lòng chôn đời trong cái hãng chế biến bún mì này hoài sao. Đi với tao một lần cho biết đời sống có muôn ngàn vẻ đẹp diệu kỳ. Em quyết định sau khi bình phục hẳn sẽ mượn Duyên mái tóc giả và khăn gói cùng nó ngao du. Em sẽ gửi tiền về cho anh trả nợ, cho anh tẩm bổ hình hài, cho anh tha hồ hút thuốc cán..."

Tôi ngó Ngọc sững sốt, trân tráo. Hai mươi mốt tuổi, em tự quyết định lấy đời sống của mình mà tôi chẳng là cái thá gì để dự phần can ngăn. Không phải sao? Khi nghe Quý kể chuyện về cô Duyên nọ, chính tôi cũng từng gật gù: "Phải chi có cái mốt con trai được làm đĩ thì mình cũng nên tin câu nam nữ bình quyền là đúng đắn!".

Ngọc nhìn sâu vào mặt tôi. Mắt Ngọc giờ này khác hẳn khi còn ở bệnh viện, loang loáng ướt và sắc như ngọn lá liễu.

"Sao anh không hỏi em sẽ đi đâu, làm gì để sống? Anh không hỏi con Duyên thuộc hạng người gì? Mánh mung ra sao mà ăn nói ra chiều lộng ngôn?"

Tôi cắn chặt hai hàm răng chống đỡ cơn lạnh lùa tới. Chiếc khăn lụa Ngọc cột đầu run rẩy theo thân tôi. Em trông như một ni cô đứng ở cổng chùa mà đằng sau vẫn chặt chưa đứt lìa cái đuôi quá khứ. Tham, sân, si... Tôi muốn ôm em gái tôi vào lòng nhưng lại sợ hãi nhiều thứ. Tôi sợ rồi mai này em chẳng còn đứng cạnh tôi như giờ này, tôi sợ em sẽ vỡ tan trong đôi vòng tay siết chặt đầy bất lực của tôi. Cánh tay tôi tê cứng, đau dại chỗ bị kim đâm. Nó nặng nề cất lên cao không được như thể suốt đêm tôi dùng nó để gối đầu cho ai đó an giấc. Ngọc chảy nước mắt, em ngần ngại giây phút để sau cùng chạy tới ôm cứng lấy tôi: "Tha lỗi cho em thêm một lần nữa..." Giọng em tôi đầy thổn thức.

Ở Huế, những ngày cuối năm đất trời giao hoan một màu xám



PHAN NHIÊN HẠO

Thơ tình 1

Tôi cố nhớ lại buổi sáng hôm sau
không có gì ngoài những thói quen
tôi cố nhớ lại buổi sáng hôm kia
không có gì ngoài đáng rănh rửa mặt
và những móng tay tôi đã cắt
tại sao tôi phải nhớ em
em bay qua như một viên đá ném vào giữa đầu
tôi ngã xuống rồi tôi lại đứng lên
tại sai tôi phải nhớ em
tôi thà nhớ lại những buổi mai
tôi ao ước được ngủ thêm vài phút
tôi thà nhớ lại những móng tay tôi
những khi da bị ngứa
tôi chẳng thể nào nhớ nổi một cái gì lãng mạn hơn.

PHAN HIÊN HẠO

bẩn. U uất, chật chội, không biên cương. Dưới xa mờ, dòng sông Hương uốn lượn chảy ngang trông như một đoạn vải trắng. Có ai vừa thả khăn tang bay lững lờ xuống tận vực sâu?

HỒ ĐÌNH NGHIÊM
12/98.



NGUYỄN TÔN NHAN

Bốn bài lục bát ba câu tặng Rừng Sơ Nguyên

1.
Cõi này đâu có sơ nguyên
Rống lên một tiếng đỡ ghiền mai sau
Lật tay cỏ mộ phai màu

2.
Cái tơ tóa ấy lừa nhau
Để muôn năm mộng cúi đầu dưới trăng
Gầm lên cho vỡ bất bằng

3.
Hay sơ nguyên vẫn nguyên sơ
Hay con bướm vẫn còn ngờ con ve
Hay chiều chưa kịp đỏ hoe?

4.
Muôn vàn chữ nghĩa rối bời
Sơ nguyên nằm giữa, tiếng lời nằm sau
Chắc không rõ được cuối đầu

NGUYỄN TÔN NHAN



TRẦN THỊ THÁI KHƯƠNG

Hạt u minh



Lần thứ hai trong năm, lúc Chùa sửa soạn cho vụ mùa, Sư Bà trụ trì lại cho tôi hai tuần nhập thất. Khi nghe Sư cô Giáo thọ báo tin, cổ họng tôi đắng khô. Bao giờ Nhà Dòng ở bên kia đồi cũng phái thầy Huyên kéo chiếc máy cày sang làm đất giúp Chùa vài hôm. Như thế là tiêu tan hy vọng được gặp lại thầy mùa này. Tôi ngẩn ngơ đứng nhìn ra chiều đang vàng lắm ở trên đồi mà không thấy Sư cô Giáo thọ quay đi, dấu tiếng thở dài.

Ngay từ hôm đầu tiên vào thất, tôi đã bắt gặp cái tâm tôi như "vượn chuyền cành". Chỉ một tiếng người lao xao bên ngoài cũng đã làm cho con ngựa chứng bất kham trong tôi trổi dậy. Tôi nhớ thầy Huyên. Không biết từ mùa nào, khi thầy kéo chiếc xe máy cày về lại Nhà Dòng, lòng tôi cũng đi theo về bên ấy. Bao giờ thầy cũng tận tâm làm việc, với trái tim vô ưu. Thầy nào biết trong giờ tọa thiền tôi lại chờ nghe tiếng chuông leng keng thật vui tai từ bên ấy vọng sang cũng như khi tôi đi thiền hành quanh bốn bức tường của căn phòng mà hồ như mình đang bước đi trên sóng. "... Hành giả tìm tâm. Tâm nào? Tâm tham, tâm giận hay tâm si? Tâm quá khứ, tâm hiện tại hay tâm vị lai?... Tâm ưa thích hình dáng như mắt con thiêu thân, ưa thích âm thanh như trống trận, ưa thích mùi hương như lợn thích rác bẩn, ưa thích vị ngon như người thích ăn thức ăn thừa, ưa thích

xúc giác như con ruồi sa đĩa mật. Tìm tâm hoài mà không thấy tâm đâu..."(*) Tôi quăng cuốn kinh vào góc phòng. Từ lâu rồi, trí huệ tôi ví như ngọn lá sen và bên trên ấy, kinh kệ dù là giọt sương mai thuần khiết cũng chỉ vuột trôi đi, không sao thấm vào được. Cái tâm hiện tại của tôi có hai "con mắt của loài thiêu thân". Tôi quay quắt trong cái nhớ, nhớ một nhân dáng hiền lành, thanh khiết như một nhành huệ trắng... Tôi tự hỏi có bao giờ một ông thầy dòng biết yêu không? Trong sâu thẳm của lòng, tôi nhận ra cái tâm cuồng si đang lừng lững tiến tới. Nó có cái "khứu giác của loài lợn". Ôi cái tâm cuồng si tội nghiệp ấy đang mang đến cho tôi vị mặn đậm của mùi mồ hôi đàn ông sau một ngày lam lũ. Tôi là hạt giống của cõi nào mà cánh chim đã thả lạc nơi này? Tôi chỉ muốn bật tung cánh cửa thiền phòng, chạy ra múa hát sau đồi cho hả hê rồi về quỳ sụp dưới chân Sư Bà.

- Từ lâu, ta đã chờ đợi cái ngày hôm nay... Con hỏi ta về song thân của con? Ta mong con hãy bình tâm mà lắng nghe...

Sư bà phe phẩy nhẹ cánh quạt trong tay như muốn xua đi nỗi xúc động. Một ngụm trà nguội vẫn chưa làm giọng bà hết run. Cái run của vị sư cô trẻ lần đầu tiên ôm trong tay đứa con mà O Lượm vừa đẻ rơi sau hiên chùa. Người sư cô trẻ ấy chính là bà và đứa bé ấy, hai mươi mấy năm nay vẫn là mối bận tâm của bà. Lớn lên, tâm nó hiền như chiếc lá non mà tính khí thì đôi khi không khác một cành gai nhọn. Trước ngày Sư Bà Bổn sư viên tịch, người còn căn dặn bà hãy mang đứa bé ấy theo vào trong Nam, cho tu ở chùa do bà làm trụ trì. Duyên nào đã đẩy đưa nó lạc vào đây để rồi ai cũng muốn giữ gìn nó như một viên cuội trắng trong dòng suối khiết tịnh. Thế nhưng bây giờ, dưới trăng xanh, bà rờn rợn nhận ở đứa bé ánh mắt long lanh, rời rợi buồn của O Lượm. Bà không biết điều bà sắp nói ra có làm cho viên cuội trắng ấy chìm luôn trong u minh?

- Ta cho con về lại Huế. Con sẽ trông coi một ngôi chùa nhỏ ở Kim Long. Con sẽ nhận hương liệu về và học cách làm nhang. Điều ta muốn nói với con là hãy đi tìm mạ con về mà phụng dưỡng...

Chiếc chìa khóa cuối cùng đã bật tung cánh cửa quá khứ của tôi.

*

" Ta đi lượm hạt vui
Đổi lấy hạt buồn

Về làm xâu chuỗi
Mai đi cưới chồng
Ha ! Ha! Ha ! Ha ! "

O Lượm xõa tóc, chạy mải miết rồi múa hát trên đồi. Bao giờ cũng chỉ có bốn câu hát ấy rồi tiếp theo là những tràng cười. Tiếng hát của O nghe rời rạc và buồn thảm trong gió cao như những cánh hoa ngọc lan có ai bứt xé rồi ném tung lên trời. O không thèm để ý đến bầy con nít cũng đang mãi miết chạy theo sau lưng O, ném những trái thông khô vào chân O rồi cười nắc nẻ :

_ Nì, O Lượm, lượm thêm mấy trái thông ni mà đi cưới chồng nì...

Tên "Lượm" của O không biết do ai đặt ra . Có lẽ cái tên có từ câu hát. Hình như bài hát lại vận vào số phận của O. Cả vùng Nam Giao ni ai mà không biết O Lượm có đuôi mắt dài vừa buồn vừa tình tứ. Suốt ngày O lang thang, múa hát rồi lâu lâu lại chửa hoang. Các bà lớn tuổi không khỏi rủa thầm: "Thiệt quân mô mà vô hữu..." Thuở ấy, chiến tranh lan đến tận vành đai của thành phố. Người ta lo làm hầm trú ẩn tránh đạn pháo kích, lo mua gạo, dầu hôi về dự trữ... nên cũng không có ai buồn chú ý tới những lần sinh nở vất vưỡng của O. Chỉ vắng đi một thời gian rồi lại thấy O xuất hiện, nước da tái xanh, gầy khô như chiếc khăn đã vắt kiệt nước. Người ta thầm cảm thương cho người đàn bà nhan sắc mà mất trí, không rõ từ đâu tới.

Và O Lượm là mẹ tôi. Mẹ tôi sinh tôi sau mái hiên chùa, một đêm tháng chạp rét căm. Tôi khóc yếu ớt trong tấm khăn nâu cũ của Sư bà ủ ấm. Các sư cô khiêng mẹ tôi vào chùa rồi chạy đi mời Cô mụ ở đầu xóm vô săn sóc. Thế nhưng, trưa hôm sau, chẳng còn ai thấy mẹ tôi đâu. Bẵng đi vài ngày, mẹ tôi lại trở về, tóc tai rũ rượi, tay cầm nắm xôi, xăm xăm đi tìm con rồi nhét nắm xôi vào cái miệng bé xíu của tôi lúc đó. May có Sư cô Minh Tuệ vào trông thấy kịp. Từ đó, mỗi lần mẹ tôi về chùa, Sư cô phải xếp việc để ngồi cạnh tôi. Mẹ tôi chỉ vào nhìn tôi một lúc rồi bỏ ra vườn. Từ đó, tôi lớn lên trong một Viện Cô Nhi của Giáo hội và trở về lại chùa năm lên tám.

Trên bãi bờ hoang vu của trí nhớ, mẹ tôi là hình ảnh của ngôi sao khuya xa mịt mù. Hình như có một lần, khi giảng về chữ "nghiệp", Sư cô Thuần Hữu dẫn tôi đến bên gốc cây thị, chỉ cho tôi người đàn bà đang ngồi ũ rũ, hai cánh tay gầy gò đầy ghét bẩn ôm lấy đầu, mặt nhìn chăm xuống đất. Sư cô không dấu được tiếng thở dài:

_Nì, O Lượm ơi!

Tiếng "nì" và tiếng "ơi" củ sư cô kéo dài như muốn lay động vùng trí nhớ âm u của O Lượm. Nhưng O chỉ cúi xuống lượm quả thị rụng, đưa lên soi trong nắng vàng, mơ màng nhìn quanh rồi cười.

Khi lớn lên, mỗi lần có ai nhắc đến chữ "nghiệp", tôi thường mường tượng đến O và những lời dạy của Sư cô Thuần Hữu. Tại sao tôi phải "...gắng dốc lòng mà tu..." hay "...tu cũng chuyển được nghiệp..."? Ngày đó, trí óc non dại của tôi không sao hiểu được những uẩn khúc. Tôi vẫn thường bị ám ảnh nếu không tu, tôi sẽ biến thành người đàn bà mất hết trí nhớ, ngồi cười với trái thị rụng. Tôi còn nhớ O Lượm cứ về rồi lại đi, đi vài hôm lại về, được cho cơm ăn rồi nằm co ngủ trên tấm phảng sau bếp. O về và đi không kể khuya hay sớm. Nhưng nếu có nán lại chùa cho tới sáng ngày mai thì lúc mặt trời lên bằng nửa ngọn sầu đông, O cũng bỏ chạy, mắt long lanh, mặt mày đỏ ửng. Về sau tôi được biết thêm, hàng ngày dù lang thang ở bất cứ chợ nào, đến gần giờ ngọ, O cũng ù chạy về một ngôi đình quen thuộc ở dốc Bến Ngự. O Lượm xõa tóc ra, quấn tóc vào cột đình, xô đầu vào cột rồi khóc la vật vã. Khoảng hai giờ sau, dường như lòng đã bình yên, O lại tiếp tục đi lang thang, người mệt lả. Nếu không về lại chùa, O sẽ ngủ qua đêm ở một xó xỉnh nào đó, trên một chiếc sạp trống trong chợ, nơi vỉa hè hay trên một băng đá lạnh tanh...

*

Nơi tôi về lại là ngôi chùa nhỏ nằm lặn sâu giữa vườn cây trái. Người ta kể gần hai trăm năm trước, chùa do một bà công nữ lập ra. Người thương của bà đi trận ở đất Bắc Hà, chẳng bao giờ trở về. Đi tu, bà cắt mái tóc dài, gói trong chiếc áo cưới chưa một lần mặc qua. Thời gian và sự thủy chung lặn sâu trong từng đường chỉ của tấm áo gấm nay đã ố vàng. Những kỷ vật ấy vẫn còn để lại thờ ở chùa. Sao nơi nào tôi đặt chân đến đều bàng bạc dấu vết của tình yêu? Đến mẹ tôi, trong bài hát của một thời xuân xanh mất trí cũng ôm ấp ước mộng "Mai đi cưới chồng".

Sau hôm về lại Huế, nhờ Sư cô Chân Không và nhóm hướng thiện của Bác Siêu, tôi tìm lại được mẹ đang ngồi bên sông, phía sau chợ Đông Ba. Mẹ tôi bây giờ là một bà già hiền lành và không hề nói. Tôi đến bên mẹ, dịu dàng cầm tay mẹ, bàn tay xương xẩu và khô ráp. Mẹ nhìn tôi trân trối, phải chăng mẹ chưa hề quen với sự vỗ về dịu dàng? Tóc mẹ tôi, có ai đó đã cắt ngắn bớt, nay đã bạc đi nhiều. Miệng mẹ tôi móm đi thảm hại vì thiếu mất mấy chiếc răng cửa. Dù

không còn trí nhớ nhưng ưu phiền vẫn đậu trên những nếp nhăn. Khuôn mặt mẹ tôi khô héo như trái ổi chết non. Mỗi lần ghé thăm, bác Siêu đều dặn mẹ tôi "bữa ni, mệ ở đây luôn với cô, mệ không đi mô nữa hết nghe!" Mẹ tôi gật đầu, tỏ vẻ hiểu và vâng lời. Tôi tập làm quen dần với mẹ bằng cách gỡ tóc và bắt chí cho bà. Mỗi khi như thế, bà chỉ lên bức hình Thái tử Tất Đạt Đa giương cây kiếm để cắt tóc trước khi xuất gia... Hàng ngày mẹ ngồi nhìn tôi xe nhang và đôi khi bà còn giúp được tôi rải nhang trên rổ để đem phơi nắng. Hình như mẹ quen dần với tôi nên không còn đi đâu. Những đêm mùa đông, trong khi mẹ chờ giấc ngủ, tôi ngồi kể chuyện cho mẹ tôi. Tôi thấy mẹ đưa mắt lên những bức tranh vẽ, dán ở trên tường khi tôi kể đến sự tích bà Maya nằm mộng thấy con voi trắng... hay chuyện Thái tử Tất Đạt Đa đi ra bốn cửa thành... Dường như mẹ tôi bắt đầu biết chú ý và biết lắng nghe. Tôi cố khêu tìm trong lớp bụi tro của bệnh tật một tia sáng dù le lói của ký ức mẹ tôi. Tiếng tôi đều đều lẫn trong tiếng gió đang rít từng hồi trên mái tôn. Tuy chỉ một mình kể chuyện trong đêm lạnh, lòng tôi vẫn ấm vì từ nay mẹ có tôi bên cạnh mẹ.

Những uẩn khúc của cuộc đời mẹ dần dần như bãi cát hiện ra từ lòng sông. Sự tật nguyền của mẹ vô tình đem lại cho tâm tôi một nơi an trú. Suốt ngày, mẹ thường quanh quẩn bên tôi. Mẹ ngồi yên sau lưng tôi trong hai thời công phu sáng và chiều. Bên tôi, mẹ như tìm thấy được sự che chở. Còn mẹ, mẹ là mặt hồ phẳng yên cho tôi soi vào đó những sầu đau của mình mà nhận ra, so với những bất hạnh của đời mẹ, với cái tâm như "vượn chuyền cành" ngày cũ, tôi không khác người hiệp sĩ mù chém những đường gươm vô minh vào khoảng không. Hết thật rồi những sớm khuya trông chờ những chuyến tàu xuôi Nam mà nhớ miên man tiếng chuông leng keng vọng sang từ dãy đồi sau chùa ngập nắng chiều. Tôi nghĩ đến thầy Huyên, lòng bình lặng như đất trời vừa qua cơn bão. Tôi thầm cám ơn cánh chim của số phận đã thả rơi tôi, hạt giống lạc loài, xuống chốn cửa thiền. Tôi cũng thầm cám ơn Sư bà, là người đầu tiên cắt cho tôi cuống nhau lìa mẹ, đón tôi đến với nhân gian. Lần thứ hai, để giúp tôi cắt lìa cái tâm cuồng si, Sư bà đã đưa tôi về với mẹ. Sư bà đã nuôi dạy tôi và nâng đỡ con người man dại trong tôi không dễ dàng như người hành giả bước đi trong đôi dép bện bằng gai nhọn.

Buổi sáng, khi đi giao nhang về, có được chút tiền, tôi ghé qua sạp của O Châu, mua cho mẹ tôi xấp vải màu khói hương để may áo. Tết cũng sắp đến nơi... Có lẽ trong đời mẹ chưa bao giờ được mặc

qua chiếc áo mới. Sáng nay, gió lạnh mà nắng thì trong veo. Lòng tôi vui như bông mười giờ trong vườn ai nở đầy. Tôi sẽ ướm thử xấp vải mới lên người mẹ... Mẹ sẽ ra sao nhỉ? Chỉ mong chân làm sao bước được nhanh hơn để về với mẹ...

Chưa kịp rẽ vào ngõ nhà Bác Mận để dẫn mẹ về thì tôi đã nghe tiếng bác thất thanh từ dưới bến:

- Ới cô, cô ơi ... mệ...

- Tôi chạy xuống bến sông. Người ta vừa vớt mẹ tôi lên và để mẹ nằm trên cỏ. Người mẹ tôi đã tím, nước vẫn còn trào ra từ môi miệng mẹ. Cổ họng tôi đắng khô. Bác Mận mếu máo giải thích : "Con gà nhà tui sẩy chuồng, còn bị con chó mực đuổi xuống tuốt ở triền sông. Tui tiếc con gà, chạy theo ... Mệ thấy rứa cũng chạy theo... Ham đuổi theo con gà mà ai dè..." Tội nghiệp bác! Chuyện con gà chỉ là chiếc cầu giúp cho mẹ tôi nhẹ nhàng bước qua một bến bờ khác. "...Quán tự tại Bồ tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngủ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách..." Niệm Tâm Kinh Bát Nhã, lòng tôi như cơn gió đang thổi qua thảo nguyên trống không, thăm thẳm.

Bây giờ thì mẹ tôi nằm đó, bình yên như chiếc lá khô, trên tấm chiếu đơn chẳng in hoa đã ngã màu . Người ta phủ mặt mẹ bằng miếng giấy trắng, trên đầu có chén gạo cắm nhang. Các bác trong Đạo tràng đã tề tựu để sửa soạn khai kinh cho lễ nhập liệm. Tôi đứng lên, đi xếp hành lý cho mẹ mang theo: hai bộ áo vạt khách còn máng ở hiên sau, chiếc lược cũ tôi thường chải tóc cho mẹ và xấp vải màu khói hương tôi chưa kịp ướm thử lên người mẹ. Ôi cái áo cũng chỉ để che bụi phù vân!

Trong ngôi chùa cổ xưa, còn lại một mình tôi, không phải hạt vui cũng chẳng phải hạt buồn mà là hạt u minh của mẹ, lẩn đi trong cô đơn của sự tỉnh thức.

TRẦN THỊ THÁI KHƯƠNG
tháng 9. 1998

(*)Thích Nhất Hạnh, *Phép Lạ Của Sự Tỉnh Thức*, nxb Lá Bối (Walnut Creek-California) 1997, trang 180-181.



LỆ HẰNG

Tuyên chiến tình yêu

Kịch một màn



Cảnh một quán cà phê bên đường, gần carpark, có những lọng che, phông của sân khấu là một vỉa hè tượng trưng, mặt tiền của siêu thị bán đủ hàng hóa Việt Nam...sách, báo chợ, rau cải trái cây...

Một bàn cà phê có lọng che gần mép sân khấu, Mưa và Hãn ngồi ở bàn này.

Quán cà phê của một sáng thứ Bảy, vài người qua lại lướt ngang mặt tiền sân khấu rồi đi khuất...(Những người này đạo diễn mời khán giả lên đóng chung với đoàn kịch, khán giả chỉ cần đi ngang sân khấu. Đây là một lối trình diễn hòa nhập linh động, khán giả và diễn viên kịch trở nên một.)

*

Hãn khuấy nhẹ ly cà phê, bưng lên bằng cả hai tay đưa cho Mưa, vẻ nghiêm trọng như người đang tế lễ. Mưa nhận ly cà phê nâng lên môi. Gương mặt gồ ghề tiếu lâm của Hãn làm Mưa nhịn cười không được, cô đặt ly xuống bàn, ôm bụng cười ré lên, Hãn cũng cười theo. Vài người đi qua đi lại quay nhìn. Mưa ngượng, cố làm mặt nghiêm, rồi lại phì ra cười lúc trông thấy Hãn tiếp tục nháy nhó cười tủm tỉm một

mình như ông cụ non.

Mưa: (*chống tay trên bàn, bộ tịch cố nghiêm trang lại*) Ngầu dữ he, hẹn người ta ra đây làm giống gì rồi ngồi đó cười ruồi ha.

Hãn: (*làm bộ rụt vai*) Cười ruồi! Hay quá ta. Chị chưa dạy Hãn slang này nhá (*Hãn có tật quay quay bàn tay với mấy ngón xòe ra mỗi khi cố gắng tìm chữ để diễn đạt, tìm không ra chêm tiếng Anh vào...*)

Mưa: (*nhăn nhó*) Hãn hư thấy mồ, dạy hoài không nhớ được câu nào ra hồn. Học mấy thứ bậy bạ thì nhanh lắm.

Hãn: (*chuyển tông đổi giọng nói chậm như con nít trả bài*) Thưa cô ạ, em quá xá yêu chị Mưa, như thế là đàng hoàng chưa ạ?

Mưa: (*giật thót người, dợm đứng lên, nghĩ sao lại ngồi xuống ghế*) Hãn à, không ai nói tiếng Việt kỳ cục như vậy. Chữ yêu của người Việt thiêng liêng lắm, ai đem chữ yêu ra dỡn mặt quỉ thần, bị vật chết liền đó.

Hãn: (*đứng sựng dơ hai tay lên trời, thất vọng rồi lại thở dài ngồi xuống*) Em đâu có cà dỡn ạ, em đang nghiêm mặt học tiếng Việt với cô giáo của em ạ.

Mưa: Nghiêm trang chứ không phải nghiêm mặt. Hãn càng ngày càng hư. Nghe bác nói Hãn đòi bỏ học phải không?

Hãn: Học chừng đó đủ xài rồi, ghé vào tinh cầu này rong chơi cho biết mùi rồi chết cái rẹt. Tại sao phải đánh vật với...qualifications hay degrees cho mệt xác, chị cứ quan trọng hoá, lũ chúng ta trong vũ trụ bao la này chỉ là những hạt bụi mờ. Học để làm gì, academics nhiều khi cũng chỉ là bọn jerks! là những ông...ờ ... kiêu hãnh rởm đấy ạ (*vỗ bàn hát nghêu ngao...Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai tôi về làm cát bụi, ôi cát bụi phận nầy, mặt trời soi một kiếp rong chơi...*)

Mưa: Thôi đi, lười học thì nói đại đi.

Hãn: Hãn đâu có lười, Hãn chăm hơn chị nữa kìa. Chị còn có lúc ngồi mơ mộng. Hãn hùng hục cả ngày cả đêm.

Mưa: Hãn gấu quá, làm sao yên thân được.

Hãn: For man no rest and no ending...He must go on. Chị biết ai nói không? H.G. Wells đó! Chinh phục rồi chinh phục. Xoẹt một cái, xong đời. Thấy chưa?

Mưa: (*cười*) Chinh phục trái đất, chinh phục mặt trăng, chinh phục sao Hỏa. Nhoài người ra cuối cùng khám phá ra vũ trụ này là con số không. Phải câu của Hãn không?

Hãn: (*nghiêm mặt lại*) Đừng có ngạo nghể.

Mưa: Ngạo nghễ, moi chữ này ở đâu ra vậy?

Hãn: Trong tự diển.

Mưa: Biết nghĩa của nó là gì không?

Hãn: Cứ xáng đại!

Mưa: Học kiểu đó làm sao mà thông thái nổi.

Hãn: Dẹp mấy nhà thông thái của chị đi.

Mưa: Không có các nhà thông thái quả đất này chết héo.

Hãn: Hừ!...xanh tươi hơn thì có! Thế giới đang biến thành lò hơi ngạt vì những xe lớn, xe nhỏ, máy to máy bự do mấy ông khoa học ngông cuồng bày ra đó. Chị cứ ngồi đó tán tụng các vị thông thái cho sướng miệng đi, chuẩn bị mà ngáp ngáp. Họ làm thủng bầu trời rồi đó!

Mưa: Hãn chỉ giỏi lý luận cùn.

Hãn: Cùn gì, người ta nói chuyện ngon lành chị phạng một dao. Bầu trời lủng lỗ chỗ vì mấy nhà thông thái của chị đó. Chị biết chuyện vòi voi không?

Mưa: Wow!...đang nói chuyện ô-dôn lủng xáng chuyện vòi voi. Bộ vòi voi ngoáy lủng lỗ ô-dôn à?

Hãn: Không phải vòi voi... mà (*quơ tay tìm chữ chỉ đại*)...vòi người đó.

Mưa: Con lạy bố, bố lại cong quẹo bày trò gì nữa đây? Bố tếu vừa vừa chứ.

Hãn: Vòi voi cong cong làm gì có cong quẹo.

Mưa: (*sốt ruột gắt*) Thì cong cong, rồi vòi voi làm sao nói đại nghe coi.

Hãn: Chị biết ô-zôn bị lủng lỗ phải không?

Mưa: Chuyện xưa xề đó ai không biết.

Hãn: Ô-zôn thủng mỗi ngày một bự.

Mưa: Biết rồi, bộ Hãn cà lăm sao nói đi nói lại hoài vậy?

Hãn: (*tỉnh queo nói như trả bài*) Tầng ô-dôn thủng bự quá, khí hậu lộn tùng phèo, hạn hán khắp nơi.(*Quơ tay vẽ vòng vòng*) Rừng xanh rậm rì biến thành rừng khô, xẹt lửa cháy ngùn ngụt, khói độc tỏa mù mịt như ở Indonesia. Dưới đồng bằng trời nóng như hun lửa, loài người chịu không thấu vứt hết quần áo (*làm bộ xé quần áo*) bò vào thời ăn lông ở lỗ (*đổi giọng, chỉ trỏ ngón tay*) Bảo đảm với chị mùa hè tới dân Cali nóng quá tồng ngồng hết.

Mưa: (*E dè nhìn Hãn*) Vòi voi, ô-dôn lủng...rồi bây giờ tồng ngồng. Hèn gì bọn con gái rồng rắn...theo đuôi Hãn. Nói chuyện với Hãn nhột bụng quá.

Hãn: Cái gì ? Nhột bụng...thôi à...(*Hãn quay quay ngón tay*)...Shy phải không?!

Mưa: Đúng rồi, mắc cở. Trần truồng như con nít không mắc cở sao được.

Hãn: People are all alike anyway! Mắc cở cái nỗi gì!

Mưa: Thôi đi Hãn nói chuyện rối như bòng bong...chuyện vòi voi thành chuyện tồng ngồng.

Hãn: Rõ ràng tôi kể chuyện vòi voi, tại chị nghĩ bậy.

Mưa: Dẹp đi, nói chuyện con voi thôi, cấm không được...tếu.

Hãn: Được rồi, tui kể chuyện vòi voi... Rừng khô hết, không còn gì ăn một bầy voi hàng ngàn con đói quá, rủ nhau về đồng bằng kiếm ăn, gặp một đám đàn ông đang trần truồng cày ruộng. Con voi chúa nhìn vào...(*lại quơ tay tìm chữ*) bụng dưới... của đám nông dân rồi quay lại ái ngại nói với bầy voi của nó -Thượng Đế bất công thật, tạo ra con người với cái ...vòi ngắn tủn lại bé tí tẹo như vầy... làm ăn gì được nữa.

Mưa: (*ôm bụng cười ngặt nghẽo, thẹn quá nhìn quanh rồi nói lảng sang chuyện khác*) Hãn phịa giỏi dữ ha!

Hãn: Thì mấy... nhà thông thái của chị... họ cũng giỏi phịa vậy.

Mưa: Họ phịa bao giờ?

Hãn: Họ là vua phịa đó... Phịa bệnh này bệnh kia hàng trăm thứ hù thiên hạ xanh mặt. Hù xong họ rổn rảng họp lên họp xuống, tốn cả núi tiền. Sau đó họ ném ra một đống hồ sơ bệnh lý, phán một câu xanh rờn -Chưa tìm ra chuốc chữa!

Mưa: Ờ há...

Hãn: Như vậy là ác phịa. Hãn phịa hiền, phịa chơi cho chị Mưa cười thôi. Chị Mưa cười... Hãn... mê quá xá.

Mưa: (*vụt đứng lên như bị điện giật, rồi bối rối ngồi xuống*) Trời đất! Không được nói mê chị. Mê như vậy là mắc tội đấy. Hãn nói tiếng Việt lộn xộn quá.

Hãn: (*cự nự*) Hồi mới dạy Hãn, chị nói chỉ cần...practice a fluent Vietnamese là chị sẽ... very happy sẽ... sẽ thương tui nhiều hơn, bây giờ bày đặt la mắng ạ.

Mưa: (*nhòm quanh, thấy vài người đi qua đi lại, tò mò quay lại nhìn*) Mưa che miệng cười.

Hãn: (*tò mò*) Cái gì cười một mình, xấu chơi he, đích thị là đang phạm tội tà dâm một mình há?

Mưa: (*cười phá lên*) Tà dâm?! Trời đất quỉ thần ơi! Hãn học đâu ra mấy chữ đó vậy? Có biết nghĩa của nó là gì không?

Hãn: Biết chứ, tra tự điển thấy liền. Nghĩ sao nói vậy, có chết nghẻo thằng cha nào đâu. Chị rắc rối quá.

Mưa: Không được đâu, ai cũng biết chị dạy tiếng Việt cho Hãn, nói bậy bạ như vậy mang tiếng cô giáo.

Hãn: Nhằm nhò gì, ở xứ người ta, dân mình có sợ giống gì nữa đâu ạ. Gạt nhà nước, ăn gian, làm lậu, trốn thuế búa xua hết. Bà già Hãn đó, hết chỗ chê luôn. Nói đến là tức bụng như bò đá ạ...

Mưa: Đừng ạ nữa. Lúc nhỏ Hãn gấu quá, chị phải bắt Hãn học ạ. Lớn rồi... ạ ạ hoài người ta tưởng mát giây.

Hãn: Kệ bố người ta. Hãn thích là đuợc rồi.

Mưa: Hãn đúng là gấu rừng.

Hãn: Tốt! Để Gấu Rừng nói ngay kẻo quên mất... Hãn book, à... Hãn reserve chị rồi đó nghe chưa...You are mine and I am yours! Quá trời quá đất yêu chị rồi nghe chưa. (*nhịp tay như đe dọa*) Chị làm gì thì làm, tui cắm cọc rồi nghe chưa. Chị đừng có lộn chộn đổi cọc đổi chuồng, tôi chết điếng người nghe chị Mưa.

Mưa: (*nhảy dựng người lên, trợn mắt ú ớ*) Này...này! có... có im mồm đi không! Điên vừa vừa thôi chứ...Giữa đường giữa chợ, sao dám bô bô nói chuyện... gì đâu không vậy. (*Nhòm quanh*) Người ta cười cho chết!

Hãn: Don't be bothered! Chuyện không đâu thì ai hơi đâu cười. Nếu họ thích cười thì mặc xác, cho họ cười luôn. Hơi đâu lo! I just worry that you don't want to understand what I really mean. I love you.

Mưa: (*làm ngơ*) Hiểu không hiểu, lo không lo kệ mụ nội tôi! Ai dạy Hãn thứ tiếng Việt rùng rợn đó!?

Hãn: (*làu bàu*) Thì đóng cọc... gieo giống, gì nữa nhỉ, bọn nó dạy nhiều chữ ly kỳ hơn kia... quên mẹ nó rồi. Khổ thế, nghĩ mãi mới ra trò chơi vừa học vừa hành này chứ bộ. Thiên hạ lâm li tuyên chiến mùi như vậy mặt chị cứ trâng trâng như con gà chọi.

Mưa: (*dậm chân kêu trời*) Không ai dùng gà chọi để tả đàn bà con gái nghe chưa, ngu quá mạng là ngu.

Hãn: (*cũng bắt chước đứng lên dậm chân*) Thì tôi với chị tuyên chiến tình yêu, ngon lành chưa?

Mưa: (*nhịp tay như cô giáo chính hiệu nai vàng*) Tuyên bố chứ không phải tuyên chiến! Tuyên bố tình yêu là tỏ tình nghe chưa cha nội. Nhưng tỏ tình sao lại có chuyện cắm cọc gieo giống trong đó. Phải học ăn học nói nghe chưa, phải bỏ mấy chữ đầu đường xó chợ ra khỏi đầu nghe chưa! Không thì ế vợ muôn năm... không thì... tui giận nghe chưa. Tiếng Việt của Hãn nghe khủng khiếp quá, chị chịu thôi, hết dám nghe rồi đó!

Hãn: (*tấn công tới*) Chịu thôi... Chịu bỏ hay chịu nhận nói nghe coi? Chị phải trả lời tuyên chiến tình yêu của Hãn chứ!

Mưa: (*làu nhàu*) Lại tuyên chiến, vớ được chữ tuyên chiến

như thằng mù vớ được gậy... đúng là dân hiếu chiến.

Hãn: (*hồi hộp nhìn Mưa lom lom. Mưa làm thinh, mặt nặng trĩu phân vân, giả bộ nhìn ông đi qua bà đi lại tay xách đủ mọi thứ túi nhựa đựng thực phẩm Việt Nam, đoạn này xin mời khán giả tham dự, họ chỉ cần xách túi nhựa đi ngang sân khấu.*)

Hãn: (*sợ Mưa giận nên giả lã*) Này chị Mưa, sao người Việt của chị lo ăn lo uống như chạy giặc vậy?

Mưa: (*làm bộ nhịp tay đóng lại vai cô giáo*) Người Việt của chị chứ không phải người Việt của Hãn à? bộ Hãn là dân mũi lỏ hả? Còn khuya nghe chưa. Hãn có mửa Việt Nam ra, cào rách mặt, tẩy da nhuộm tóc, kẹp ngược lỗ mũi lên trời cũng không biến thành Mẽo Mỹ đâu. Đừng ham.

Hãn: Thì chị vẫn rủa Hãn nói tiếng Việt ngọng... Hãn không phải người Việt đó thôi.

Mưa: Ờ hé, Hãn không phải...người Việt, nhưng Hãn là người gì bây giờ ? Nhiều lúc chị tự hỏi, không hiểu đại học xứ này dạy Hãn giống gì?

Hãn: Đại học ở đây sản xuất hai loại người, loại làm vua và loại giác đấu hay ngựa đua chó đua gì đó. Giác đấu một sống một chết, ngựa đua chó đua chỉ có một đường chạy! Chạy đường nào rồi cũng chết.

Mưa: Hãn thuộc loại nào?

Hãn: Giác đấu, dĩ nhiên rồi. Hỏi hoài. Bà giáo này dữ như chằng lửa...

Mưa: Cô giáo. Không phải bà giáo.

Hãn: Rắc rối quá, lúc bà, lúc cô, lúc cụ, lúc bác... lung tung phèng. Tiếng Việt của chị học khó quá. Cứ để tôi nói búa xua cho quen miệng rồi đâu sẽ vào đấy. Chị lúc nào cũng bắt tôi đóng hộp... à nhớ rồi khuôn phép... (*khoái chí cười lớn tiếng*) đúng rồi chị khuôn phép quá cha... người ta. Này, này... Chị có biết... cái gì làm cô khác bà không?

Mưa: Tuổi tác chứ còn gì nữa, bày đặt!

Hãn: Ở đó mà tuổi với tác! Có thiệt chị không biết không?

Mưa: (*nghi ngờ nhìn Hãn vẽ tra hỏi*)

Hãn: (*quơ tay*) Cái làm cho cô thành bà là... cái đồn đàn ông đấy! Bây giờ biết chưa!?

Mưa: (*quay mặt đi xua tay*)Thôi thôi... nói chuyện với Hãn mệt tim quá... Cà tửng cà tưng thấy ghét quá. Hẹn chị ra đây, có chuyện gì không? Hay lại cà dỡn vậy ông nội?

Hãn: Có chuyện quá đi chứ, này chị (*nhìn xuống sân khấu*) cô

áo xanh kia kìa, đẹp chết người, đôi chân cô ấy trông phê quá, đẹp muốn xốn bụng luôn. Cắm cọc cô ấy chắc dễ hơn chị, chị Mưa giỏi tiếng Việt tán cô ấy dùm đi.

Mưa: (*lại đứng lên, rồi ngồi xuống vẻ rất ngao ngán*) Hãn phải ăn nói lễ độ và dịu dàng một chút. Không ai ưa nổi những kẻ bặm trợn như em đâu. Bao nhiêu công khó chị dạy em đổ sông đổ biển hết.

Hãn: Kệ họ, chịu không chịu thì thôi. Tại sao tui phải nói những gì người ta muốn. Lưỡi của tui miệng của tui. Uốn lưỡi những bảy mươi lần như Chúa nói là mất cái chất tươi chói lọi của ngôn ngữ. Chính chị Mưa dạy Hãn điều răn thứ nhất để làm người là sống trung thực ạ.

Mưa: Hãn nói năng nghe nóng máu quá. Thưa ông học trò, hôm nay ông muốn bày trò gì nữa đây?

Hãn: Chị uống cà-phê xong chạy mua dùm ít quà bánh, Hãn muốn dẫn chị lên nông trại thăm ông bà nuôi. Hãn sẽ dạy chị cưỡi ngựa, dạy chị bơi suối. Nhiều trò hấp dẫn lắm.

Mưa: Thôi thôi, lần trước sém gẫy giò rồi. Cái trò cưỡi ngựa lúc nhỏ bây giờ không ổn đâu.

Hãn: Sao không ổn...?

Mưa: Thì lớn rồi, ngã sẽ nặng hơn, đau đớn hơn.

Hãn: Chị ngã oanh oách hôm trời mưa đó có sao đâu...

Mưa: Bó bột đau lắm, chị không thích cưỡi ngựa, chị không phải dân Tây Tà như Hãn.

Hãn: Thì tắm suối, không khoái à?

Mưa: Ờ... lúc nhỏ thì được.... bây giờ không được.

Hãn: Rõ ràng chị thích tắm... nhỏ cũng tắm, lớn cũng tắm... với lại ngó chị Mưa tắm suối muốn cắm cọc lắm đó. Nông trại vắng tanh, ông bà nuôi lú lẫn, chẳng biết gì, tôi với chị làm vua. Mình cắm cọc gieo giống không thích à?

Mưa: (*cáu kỉnh*) Hãn nói cắm cọc cái gì? Hãn nói tiếng Việt bậy bạ quá. Tiếng Việt của người mình tế nhị dễ thương... Hãn nói tiếng Việt như sủa vào mặt người ta.

Hãn: Lại chị nữa, chính chị nói tui học tiếng Việt đi, cứ nói búa xua đi, mát miệng lắm... bây giờ tui nói tiếng Việt thần sầu như vậy chị lại lên mặt đạo đức la lên la xuống. Ông bà nuôi của tui cũng thương chị chứ bộ.

Mưa: (*giả lơ đứng lên*) Thì gọi là cha mẹ nuôi đi, ông bà nuôi nghe chói tai quá... Hãn ngồi đây chờ bác, chị đi shop chút xíu trở lại liền.

Hãn: Tui đi theo chị không được sao?

Mưa: (*ấn vai Hãn bắt ngồi xuống*) Thôi xin ông...ngồi yên đây cho tôi nhờ... cái mặt lầm lì ba búa đi shop người ta tưởng ăn cướp. Thiên hạ ở đây tim gan ai cũng nhiễm độc tơi tả lắm rồi, dễ bị heart attack lắm.

Hãn: Chà cô giáo nói năng cũng gấu rừng như tôi vậy.

Mưa: Hãn nói chị Gấu rừng?

Hãn: Tôi đẹp trai vầy, chị cứ chê lên chê xuống.

Mưa: Được rồi đẹp trai như ông cụ non ấy.

Hãn: Ở Đại Học, ghệ đen ghệ trắng theo tôi cả bầy. Tại chị đui không chịu thấy tôi bảnh chọe.

Mưa: Bảnh chọe, học ở đâu vậy?

Hãn: (*càu nhàu*) Chị sao giống bà già của tui quá. Học ở đâu? học ở đâu? Bộ con người sinh ra chỉ để học thôi à? Vậy là con người khổ hơn chó. Không biết thằng cha con mẹ nào bày ra chuyện học hành làm khổ đời nhau như vậy nè.

Mưa: (*tò mò*) Hôm nay... bộ Hãn bị tâm thần... khùng mấy độ rồi vậy?

Hãn: (*làm bộ rầu rĩ*) Không hiểu sao cứ gặp chị là tôi phát sốt phát cuồng lên, nói năng gì chị cũng ngơ ra không hiểu. Sùng quá! muốn quơ súng máy ra đường phơ thiên hạ rồi đây.

Mưa: Thôi thôi, ngồi xuống đi...

Hãn: Chị nhất định không cho tui đi theo phải không?

Mưa: Hãn đi theo, thiên hạ đứng tim hết, lừ đừ như bò tót, mua bán gì được nữa.

Hãn: (*đưa Mưa đi về phía trái sân khấu*) Chị tối ngày chê tôi, gấu rừng ba búa rồi bây giờ bò tót. Ăn nói gì đâu... nghe như mìn nổ.

Mưa: (*vò đầu Hãn xong bỏ đi. Hãn trở lại bàn cà phê nâng ly cà phê uống dở lên môi, bỏ xuống, duỗi chân nhìn thẳng xuống sân khấu vẻ bất cần rồi ngang ngược độc thoại gõ nhịp ngón tay lên mặt bàn*) Đúng là bà chằng, xoay xở thế nào mặt nó cũng bơ ra như vậy đó. Nó không thèm biết gan ruột tui não nề thảm thiết... Đúng rồi!... não nề thảm thiết!?... ờ há! nghe cũng ngộ sao hồi nãy không nhớ ra... mình dám đầu bò thật chứ chẳng chơi. Loài người hôm nay lủ khủ toàn học giả, giáo sư tiến sĩ... bằng cấp dán kín từ đầu xuống chân, ngộp thở quá. Bullshit... Học quá thành bò điên cả lũ... mẹ kiếp sao tự nhiên nó biến thành cô giáo của mình nhỉ. Phạng hàng trăm câu tỏ tình mùi rệu như vậy mặt nó cứ tỉnh khô. Cuộc tình kiểu học trò liều mạng này coi như trét họng một sợi lông.

*

Thêm bà Tài

Bà Tài ăn diện vòng vàng kim cương son phấn thơm lừng tay xách nách mang đi te te băng ngang sân khấu. Hãn ngồi nhìn mẹ không đứng lên. Bà để một vài túi thực phẩm xuống gần ghế ngồi của Hãn, cười thật tươi.

Hãn: Mom mua bán giống gì mà xiềng xích đầy người vậy?

Bà Tài: (*cười mơn*) Thứ Bảy mà con, cái số Mom vất vả vậy đó. Hồi xưa lính tráng ra trận phải nai nịt súng đạn cơm sấy thịt khô. Mom bây giờ cũng phải chằng chịt đủ thứ phụ tùng ăn nói thiên hạ mới chịu nghe. Cả như thằng bố mày có nước ăn mày cả lũ.

Hãn: (*càm ràm một mình*) Lúc nào cũng lo ăn mày lo đói khát.

Bà Tài: Con đi với Mưa nhớ về sớm, chiều đưa Mom đi một vòng lấy hàng, thứ Hai phải giao sớm cho chủ hãng.

Hãn: Sao Mom không lái xe lấy, con đâu có rảnh, ở xứ này Mom biết rồi, càng ít làm phiền nhau càng tốt.

Bà Tài: (*cười nhẹ, giọng vẫn ngọt như đường*) Xe Van số tay Mom lái đêm lạng quạng nguy hiểm lắm, đi với con Mom yên tâm hơn. Để Mom đi nhà thờ về, rồi con chở Mom đi luôn. Bọn thợ lúc này chúng hay cù cưa làm khó mình, Mom đi một mình có chuyện gì bố mày vác mụ sồn sồn về nó bẻ họng tụi bay làm gỏi sứa.

Hãn: Sao Mom không đi ban ngày, trời sáng dễ lái...

Bà Tài: Con khờ quá, toàn dân may lậu, họ không muốn mình đến lấy hàng ban ngày...

Hãn: (*dứ tay như dọa dẫm mẹ*) Vậy là Mom cũng là một thứ băng đảng rồi nhé. Mom làm ăn mờ ám thua gì bọn buôn lậu đâu.

Bà Tài: Trời đất, con nói năng ý tứ một chút, Mom làm ăn đầu tắt mặt tối, tuần nào cũng đi nhà thờ...xưng tội rước lễ đều đều...

Hãn: (*cười nhạt*) Ỉ qua Mỹ sớm, quen đường quen chợ. Mom lộn lạo hụi ngày hụi tuần, bày trò lãnh thầu hãng may bóc lột đồng hương. Mỗi tuần Mom cúng nhà thờ mấy xu? Mom hối lộ Chúa như vậy nặng tội lắm đó.

Bà Tài: Trời ơi, con nói vậy tội chết. Các vàng Mom cũng không dám dối Chúa. Chúa nhân từ Chúa hiểu Mom hơn con nhiều. Mom còn lương thiện chán, thuận mua vừa bán, Mom có bóc lột ai đâu con.

Hãn: That's right...Mom đâu có bóc lột, Mom chỉ toa rập với bọn gian thuế, Mom mới nạo xương đồng hương của Mom thôi.

Bà Tài: Con không biết gì hết. Đất nước này hùng mạnh nhờ những người gian thuế đó con. Nhỏ gian theo nhỏ, lớn gian theo lớn.

Chỉ có người ngu mới không gian thuế thôi. Con cứ bắc loa hỏi từ ông Tổng Thống hỏi xuống đi. Dân biểu nghị sĩ bác sĩ... Tuốt tuồn tuột có thằng cha nào không ăn gian nói dối. Đứa nào lương thiện hơn Mom. Con chỉ đi, Mom đội quần nó liền.

Hãn: Đội quần đội áo thây kệ Mom. Để coi trên người Mom có mấy ký vàng... ba sợi chuyền nạm ngọc, hai nhẫn xoàn, hai lắc nhồi ngọc bích. Còn hột nào trong bóp không? Sao Mom không cột hết vào người để bọn du đãng nó lột luôn một lần cho gọn?

Bà Tài: (*rít lên*) Này! này! nói nhỏ chứ, học giỏi ăn no thành Tây thành Tà con cũng phải nể Mom một chút chứ. Từ hồi qua đây, Mom cày như trâu, có biết ô-vơ-si ô vờ xéo bao giờ đâu. Mấy chục năm Mom chưa đi đâu ngoài cái tiểu bang Việt tộc này. Không bóc lột không xoay xở cả đám ăn mì gói được không?

Hãn: Tại Mom sợ mất tiền, tiền là giáo chủ toàn năng toàn thiện của Mom.

Bà Tài: Con chỉ giỏi cái lỗ miệng, không có tiền con làm được trò trống gì? Mom vật lộn khốn khổ vì ai? Mom có bao giờ để con thua sút ai không? Con muốn gì được nấy, muốn xe có xe, muốn du lịch có du lịch...

Hãn: (*vênh mặt lên, gạt tay*) That' s enough! Mom khỏi kể nữa, nghe thúi cả lỗ tai rồi. Bộ Mom tưởng cứ nhân danh cha mẹ, nhân danh cái slogan ờ cái khẩu hiệu... hy sinh cho tương lai con cháu, ấn vào họng người ta rồi muốn bày trò điên đảo gì bọn da trắng cũng phải ngửi hả? Con hết hiểu nổi Mom, chuyện lớn chuyện nhỏ gì cũng trây trây không chịu nói thật. Mom với Dad nói dối từ sáng tới tối, ngủ mơ cũng lảm nhảm nói dối luôn... Đúng rồi! cả những giấc mơ cũng xuýt xoa gian dối. Mom có biết nhiều lúc...you... you drive me nut?

Bà Tài: (*ngồi đơ ra, ú ớ... nhìn xuống sân khấu, rồi e sợ nhìn quanh đảo vòng từ trái sang phải... nói như tâm sự với khán giả*) Ông con tôi đấy! Quí vị thấy chưa! Hồi di tản, chạy vắt giò lên cổ sang đây, tôi khư khư ôm chặt nó như bảo vật vô giá. Nó nằm ngửa trong tay tôi, mắt tròn như hòn bi ve, nó có trợn dọc như Trương Phi vậy đâu? Cũng may nhờ có con Mưa không thì nó cũng xí xố xì xồ thôi..

Hãn: (*vòng tay nhìn mẹ như võ sĩ nhìn đối thủ*) Mom đừng ỉ con có đai đen. Bọn Giang Hồ Xíu Mại chúng không ớn đai đỏ đai đen gì đâu. Nhìn Mom khoe của, suốt ngày cứ xòe tay cho thiên hạ trầm trồ vòng này vòng kia ngứa mắt quá. Thế nào cũng có ngày chính con phải trấn lột Mom đấy!

Bà Tài: (*rít lên*) Con xin bố! bố nội tôi chứ không phải ông con tôi nữa. Không quấn vòng vàng, chó nó tin, chó nó chịu chơi hụi

chơi hè với mình, rồi đói rách ăn mày cả lũ.

Hãn: Lại đói rách... ăn mày... mấy tiếng đó chui ở đâu ra vậy Mom? Mom đói rách ngày nào? Một lời dối, hai lời cũng dối... Gặp nhau khoe con khoe của bể chợ người ta... (*Nhái giọng éo éo như đàn bà*). Vợ chồng tui có năm đứa con, ba đứa vào Stanford, hai đứa trụ ở Harvard, tôi mới đập hết nhà cũ dựng nhà mới y bong kiểu Pháp. Tôi mới xây năm cái toilet lát marble, gắn tab mạ vàng sáng choang. Chuyến này vợ chồng con cái khỏi dành nhau. Xứ này ăn nhiều bậy nhiều á. Nhà nhiều toilet chừng nào văn minh chừng đó. Này Mom, Bà Ba Standford, Bà Năm Toilet đó họ đóng đủ hụi cho Mom chưa?

Bà Tài: (*hoảng hốt nhìn quanh*) Trời ơi bạn làm ăn của Mom con nói gì ác vậy? Mom định cưới con Mercy của bà ấy cho con đó.

Hãn: Thôi nghe, đừng âm mưa lóc thịt kiểu đó, cứ thấy con gái tiệm vàng mom a-la-xô vác tôi nhào vô là làm sao? Con bé xấu như ma mút chứ Mercy gì. Mom nó mồm miệng tía lia, khách nào đến cũng dong đi bắt ngửi toilet, ba toilet màu hồng kiểu Nữ Hoàng, hai toilet đen bóng kiểu Mỹ... to kềnh để chình ình cả ghế bành đọc sách trong đó luôn. Cả thành phố xưng tụng mẹ vợ tương lai của tui là Bà Năm Toilet rồi đó, chui vào đó có mà tui điếc mũi luôn.

Bà Tài: (*ôm đầu*) Thôi... thôi... Mom xin con rồi đó nghe. Con Việt Nam một chút cho Mom nhờ với, con Mưa lúc nào nó cũng dịu dàng với mẹ nó... nó có bao giờ trâng tráo như con đâu.

Hãn: (*vênh váo*) Ủa Mom muốn tôi Việt Nam. Lạ rứa. Rõ ràng Mom khoe toáng, thằng Hãn đẻ ở Mỹ, tiếng Anh nó nói ồm oàm hay hơn ông Bill Clinton, nó chỉ biết hot dog, Burger King, Tacco Bell... nó có biết giống gì ở Việt Nam đâu, nó cao hơn cả Mỹ chính nòi. Bây giờ lại đòi tôi lộn giống thành Việt Nam kia.

Bà Tài: Cái này là trò của thằng bố mày. Ông không muốn mày là thằng Việt Nam nữa. Tây Tà Mỹ Mẽo, ngáo nào cũng được, miễn đừng Việt Nam, để cả nhà mình mau mau tiến nhanh tiến mạnh thành dân chính nòi bạch tạng. Chừng nào Mom nói tiếng Anh làu làu như con, Mom nhuộm tóc vàng luôn cho khoẻ.

Hãn: Giời ơi, cắt mắt nâng mũi to xù rồi, chưa thành mụ Mẽo sao Mom?

Bà Tài: Con may mắn hơn Mom nhiều, con cao to như Mẽo... tiếng Anh xổ như gió.

Hãn: Đúng rồi ... cuối cùng tôi biến thành banana ruột trắng vỏ vàng.

Tôi có lộn lạo khùng khùng điên điên như chuối hột Mom gắng chịu nghe chưa. Nói thật ngó Mom ăn mặc, tôi nản quá. Ngày nào cũng

vòng vàng quần quần áo áo như bà hoàng, rồi bày trò gian thuế quáng quàng lên... Tiền! tiền! tiền! Đầu óc Mom đặc cứng toàn giấy lộn Mom biết chưa? Mom chuối hột khùng khùng điên điên hơn tôi nhiều biết chưa!

Bà Tài: (*sững sờ nhìn Hãn*) Ơ! Ơ! Con là máu là thịt của mom. Con ăn nói gì ngược ngạo vậy con. Mỹ Mẽo nó cũng biết ganlant dịu dàng với mẹ nó chứ, con lộn giống gì vậy con!?

Hãn: Lộn giống, mất gốc, nghe ngứa cả ruột. Mom không thương người một xẻo nào, Mom dạy tôi phải thương cái nòi Việt Nam của Mom, Mom gian dối từ sáng đến tối Mom bắt tôi phải lương thiện thật thà, Mom bớt thuế đầu, trốn thuế đuôi, một hai Mom bắt tôi tụng kinh học giỏi đi con... học giỏi đi con... mai kia ra trường mặc sức lột túi thiên hạ mua Mercedes, Lexus cho Mom nổ đùng đùng khoe con khoe của nhặng xị lên. Đúng như vậy không?

Bà Tài: (*Đứng phắt lên, rồi lại vịn ghế như muốn xỉu, kêu trời như bọng*) Trời ơi!... ông nội tôi chứ không phải ông con tôi nữa. Thứ đồ lộn giống ăn no rững mỡ Tây không ra Tây, Tà không ra Tà, tối ngày hạch xách phán xử bố mẹ như quân dữ.

Hãn: (*đứng lên bỏ đi liền về phía phải sân khấu*)

Bà Tài: (*mất hồn trừng trạo nhìn theo, tay đè chặn ngực cho bớt giận. Bà dợm đi theo Hãn, đuối sức bà ngồi bệt xuống sát mép sân khấu rất gần với khán giả rồi độc thoại như người điên*): Đừng thèm giận... giận chồng giận con mau già lắm... hít vào đi, thở ra đi.. Nuốt khổ vào bụng đi. Chôn nỗi đau này xuống đi, nén xuống cho gan ruột ung thối đi... Đừng khóc nữa, khóc mấy chục năm rồi... mắt kéo màng... mù lòa ai thương... Chúa ơi, sao thời nay con cái chúng vô ơn tệ bạc thế này?

Bà Tài: (*nhìn thẳng xuống khán giải, vò đầu rồi huyên thuyên lảm nhảm như người mất trí*) Tôi có tội tình gì? tội gì mới được chứ? Đúng rồi, tôi chỉ có một tội duy nhất. Tội thương con, tội thương chồng. Tôi làm tất cả để con tôi không phải chịu khổ nhục như tôi đã phải chịu. Kiếm cơm kiếm gạo ở xứ người đâu phải dễ dàng gì. Tôi làm cu lì, tôi đổ phân tôi chùi phòng, làm đủ mười nghề hèn mọn lúc chân ướt chân ráo trốn sang đây. Một nửa câu tiếng Anh không biết, chủ trắng trợn la tôi trây mặt ra cười... yes sir... yes sir. Bây giờ mới mở được mắt ra, chúng chửi Mom ăn mày Mom ăn cắp. Tôi phải làm gì cho vừa bụng những ông hoàng bà chúa của tôi nữa đây? chúng không chịu đi giầy K. Mart, chúng đòi xe chiến, đòi computer, đòi game này game nọ, đòi du lịch Paris, du lịch Cấm Thành. Chúng không chịu thua bất cứ đứa bạn nào trong trường. Chúng không cần biết chúng là ai, từ

đâu đến. Chúng hăm hở sống, hăm hở đòi hỏi. Không gian dối tránh thuế hụi hè nạo vét mồ hôi thiên hạ. nhà xe ở lỗ nẻ nào chui lên? Mửng này chúng muốn tôi bịt mặt vác súng lớn pằng pằng ăn cướp nhà băng nữa sao? Ăn cướp, được quay phim lên báo, chắc chúng hãnh diện hơn? Một bầy con không đứa nào hạ mình xuống hiểu mẹ, có bao giờ chúng thèm biết tôi buồn vui, tôi đau khổ. Tôi có dám mơ ước điều gì to lớn đâu, tôi chỉ ao ước chúng học giỏi, lớn lên đừng khốn nạn như tôi. Vậy mà cứ hở miệng ra chúng vùng vằng chê bai đủ chuyện. Ở xứ này rõ ràng mình thua xa con cái, ra đường chúng xổ tiếng Anh ào ào như gió, mình học cách mấy lưỡi cũng đờ ra như mụ ngọng. Ỉ vào thứ văn minh mắc toi, chúng dài miệng chê tui ngù ngờ, chúng chỉ gằn miệng một tiếng Mom! tôi són người ra (*ngừng lại thở, càu nhàu*) thời buổi gì quái gở, chẳng thấy con cái nó sợ mình, chỉ thấy cha mẹ càng ngày càng sợ con rúm người lại. Phòng của chúng, chúng dán chữ Get Out đỏ lòm, vẽ thêm cái sọ người đen sì nữa. (*Đứng lên, cao giọng hơn*) Kệ xác chúng, con tôi tôi xót. Tôi phải chõ mũi vào nhòm xem nó sống hay nó chết, nó làm giống gì trong phòng chứ? Chúng cự liền you distub me. Tôi thụt ra, tôi không dám đụng đến sợi lông của chúng, đừng nói chi la mắng. Ngọ nguậy không vừa bụng chúng bỏ nhà đi còn tầy quầy ra nữa. Mình than thở chúng ngạo liền - Mom nói tiếng Anh funny quá, ai đông nâu, ai đông biết- Tối ngày chúng sủa you you me me nghe trào máu họng. Nhiều lúc tôi chỉ muốn lủi vào cột điện chết quách cho xong nợ.(*Rền rĩ*) Cực lòng quá Chúa ơi! Nỗi cơ đơn hãi hùng này tôi biết gào lên với ai bây giờ? (*Tự dơ tay lên nhìn, rồi sửng sốt kêu lên*) Tay chân tôi rụng rời. Trời ơi! Nỗi đau người mẹ này ai hiểu cho tôi? Con tôi chúng không thương được tôi, còn lấy ai trên đời này thương tôi nữa đây? Con ơi! Ước gì mẹ chưa bao giờ có con. Oan nợ này ai buộc vào tôi vậy trời? Ai đặt tình yêu con nặng trĩu lòng tôi? Bây giờ tôi trắng mắt ra rồi... Đọc báo thấy thiên hạ giết con, tôi không ngạc nhiên nữa. Hai đứa con gái... chúng hành tôi còn hơn con ở... Thằng Hãn càng ngày càng ngông ngược, sao lúc nào nó cũng vùng vẫy như thằng mắc phong vậy? Chỉ còn Koala, một nó thôi, chưa nỡ hành hạ tôi...

Ông Tài: (*lao vào sân khấu từ góc trái, hớt hơ hớt hải nói không ra hơi*) Bà ơi... bà... nguy lắm rồi... Koala bị thương nặng... gãy cột sống... may quá, tìm thấy bà... ở đây không thì ...

Bà Tài: (*dậm chân*) Cái gì, may quá, cái gì Koala trong đó?

Ông Tài: Bị tông xe nặng lắm.

Bà Tài: (*chụp vai ông Tài, lắc mạnh*) Sao, ông ăn mắm ăn muối, ông bị ai cắt lưỡi vậy hả? nói mê nói sảng bậy bạ...



HOÀNG XUÂN SƠN

Loạn khúc

Vờ góc lại, chút tâm
như
hôn nhơn phật tánh nát nhừ thân y
cũng ê a
cũng hộ trì
câu kinh xác ruỗng nghìn vi khuẩn đào
nói
    cười
huyệt mộ thôi
xao?
sân si gờm một sát
tao với mày
cuồng tinh loạn khí bay đầy
máu du côn chảy, dao
trầy trụa
buông
nam vô bồ tát, oan hồn
quỷ trừng mắt thị môi vờn thánh thư

HOÀNG XUÂN SƠN

Ông Tài: (*dậm chân, gỡ tay vợ vì bị chụp đau quá*) Nó ở trong nhà thương... hôn mê rồi. Sảng gì, mê nặng rồi, sảng cái gì.

Bà Tài: (*lảo đảo như sắp ngã, ú ơ kêu không nổi nữa, tay chân bà quơ rối lên. Bà chụp lấy ông cho khỏi ngã...ông không đủ sức đỡ vợ, cả hai ngã chúi xuống sàn sân khấu.*)

Đèn tắt hay màn hạ

LỆ HẰNG



THU LÊ

Cô chủ vườn cây cảnh



Ai cũng khen tôi là người tốt bụng, giàu lòng nhân ái. Nhưng tánh nhẹ dạ thì ít ai biết được. Một phụ nữ nhẹ dạ dễ gặp nhiều rắc rối. Biết làm sao, cha mẹ sanh ra vốn vậy. Dù sao đến nay tôi vẫn chưa bị ai phiền trách.

Chiều hôm ấy, chị phụ nữ Phường đưa đến giới thiệu với tôi một nhà báo trẻ tuổi trạc năm mươi. Anh ta muốn viết về gương người tốt việc tốt. Tôi chẳng muốn được nêu danh. Những việc đã làm, tôi coi rất tự nhiên: góp phần tích cực cho việc xóa đói giảm nghèo. Ngay từ khi chưa có phong trào tôi đã từng giúp vốn cho những bà con nghèo khó, hướng dẫn họ cách làm ăn. Và nhiều người đã trở nên khá giả, trong đợt vận động giúp vốn này, đã nhiệt tình hưởng ứng, bỏ tiền ra giúp đỡ người khác như tôi đã làm với họ trước đây.

Tôi đang là chủ một khu vườn rộng hơn một ngàn mét vuông. Tôi đã cho bốn cô sinh viên nghèo ở trọ, không lấy tiền, còn giao cho họ làm những việc nhẹ trong vườn, trả tiền rất hậu cốt giúp cho họ có đủ tiền ăn học. Cháu nào thiếu thì tìm cách giúp đỡ thêm. Xe Honda của tôi, khi cần các cháu cứ mượn dùng. Chúng gọi tôi bằng dì với tình cảm ruột rà.

Khi nhà báo đến thì các cô sinh viên ấy đang bứng những cây

phát tài trồng vào những sọt nhỏ, một công việc rất nhẹ nhàng. Anh ngồi lại với các cháu chuyện trò giây lát, có lẽ để hỏi về tôi. Tôi để mặc anh, lo đi làm những công việc khác. Sau một thời gian thăm hỏi, anh mời tôi ra đứng ở vườn cây cảnh để chụp vài pô hình. Anh chọn cảnh, mải mê ngắm đi ngắm lại. Tôi thấy ngượng nhưng vẫn thích, vì dù sao tôi cũng có một thân hình thon thả và vẻ mặt được nhiều người khen là có những nét đẹp.

Trong khi ngồi uống nước với tôi, anh hỏi:

- Nghe nói chị trồng cây cảnh rất giỏi, mấy bồn cây còn lại ở đây cũng nói lên tài nghệ đó. Sai chị lại dẹp lần cây cảnh mà trồng toàn cây phát tài?

- Cũng vì thị hiếu hiện nay của người mua thôi. Người đời ai chẳng muốn phát tài. Tôi trồng cây này là thể theo ước vọng và lòng tin của họ. Vả lại, trồng nhiều như thế này tôi có thể bán với giá rẻ để cho người ta đỡ hao tài trước khi phát tài. Còn điều nữa là muốn trồng cây cảnh, anh thấy đấy, phải hãm cây lại không cho nó phát triển to lớn theo dạng tự nhiên, lại còn phải nẹp dây kẽm, buộc cành cây, vặn uốn theo ý thích của con người. Cây cối mà phải thành con lân, con phượng. Ngẫm thấy cũng đau lòng! Cây cối đâu phải vô tri! Đáng lẽ chúng phải vươn cao đón khí trời, đằng này lại trở thành những chú lùn làm trò vui cho thiên hạ.

Giọng tôi chắc là buồn lắm vì không hiểu sao lúc ấy tôi bỗng thấy chán chường, hụt hẫng. Anh nhà báo cũng buồn theo, xúc động hỏi tôi:

- Chị Thúy nè, chắc chị có tâm sự không muốn nói ra. Hình như tôi đã gặp chị một lần ở đâu đó.

Tôi chợt thấy anh ra trông quen quen. Anh hỏi tiếp, giọng thân mật: - Chị chưa có gia đình sao?

- Anh muốn hỏi tôi đã có chồng chưa? Chồng thì... có thể có, nhưng gia đình thì chưa. Và đó là chuyện ngày xưa, biết vậy thôi anh nhé. Hãy coi đây là những chuyện ngoài lề, không dính dáng gì đến bài phóng sự của anh.

Rồi đắn đo, tôi nói:

- Tôi nhờ anh giúp cho một việc được không?

- Sẵn lòng. Thúy cứ nói đi.

- Xin anh đừng giới thiệu tôi lên báo. Hoặc vì nể nang phải nêu một gương tốt của địa phương thì nên viết vừa phải thôi. Tốt nhất, anh giao việc này lại cho người khác. Còn ảnh chụp, thì nên giữ làm kỷ niệm.

- Được thôi, cô Thúy. Cứ coi như chúng ta chỉ mới gặp nhau lần

đầu. Tôi sẽ đưa đến đây một cô phóng viên mới và trẻ, và sẽ không giao máy ảnh cho cô ấy. Nhưng thành tích của Thúy vừa qua thì phải nêu lên báo. Một cô chủ làm vườn đã từng học năm thứ hai Trường Nông Lâm Súc và biết hai ngoại ngữ Pháp, Anh. Một phụ nữ giàu lòng nhân ái được nhiều người mến mộ.

Anh nhà báo nhỏ giọng: Một phụ nữ phi thường, theo tôi biết.

Tôi nhìn anh sững sờ. Nhớ ra rồi. Anh và tôi đã gặp nhau trong một hoàn cảnh khá đặc biệt. Tôi đứng dậy bắt tay anh:

- Anh cũng có điều phi thường đó.

- Tôi có thể trở lại đây để thăm chị được không, chị Vân?

- Sao không? Tôi cũng mong có người từng trải để tâm sự cho khuây khỏa. Nhưng nên nhớ: tôi là cô Thúy, chủ vườn cây cảnh chứ không phải Vân. Hôm nào tôi sẽ tặng anh vài chậu cây cần thăng uốn hình con lân, con phượng.

Đêm ấy... Thúy nghĩ đến mẹ và thấy buồn vô hạn.

Ngày mẹ còn, Thúy vô tư sống trong vòng tay của mẹ, không bao giờ nghĩ rằng sẽ có ngày mẹ ra đi vĩnh viễn. Cho nên Thúy không hỏi mẹ quê cha, quê mẹ ở đâu. Chỉ biết ngày còn trẻ cha mẹ yêu nhau, gia đình không đồng ý cho lấy nhau, liền bỏ nhà lên sinh sống ở đất Sàigòn. Do cái nghèo đeo đuổi, cha mẹ không muốn về quê nữa. Rồi cha tham gia hoạt động cho cách mạng, bị địch bắn chết trên đường đi công tác. Cha làm giao liên nhưng cán bộ cùng hoạt động với cha là ai, Thúy chưa có dịp hỏi mẹ. Còn bao nhiêu điều cần biết nữa Thúy cũng chưa hỏi được, tưởng như mẹ sẽ sống đời với con, sẽ là cuốn tự điển sống cho Thúy gối đầu giường. Mẹ đau chết bất ngờ. Nhà dì Bảy, nơi mẹ con tá túc đi về, dì nghèo khổ phải bán đi để trả nợ rồi về quê. Vậy là Thúy tứ cố vô thân. Thúy thấm thía với cái từ tứ cố vô thân đó. Bàn thờ cha mẹ bây giờ không nơi đặt thì sau này học hành đỗ đạt, có việc làm, có nhà cửa, Thúy sẽ lập sau. Nhưng lúc bấy giờ làm sao biết quê ông bà nội, ngoại để tìm về cho bà con thấy giọt máu cha mẹ cưu mang từ ngày ấy cũng đã thành người, đã có chỗ đứng trong xã hội, không hổ thẹn với ước mong của các bậc sinh thành.

Thúy thông minh, học giỏi nên mới lên đệ nhị trung học đã có thể đi dạy kèm đủ tiền ăn học. Thúy còn giúp mẹ lãnh hoa chở ra chợ bán. Lên đệ nhất, sau nỗi buồn mất mẹ là việc mất luôn các nơi cũ dạy kèm, Thúy lại phải vừa đi bán hoa vừa lo tìm việc mới. Một tối, Thúy lang thang vào một quán cà phê. May ra nơi đây người ta cần người

giúp việc. Quán đông chật cả người, chắc bà chủ đâu có rảnh mà tiếp người xin việc. Thúy còn đang tần ngần thì bỗng nghe một giọng ấm áp:

- Cháu ngồi xuống đây. Chỉ còn chiếc ghế trống này thôi.

Người bảo Thúy là một trung niên dáng thanh lịch. Vẫn giọng ấm áp ấy:

- Ngồi xuống đi. Uống cacao nhé?

Thúy tự bảo: Thì cứ ngồi xuống. Biết đâu ông ta lại có con cho mình dạy kèm.

- Dạ, cháu chỉ dùng cà phê đá thôi.

- Khỏi lo. Cứ dùng cacao, chú sẽ trả tiền cho.

Thúy đành theo ý ông ấy vậy. Cầu trời cho có được việc làm. Thúy thất vọng khi nghe ông trả lời các con đã có người dạy kèm. Nhưng sau khi rõ hoàn cảnh của Thúy, ông bảo sẽ thu xếp cho Thúy đến giúp việc, chủ yếu là lau nhà và quét dọn sân vườn. Sẽ có cơm ăn, được sắp xếp cho một phòng ở và mỗi tháng được lãnh ít nhiều tùy bà chủ sẽ bàn với Thúy. Nếu không đủ chi tiêu ông sẽ giúp đỡ thêm.

- Lau nhà và quét dọn vườn thì có gì nhiều mà phải thuê một người làm, hả chú?

- Đừng giỡn. Sàn nhà bốn tầng cháu lau mệt nghỉ. Còn vườn rộng, quét và tưới táp cho cây cũng tốn thì giờ. Nói thế chứ cháu cũng phải vừa làm vừa học nữa chứ.

Ông chú trông giản dị này mà lại có building lớn vậy sao? Nhưng trông vẻ chân thật và hiền hậu của ông, Thúy thấy an tâm, tin tưởng.

Vài hôm sau, Thúy đã dọn đến ở một phòng trong dãy nhà trệt nằm sau building. Bà chủ vẻ kiêu kỳ, lạnh nhạc, nhưng giao việc và tính trả lương thì dứt khoát đâu ra đấy.

Dần dà Thúy mới biết vợ chồng ông chủ, lúc mới ở miền Trung vào, tài sản chưa có gì nhiều, sau nhờ bà có tài làm ăn, xoay sở, buôn bán với Mỹ, nên gia đình phát lên nhanh chóng. Bà sống phớt đời, phóng túng, tiếp khách nước ngoài ngay trên lầu, ai không có chuyện cần sai bảo không được lên, kể cả ông. Nghe đâu có lần vợ chồng cãi lộn nhau, bà bảo ông: Tôi sợ gì chúng nó dèm pha, dị nghị. Giỏi mấy con mẹ đó làm ăn được như tôi đi. Phải có tài, có thớ mới giao dịch được. Tôi còn lạ gì chúng nó xúi ông: "Bà ăn chả thì ông ăn nem". Ông cứ ăn nem đi, tôi không quan tâm đến việc đó đâu. Ăn chả mà người ta còn phải trả tiền gấp bội cho mình nữa mới khó. Nhưng thôi, với cái sản nghiệp to lớn tôi đã tạo dựng nên, ông có tiêu mấy cho cái khoảng ăn nem đó cũng chẳng đáng là bao.

Nghe những chuyện đó, Thúy thấy thương ông chủ quá. Nụ cười

trên gương mặt ông nói lên bản chất một con người bao giờ cũng sẵn sàng nhịn nhục. Và dáng người mảnh khảng kia khó có thể chịu đựng được sự đấu tranh quyết liệt ở đời. Âu đó cũng là điều may mắn trớ trêu giúp ông khỏi phải dằn vặt nhiều với số phận trời đã định cho riêng ông.

Một buổi chiều thứ bảy bà chủ đi Vũng Tàu với một khách hàng nước ngoài, đi công khai trước mặt ông. Đêm đó, Tần - tên ông chủ - rủ Thúy đi Thủ Đức ăn nem - Bà có xe riêng của bà, ông có xe riêng của ông. Và sau bữa tiệc nem ở Thủ Đức, Thúy đã đãi "nem" lại cho Tần tại một phòng khách sạn. Thúy đã chiều Tần với lòng thương hại, vì tình yêu mến hay sự đòi hỏi riêng của bản thân, khi men bia giục cơn rạo rực? Có lẽ do ba cái lăng nhăng đó.

Từ đó, khi có dịp, Tần đi lại với Thúy ngay trong căn phòng của Thúy. Dần dần, Thúy yêu Tần thật sự nhưng vẫn không nuôi ước vọng gì khác ngoài mong muốn có chỗ yên thân được học hành. Thúy càng cố gắng làm đầy đủ phận sự được giao và miệt mài học tập, học đến quên ăn, quên ngủ.

Một hôm, bà chủ gọi Thúy lên, khen Thúy làm việc chăm chỉ, có chí học hành và cho Thúy một số tiền nói là "để giành khi thất cơ lỡ vận". Thúy sợ không dám nhận, nghĩ rằng bà muốn đuổi khéo Thúy. Nhưng bà cười có vẻ vô tư, nói:

- Ai khác cho, cháu không nhận thì được chứ dì cho thì đừng từ chối. Dì vừa phát tài đã nghĩ đến cháu ngay. Thôi, cháu xuống nghỉ đi. Việc nhà làm như vậy là được rồi, lo mà học cho thành tài. À! Hôm trước có ông khách ngoại quốc đến tìm dì, cháu trả lời lễ phép và chu đáo. Ông ta khen với dì: bà có đứa cháu ngoan và rất giỏi Anh văn.

Thúy bần thần với mỗi câu, mỗi chữ của bà. Cho tiền là do bà tốt bụng hay do đã biết quan hệ giữa Thúy và Tần, cảnh báo Thúy nếu đi quá đà, nhất là lỡ mang bầu thì lo cuốn xéo, đừng để phiền đến gia đình. Lại còn chuyện ông khách nước ngoài kia nữa! Thôi, cứ cho là do cả mấy nguyên nhân kia gộp lại. Tần đồng ý với nhận định của Thúy và bảo:

- Yên trí. Như em thấy đó, anh bao giờ cũng có sự phòng ngừa, không để cho việc học tập của em đứt gánh giữa đường.

Hết cấp trung học, Thúy thi vào đại học, đỗ đầu bảng. Nhưng Thúy đã thi vào Trường Nông Lâm Súc ở Đà Lạt để xa lánh Sàigòn. Bà chủ đã xử thế đúng mức, Thúy không thể phụ lòng bà.

Hôm chia tay, bà cho Thúy ít tiền và bảo:

- Cháu không còn ai thân thích nữa, khi nào rảnh rỗi cứ về đây với chú dì. Cố gắng học cho thành tài nghen.

Bà bảo ông đánh xe đưa Thúy lên Đà Lạt tìm nơi gửi gắm cho Thúy được yên thân. Thúy gạt lệ từ giã mái nhà êm ấm mà Thúy sẽ giữ những kỷ niệm không bao giờ quên được. Sẽ chôn lại nơi đây mối tình đầu, tuy đó chỉ là mối tình hờ, với bao ngọt ngào cay đắng.

Khi xe gần đến Đà Lạt. Tần dừng lại ở một quán ăn có vườn cây im mát. Cảnh đẹp, có ít sương mù. Ôi! Giá cứ được gần anh như thế này mãi. Hãy cứ mơ mộng đi, Thúy ơi, trong những giây phút huyền diệu này. Nhưng khi xử thế nhớ phải khôn ngoan. Thúy luôn nhắc mình như vậy.

- Thúy nè! Lên Đà Dạt chuyến này anh sẽ gửi em vào nhà một người bạn thân, bạn vong niên của anh.

- Anh lớn hơn ảnh bao nhiêu tuổi?

- Không. Anh ấy chỉ hơn anh trên mươi tuổi.

- Vậy là hơn em trên ba mươi. Nhưng em không phải là món hàng để các anh sang tay đâu nhé. Rời gia đình anh êm thấm em đã hết hồn rồi. Bây giờ anh còn muốn đem em bỏ vào hang đá!

- Nghe anh nói đây. Trước hết, anh vì việc học tập của em mà lo lắng. Tiền em dành dụm được không đủ nửa năm sống ở Đà Lạt đâu. Tìm được chỗ dạy kèm cũng vất vả mà chắc gì được yên thân con gái. Anh bạn này cũng như anh, tốt bụng và... lịch sự. Khác với anh, anh ta là người làm ra tiền chứ không phải vợ, một công chức có nhiều bổng lộc. Vợ ảnh thì thật đặc biệt, không có người đàn bà thứ hai nào như vậy trên đời. Chị ta biết rằng chồng chị đủ lý trí để không bao giờ bỏ vợ con. Còn cái tính lăng nhăng của chồng thì chị phớt đều, cho là tánh trời, đánh chết cái nết ấy cũng không chừa, mà chị thì không bao giờ muốn đánh chết chồng.

- Thôi đủ rồi. Anh học nghề quảng cáo này từ bao giờ vậy?

- Từ khi em có ý định rời Sàigòn lên Đà Lạt. Nghe anh nói tiếp đây: Việc làm ở đây cũng như ở nhà anh. Chỉ có điều sàn nhà hẹp chỉ bằng nửa. Còn bà chủ cởi mở, vui tính, mọi sự đều có thể bỏ qua.

- Trừ cái chuyện bắt bồ với chồng bà.

- Hãy tin anh đi. Anh đã nói chuyện xin cho em làm việc với bả rồi. Bả đồng ý ngay. Anh hỏi gặng: Có cô gái trẻ trong nhà chị không sợ ảnh lăng nhăng sao? Bả cười: ăn nhằm chi chuyện đó. Không thì ổng cũng ra ngoài kiếm chác, có khi còn tiền mất tật mang. À, nó có biết đánh tứ sắc không, khi nào thiếu tay tôi nhờ nó. Đánh cho vui trong nhà thôi mà. Ăn thì cho nó lấy, còn thua tôi cho lại.

Thúy cười đau xót. Ngày mẹ hấp hối, cầm tay Thúy mẹ trối trăn: "Mẹ phải bỏ con ở lại một mình... Chỉ cầu mong có một điều con học thành tài cho thỏa vong linh của ba con...". Mẹ ơi! Con đã hứa với mẹ

rồi. Mẹ than thứ cho con. Ai biết đâu những chuyện lăng nhăng sau bức màn the ấy. Mong ước duy nhất của con là có chỗ dung thân để an tâm học hành, đỗ đạt cao. Nhất định con phải đỗ đạt cao.

Bà Ân đúng là người đàn bà đặc biệt như Tần đã giới thiệu. Có khi người ta nói bóng nói gió với bà ngay cả trước mặt Thúy bà cũng phẩy tay cười xòa nói: "Nhằm nhè chi ba thứ đó. Ông lăng nhăng quen rồi, cho ổng tự do". Có khi bà vừa cười vừa nổi khùng: "Ông có đem con nào về nằm trước mặt tôi, tôi cũng phớt lờ". Bà nói như vậy cho mọi người không còn xách mé nữa.

Còn ông Ân thì không tình cảm lãng mạn như Tần, chỉ thực dụng thôi và cũng biết phải chăng. Chỉ có điều có lúc ông ham hố quá, Thúy phải theo, riết thành quen.

Thúy học ở Đà Lạt được gần hai năm thì gặp Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Với cách kiếm sống để đi học như vậy dễ bị bạn bè phát hiện, tố cáo ở trường, còn có thể làm liên lụy đến chủ nhà, Thúy đành bỏ học. Ông bà Ân sẵn sàng giúp Thúy ít nhiều để rời Đà Lạt về Sàigòn. Thúy đến những nơi quen biết cũ của mẹ để nhận hoa ra chợ bán. Lúc bấy giờ, gia đình Tần hiến cái building lớn của mình cho chính phủ và được cấp giấy cho ra nước ngoài bằng con đường hợp pháp. Trước khi đi, Tần giúp Thúy một ít tiền. Cộng với số tiền dành dụm Thúy mua được một vườn rộng lúc bấy giờ chẳng đáng giá bao nhiêu. Đó là khu vườn Thúy ở ngày nay. Có vườn nhưng không có vốn để mua hạt giống, cây giống và nhờ người phụ giúp, Thúy vẫn phải nhận hoa đi bán. Tối về với túp lều rách nát. Một hôm, gặp chị chủ quán năm xưa, Thúy gợi hỏi mượn tiền. Chị cũng tên là Thúy, khoảng hơn ba mươi tuổi. Chị nói:

- Chị không còn tiền nữa. Bây giờ muốn làm lại một quán cà phê nhỏ cũng không tìm đâu ra vốn. Giá còn anh Tần, anh ấy có thể giúp chị em mình được ít nhiều. Chán quá! Chị nghĩ chỉ còn cách liều ra Nha Trang một chuyến, kiếm ít vốn về lại Sàigòn làm ăn như cũ. Ở đó chẳng ai biết mình. Nếu có em đi thì chị vững tâm hơn.

- Ra ngoài ấy làm gì chị?

- Thúy nè, cuộc sống của em trước đây chị đã biết nhưng không hề nói với ai. Chuyện bát đắc dĩ thôi. Chị em mình cùng tên Thúy. Ra ngoài ấy, chị làm Thúy Kiều, còn em Thúy Vân. Năm sáu tháng hoàn lương, lại về Sàigòn. May mắn được thì chị sẽ lại là chủ quán cà phê, còn em chủ vườn hoa. Ngoài ấy chị có một bạn thân hứa sẽ cho một chỗ làm ăn khá kín đáo, có thân thế chở che.

Thúy định từ chối nhưng chị ngăn lại: Thôi về suy nghĩ đi mai hẳn trả lời. Được thì thu xếp ngày kia cùng lên đường. Để lâu sẽ

không còn can đảm xuất quân nữa đâu và trận địa ngoài kia sẽ có người khác chiếm lĩnh.

Về lại túp lều tranh, Thúy nghĩ đến Tần, nhớ đến những giờ phút sống với ông Ẩn. Thôi, một liều ba bảy cũng liều, cứ ra Nha Trang thử lửa một chuyến xem.

Thế là: Thúy chị Thúy em vội vã lên đường với hai tên mới: Kiều là chị, em là Vân.

Hơn năm tháng sau, gom góp được ít tiền có thể về lại Sàigòn làm ăn, chị em Thúy bảo nhau: Lăn lóc với đời vậy đủ rồi, ngày mai mã hồi thôi.

Đêm cuối cùng ở Nha Trang Thúy gặp một chàng trai thanh lịch, hao hao giống Tần. Thúy nhận lời đi với anh. Nằm trong vòng tay anh, Thúy bồi hồi, xúc động nhớ đến Tần. Khi chàng trai trả tiền, Thúy buồn bã trả lời:

- Không lấy tiền của anh đâu. Thích thì đi với anh thôi chứ Thúy đã chấm dứt cuộc đời lang bạt này từ chiều nay rồi. Sáng mai, Thúy từ giã nơi đây.

- Thú thật, anh đến đây là muốn tìm hiểu cuộc sống, tâm tư của các em.

- Cuộc sống, tâm tư của những người chung quanh anh, ngay cả trong gia đình có khi anh còn chưa hiểu hết. Đến đây dăm bữa, nửa tháng, giữa cái xã hội có đủ hạng người, đủ mọi tâm trạng vui buồn, thương giận, cả yêu đời lẫn chán đời, hận đời và dối đời, anh làm sao hiểu thấu tâm tư của họ.

- Bí ẩn, rối rắm lắm vậy sao? Hay là... em về sống với anh đi.

- Anh có biết đại thi hào Byron đã nói: "Điều gì đó phi thường ở người đàn bà là người ta không thể sống chung với họ cũng như không có họ". (Ce qu'il y a de terrible chez les femmes c'est qu'on ne peut vivre ni avec elle, ni sans elle). Công bằng mà nói, phụ nữ cũng có thể nói như vậy với cánh đàn ông. Mong anh hiểu cho em.

Khi chia tay, chàng trai hỏi:

- Em không muốn biết tên anh ư?

- Đã thành lệ với em rồi. Dù anh có đến mươi lần em cũng không hỏi tên đâu.

- Nhưng còn tên thật của em? Anh rất mong gặp lại em lần nữa.

- Lần gặp sau, em sẽ cho biết tên thật của em.

THU LÊ



NAM DAO

Cõi sân si



Bõ già khệ nệ khiêng một cành đào theo Mai đi dọc chợ Đồng Xuân, rồi tạt ngang hàng Bè. Từ đấy, đến dinh Khương Tả Hầu chỉ còn chừng trăm thước, đường quang người, đỡ phải chen lấn. Hàng phố ai cũng tất tả chiều ba mươi, ngược xuôi, nhớn nhác, nghiêm trọng như thể để dành nụ cười cho đêm giao thừa. Trẻ con không đợi được, rủ nhau đốt pháo chuột, tiếng nổ lạch bạch đây đó làm phố xá chớm thơm mùi khói. Vào cổng, Mai vừa reo vừa tíu tít gọi. Đặng-thị chạy ra, cười hở hàm răng đen tuyền có vết bã trầu, ôm chầm lấy cô cháu họ. Nghe tiếng lao xao, Toàn Nhật từ trái nhà sau bước vào nghiêng mình vái chào. Mai ngước lên nhìn. Ơ, lạ chưa, chỉ độ nửa năm xa cách mà Toàn Nhật già dặn hẳn đi, miệng tuy cười nhưng vẫn lộ ra một chút ưu tư, một chút cẩn trọng.

Hơn tháng trước, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp để con trai trưởng là Mạnh Thuyên về Bùi Phong báo tin cho Đặng-thị là Trọng Thức nay trắng tội. Thức lại về nấn ná dinh Khương Tả Hầu, lần lữa đến mãi tháng mười mới lên tìm Toàn Nhật trên Phố Hiến.

Sau vụ án năm Canh Tý, không khí Kinh Kỳ dịu hẳn ngột ngạt. Số người vãng lai thăm Phu tử ngày một đông. Có kẻ đến ngâm vịnh, biện bàn kinh sách. Có kẻ đến xin một quẻ dịch, hỏi dăm ba câu

chuyện hậu vận. Có người đem chuyện chính sự ra kháo. Họ đều là đám thượng lưu ở đất Kinh Kỳ, con vua cháu chúa, và nếu không khoa bảng thì cũng là loại quan quyền văn võ trong Chính phủ. Phu tử tiếp mọi người, thường thì ừ à cho qua chuyện. Riêng với một người Phu tử có lưu tình, là Côn quận công Trịnh Bồng. Vào cuối tháng một, đột nhiên Bồng xuống tóc đi tu, trả lại dinh thự, nghe đâu đã đi lên thọ giới ở một ngôi chùa ở miệt Hải Dương.

Mai xin vào chào Phu tử rồi xuống bếp với Đặng-thị. Nàng cười, mắt lại thỉnh thoảng nhìn lên nhà trên, mau mắn giúp bà dì sửa soạn đồ cúng. Đến chiều, Mai mới rảnh tay, đứng trên tam cấp, uống ngụm nước vối vừa pha. Nàng hỏi chuyện Toàn Nhật trên Phố Hiến, rồi giọng vẩn vơ : ... *Anh Thức có về Kinh cùng Nhật không nhỉ?* và ngóng ra cổng. Lúc ấy, mặt trời chếch xuống dãy mái nhà phía Tây, lựng lên một ráng đỏ đang chuyển dần sang mầu xám lịm. Đường vắng hẳn người đi, thỉnh thoảng mới thấy dăm ba dáng dấp hối hả như có ai đuổi. Một lát sau, đèn thắp lên, ánh vàng hắt lên vách vôi trắng những bóng người vờn xung quanh nhau như đèn kéo quân.

Cơm tối dọn ra, mọi người ăn qua loa, xong lại ai làm việc nấy. Dưới bếp, nồi bánh chưng đặt từ đầu giờ Thân sùng sục sôi, phải dập bớt củi, mở nắp nồi. Toàn Nhật rửa lại từng viên cuội trắng, tròn trĩnh, trông giống hệt như những viên kẹo bột. Nồi mạnh nha đã bắc khỏi bếp. Khi đã nguội hẳn, Đặng-thị bỏ từng viên cuội vào nồi, khéo léo gắp ra để trên một chiếc mâm đồng có phủ lá chuối. Mâm kẹo để tiếp khách uống trà trong ba ngày Tết được xếp lên theo kiểu hòn núi non bộ, cheo veo tưởng như sắp đổ, nhưng thật ra mật dính chắc vào nhau, khó suy xuyển.

Mai vẫn ngóng về phía cổng, dáng băn khoăn lộ ra ngoài. Trong góc bếp, nàng lắng tai nghe từng tiếng động, thấp thỏm đợi một tiếng chân, thót người lại mỗi khi nghe tiếng chó sủa. Lấy tay dụi mắt cay xè vì khói bếp, Mai bâng quơ, nhắm hai hàng mi lại, hình dung cho rõ khuôn mặt một người chắc là sắp về. Gần giao thừa rồi còn gì. Pháo lại đì đùng như thúc giục. Phu tử hết đứng lại ngồi, sốt ruột : ... *chỉ chờ có nó nữa là đủ mặt Tết này !*. Nói xong, Phu tử quàng chiếc khăn quấn cổ, bước ra vườn, đi về phía cổng.

Đêm ba mươi tối như mực.

Đặng-thị đã sắp xong mâm cúng. Mai lại nhắm mắt, nhớ lại buổi đến thăm Thức trong ngục. A, cái con người kỳ lạ, mồm sưng vù mà vẫn toác ra cười khi nghe nói đến hai chữ số mệnh. Mai kéo thời gian ngược lại bằng cái trí nhớ mỏng mảnh căng ra đằng sau như tơ vương vào thuở ban đầu. A, cái thuở đến khó quên, dẫu là cho một

người vô tâm nhất.

Nửa năm trước, khi chân ướt chân ráo đến Thăng Long, người đầu tiên đến thăm thầy trò Phu tử là Nguyễn Du. Hỏi thăm được nơi phu tử tạm trú, Du vội vã tới ngay. Đó là một thiếu niên mảnh khảnh, lưng hơi gù, miệng trễ, mũi cao, da trắng như da con gái. Tính dí dỏm, khi nói giọng Du có chút ngân nga, miệng tươi, nhưng cặp mắt sâu thăm thẳm thoáng có cái gì xa xăm vời vợi. Mừng ra mặt, Du nắm tay Thức và Nhật, rồi xin phép vào chào Phu tử. Khi ra, Du bảo :

- Thầy chỉ nói có một câu, đố các anh biết là gì, nói được thì đệ xin đãi các anh một bữa tối ở đất kinh kỳ hoa lệ này.

Du bắt chước Nhật và Thức, quen mồm gọi Phu tử là thầy, mặc dầu mình là con của Nguyễn Nghiễm, thầy Phu tử, và cùng vai vế với Khản, người bạn đồng môn nhưng kém Phu tử trên chục tuổi. Nhật và Thức chịu, Du nhanh nhẩu :

- Đệ giúp hai người anh văn hay chữ tốt nhé! Câu này là của Hàn Dũ.

- ...

- Chịu chưa ?

- ...

- Bất bình tắc minh

Thức vui vui :

- Thôi, thế thì ta đãi bữa tối này vậy.

Du giẫy lên :

- Đùa à, anh thầy độ Nôm na là cha mách qué kiết xác, túi có bao nhiêu mà ngông nghênh được. Đây là phần đệ ...

Nói chưa dứt lời thì có tiếng gọi từ gian ngoài. Ba người ra, một người con gái nhỏ nhắn vội cúi chào. Du vui vẻ kêu : *A, thì ra chị Mai.*

Đặng Thị Mai ngước lên, đôi mắt lấp lánh mầu hạt dẻ. Mai không cao lắm, mình dây, mặc một chiếc áo cánh gà màu ngà có quấn dây lưng tím nhạt, tóc vấn khăn nhung màu đỏ gụ. Nàng hé miệng cười e lệ, hàm răng hạt huyền đen nhay nháy làm tăng sắc hồng tự nhiên của cặp môi căng mọng. Du giới thiệu, rồi trêu :

- Hai ông anh tôi chê gái Nghệ quê mùa, rắp tâm làm rể đất kinh kỳ này đấy.

Mai cúi mặt thẹn thò rồi xin vào chào Phu tử. Gia đình nàng gốc từ Thanh Hóa đã phiêu dạt vào Phù Đổng từ hai đời trước. Nàng là em út của Đặng Thị Huệ, vốn họ hàng xa với Đặng thị, vợ phu tử . Huệ hiện là sủng phi của chúa. Ngược hẳn lại với người chị luôn đem cân

sắc đẹp và sự khôn ngoan bằng vàng ròng, Mai chỉ mê sách vở, thơ văn. Học chữ với phụ thân, rồi sau, nàng lại được Thụy Liên, cháu ruột của Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, trau dồi thêm cho nên Mai nắm bắt được cách cảm nhận văn chương khá tinh tế. Khách thơ ở Thăng Long mỗi khi gặp nàng thường ít dám ngông nghênh, một phần vì nhan sắc nàng, một phần vì tài nàng.

Thụy Liên đeo đuổi chí của Đoàn phu nhân, nhất định không chịu hé mắt xanh tính chuyện chồng con, đến ở với bà cô mấy năm trời. Ban ngày Liên giúp Đoàn phu nhân chấm văn điểm sách với đám học trò, tối đến hai cô cháu lại cùng nhau ngâm vịnh. Cũng như Đoàn phu nhân, Thụy Liên coi trọng chữ Nôm, đén nay lại hết lòng gửi gắm Mai tiếp tục con đường ấy. Vì thế nên tuy mới gặp, Mai đã biết tiếng Trọng Thức từ dăm năm nay. Dịp hội ngộ này, nàng đã sắm sửa thức ăn mang lên, nên cái dự định đi ăn tối của Du phải tạm gác lại

Sau bữa chiều, mọi người rủ nhau ra Khiêm Các. Vào cuối giờ Dậu, trăng lên trong màn sương tím bạc. Lạ thay, trăng lên từ ven hồ Trúc Bạch, lừ lừ đỏ tía, vụt lên trời nhanh đến độ chỉ một khắc sau thì đã đậu ngay đầu ngọn trúc. Nếu chẳng biết giờ giấc, trăng lên nhưng nhìn ngỡ như lại là mặt trời đang xuống. Phu tử tay gõ nhẹ vào phiến đá, miệng ngâm nga se sẽ :

Nguyêt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Mọi người lắng hồn trong khói sương, ngây người trước cảnh thần tiên, im lặng đắm mình vào không khí huyền ảo tưởng như sắp loãng ra những giấc mơ vô chung vô thủy. Du trầm ngâm rồi nói :

- Chị Mai, thơ hay thế chắc chị đã dịch ra Nôm rồi nhỉ ? Du mời chị đọc hầu thầy.

Mai e thẹn, li nhí chối từ. Phải phu tử giục đến lần thứ hai thì Mai mới nhỏ nhẹ :

- Xin thúc phụ cho con phép...

Phu tử gật đầu, Mai nhẹ nhàng ngâm :

Trăng lặn, quạ kêu, sương giăng trời
Đèn chài le lói nỗi khôn nguôi
Thành cao bóng đổ chùa hiu quạnh
Nửa đêm văng vẳng tiếng chuông rơi .

Thức lắng tai nghe tiếng ngâm thơ da diết, hồn bay lạc vào vùng sương tím bạc đang ngày càng dày đặc. Phu tử vỗ nhẹ vào tay Mai, ý khen ngợi. Nhật cất tiếng :

- Hay, hay lắm. Nhưng Nhật hỏi chị Cô Tô đâu, Hàn San đâu ?

Mai ngước mắt lên, dịu dàng :

- Không cần ! Người mình đâu ai biết Cô Tô với Hàn San .

Nàng nhìn về phíaThức, cúi xuống tiếp :

- Nếu lập lại bằng Hán tự những địa danh xa lạ bên Trung Quốc, hay là dùng điển tích nhà Chu, nhà Tấn thì chỉ tạo thêm mối lệ thuộc.

Quay sang Phu tử, nàng cúi đầu như nói riêng :

- ...thế chẳng hơn gì, và nhất là không tạo được sự độc lập tinh thần của dòng Nôm ta.

Ngửng lên, Mai bắt gặp Thức nhìn lại mình. Cặp mắt ấy nóng bỏng, cháy lên rừng rực đam mê, nhưng vẫn giữ được một sự trìu mến lẫn kính trọng. Suốt đời, Mai không bao giờ có thể quên được cặp mắt ấy...

Bỗng một tiếng pháo đùng ở đâu nổ choáng tai làm Mai choàng dậy. Đặng-thị tươi cười: *Năm mới rồi...* . Tiếp đấy, không biết cơ man nào là tiếng pháo. Xa xa, pháo thăng thiên bay lên trời, vỡ thành những chùm hoa lóng lánh ụp xuống nhân gian, đánh mốc thời gian chòng chành trên một sợi dây không ai biết đầu, không ai biết đuôi, và có lẽ chẳng gì buộc lại được.

*

Khi dâng tư dinh của mình cho thế tử Trịnh Cán lúc còn miệng sữa, Hoàng Tế Lý chỉ nói với một mình Đặng Thị Huệ về con đường hầm chạy từ dinh ra cửa Bắc. Lách qua phía vườn Bích Câu, đường hầm ngược lên phía Tây, nắp hầm ngụy trang bằng một ngôi mộ trông tầm thường trong khu nghĩa trang nằm cạnh bến Tây Long. Huệ thường ở sát bên Cán để trông nom, vì năm lên ba là Cán bắt đầu oặt oẹo liên miên, thuốc men hàng tháng, lắm khi tưởng đã nguy. Có kẻ vu là Dương Ngọc Hoan, mẹ của Trịnh Tông, đã yểm bùa nơi mộ phần nhà Chúa hòng triệt thứ tôn trưởng, nên Cán mới bệnh hoạn đến độ vậy. Huệ vào khóc với Trịnh Sâm, đập đầu xuống thềm, xin chúa tra xét phần mộ. Việc đó là việc cấm kỵ vì đụng đến vong linh của tổ tiên nên Sâm gạt đi. Từ ngày Tông định làm phản và bị truất xuống làm con út, Huệ lại xin Chúa nghĩ lại, Sâm vẫn không chịu. Để bù trừ, Sâm đành bằng lòng định ngày làm lễ thành hôn cho đứa con gái yêu là Ngọc Lan với Đặng Mậu Lân, em Huệ, kẻ dân Kinh Kỳ thì thầm to nhỏ gọi là "hung thần mắt cú".

Huệ bàn với Tế Lý, vẫn khăng khăng là Cán bị bùa yểm, bảo Lý tìm ra cách xem có gì lạ ở phần chân của ngôi mả Trịnh Doanh, cha của Trịnh Sâm. Lý không tin, cực chẳng đã, lấy cớ sang sửa phần mộ

nhân ngày Tết, đích thân đến đào trộm mả và hứa sẽ kể rõ ngọn ngành cho Huệ.

Tối hôm đã hẹn trước, Lý vào nghĩa trang cạnh bến Tây Long, theo đường hầm bí mật lẻn vào dinh Trịnh Cán. Con đường này, Lý đã nhiều lần qua lại và bố trí sẵn cả chỗ ăn chỗ nằm, phòng làm nơi ẩn khi có biến. Qua cái ngách cửa, bất ngờ một bàn tay chặn Lý lại. Lý cau mặt, nhưng mặc cho bàn tay đó luồn xuống đai quần giật mạnh. Mùi hương nhài sực vào mũi Lý. Tiếng Huệ nói: *Há mồm !* rồi tay thò ra cậy miệng Lý. Lý nuốt một ngụm thuốc, vị ngọt, nhưng hơi cay xông lên, mặt nóng dần. Lý túm lấy bàn tay đang lần xuống đùi mình kéo mạnh, rồi ôm xốc người Huệ lên. Mái tóc Huệ đen biếc xõa tung ra rồi xổ xuống tựa một đàn rắn lục. Huệ trườn mình lên hai chân kẹp vào mông Lý, hai tay nắm tóc, lưỡi lè ra cắn vành tai Lý, miệng rên rỉ, thúc giục. Thuốc ngấm. Lý gào lên. Huệ lắc người như con thoi, bàn tay tì cứng lấy hai vai Lý, móng sắc bấm vào làm máu Lý ứa ra, rỉ xuống. Lý xoay người áp Huệ vào bức vách, hai tay nắm cứng lấy bắp đùi Huệ nhấc lên, rồi thúc hạ bộ vào, táo tợn, lì lợm. Cứ thế. Hai sinh vật ấy hào hển quấn lấy nhau, cắn rứt nhau, kêu van nhau rồi cuối cùng buông nhau ra, đẩy nhau nằm vật xuống, mồ hôi nhễ nhại.

Lúc trống canh hai điểm, Huệ tỉnh dậy, lay Lý : *Này, việc thế nào ?.* Lý đáp :

- Đào chân mả, quan sát kỹ nhưng không thấy gì ! Duy có một điều ...

- ...

- Lúc lấp lại mả, tôi bỗng thấy một con rết vàng dài bằng cái đũa. Nó nhẩy lên quần, rồi leo vào áo, tôi phủi không được. Nó lên đến cổ, rồi thoắt một cái, không biết biến đi đâu mất ...

- Chắc là nó rơi xuống đất, lủi vào cỏ ...

- ...

- Nếu màu vàng thì chắc là điềm lành, màu vàng là màu đế vương. Con ông chứ còn ai! Cán làm vua thì đúng là ứng vào tên tục ông là Hoàng Đăng Bảo. Có đổi ra Tế Lý lúc ấy cũng chẳng được! Hừm!

Huệ tư thông với Lý từ khi Lý còn ở trấn Nghệ. Rồi mỗi lần Lý về Kinh, họ lén lút gặp nhau, Trịnh Sâm không mảy may ngờ vực. Gần gũi Sâm trên ba năm, Huệ vẫn chẳng thai nghén gì. Ngẫm lại, hơn chục năm qua Sâm đã ăn nằm với cả tá bà phi, nhưng kể từ ngày đẻ công chúa Ngọc Lan, chẳng một ai thụ thai. Huệ tính toán, giả giận Sâm cả tháng dịp Lý về, tất kinh mới lại làm lành, rồi báo Sâm tin vui. Khi Cán đẻ ra, Sâm vẫn nghĩ là đẻ non, lại càng yêu càng quí.

Lý cười nhẹ, xoay người lại nhìn Huệ, nói :

- Phế Tông, Cán chỉ thành Chúa thôi. Vua thế nào được !

Huệ cười khanh khách :

- Quan cách nhà các ông lắm chuyện lắm, còn quá đàn bà ! Trịnh Sâm muốn soán, sợ dị nghị, gặp Nguyễn Thiếp bàn ra là thôi ... Còn ông vua Hiển Tông kia thì lẩm cẩm rồi. Duy có một điều là tôi còn ngại: Hắn chết, rồi Thái tử Lê Duy Cẩn mà kế vì ngôi vua thì không thuận lợi cho Cán... Thằng Cẩn gần gũi con Hoan mẹ thằng Tông, không thể tin nó được.

Xưa nay Vua Hiển Tông thấy mình không làm gì nổi Sâm đành nhịn nhục, suốt ngày viết kịch diễn tuồng. Giả như không ngó ngàng đến thế sự, Vua nói ra miệng : *Việc thiên hạ nhà Chúa lo mà nhà Vua hưởng, có chi phải phàn nàn ! Tôi sướng, Chúa khổ, vậy mà tôi không biết ơn thì đáng chê đáng cười thật.* Mỗi lần kẻ ăn người ở hậm hực, Vua gạt phăng đi không nghe. Ngay việc chọn Cẩn làm Thái tử, và việc giam nhốt tự tôn là Duy Kỳ từ thuở tấm bé đến nay đã mười lăm năm, Vua để mặc Sâm muốn làm gì thì làm, chẳng dám hé lời.

Huệ xoay người lại, nhìn vào mắt Lý, nhếch miệng :

- Thằng Cẩn lên làm Vua, chắc không lâu được. Nó đù đờ, bất nhất. Cứ để nó kế vị, đợi ít lâu cho đến lúc Cán thành niên, rồi bắt nó thoái vị. Lúc ấy Chúa thành Vua là lẽ đương nhiên. Tách thằng Cẩn ra khỏi đám mẹ con thằng Tông, tôi đã có cách

- ...

- Tôi đem gả con Mai, em tôi cho nó. Vợ thằng Cẩn vừa xấu vừa đội, chẳng làm vợ cả được ...

Lý nghe Huệ tính toán giản đơn, nhưng táo tợn, luồn lách, mặc nhiên không thèm để ý đến đám quan lại trong triều. Hỏi, Huệ thản nhiên :

- Chúng nó là bọn vừa tham vừa hèn, lại vừa ngu. Thả cho chúng tí quyền, tí danh là đủ. Chúng không đáng ta cho một đồng kẽm. Còn ông, ông ở đấy thì chúng làm gì được? Con ông làm vua, ông cũng phải lo một tí chứ ! Đấy là cái số ông, không làm vua thì làm bố vua - Huệ cười, tay lại vắt sang đùi Lý, lơi lả - không muốn à ?

Lý tự nhiên thấy ngứa ở cổ, khục khặc ho. Ngồi lên, Lý thấy mắt tối lại, khạc ra. Đó có phải là một con rết vàng? Nó nhanh như cắt, thoắt một cái là biến mất. Lý hỏi Huệ có thấy con rết không? Huệ kéo Lý đè lên trên người mình, dạng chân, mồm bảo :

- ... chỉ tin nhảm, sao đỗ đến ông cống mà còn dị đoan vậy hả ?

*

Dăm bữa rồi, cứ sáng ra là người đó dựa mình vào thân cây hoa sữa, nón mê kéo sụp xuống mũi, ngồi đọc sách. Gia nhân mở cổng dinh Khương Tả Hầu ra hỏi, người đó chỉ lắc đầu. Có kẻ hầm hè đòi đánh, người đó ngước lên, mắt sắc như dao, chòm râu quanh mép đã ngả mầu muối tiêu, hất hàm : *Ngoài cổng dinh đất là của thiên hạ, vào hỏi chủ ngươi xem có phải không ?*, rồi lại điềm nhiên cúi xuống đọc sách. Gia nhân vào kể lại, Trọng Thức bước ra sân nhìn.

Mồng hai Tết, Thức mới về đến Kinh. Việc di giáo dân từ Phố Hiến về Phát Diệm y theo lệnh của Chúa Tĩnh đô Vương trở nên phức tạp. Giúp giáo sĩ Charles-Antoine Sieyès giao dịch với quan lại sở tại và đám chức sắc người lương tại địa phương, Thức thấy trước mắt một điều : sự mâu thuẫn lương-giáo trầm trọng đến độ đang thành những nứt rạn không hàn gắn được. Mang đất của người lương chia cho người giáo, lại không đền bù gì cho tương ứng, đám quan lại đã đẩy người lương vào thế bạo động. Người lương hợp thành từng đoàn, mang giáo mác gậy gộc vây chặt đám giáo dân khiến họ tiến không được mà thoái cũng không xong. Charles-Antoine mặt mũi tái ngắt, đưa sắc chỉ của Tĩnh Vương ra, ngón tay chỉ vào khoảng đất được vạch trên địa đồ nơi giáo dân được phép định cư cho quan Cơ xem. Viên võ quan này mang một đội lính bàng quang nhìn diễn biến, thản nhiên nhổ bã trầu rồi bảo Thức là không biết gì và chẳng có lệnh trên nào đưa xuống. Cứ thế, dằng co cả tuần, đàn bà trẻ con màn trời chiếu đất kêu khóc. Gọp vàng lại đút lót, quan Cơ mới mở đường, lùa giáo dân vào một khu đầm lầy nước đọng. Giáo dân cắn răng, kêu lên quan Huyện, rồi cũng chuẩn bị dao gậy. Thức vào hầu quan, lo lắng : *... từ Phố Hiến lên đây, ít ra là khỏang trên một ngàn đinh. Còn giáo dân ở Đàng Ngoài hiện có đến gần hai mươi vạn, cứ thế này là sẽ nội chiến trên toàn lãnh thổ*. Quan cười khềnh khệch : *... thầy rỗi hơi, lo chuyện đâu đâu. Ai chết mặc ai, cái thân thày, thày lo. Chuyện thiên hạ xá gì! Thôi, về Kinh đi, ở lại khéo chết chẹt đấy !*

Thức mở cổng, thủng thỉnh bước về phía cây hoa sữa. Người ngồi gốc cây giở nón, ghé mắt nhìn, rồi lại cúi xuống nói trống không: *Tôi xin được yết kiến La Sơn Phu tử*. Thức từ tốn báo là thầy mình đã về Bùi Phong từ tuần trước. Người ấy lại ồ một tiếng, thở dài, rồi lại giở nón ngước mắt hỏi : *... dám hỏi, huynh đài tên họ là Võ Toàn Nhật?* giọng trọ trẹ miền Hoan Châu. Thức lắc đầu, tự giới thiệu. Người ấy xưng tên là Trần Danh Kỷ, hiệu là Tiệp Dư, vốn có giao tình với Koji Mishima, người trên Phố Hiến đại diện cho Nhật Bản thương cục.

Trưa hôm ấy, khi Toàn Nhật về thì Thức đang ngồi trò chuyện

với Kỷ. Kỷ đứng dậy, vòng tay chào. Toàn Nhật mới nhận chức Chưởng Cơ của đội Trung Kính, trách nhiệm lo an ninh và bảo vệ toàn bộ dinh thự trong phủ Chúa và dinh các đại thần trong Chính-phủ. Kỷ tỏ vẻ ngạc nghiên :

- Huynh đài có cơ duyên đấy, có phải ai cũng có cái trách nhiệm ấy đâu. Quan Chánh đường tin người là phải có cơ sở. Thế còn Phu tử, ngài thuận lòng cho học trò nhận quan nhưng chính mình thì lại lánh xa hoạn lộ, cũng là điều lạ ...

Toàn Nhật mỉm cười :

- Thầy tôi không o ép gì ai cả, chỉ nói "thuận thiên hành đạo".

- Việc Phu tử nhất quyết không tán thành việc soán ngôi nhà Lê đã đồn đãi đến Đàng Trong, ai cũng tâm phục.

Tay chỉ Thức, Kỷ cười :

- Chỉ thiếu một chút là cái đầu huynh đài đây suýt rơi trong vụ án năm Canh Tý !

Kỷ thân mật kể chuyện Đàng Trong cho Thức và Nhật , và nhất là tình bạn với Mishima suốt mấy năm qua. Cơm nước xong, Kỷ xin phép ra về. Khi Nhật tiễn ra cổng, Kỷ quay lại, bất ngờ hỏi :

- Toàn huynh, quyển sách ấy của Mishima, huynh đệ trình lên quan Chánh đường chưa ?

Nhật ngẩn người, chưa nghĩ ra, hỏi lại : *Sách nào ?* thì Kỷ đã chỉ vào những cành mai còn vàng hoa, nói lấp chuyện :

- Không, chẳng có gì quan trọng ! Toàn huynh xem, mai còn vàng thế này thì chắc năm nay mùa xuân dài hơn thường lệ, và hẳn không phải lo hạn hán.

Nhìn bóng Kỷ khuất sau lối ngõ hai bên trồng trúc bạch, câu hỏi "sách nào" văng vẳng. Toàn Nhật thầm nghĩ, chẳng hiểu có phải là cuốn "Luyện kim yếu pháp" không ? Nếu thế, Kỷ là ai? Một người gốc châu Hoan, đỗ hương cống năm Canh Dần, xử mà không xuất hơn chục năm nay, rày đó mai đây, kết bạn với cả những ngoại kiều như Mishima? Nhưng cũng có thể là một quyển sách khác, chẳng hạn như cuốn "Chuyện các nước phương Tây " (Seiiku Monogatari) mà Mishima vẫn để gối đầu giường. Toàn Nhật ngẫm nghĩ rồi lắc đầu, bật cười, tự nói cho mình nghe Cái bệnh ngờ vực ở đất Kinh Kỳ này lây thế mà nhanh thực.

*

Đặng Thị Huệ vồn vã nắm tay em kéo ngồi xuống chiếc sập gụ lên màu đen tuyền bóng lên như thoa mỡ. Nàng đưa tay vuốt lại vài sợi tóc vấn vội còn xòa trên thái dương Mai, miệng tươi tắn :

- Chị có một tin vui báo em. Này Mai ạ, Thái tử Cẩn nhờ người dạm hỏi em về Đông cung làm Đệ Nhất thứ phi. Việc cưới phải làm gấp, vì nay Đức Vua chừng yếu lắm, chẳng biết lúc nào ... Chị tính là sau lễ tơ hồng cho Mậu Lân, chị mới có thể lo đến phần em ...

Mai bàng hoàng, tai ù lên, nghe Huệ nói như vẳng đến từ một cơn mơ. Cùng cha nhưng là con bà lẽ, thuở tấm bé Mai phải gọi mẹ mình là " chị" cho đến khi mẹ mất. Ngày xưa, khi mẹ cả lấy vợ cho cha, hằn học: *...tuổi tao hết vui hết thú, lấy người về hầu ông ấy, đỡ nhọc đỡ vướng thân* . Bà lẽ, lúc ấy mới mười sáu, là một cô bé còn ngây thơ. Sau lễ tơ hồng, cô bé mặt xanh lớt, nhịn ăn cả tuần lễ, cứ nghe tiếng chân ban đêm là dúm người lại. Hai năm sau, Mai ra đời. Mẹ cả ngắm Mai, rồi khinh khỉnh nói : *... đúng là cha già con cọc !*

Năm Mai lên tám, "chị" bỏ Mai đi, thở hất ra, miệng rên : *Tội nghiệp con mẹ một mình !* rồi nấc lên, đầu ngheo xuống, tay vẫn nắm cứng lấy Mai, phải hai người mới gỡ ra được. Mẹ cả bảo Huệ, tuổi xấp xỉ tuổi "chị" đẻ ra Mai, giọng xa xả : *Từ nay mày lo cho con ranh này !*.

Vài tháng sau, mẹ cả đau yếu, cả ngày nằm một chỗ, nhưng vẫn tỉnh táo. Mẹ bảo : *Con Huệ, tao đã lo cho mày vào hầu hạ Chúa trước khi tao chầu trời, chậm thì lại kẹt cái tang mẹ. Sau này, mày lo cất nhắc thằng Lân, nó chữ nghĩa không có, chỉ suốt ngày lêu lổng.* Mấy ngày sau, mẹ gọi Huệ và Lân vào phòng, đuổi cha ra, rồi dằn từng tiếng : *Tao sắp đi về với ông bà. Vốn liếng nhà chẳng được là bao. Bố chúng bay là thứ vô công, chỉ lăng nhăng hết ngâm lại vịnh. Nhìn ngang, cũng chẳng bằng ai, nhìn lên thì thấy ai cũng hơn, nên chỉ biết gục mặt nhìn xuống, miệng nói nhân, nói nghĩa, không màng công danh tự lừa dối mình. Hai chúng mày chẳng nhờ vả gì được bố đâu... Nhớ đây, mẹ dặn : đời chúng mày, phải làm thế nào để chẳng phải quì gối trông lên một ai. Muốn thế, phải có tiền. Muốn có tiền, phải có quyền. Muốn có quyền thì đừng lấy chuyện nhân nghĩa tầm phào làm mốc. Cái mốc khiến được thiên hạ là lợi, là tiền. Tiền à, là Tiên là Phật, là ngọc là ngà, là cái đà của danh vọng, là cái lọng của nịnh thần, là cán cân của công lý...* Mẹ cả ngưng nói, rồi thều thào: *... sáng mai, con Huệ vào phủ Chúa, nhớ lời mẹ ....*

Mẹ cả đi ngay tối hôm đó, nhưng chỉ báo tang ba ngày sau, đợi Huệ vào cung Chúa xung thị nữ trước đã. Huệ làm vẻ không hay biết gì. Ngày đi chôn mẹ cả chỉ có cha, Lân và Mai. Từ đấy, gia cảnh túng quẫn, đồng ra đồng vào là nhờ tay Huệ. Cha tuổi cao, chỉ quanh quẩn với Mai, dạy Mai ngâm vịnh, và phàn nàn Lân là loài nghịch tử, họ Đặng đến đây coi như tuyệt tự. Còn Lân thì kéo bè kéo đảng rủ

nhau lấy tiền xâu ở chợ hàng Da, hung bạo đến độ nổi tiếng một vùng.

Mai ngước nhìn Huệ, cắn môi ngập ngừng :

- Chị để em nghĩ, việc một đời ...

Huệ ngắt lời :

- Bà Thái phi đau yếu, bệnh tật, lại đứng tuổi rồi. Sau, là em. Đức Vua chắc sống cũng chẳng còn lâu. Như vậy, chị độ là em sẽ thành hoàng hậu nhà Lê, làm vang danh cho họ Đặng, chắc cha cũng mỉm cười nơi chín suối...

Ngẫm nghĩ một lát, Huệ nói tiếp, giọng đanh lại :

- Không phải ai cũng được như chị em mình. Chị cũng biết là em có tình ý với một anh thầy đồ xứ Nghệ. Thái tử Cẩn già nua, nên em cũng đừng phí độ xuân xanh của mình. Quan Chánh dường có ý xếp việc cho thầy đồ nhà em được gần gũi em trong Đông cung phủ. Việc ấy không có gì khó cả...

Huệ nheo mắt nháy, cười giả lả :

- Bây giờ em về xếp đặt, rồi đầu tháng lên đây ở với chị, giúp chị trông nom thế tử Cán vẫn cứ oặt oẹo, chưa thuyên giảm được chút nào.

Huệ giữ Mai ở lại ăn cơm chiều, bảo Mai vào chơi với Cán. Đi qua những hành lang lờ mờ thấp thoáng ánh bạch lạp, Mai bước vào một căn phòng tứ bề rủ chướng gấm, mùi thuốc xông vào mũi. Cán reo : Dì Mai, mẹ dặn thế nào dì cũng đến, Cán đã sắp sẵn đồ chơi đây rồi! Cán đứng lên, chân không vững xiêu đi suýt ngã, mặt xanh xao, bụng ỏng, tay bưng một hộp gỗ đựng dế có đục lỗ. Mai ra cửa sổ định kéo mành, nhưng thị nữ giơ tay lên chặn lại, nói rằng tuyệt đối cấm vì sợ gió máy. Mai ngồi xuống tràng kỷ, miệng đắng lại, khô tưởng như bỏng. Chập chờn tranh tối tranh sáng, văng vẳng trong đầu Mai tiếng hát giọng quan họ *... cá cắn câu biết đâu mà gỡ... chim vào lồng biết thuở nào ra*. Mai đưa tay lên quệt mắt, lòng quặn đi niềm sợ hãi đang ầm ập kéo đến hệt như một cơn giông bất ngờ.

Ra khỏi Cấm cung, Mai đi như chạy về dinh Khương Tả Hầu. Khi Thức ra mở cổng, Mai òa khóc, nước mắt như mưa. Đêm hôm đó, Mai ở lại với Thức. Nàng cởi phăng quần áo, nhắm mắt nằm lên giường, nói thì thầm : *Em là của anh, chỉ một anh thôi...*

Mai nghiến răng chịu đau, hai bàn tay luồn sâu vào tóc Thức ghì chặt lấy, biết là mình chẳng muốn níu kéo gì một thời con gái. Thời nào rồi cũng phải qua đi. Để còn sang một thời khác, thời đàn bà...

*

Toàn Nhật được phân hẳn cho dinh Khương Tả Hầu làm nơi cư trú, ngại ngùng không muốn, nhưng quan Chánh dường không bằng lòng, ép phải nhận. Bằng Vũ nay làm dưới quyền Toàn Nhật, đi lại luôn luôn, nhưng cả Thức lẫn Nhật đều ngờ Vũ là người của Nội Mật viện, có ý giữ gìn. Vũ kéo đám thư lại của lính Tam phủ đến dinh, chèo kéo, làm thân. Trong bọn, Trần Nguyên Nhưng là kẻ suýt bị chém trong vụ năm Canh Tý, may có Đăng Khoa, con trưởng quan Chánh dường, đứng ra đảm bảo cho nên mới được tha. Rút cục, Nhưng chỉ bị đánh xuống hai trật, phái ra xung quân cho đội Tiền Hùng có trách nhiệm an ninh ở vùng ngoài ven đô chứ không còn ở Cấm cung như trước nữa.

Nhật tuyển một đám lính trẻ, mỗi sáng bắt tập võ. Thời gian Nhật ở với Koji, ngoài ba đường gươm bí truyền, Nhật học thêm được phép Nhu Thuật và cách đánh ám khí, đặc biệt là ném tiêu và ném chinh. Phép ném chinh, Nhật đã tập đến độ siêu tuyệt. Một tay, Nhật có thể vẩy ra ba đồng chinh được mài cạnh sắc như dao, kẻ địch đứng trong gần mười thước khó mà tránh né được. Về cách đánh kiếm, Nhật cũng cải biến cho phù hợp với loại kiếm ta, ngắn và nhẹ hơn loại kiếm Nhật. Vẫn đeo ngang hông nhưng xoay ngược lưỡi lại, cách rút kiếm của Nhật biến thành một nhát chém từ dưới lên trên, chiếm ngay thế thượng phong. Đồng thời, Nhật cũng nghĩ ra những bài liên hoàn cho ba tay kiếm đứng hình tam giác, tiến lui đồng bộ, linh hoạt chế ngự được ít ra là ba lần số đối thủ. Quan Chánh dường, xưa vốn đỗ Tạo sĩ, không phải là một kẻ võ nghệ tầm thường, gật gù lẩm nhẩm : *... có nòi cả !* Một hôm Tế lý đích thân ban cho Nhật cây kiếm chuôi có khắc ba chữ Hoàng-gia kiếm . Đăng Khoa không giấu được nét bực bội nhưng miệng chỉ cười nhạt. Lý biết ý, ghé vào tai Khoa nói nhỏ. Mặt Đăng Khoa tái lại.

Từ hai tuần nay, Thức rầu rĩ, lắm buổi ngồi đăm chiêu, không nói một lời. Trước kia, mỗi lần Tiệp Dư Trần Danh Kỷ ghé thăm, hai người thường thảo luận một số cách nhìn của người Thái Tây. Thời gian Thức đã học với Seiyes đủ cho phép Thức dịch ra vài đoạn trong cuốn "Công ước xã hội" do Rousseau viết bằng tiếng Phú Lăng Sa. Kỷ không đồng tình với nhiều điểm, trừ khâu nói về quyền tư hữu, theo Rousseau, là nguồn gốc của mọi bất bình đẳng trong xã hội. Thấy Thức dạo này im lìm, không hăng hái như trước, Kỷ hỏi gặng nhưng Thức chỉ thở dài.

Mai bàn với Thức, rồi cả hai nói lại với Toàn Nhật. Nhật bóp trán đồng tình, bảo :

- Tính thế cũng được, nhưng Nhật phải nhờ tay Trần Nguyên

Nhưng là kẻ trong đội Tiền Hùng phụ trách ven đô phía sông Nhị.

Mấy hôm sau, Kỷ đến từ giã, quay về Hoan châu. Bấy giờ Kỷ nói với Thức :

- Huynh đài vào Đàng Trong, đã có Kỷ này. Thế sự Đàng Ngoài như nước trên lửa, vung nồi lại đậy chặt, sớm muộn cũng bung. Với người anh hùng tái thế ở trong kia, thế nào cũng sẽ đất bằng sóng dậy...

Thức hỏi :

- Có phải là Biện Nhạc ở Qui Nhơn không ?

Kỷ lắc đầu. Kỷ lại bảo Thức giọng chân tình :

- Huynh muốn cứu đời, ắt đây không phải là chốn thuận lợi. Kỷ này vào dò xét, biết thực lực của đám quyền thần ở Kinh chỉ đáng mớ lửa, không ai nhóm rồi cũng cháy, chẳng cần ra tay.

Thức ngỏ ý muốn ra đi, nhưng bảo chắc còn phải đợi ít lâu. Kỷ hẹn Thức ngày rằm tháng sau ở bến Thanh Trì, và dặn chớ thổ lộ cho ai biết.

Kinh Kỳ nhộn nhịp hẳn lên vào dịp lễ cưới công chúa Ngọc Lan. Đám quan lại tứ phương về Kinh dự lễ, quà cáp hàng đấu, ngựa xe tấp nập, làm đám lính Tam phủ phải ra sức lo bảo vệ, lúc nào cũng căng thẳng. Quan Chưởng Cơ Trung Kính là kẻ bận hơn ai hết, mỗi đêm chỉ chợp mắt được vài giờ, tất tả đốc lính hết công này đến việc nọ. Buổi tối tuần trăng thứ ba, Nhật vừa về đến nhà thì một đội quân thuộc viện Nội Mật ập tới. Viên đội trưởng kính cẩn :

- Trình quan, có giấy của Nội Mật viện đòi Nguyễn Trọng Thức cư ngụ tại đây.

Nhật bình tĩnh chìa tay, mở tờ giấy, chăm chú đọc. Giữ sắc diện thản nhiên, Nhật bảo :

- Quan đội, Nguyễn Trọng Thức đã đi từ sáng hôm qua rồi.

- Bẩm quan, người ấy đi đâu ?

- Ta không rõ ...

- Bẩm quan, theo lệnh, xin ngài cho phép khám nhà.

Nhật cất tiếng cười ha hả, rồi sờ vào đốc kiếm, miệng khinh mạn:

- Viện Nội Mật coi người như rác hay sao mà chỉ có tờ giấy này là đủ xông vào đâu thì xông, chẳng còn phép tắc gì cả. Các người khám nhà ta vì không tin lời ta, có phải không ?

Viên đội trưởng cúi đầu lí nhí. Toàn Nhật nóng ruột muốn biết tin Mai và Trọng Thức. Không còn cách khác, Nhật lạnh lùng :

- Quí vị đưa ta lên viện, tội tình gì ta chịu. Còn muốn khám nhà ta thì không được !

Nói xong, Toàn Nhật ra cửa nhẩy phóc lên con chiến mã màu trắng, vẫy tay gọi thủ hạ. Tiếng vó ngựa trên đường đến viện Nội Mật đập thình thịnh trên nền đất vào lúc trăng ló lên qua rặng cây hoa sữa. Trong Nội viện, Đăng Khoa cười nửa miệng, bỡn cợt :

- Cá một cặp mà chỉ chộp được con cái, đã trả về cung Đặng Tuyên phi. Còn con đực, không trú ngụ dinh quan Chưởng Cơ Trung Kính thì ở đâu?

Toàn Nhật nghe Khoa nói, mặt nóng bừng lên nhưng dằn xuống, hỏi :

- Thế ra họ không được phép rời Kinh?

Khoa vẫy tay, Trần Nguyên Nhưng bị đèo ra, mặt mũi bị đánh sưng vù, ủ rũ nhìn Toàn Nhật. Nhật nghiêm trang hỏi :

- Trần huynh, ngài có chiếu chỉ gì cấm Đặng Thị Mai và Nguyễn Trọng Thức rời Kinh đô không?

Nguyên Nhưng rầu rĩ đáp :

- Không !

Nhật quay sang Khoa, gằn giọng :

-Đăng Khoa đại ca! Thế là bắt người trái phép, lại còn dám xâm phạm đến thân thể võ quan của Chính-phủ, tội ấy anh bàc chữa thế nào? Trần Nguyên Nhưng làm sao biết ai cấm ai, ai cản ai? Luật Vua phép Nước ra sao mà tước vị như anh lại hành xử tùy tiện đến vậy?

Nhật tiến về phía Nhưng, rồi nhanh như cắt xoay người gạt hai tên lính canh ngã chổng bốn vó lên trời, tay vòng ngang lưng Nhưng kéo về phía mình, từ từ lui ra cửa. Đăng Khoa mặt tái lại, hét lính. Đám thủ hạ đi hộ vệ Nhật hợp thành thế kiếm trận tam giác, vòng quanh Nhật và Nhưng, chậm rãi lùi dần ra cửa dinh Viện Nội Mật.

- Gọi cung thủ và xạ thủ ! Không để đứa nào ra khỏi cổng này!

Đăng Khoa quát như điên như dại, tay tuốt kiếm xông lên.

*

Trịnh Sâm gượng ngồi lên sàng, tay dựa vào chiếc gối thêu chỉ ngũ sắc, đằng hắng lên tiếng cám ơn đám quan khách dưới trướng. Chúa nắm bàn tay bé nhỏ của Ngọc Lan đang run rẩy, nhìn đứa con gái mình nưng như trứng, hứng như hoa, nói nho nhỏ : *Đừng khóc, con.*

Phía bên kia, Đặng tuyên phi chủ hôn. Mậu Lân ăn mặc chỉnh tề, áo gấm màu gụ có thêu hoa mẫu đơn to như cái bát, lưng thắt đai bằng vàng có giát những thỏi ngọc hình chữ nhật, thỉnh thoảng lại đụng vào nhau leng keng. Khuất đằng sau là Đặng Thị Mai, đứng cúi đầu. Đại diện cho Đức Vua, Đông cung thái tử Cẩn bước ra chúc mừng

hai họ, nói lại những câu sáo tụng loại như trăm năm hạnh phúc, đầu bạc răng long. Quan Chánh dường Hoàng Tế Lý cung kính đứng hầu bên Chúa, thỉnh thoảng lại cúi xuống nhắc tên những viên quan biên trấn từ xa xôi về mừng lễ thành hôn cho công chúa. Nhìn con mình quì cạnh Mậu Lân cúi xuống lạy bàn thờ gia tiên, Sâm mủi lòng, ứa nước mắt, gọi Sử Trung hầu đến thì thào. Chúa giao cho Sử Trung theo phò công chúa, và cắt một đám hai mươi người thị nữ theo sang dinh cơ của Mậu Lân.

Thái tử Cẩn lân la đến gần Tuyên phi, mắt đáo quanh tìm Mai, bụng muốn xem mặt. Đặng Thị Huệ lễ phép : *Em nó mệt nên đã xin về nghỉ, để hôm nào Thái tử qua chơi em nó sẽ đích thân ra dâng rượu cho ngài.*

Miệng cười, Huệ nhí nhảnh :

- Mà duyên càng đợi, thì lửa càng nồng. Thái tử chờ cho dăm bữa nửa tháng nữa ...

Hai hôm sau, Huệ thình lình vào mở cửa phòng Mai, mắt sắc như dao liếc, hỏi :

- Mày đi đâu mà định qua sông ngày thằng Lân lấy vợ ? Định trốn theo trai hả ?

- ...

Huệ thẳng tay giáng một cái tát nổ đom đóm, không thèm nhìn Mai ngã chúi xuống giường, rít lên :

- Thân lừa ưa nặng. Tao dựng vợ gả chồng cho chúng bay toàn là con vua cháu Chúa, không muốn làm Hậu làm Phi, lại một lại hai đi đánh đĩ với một thằng thày đồ kiết xác gàn gàn dở dở, người chẳng ra người, ngợm không ra ngợm ...

- ...

- Từ nay, mày ở lại Cấm cung, không đi đâu nữa. Tuần sau, ta sẽ mời Thái tử Cẩn qua đây, liệu mà vui vẻ lên, đừng vác cái mặt đưa đám ra nghênh tiếp người ta. Mày cứng cổ thì tao cho người tìm băm thằng Thức ra, chỉ mang cái đầu nó về cho mày đỡ nhớ với thương ...

Mai bật khóc, rên rỉ :

- Tôi lạy chị, chuyện lấy ai nữa thì không được đâu. Tôi đang có mang.

Huệ nghe Mai nói, quay ngoắt lại, trừng mắt :

- Có thai thì phá. Mất trinh còn dễ hơn. Chút vỏ hột lựu máu mào gà vào là trông như mới. Nghe tao đây : mày muốn thằng Thức sống thì phải vâng lời tao. Nếu không, mày là oan gia của nó. Tao sai giết cả nhà nó chứ chẳng phải chỉ lấy cái mạng của một nó mà thôi ...

Nói xong, Huệ đi ra, gọi thị nữ dặn dò. Chiều hôm đó, quan

Chánh dường vào dinh. Nhìn nét mặt Huệ, Tế Lý biết nàng đang cơn thịnh nộ, lửa bốc lên khóe mắt như đốt sống người đối thoại. Huệ gằn giọng :

- Quan Chánh dường ! Ngài đứng đầu Chính-phủ, việc gì cũng qua tay, xưa nay chẳng sơ suất một điều gì. Những sự gì xẩy ra cho em tôi, tôi chưa thông rõ, mong ngài cho biết thêm để tôi tường tận.

Tế Lý kể việc người Nội Mật viện theo dõi Mai từ hơn tháng nay, nên chặn ngay khi nàng cải trang thành nam nhi, đến bến Tây Long hỏi nhà thuyền ngược lên Thanh Trì. Phần Trọng Thức, chắc có lẽ đi đường bộ. Người Nội Mật viện lập tức giăng lưới khắp khu Hà Đông, nhưng đến nay vẫn chưa bắt được. Đồng thời, trấn quan hai vùng Thanh-Nghệ đều được báo, và chắc chắn là tóm được nếu Thức lần mò về quê.

Huệ lẳng lặng nghe, cắt ngang :

- Thức có bố mẹ anh em gì không ?

- Khải Vương phi, không ! Thức mồ côi cha từ nhỏ, mẹ cũng đã qua đời gần chục năm nay.

Huệ nghiến răng, trừng trừng nhìn Tế Lý, miệng mím lại, nói :

- Ngài làm sao thì làm, thế nào trong một tháng cũng phải lấy đầu thằng Thức mang về đây. Ai chém nó, tôi xuất một trăm lạng vàng ra thưởng ...

Vừa lúc đó, Mậu Lân ở đâu sồng sộc chạy vào kêu :

- Thế này thì tức chết được ! Lấy vợ về mà chả đụng được đến cái gót chân nó. Lên sởi mới lại không lên sởi! Thằng hoạn Sử-Trung lúc nào cũng lè kè bên cạnh, nào là Chúa dặn thế này, nào là Chúa dặn thế nọ. Thế thì chị bảo tôi, mang con ranh con đó về nhà để làm gì hả?

Nhận ra Tế Lý, Mậu Lân bớt hùng hổ, im miệng lại, nhưng mặt mày vẫn cau có. Huệ không nói gì, chỉ khẽ đứng dậy. Tế Lý hiểu ý, nghiêng mình cáo từ. Đưa Lý ra cửa, Huệ quay trở vào, nhìn vào mặt Lân, thét :

- Mày ngồi xuống !

Có ai ngờ được kẻ bàn dân gọi là "hung thần mắt cu" líu ríu khuỵu chân xuống. Huệ cười nhạt :

- Mày ngủ với cả trăm con đàn bà, còn thèm nhạt gì. Mang con ranh con đó về nhà là tao mở mày mở mặt ra cho mày thành vương, thành tướng. Cái thứ đốn mạt như mày thật ngu hơn con chó ...

Đến trước mặt Lân, Huệ bất ngờ tát vào mặt, miệng tiếp tục hét:

- ... ngu hơn con chó.

Lân không dám đỡ, ngồi im chịu cái tát. Huệ cứ thế, tát liền tay

cho đến khi mỏi ê ẩm.

"Hung thần mắt cú" ôm mặt khóc thút thít, chẳng khác gì một đứa trẻ lên mười.

*

Thật là may, Hoàng Tế Lý kịp thời đến vừa lúc Đăng Khoa tuốt kiếm xông ra. Lý vội hét : Ngưng tay! rồi hoành thân nhảy từ yên ngựa xuống chặn giữa đám lính phủ Trung Kính và đội cung thủ của Nội Mật viện. Toàn Nhật cúi đầu chào :

- Thật chỉ có kẻ này đắc tội với bề trên, lính cơ Trung Kính chỉ biết nghe lệnh, xin ngài cứ xử phạt một mình tôi.

Nhật nói xong, tự mình cởi kiếm, hai tay dâng lên Tế Lý. Lý xoay người về phía Đăng Khoa, hỏi sẵng :

- Thế còn ngươi ! Không biết tự xử à? Hay bắt ta ra tay?

Quì xuống đất, Khoa không nói năng, bắt chước làm như Toàn Nhật, mắt quét về phía Lý một cái nhìn nửa như ngạo nghễ, nửa như chịu đựng.

Lý phất tay, ra lệnh cho Toàn Nhật và Đăng Khoa vào Chính-phủ đối chất vào giờ Tị sáng hôm sau.

Người lo lắng nhất không phải là Hoàng Đăng Khoa. Việc giám sát Đặng Thị Mai và Trọng Thức là do Lý ra lệnh cho viện Nội Mật chứ không do Khoa quyết định. Khoa trong bụng vẫn hận việc Tế Lý trao cho Nhật thanh kiếm Hoàng gia. Nhân thời cơ, Khoa chỉ muốn vỗ mặt Nhật cho hả bằng cách phái quân đến khám nhà Nhật, mặc dầu thừa biết là Thức không có ở đấy. Phần Nhật, Nhật lo cho Mai và nhất là lo cho Thức. Cái mạng Thức có đáng gì ! Trong sự tính toán xếp đặt ở đất Kinh Kỳ này, Thức là cái gai phải nhổ đi để gả Mai cho Thái tử Cẩn. Nhật hỏi Trần Nguyên Nhưng mới biết Nhưng đã đưa được Thức qua bên kia sông Nhị, thoát khỏi sự kiềm tỏa của cấm binh. Khách quan về dự đám cưới công chúa dập dìu, Nhật hy vọng là Thức lẩn đi được dễ dàng.

Trước mặt Tế Lý, Nhật giữ thái độ cung phục nhưng vẫn ung dung tự tại. Nhật thưa :

- Bẩm quan, ngài đã biết Thức và tôi là đồng môn, lại như anh em. Anh đến nhà, không lẽ em lại đuổi đi? Còn như Thức làm gì, quan hệ với ai, tôi làm thế nào mà trách nhiệm cho được. Chức phận quan xếp đặt cho tôi là chỉ lo bảo vệ an ninh cho ngũ cung tam phủ, không phải giám sát bất cứ ai.

Lý giơ tay chặn Nhật, rồi quay sang Khoa, hỏi như buộc tội :

- Còn ngươi? Ngươi gọi cung thủ định giết quan của triều đình à!

May mà ta kịp đến, nếu không, ngươi có biết là tội ấy phải xử hình phạt nào không?

Không để Khoa nói, Lý dằn giọng:

- Tội ấy phải xử tử, dẫu ta là cha ngươi! Mạng đền mạng!

Ngừng một lát, Lý nói tiếp :

- Ta nai lưng gánh vác mọi việc trong Chính-phủ, nhìn quanh số người tin cậy được chẳng có bao nhiêu. Với Toàn Nhật, ta coi như là ruột thịt nên mới giao cho trọng trách.

Nhìn Nhật và Khoa, Lý dịu dàng :

- Lòng ta mong hai người coi nhau như thủ túc, cho nên nếu một trong hai không làm được thế thì cho ta biết ngay, để ta còn tính.

Quay nhìn Đăng Khoa, Lý trầm giọng :

- Việc Nội Mật là quan yếu, con lấy đó làm trọng, chớ để mờ quáng bằng những chuyện không đâu. Tiện đây, ta hỏi cả hai con, việc Trần Danh Kỷ đến đâu?

Nhật thót bụng tự hỏi có phải Kỷ cũng là người của Nội Mật viện? Khoa nhìn lên, từ tốn :

- Thưa cha, Kỷ lẻn vào Kinh với bốn người. Hiện tóm được ba, nhưng tên nào tên nấy đều cắn móng tay lúc bị bắt, chết vì độc dược. Kỷ rời Kinh hai tuần rồi, có tin hắn luẩn quẩn ở vùng Sơn Nam Hạ ...

- Hắn là người của Biện Nhạc? hay là người của bọn Nguyễn Ánh - Đỗ Thanh Nhân?

Khoa ngẫm nghĩ :

- Người của Ánh và Nhân thì chắc không phải! Hiện Ánh đang bị quân Tây Sơn dồn vào thế phải trốn chui trốn nhủi ở Gia Định, đâu lòng dạ nào phái người đến đây dò xét ta. Còn Biện Nhạc, từ ngày tự xưng là Thái Đức hoàng đế, hắn chừng thỏa mãn, chỉ ra vào ở Qui Nhơn, mặc hoàng bào tay cầm ấn, tập làm vua, cũng lập tam cung ngũ viện, nghe đâu lại sắp xuống chỉ cho thi đệ nhất khoa tiến sĩ ... Kỷ chưa hẳn là người của hắn.

- Vì sao ?

- Vì cái Kỷ dò tìm là để lấy cả thiên hạ.

- ???

- Kỷ tìm sách "Luyện kim yếu pháp" của Koji Mishima. Có lẽ vì biết Võ tướng quân đã một thời ăn cận ở kề Mishima nên Kỷ mới lần lữa đến chứ chẳng phải là vì muốn làm quen La Sơn Phu tử hay Trọng Thức ...

Hoàng Tế Lý khẽ ra hiệu cho Khoa ngừng nói, lấy tay gõ lộp bộp trên kỷ, mặt trầm trọng :

- Toàn Nhật, có biết gì về quyển sách đó không? Có nó thì đúc

được nòng súng, và đúng đấy, sẽ lấy được cả thiên hạ ...

Trong đầu Nhật, hình ảnh Koji lại hiện ra với những trang sách xé rời cháy xém trong lửa đỏ, và giọng nói khàn đặc ê a : ... *trí tri !* ...

Nhật ngửng nhìn Tế Lý, chậm rãi lắc đầu. Lý lại nhìn Khoa dọ hỏi. Khoa thưa:

- Con đã cho người lật từ hòn gạch, xem từng cái kèo, xét từng cái cột, nhưng không tìm thấy gì. Hiện nhà Mishima ta niêm phong canh gác cẩn mật.

- Đốt, đốt nhà nó đi. Sách không vào tay ta thì không được vào tay bất cứ một ai. Còn Kỷ, phải tìm bắt cho bằng được. Ta ngờ hắn là người của Quận Tạo Phạm Ngô Cầu, hiện đang trấn thủ Phú Xuân, chứ chẳng là ai khác ! Ở Thăng Long, chắc là yên, không có gì quản ngại. Vậy chuyến này, Đăng Khoa lấy người đi vào châu Hoan, bí mật đến Phú Xuân xem động tĩnh và tổ chức lại mạng lưới của Nội Mật ...

Nắng bên ngoài chếch qua mái hiên chiếu in lên tường những bóng cây rung rinh trong gió. Lý đứng lên, trầm ngâm, nói một mình: *rrong trần ai ai dễ biết ai .*

Khi chia tay, Đăng Khoa nghiêng người nói :

- Võ tướng quân, chuyện cũ bỏ qua cho !

Nhật chưa kịp trả lời thì Lý đã cắt ngang, vui vẻ :

- ... chúng bay phải gọi nhau là anh em, ta đã bảo phải coi nhau như thủ túc kia mà !

*

Nhật bực bội vung tay ném hòn đá xuống ven hồ. Những gợn nước tỏa rộng ra thành những vòng tròn, lan ra rồi tan dần vào mặt hồ chỉ lát sau là lại phẳng lặng, lung linh bóng cây cổ thụ rễ gân guốc trồi lên mặt đất, lòng vòng chạy tủa ra rồi đâm vào ven bực tam cấp lên chùa.

Từ ngày Thức trốn, rồi Mai bị bắt và cầm tỏa trong dinh Thế tử Cán, Nhật không đi lại chơi bời với ai, kín đáo dò xét đợi dịp cứu Mai khỏi chốn tù hãm. Việc cắt đặt đội Trung Kính để bảo vệ tam cung ngũ phủ đã vào nếp, Nhật mặc thường phục, bỏ thì giờ đi vào khắp nơi ngóc ngách của đất Kinh Kỳ. Khi đầu óc căng thẳng đến độ Nhật chỉ muốn đập phá cho hả, chàng lại mò đến chùa Trấn Quốc, một mình ngồi cạnh gốc cây sống hẳn đã nghìn năm nay, đợi nghe tiếng thỉnh chuông, để cho lòng theo tiếng ngân, bay xa, nhẹ nhõm.

Những cơn chán nản và bực bội ùa đến Nhật như cơn triều sông Nhị mùa nước lớn dấn vào bờ đê sồi sụt lở lói. Nhật lôi cây kiếm

Hoàng gia ra, nhìn chầm chập vào sống kiếm có đổ chì, nghĩ ngợi mông lung. Bây giờ, Nhật chẳng còn nghi ngờ gì về gốc gác của mình. Nhưng cái gốc gác đó khiến đường gươm thứ nhất trong ba đường chiêu kiếm học được của Mishima mỗi ngày một chậm. Nhật lại nghe văng vẳng lời dặn *... có dứt bỏ được vọng niệm, căm hờn thì đầu mới liền lạc được với tay, và đường kiếm nhanh bằng vận tốc của suy tưởng, nghĩ đến đâu là kiếm phát ra đến đó* . Rồi hình ảnh người đàn bà quay lưng lại, tay quạt cho Nhật buổi trưa nắng ở miếu Ba Cô cứ chập chờn hiện về, chẳng phải chỉ trong giấc mơ, đôi khi như luẩn quẩn giữa ban ngày ban mặt.

Nhật nhắm mắt, mơ màng về thuở ở trại Bùi Phong. A, cái thời trong trắng. Cái thời tưởng đã bay khỏi tầm tay níu kéo của mỗi con người, nhưng rồi lại vẫn lảng vảng đâu đây, thoáng trong hương hoa bưởi, vẳng về từ tiếng ếch ven ao.

Nhật thầm nhủ : *Thôi, về thôi... Chốn Kinh Kỳ này như thế là đủ* .

Bỗng có tiếng hát lanh lảnh rợn người. Hát rằng :

Ta về, ta hát, ta chơi ...
Co chân xoạc cẳng đo trời ngắn cao ...

Nhật ngạc nhiên, lần theo tiếng hát đi về phía sân chùa. Một người đàn bà trạc tứ tuần, áo cánh vàng, chít khăn đen mỏ quạ, chân đi vòng, tay múa miệng hát, nước mắt nhỏ ròng ròng. Thỉnh thoảng bà ta ngưng bước, ngửa mặt lên trời gào : Mẹ, Mẹ ơi ! , rồi lại tiếp tục :

... Kinh Kỳ một trận ba đào
Nước dâng tám cấp lửa cao chín tầng

Bà ta bỗng đứng khựng người lại, hai tay chắp, bất động đứng dưới bệ thần Bạch Hổ, lưng quay về phía Nhật. Không ngoảnh lại, bà ta đột nhiên gọi :

- Này anh ơi ! anh vào đây ...

Ở góc sân, một đứa bé gái trạc lên mười ngồi thụp xuống đất, bên cạnh một sư ông râu tóc bạc phơ. Họ nhìn Nhật, không nói. Nhật bước vào sân. Người đàn bà lại cười khúc khích :

- Anh lên bệ đây, cho em lạy chào... Cứ lên, không ai ăn thịt đâu mà sợ...

Nhật rón rén ngồi xuống cạnh bệ thờ. Bà ta lại vòng chân bước, miệng hát :

Trăm năm trong cõi người ta
Bên tài bên mệnh khéo là ghét nhau
Trời đầy kẻ trước người sau
Biển kia cùng với ruộng dâu, cũng là...

Nhật giật mình. Hai câu đầu là hai câu thơ của Nguyễn Du, cậu bé đã lên sống trên trại Bùi Phong cách đây hơn ba năm. Nhưng những câu này họa chăng chỉ có Thức biết, làm thế nào mà nó lại từ cửa miệng của người đàn bà kia vừa cất tiếng hát? Còn hai câu sau? Lạ quá ! Người đàn bà như đọc được tư tưởng của Nhật, vừa nói vừa cười:

- Này anh ơi, chưa về ngay được đâu ! Mà về thì rồi nhớ giúp ông Hoàng Mười, ba năm nữa anh lại ra đây.

Dứt lời, bà ta xoay vòng tròn, tay xòe ra múa may uốn éo, hát theo điệu Hồ Quảng :

Duyên chưa đành, nghiệp chưa dứt, ới ai ơi...
Cái cõi sân si nó rộng, nó rộng vô cùng !

Nhật hỏng sợ, không biết ai là ông Hoàng Mười và chẳng hiểu làm sao người đàn bà nói toạc ra một phần tâm thức của chàng. Bước về phía sư ông, chàng vòng tay chào, tai lại nghe :

- Đấy, nhà em đấy. Còn con cháu kia là con chúng em ...

Nhật ớ người ra. Sư ông chỉ cười hiền lành :

- Mẹ nó điên, ông đừng chấp.

Mùi khói hương sực vào mũi, ngây ngất, xông mê. Chẳng hiểu vì lẽ gì, tự nhiên Nhật thấy nhẹ hẳn mình. Phải chăng phần số đã là tiền định, thì có sá gì, thành mây mưa nắng gió hay hổ báo chim chóc cũng là.

Cũng là ... cả biển xanh với nương dâu. Cũng là ... kẻ trước với người sau...

Nhật lững thững ra cổng chùa. Con bé con, mặt mũi lem luốc, cặp mắt nâu tròn lóng lánh, đứng đậy đi theo. Nhật lại nghe giọng lanh lảnh:

- Con ơi, chớ bỏ theo trai ...

Nhật bước nhanh giữa gió chiều trống trải. Từ xa vẫn cứ văng vẳng tiếng hát:

Ới ai ơi ...
Duyên chưa dứt, nghiệp còn dài...
Cái cõi sân si
nó rộng vô cùng.

NAM DAO
5-1998

GIÚP PHƯƠNG TIỆN ĐỂ DUY TRÌ HỢP LƯU
MỘT CÁCH THIẾT THỰC NHẤT: MUA DÀI HẠN



NGÔ THẾ VINH

Nụ cười Bangkok và nước mắt đức Phật Thích Ca

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long



Viết sử mà không có nước ở trong đó là một thiếu sót lớn. Kinh nghiệm nhân loại đâu có khô khan đến như vậy.
Donald Worster, Rivers Empire,1985

Khung cảnh nhân vật
chỉ là hư cấu của tiểu thuyết

Sau hội nghị Vân nam, Cao trở lại Thái Lan *xứ sở của những nụ cười.* Với diện tích nửa triệu km2 gần bằng nước Pháp, dân số 60 triệu và không ngừng gia tăng mỗi năm, 95% theo đạo Phật Tiểu thừa và 5% còn lại là các tôn giáo khác.

Thái lan tiếp giáp với Mã lai, Miến điện, Lào và Cambốt; với miền trung là châu thổ phì nhiêu và là *"vựa lúa"* của Thái. Có hai con sông chính: phía tây là con sông Chao Phraya với nhiều phụ lưu chảy qua Bangkok và đổ ra vịnh Xiêm la, phía đông là *con sông Mekong dũng mãnh* cũng với nhiều phụ lưu như một biên giới thiên nhiên giữa Thái Lào, chảy qua Cambốt nam Việt nam trước khi đổ ra biển

Đông.

Khí hậu nhiệt đới với mùa mưa và mùa khô, rõ nét nhất là vùng đông bắc Thái với mùa mưa kéo dài từ tháng Tư tới tháng Mười. Mùa cầy cấy, chài lưới và các ngày hội lễ luôn luôn hòa nhịp. Mưa hay khô thì cũng là nóng ẩm quanh năm khiến Loubère một viên chức ngoại giao Pháp viếng Thái lan vào thế kỷ 17 đã đi tới kết luận bỉ thử là cái nóng ấy làm *"nhu nhược lòng can đảm"* khiến chỉ cần vung lưỡi kiếm là cả trăm người Thái bỏ chạy.

Mao Trạch Đông cũng đã từng so sánh Thái Lan với tỉnh Tứ Xuyên của Trung quốc về diện tích thì tương đương mà dân số Tứ Xuyên đông gấp đôi nên cho rằng Trung quốc cần đưa người xuống Thái lan để ở. [sic]

Sự thực người Thái hãnh diện với lịch sử lập quốc của họ. Vào thế kỷ 13 khi quân Nguyên Mông do Hốt Tất Liệt chỉ huy đã chinh phục xong Trung quốc, đánh bại vương quốc Đại lý nguyên là nước Nam chiếu của sắc dân Bạch hùng mạnh; thì những người Thái từ cao nguyên Vân nam để trốn giặc Mông Cổ đã bỏ chạy xuống phương nam, định cư tại Sukhothai và chọn Ayuthaya làm kinh đô. Người Khmer đã miệt thị gọi những người Thái này là Xiêm - *Syamas* vốn là tên gọi các sắc dân sơ khai. Và để đáp ứng nhu cầu xây dựng các khu đền đài Angkor ngày một tráng lệ và vĩ đại hơn, dân Thái đã bị người Khmer bắt về làm khổ sai. Angkor không chỉ là vùng đất lầm than của những người nô lệ Thái mà còn cả với chính người dân Khmer nữa. Tới thế kỷ 14, lợi dụng sự chia rẽ và cả thất nhân tâm của triều đình Angkor Khmer, các vua Xiêm bắt đầu thường xuyên tổ chức những cuộc xâm lăng đánh phá. Cuộc chiến dai dẳng kéo dài ngót một thế kỷ, kết thúc bằng sự toàn thắng của Xiêm la, đế đô Angkor đã bị người Xiêm tàn phá và đến lượt những người Khmer bị bắt về Xiêm làm nô lệ. Từ thế kỷ 15, hơn nửa lãnh thổ phía tây Cambốt bị xát nhập vào Xiêm la. Trải qua 33 đời vua kéo dài hơn 400 năm, đến hậu bán thế kỷ 18, Ayuthaya lại bị quân Miến điện xâm lăng tàn phá khiến những cộng đồng người Thái lại phải chạy xa hơn nữa xuống phía nam định cư dọc theo bờ sông Chao Phraya và đóng đô tại Thon Buri là một phần thủ đô Bangkok bây giờ. Mười lăm năm sau, có một vương tôn tên Chakri đã tập hợp được dân chúng Thái nổi lên đánh đuổi người Miến giành lại quyền tự chủ và mở ra triều đại Chakri trị vì cho tới nay với Bhumibol Adubjadej là đời vua thứ 9.

Tên Bhumibol có nghĩa như *sức mạnh của đất.* Ông sinh năm 1927 tại Cambridge tiểu bang Massachusetts ở Mỹ, phụ thân nguyên là bác sĩ ở Boston. Bhumibol theo học kỹ sư đại học Lausanne Thụy sĩ,

thông thạo hai ngôn ngữ Anh Pháp, là tay đua thuyền cự phách từng đoạt huy chương vàng Á vận, ông còn là một nhạc sĩ một tay thổi Saxo có hạng. Sau thời gian du học, ông về nước và được tấn phong lên ngôi năm 1950. Cũng như ông Hoàng Shihanouk, vua Bhumibol đã có thời gian xuống tóc vào chùa tu theo đúng tục lệ của những người đàn ông theo đạo Phật Tiểu thừa.

Cuộc binh biến 1932, đã chấm dứt vương quyền độc tôn, Thái lan theo *chế độ quân chủ lập hiến* giống như Anh quốc, vua và hoàng gia chỉ có vai trò lễ nghi. Nhưng đến đời Bhumibol thì tình hình đổi khác, nhà vua không chỉ để làm vì ông là một trọng tài được kính trọng bởi mọi phía.

Giữa một xã hội Thái không ngừng có những biến động vậy mà ông vẫn vững vàng trị vì suốt 48 năm. Trong thời gian ấy ông luôn luôn giữ được sự độc lập và đứng trên mọi tranh chấp phe phái và khi cần phải can thiệp thì tiếng nói của ông được kính trọng lắng nghe. Điển hình là vào tháng 10 năm 1973 khi xảy ra vụ bạo loạn đổ máu ở *Đại học Thammasat,* nhà vua đã khuyến cáo Thanom đang là thủ tướng và đám thuộc hạ phải rời khỏi xứ để tránh hỗn loạn thêm và họ đã tuân theo. Tương tự như vậy sau chuỗi biến cố đẫm máu vào tháng 5 năm 1992, vua cho gọi viên tướng chỉ huy Suchinda cũng đang là thủ tướng tới dinh và trước ống kính truyền hình nhà vua đã công khai khiển trách quân đội dã man đàn áp các đoàn biểu tình, sự kiện này đưa tới vụ từ nhiệm và ra đi của Suchinda đang đầy quyền uy. Không phải tự nhiên mà nhà vua được dân Thái yêu mến như vậy. Trong suốt những năm trị vì, vua và hoàng hậu Sirikit đã không ngừng đi tham quan khắp nước Thái, theo dõi các dự án phát triển, quan tâm tới phúc lợi và an sinh của người dân. Khi mà *nhà vua là yếu tố để đoàn kết và ổn định xã hội Thái* trong ngót nửa thế kỷ, thì một câu hỏi lớn được nêu ra là sau Bhumibol liệu ai là người có thể thay thế nối ngôi trong khi hoàng thái tử chỉ là một phó bản mờ nhạt của phụ thân. Đây đang là mối ưu tư của mỗi người dân Thái.

Máy bay giảm cao độ và lượn vòng chuẩn bị đáp xuống phi trường quốc tế Don Muang ngoại ô phía đông bắc Bangkok. Nếu không có bóng dáng của những ngôi chùa tháp, Bangkok hoàn toàn là hình ảnh của một đô thị Tây phương hóa nhưng bao phủ nhiều đám mây độc hơn.

Bangkok ở phía cực nam xa bờ sông Mekong nhưng lại là trụ sở đầu não của *Ủy ban sông Mekong* từ 1957, nơi hình thành những quyết định ảnh hưởng trên số phận của hàng triệu người sống trong lưu vực

con sông và dĩ nhiên họ chẳng bao giờ được hỏi ý kiến. Bangkok cũng là nơi có *Viện Y khoa Nhiệt đới* nổi tiếng Đông Nam Á cùng với Walter Reed nghiên cứu tìm thuốc chủng ngừa sốt rét - một bệnh giết người với dạng *Plasmodium Falciparum* kháng thuốc vẫn còn là thảm họa cho cư dân thuộc lưu vực sông Mekong.

Bangkok là kinh đô của triều đại Chakri, với ngôi chùa vàng Wat Phra Kaeo còn giữ được ngọc xá lợi của Đức Phật, với cung điện và những vũ điệu hoàng gia cổ truyền kiêu sa đầy nhục cảm nhưng vẫn mang vẻ thanh thoát.

Là thủ đô của hơn 10 triệu dân với ngổn ngang và chật cứng những khối bêtông cốt sắt, đầy những tiếng động chát chúa và nạn kẹt xe nhất thế giới - với giai thoại nhà sư chọn đi bộ từ Downtown về chùa ông vẫn tới nơi sớm hơn 20 phút thay vì đi xe bus. Bangkok còn nổi tiếng đáng sợ về không khí đầy ô nhiễm với những đám khói *carbon monoxide* phun ra từ hàng triệu ống khói xe, với cuồn cuộn những đám khói hóa chất - cả khói trắng *phosphore* tuôn ra từ các nhà máy Khlong Toey khu bến cảng lớn của Bangkok. Dưới bầu trời ngột ngạt bụi khói làm chảy nước mắt ấy tưởng như không còn dưỡng khí để thở và những con người lao động bải hoải thì vẫn không ngừng bị vắt kiệt sức thêm nữa. Nhưng với đám doanh nhân Thái giàu có - *trong đó có nhiều người gốc Hoa*, thì lại khác. Họ là giai cấp mới cấu kết chặt chẽ với giới quân phiệt độc quyền nắm mọi ngành sinh hoạt kinh tế, họ làm việc trong những căn phòng 24 giờ máy lạnh hoặc nếu không thì cũng ngồi trong những chiếc Mercedes-Benz lộng lẫy có máy điều hòa không khí với cellular phone cầm tay không ngừng giao dịch liên lạc với các công ty tư bản quốc tế. Với họ thì ngoài *những ngày Bangkok* sống cách biệt trong những khu biệt thự trên cao thì vẫn còn đâu đó ngay trên đất Thái những khoảng thiên nhiên nguyên vẹn tinh khiết dành riêng cho họ với những sân golf mượt cỏ xanh, những bãi cát trắng ngần và biển thì trong xanh như ngọc để trong khoảnh khắc có cảm tưởng rằng cái đô thị Bangkok nghẹt thở ấy như ở một nơi rất xa đến nửa vòng trái đất và cả rất xa trong ký ức.

Sẽ là một thiếu sót nếu không nhắc tới *Bangkok như một chiến khu* nơi hội họp tấp nập đi về của các lãnh tụ kháng chiến và phục quốc Việt nam đến từ hải ngoại.

Trong khi chờ Hộ trở lại từ Singapore, Cao lại có dịp tới thăm tiến sĩ Chamsak, thăm trường đại học Thammasat trên đường Na Phrathat về phía bắc. Khác với đại học Chulalongkorn bảo thủ, Thammasat vẫn được coi là nơi tập trung của các thành phần cấp tiến bất mãn và chống

chánh phủ. Các cuộc xuống đường của sinh viên những năm 1973, 1992 và những năm sau đó đã bị quân đội đàn áp dã man. Tên tuổi tiến sĩ Chamsak luôn luôn gắn liền với các cuộc đấu tranh bởi vậy ông rất được giới trẻ sinh viên mến mộ. Nhóm tướng lãnh cầm quyền thì coi ông một trí thức tả khuynh, một tên vô chính phủ và nguy hiểm hơn nữa ông còn bị gán cho là cộng sản. Nhưng ông giáo sư khuynh tả Chamsak ấy lại là người bạn thân thiết của nhà vua và cả hoàng gia.

Sau bao nhiêu những cuộc biểu tình xuống đường kể cả chịu đổ máu mà vẫn chẳng thay đổi được gì nếu không muốn nói là tình hình còn trở nên tồi tệ hơn. *Giống như tấn thảm kịch ở Huế* vào những năm 60, do quá thất vọng một số trí thức và sinh viên tranh đấu đã "vô bưng" gia nhập đảng cộng sản Thái CPT - *Communist Party of Thailand*, một lực lượng du kích võ trang lên tới 14 ngàn người kiểm soát nhiều vùng rộng lớn trên cao nguyên Isan thuộc đông bắc Thái. Cũng là vận may cho Thái lan khi giới lãnh đạo CPT bị phân hóa trầm trọng phe theo Trung quốc ủng hộ Khmer Đỏ, phe theo cộng sản Việt nam và Liên xô nên bị suy yếu và tan rã sau đó.

Nếu chỉ dựa trên những con số thì kinh tế Thái phát triển rất nhanh, nhưng người am hiểu thì cho rằng bước tiến nhảy vọt ấy là thứ *vũ khúc trên núi lửa - la danse sur le volcan*, nói theo ngôn từ của một nhà báo Pháp. Càng phát triển thì khoảng cách giàu nghèo càng gia tăng, nông dân mất ruộng đất thất nghiệp đổ dồn về sống trong những khu ổ chuột bên các con sông đã trở thành cống rãnh. Chất độc trong nước trong không khí hòa lẫn vào mỗi tô canh thấm vào trong mỗi buồng phổi. Ô nhiễm kỹ nghệ ấy nếu không làm chết thai nghi ngay trong bụng mẹ thì cũng đã tạo ra những quái thai. Năm 1991, WB và IMF đã tổ chức hội nghị tại Bangkok để khoe khoang thành tích *"phép lạ kinh tế Thái"*. Cùng thời gian ấy cũng tại Bangkok, tiến sĩ Chamsak và các tổ chức bảo vệ môi sinh đã song song mở một hội nghị khác nêu lên *"cái giá phải trả về con người và môi sinh"* đối với bước hiện đại hóa của Thái, điều mà giáo sư Chamsak đã mỉa mai gọi đó là *"sự phát triển tệ hại - mal-development"* thay vì " *phát triển tốt"*.

Rất am tường về ảnh hưởng của canh tân và phát triển trên hệ sinh thái, Tiến sĩ Chamsak là tác giả bộ sách nổi tiếng *"Counting the Costs: Economic Growth and Environmental Disaster in Thailand"*, chỉ nguyên nhan đề cuốn sách đã nói lên tất cả và theo Cao thì chỉ cần đổi các địa danh đây cũng là một cuốn sách nói về cái giá mà Việt nam đang phải trả khi bước vào con đường *Đổi Mới*.

Gặp lại ông, Cao ngỏ ý muốn đi thăm những con đập Thái lan thì

được tiến sĩ Chamsak tổ chức cho đi thăm con đập Bhumibol. *Khuan Bhumibon* là con đập lớn đa năng - *multipurpose* đầu tiên khởi đầu cho một hệ thống đập chằng chịt của Thái lan mấy chục năm sau đó.

Từ Bangkok bằng xe bus với hơn 7 tiếng đồng hồ đi về hướng bắc là tới bản Tak, nằm dọc theo bờ đông con sông Ping phía xa dưới con đập Bhumibol. Nguyên là khu buôn bán sầm uất trên sông, nhưng những năm gần đây bản Tak nổi tiếng là một trung tâm buôn lậu bạch phiến, ngọc quý và gỗ teak chuyển lậu từ Miến sang để đổi lấy súng ống vàng và hàng tiêu dùng. Hình ảnh thường gặp dọc quốc lộ Prahonyotin là những đoàn xe be chở những thân gỗ quý được lính Thái canh gác. Cuộc buôn bán phi pháp nhưng công khai ấy được đồng lõa yểm trợ bởi các ông Tướng Thái.

Cũng bằng xe bus từ bản Tak theo đường số 1 về hướng bắc khoảng hơn 40km đổi bus chạy thêm một chặng đường ngắn nữa là tới *Khuan Bhumidon*. Khu vận hành phía dưới con đập được trang trí hấp dẫn như một tụ điểm du lịch với vườn cây cảnh, khu bán đồ lưu niệm và cả khu vãng lai cho du khách. Là một con đập lớn trên sông Ping phụ lưu của con sông Chao Phraya, cao tới 150m với hồ chứa dài hơn 100km - xa hơn đoạn đường từ Sài gòn ra tới Vũng tàu, dung lượng 12 200 triệu m3 nước, có thể dùng thuyền du ngoạn trên mặt hồ lên tới tận nguồn của con đập, du khách có thể lên bờ mua gói cá khô hay các món ăn thổ sản khác.

Sau hơn ba thập niên với hơn 40 con đập hoàn tất, vấn đề gai góc nhất đối với Thái lan là *"tái định cư - resettlement"*.Bởi vì quỹ tài trợ xây đập thường không bao gồm khoản tiền lớn lao tương xứng với công cuộc tái định cư tốn kém và lâu dài này. Tấn thảm kịch của hàng trăm ngàn dân làng mất ruộng vườn nhà cửa do các con đập bao nhiêu năm sau vẫn chưa được giải quyết. Sau mỗi con đập là một tái diễn tấn thảm kịch ấy, với những nỗi thống khổ tích lũy nhưng chẳng hề lay động được lòng thờ ơ và cả bất nhẫn của chánh phủ và giới kỹ nghệ doanh thương Thái.

- Họ bảo chúng tôi hy sinh nhà cửa ruộng vườn để *cho đất nước Thái lan được phát triển,* nhưng chỉ có các ông chủ hãng đã giàu lại càng giàu có thêm. Họ cũng hứa hẹn cấp cho chúng tôi nhà cửa ruộng đất, với cả đường xá và điện nước nhưng thực tế họ ném chúng tôi lên một vùng đất khô cằn thiếu cả nước uống. Cố gắng làm ăn cực nhọc cũng không đủ sống, nên phần đông đã bỏ ra đi, tiếp tục một cuộc sống vất vưởng ở một nơi khác. Họ đối xử với chúng tôi như những cọng rác! Mà đã là cọng rác thì làm sao mà có tương lai!

Thanom cay đắng nói với chúng tôi như vậy.

Lên với cao nguyên Isan khô cằn. Là cả một vùng cao nguyên rộng lớn và khô hạn phía đông bắc Thái, *bao quanh bởi con sông Mekong* - một biên giới tưởng như là thiên nhiên nhưng thật ra rất oan nghiệt do thực dân Pháp và Anh toa rập với nhau cắt một phần lớn đất Lào sát nhập vào Thái từ 1941, do đó cư dân Isan đa số là người Lào còn gọi là *Thay I-Xan*, chiếm 1/3 dân số Thái - nói cùng ngôn ngữ, chủ yếu sống bằng nghề nông vẫn với nhịp độ của con trâu cái cày và các nghề hạ bạc. Cũng phải kể tới một số không ít những người Việt sinh sống lâu năm ở đây.

Isan nguyên là vùng hẻo lánh và nghèo nàn cho tới những năm 60, để đáp ứng với cường độ chiến tranh gia tăng tại Việt nam và đã lan rộng ra ba nước Đông dương và cũng để ngăn chặn xâm nhập của cộng sản vào đất Thái, người Mỹ đã ồ ạt đổ tiền vào phát triển cao nguyên Isan, mở mang những hệ thống xa lộ tối tân, xây 4 phi trường quân sự chiến lược, nơi xuất phát các đoàn máy bay phản lực oanh kích Bắc Việt và cả những đoàn cấp cứu các phi công Mỹ bị bắn rơi. Mỹ cũng tích cực giúp Thái *xây các con đập thủy điện* trên phụ lưu sông Mekong điển hình là hai con đập *Nam Pong và Nam Pung*, nhằm điện khí hóa nông thôn, cải thiện hệ thống dẫn thủy khiến mức nông sản gia tăng vượt mức.

Là quốc gia duy nhất ở Đông nam Á không bị ách đô hộ của thực dân Anh Pháp vào thế kỷ 19, lại thoát khỏi nửa thế kỷ chiến tranh, được hưởng lợi từ cuộc chiến tranh Việt nam, và còn tiếp tục được hưởng lợi sau cuộc chiến ấy do dịch vụ cung cấp gạo thực phẩm cho hai triệu người Việt hải ngoại - phải nói rằng *thập niên 80 là thời kỳ phát triển huy hoàng nhất của Thái lan*: đứng đầu thế giới về xuất cảng lúa gạo, sản lượng tăng 600% so với diện tích canh tác chỉ tăng 68%, chưa kể số ngoại tệ thu về còn cao hơn trong lãnh vực du lịch, kỹ nghệ điện tử, bông sợi cao su và đá kim quý.

Thái lan còn dẫn đầu về tốc độ gia tăng khủng khiếp bệnh AIDS. Chỉ riêng Ban Wanalang một ngôi làng nhỏ ở Bắc Thái đã có 95% dân làng nhiễm HIV không thuốc men chữa trị, chẳng bao lâu nữa ngôi làng ấy trở thành một bãi tha ma - *no man's land.* Cao tự hỏi phải chăng đây là giải pháp triệt để điều hòa dân số trong lưu vực sông Mekong.

Như một kỹ nghệ - *Sex Industry, Sex Tour* kết hợp với du lịch vẫn không ngừng phát triển ở Thái và còn lan rộng sang các nước lân bang. Cho dù có tới hai triệu phụ nữ Thái *kể cả trẻ em* đã bị lôi cuốn vào nghề mãi dâm nhưng vẫn không đủ đáp ứng cho nhu cầu của hơn 7

triệu du khách ngoại quốc - *farangs* mỗi năm trong số đó 70% là giới đàn ông, tới Thái lan *như hành hương tới thánh địa tình dục - true sex meccas*. Và Thái đã phải nhập cảng thêm phụ nữ - *"những sex work*ers". Đã có khoảng 30 ngàn cô gái Miến điện đang công khai hành nghề mãi dâm ở Thái và con số này không ngừng tăng thêm. Rồi còn phải kể tới những cô gái từ Cambốt, Lào, Việt nam và cả từ Vân nam Trung quốc - có lẽ chưa lan tới Tây Tạng. Riêng các cô gái Việt thì hoặc bị bán ra ngoại quốc qua những tổ chức giả danh giới thiệu việc làm nhiều tiền theo ngả chánh thức bằng giấy tờ xuất cảnh hợp pháp hoặc lén lút đưa qua ngả biến giới Việt nam Cambốt để bán cho các ổ điếm tại đây hoặc đưa qua Thái lan. Đa số là những cô gái nghèo ít học xuất thân từ nông thôn, chưa biết gì về hiểm họa bệnh AIDS. Cô gái nào may mắn mà trốn được về, trở lại đời sống hiền lương thì các cô lại trở thành một thứ bom nổ chậm - *time bomb*, trở thành ổ dịch lây lan bệnh AIDS ngay tại quê nhà.

Với một nước Lào mới mở cửa mà biểu tượng là chiếc *cầu Hữu Nghị - Mittaphap* bắc qua con sông Mekong giữa Vientiane và Nong Khai từ 1994, Thái lại đang rầm rộ quảng cáo về các *chuyến du lịch mở rộng* sang Lào với hứa hẹn cung cấp cho du khách những cô gái Lào không những trẻ đẹp mà còn được *"garantee"* là những *"AIDS-free women"*. Theo báo Vientiane Times thì chỉ mới có 55 người Lào bị nhiễm HIV trong đó có 10 trường hợp bị AIDS. Thực ra đó là những con số của một quá khứ đã rất xa.

Thái lan lại còn rất nổi tiếng và được thế giới biết tới như một siêu thị lớn nhất về muông thú - kể cả những chủng loại đang có nguy cơ bị tiêu diệt. Thú vật sống như cọp báo gấu cá sấu con và đủ các loại chim muông hiếm quý. Thú chết gồm đủ loại thịt rừng, rồi tới da cọp, ngà voi, sừng tê giác... được đem tới từ Miến điện, Cambốt, Lào và Việt nam. Năm 1988, trước Thế vận hội mùa Hè đã có 200 con gấu Miến điện được chuyển lậu từ Thái sang Hán Thành nhằm cung cấp cho các lực sĩ *món ăn tăng cường sinh lực*. Cho dù có áp lực gia tăng từ các nhóm Bảo vệ Thú vật và Môi sinh yêu cầu Thái tôn trọng Quy ước Mậu dịch Quốc tế trong việc giới hạn buôn bán các giống thú hiếm nhưng ngay giữa thủ đô Bangkok không phải là đã bớt những tiệm ăn với đủ loại thịt rừng để đáp ứng mọi khẩu vị kỳ quái của du khách.

Một Tương lai Khô hạn. Song song với những bước phát triển nhảy vọt, thực sự Thái lan đang phải đương đầu với những vấn nạn và trầm trọng hơn cả là *cơn khủng hoảng thiếu nước*. Từ 1993 mực nước trong các con đập có khi xuống thấp chỉ còn 1/3. Theo các chuyên

viên Thủy lợi Hoàng gia Thái thì phải cần tới 7 tỉ m3 nước cho nông gia vùng trung thổ trong mùa khô trong khi các con đập chỉ cung cấp chưa tới phân nửa trong khoảng thời gian này. Chưa kể tới con sông Mekong dũng mãnh còn khá nguyên vẹn, con sông cái - *menam* lớn thứ hai Chao Phraya đang bị sút giảm dòng chảy khiến nước mặn từ vịnh Thái lan tràn vào, phá hủy rộng rãi mùa màng và các vườn cây trái. Tình trạng thiếu nước này đã gây ra nhiều cuộc tranh cãi về môi sinh: đổ lỗi cho đô thị hóa tăng dân số, tăng diện tích canh tác tăng vụ trong mùa nắng, nạn phí phạm nước của nông gia và trong kỹ nghệ; còn phải kể tới sự đổi thay về thời tiết do nạn phá rừng tự sát và cả hiện tượng El Nino cộng thêm vào. Đã vậy các con đập còn bị đặt dưới quyền kiểm soát của *Phân Cục Thủy điện Thái* nên luôn luôn có khuynh hướng tháo nước tùy tiện miễn sao có đủ điện cung ứng kỹ nghệ với hậu quả là lãng phí một trữ lượng nước lớn trong mùa mưa...

Các biện pháp giải quyết như khẩu phần hóa lượng nước gia dụng và kỹ nghệ, bán nước cho nông gia buộc họ phải tiết kiệm, khuyến khích trồng loại nông sản ít cần nước... Nhưng trong thực tế các biện pháp ấy chỉ có giá trị trên lý thuyết nên cuối cùng *giải pháp luôn luôn hấp dẫn vẫn là xây thêm đập*. Chỉ có điều các khúc sông có thể xây đập thì đã tận dụng cả rồi, nếu phải chọn thêm những nơi khác có nghĩa là sẽ phá hủy trầm trọng thêm về môi sinh. Ngay cả với những con đập hiện có đã chẳng phải là một toan tính khôn ngoan. Bởi vì các nhà kỹ nghệ xây đập ngoại quốc đang thất nghiệp thì chỉ muốn có thêm đập để xây ở bất cứ đâu và hậu quả là đập xây xong không có đủ nước cho hồ chứa. Do lượng mưa thấp lại thêm hiện tượng nước nhỉ thoát qua lòng đập đá vôi - *limestone bed* nhiều hơn dự đoán đã khiến cho những con đập nổi tiếng như Bhumibol hoàn tất 1964 và con đập mang tên hoàng hậu Sirikit - cho tới nay chưa bao giờ đủ nước để trữ đầy. Tình cảnh cũng không khá gì hơn ngay với con đập *Shrinakanin* lớn nhất trên cao nguyên Isan hoàn tất từ 1977. Đa số các con đập Thái lan đều do Ngân hàng Thế giới tài trợ và giới thẩm quyền World Bank không phải là không biết điều đó khi mà Mason và Asher đã rất sớm đưa ra nhận xét: *"Tiềm năng của con sông Ping - một phụ lưu sông Chao Phraya, nơi xây con đập Bhumibol đã được đánh giá quá cao... Với sự thiếu hụt công suất điện và cả nỗi thất vọng về thủy lợi khiến người ta cần phải xét lại những dự án các con đập đa năng và tự hỏi đó có phải là giải pháp đúng để phát triển kinh tế hay không?"*

Và hiển nhiên cuối cùng, giải pháp đầy hứa hẹn là *Thái hướng về khai thác nguồn nước phong phú của con sông Mekong dũng mãnh.* Phản ánh quan điểm ấy, và cũng không dấu tham vọng muốn trở thành

tiểu bá cấp vùng, bộ trưởng Thương mại Thái Akrasanee đã dõng dạc phát biểu trước Hội đồng Thương mại hỗn hợp Mỹ và các quốc gia Đông Nam Á tháng 5/97: *"Thái lan muốn đóng vai trò chủ chốt - Anchor role trong kế hoạch phát triển sông Mekong."* Thái chỉ sợ bị trừng phạt bởi Bắc kinh nhưng nước lớn Trung quốc lại ở vị trí thượng nguồn; còn riêng với ba nước trong khu vực hạ lưu, Thái lan chỉ cần hội ý rồi đổi dòng chảy và cho dù ai đó có lên tiếng phản đối cũng không có quyền phủ quyết - *veto power.*

Tin Asia Pulse Hà nội 07/98. Một chương trình xử dụng nước sông Mekong sắp được Hội đồng sông Mekong (MRC) chuẩn y và áp dụng vào năm 1999. Chương trình được tài trợ bởi World Bank và một số nước khác, số tiền đầu tư lên tới 110 triệu Mỹ kim. Đây là một dự án quan trọng đối với các nước trong lưu vực, nhằm xử dụng nước sông Mekong một cách công bằng và hợp lý với những nguyên tắc chia nước giữa các quốc gia trong lưu vực...

Cao và nhóm bạn Cửu long đã đón nhận bản tin ấy với nhiều câu hỏi và ngờ vực. Liệu biết lưu lượng dòng chảy trồi xụt bao nhiêu mà chia chác và làm sao mà kiểm soát đo đạc. Là một con sông quốc tế, con sông Mekong những năm gần đây nghiễm nhiên chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng về phương diện địa dư chánh trị, kinh tế xã hội, cả về khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi sinh. Bởi vì *không phải chỉ riêng Thái lan thiếu nước mà đó là tình trạng khủng hoảng chung của 6 quốc gia trong lưu vực.* Như đồng bằng sông Cửu long, hiện có 2.4 triệu hecta là vùng sản xuất lúa gạo và thủy sản, cung cấp 50% lượng thực phẩm cho cả nước. Nếu không đủ nước trong mùa khô thì sẽ có tới 2 triệu hecta đất trồng trọt bị ngập mặn, sẽ là một thảm họa không những cho mùa màng mà còn trên toàn hệ sinh thái vùng châu thổ, sẽ ảnh hưởng ngay trên chén cơm vơi đầy của mỗi người dân Việt.

Trong tương lai cho dù Viện Lúa gạo Quốc tế ở Los Banos có thể tạo ra *giống lúa siêu thần nông* chịu được khô hạn nhưng sẽ chẳng có cây siêu lúa nào sống sót được trên vùng biển mặn. Nạn nhiễm mặn không chỉ giới hạn trong vùng đồng bằng sông Cửu Long mà còn có thể lấn sâu và tiến xa lên tới tận Nam vang.

Từ Hạ lưu tới Lưu vực Lớn sông Mekong. Thời Trung quốc còn đóng cửa, người ta chỉ nói tới phát triển Vùng *Hạ lưu sông Mekong - Lower Mekong Basin* gồm Thái lan và 3 nước Đông Dương. Tới thập niên 90 thì người ta nói tới một phân vùng kinh tế mở rộng gồm thêm

2 nước thượng nguồn là Trung quốc và Miến điện, có tên là *Lưu vực Lớn sông Mekong - Greater Mekong Subregion (GMS*) với quan niệm mới: *Phát triển Tam giác - Growth Triangle Concept* nhằm khai thác *tính bổ sung - complementarity* của các quốc gia láng giềng tùy theo giai đoạn phát triển kinh tế của mỗi nước cho dù có những khác biệt về định chế xã hội, nhằm thăng tiến khả năng cạnh tranh mậu dịch mà không tạo ra những hiểm nguy về chánh trị. Đó là một kế hoạch phát triển vĩ mô rất hấp dẫn bao trùm toàn lưu vực sông Mekong. V*ề giao thông*: mở xa lộ từ Bangkok - Nam vang - Saigon ra tới Vũng tàu, mở một hành lang Tây-Đông với con đường giữa Mukdakhan - Savanakhet theo đường số 9 sang Đông hà Đà nẵng, một xa lộ nối Côn Minh - Chiang Rai qua Lào; về thủy lộ, Trung quốc có kế hoạch táo bạo dùng chất nổ phá và san bằng những khối đá trên lòng và dọc theo khúc sông Mekong xuống Lào. *Về năng lượng*: không kể 8 con đập bậc thềm Vân nam của riêng Trung quốc với cả đường dây cao thế dẫn điện từ đập Cảnh Hồng - *Jinghong* xuất cảng điện sang Thái lan; còn có thêm ít nhất có 8 dự án thủy điện dưới hạ lưu trên các phụ lưu Se Kong, Se San của sông Mekong. *Về quản lý tài nguyên và môi sinh:* thiết lập Hệ thống Thông tin, Theo dõi và Huấn luyện Môi sinh. *Về Nguồn Nhân lực:* sẽ đào tạo lớp công nhân có tay nghề chuẩn có thể làm việc bất cứ đâu trong cả 6 quốc gia trong lưu vực. *Về Giao thương:* lập các nhóm đầu tư trong lưu vực với sáng kiến từ tư nhân.

Qua mẫu hợp tác mới này, đã có ngay hai nước xông xáo đi tìm lợi thế. Thái lan tương đối phát triển, lại ở một vị trí địa dư đặc biệt, Thái đang tự quảng cáo cho mình như một cửa ngõ hai chiều đi lên Vân nam và xuống ba nước Đông Dương, xứng đáng trở thành trung tâm điều hợp giao thông truyền tin và hậu cần của cả lưu vực. Đây cũng là cơ hội cho Thái mở thêm thị trường, trực tiếp đấu thầu xây cất các hạ tầng cơ sở cầu cống đường xá nối kết 6 nước trong vùng.

Với Bắc kinh thì đây là cơ hội bằng vàng để phát triển các tỉnh phía nam của Trung quốc nhưng quan trọng hơn nữa là triển vọng mở ra cửa ngõ tiến về phương nam - *southern gateway* theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Mao Trạch Đông tại cuộc họp 1965 bộ Chính trị đảng Cộng sản Trung quốc: *"Chúng ta phải giành cho được Đông Nam Á bao gồm cả miền nam Việt nam, Thái lan, Miến điện, Malaysia, Singapore... Một vùng rất giàu có xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy"*. Và tấm bản đồ Trung quốc trong cuốn Lịch sử Trung quốc Hiện đại xuất bản tại Bắc kinh 1954 bao gồm Biển Đông với các đảo Hoàng sa Trường sa và nhiều nước trong vùng Đông nam Á dĩ

nhiên trong đó có Việt nam sẽ như một *tự trị khu* trong *Trật tự nước Trung Hoa - Pax Sinica.*

*Tin Reuters từ Vạn tượng 05/15/98: Tai nạn máy bay làm chết 14 tướng tá thuộc phái đoàn cộng sản Việt nam đang viếng thăm Lào. Nguyên nhân chưa được biết rõ. Không có thêm một chi tiết nào về tai nạn được công bố, cũng không ai biết có bao nhiêu thi hài được tìm thấy nhưng tất cả đã được thiêu ngay tại chỗ trong một lễ nghi đơn giản.*Sớm hơn đăng tải trên báo chí, Cao được đọc bản tin qua e-mail do ông Khắc chuyển tới từ Vạn tượng. Là một *free lance* cho tạp chí Asia Week, ông Khắc đã có mặt rất sớm gần nơi địa điểm xảy ra tai nạn để có được những tin tức đầu tay thay vì nghe qua những giai thoại.

Cho dù đã bước qua cái tuổi "cổ lai hy" ông Khắc vẫn không có dấu hiệu sút giảm cường độ làm việc và ngạc nhiên hơn nữa là mức độ trí tuệ minh mẫn nơi ông: thường thì người già nhớ nhiều chuyện cũ - *remote memory*, riêng ông Khắc thì nhớ như in - *photographic memory* cả những chuyện mới khiến các đồng nghiệp trẻ đã so sánh ông với *"bộ nhớ máy điện toán"*. Suốt cuộc đời làm báo, ông gắn bó với dải đất định mệnh Đông Nam Á, ông có kiến thức sâu rộng về lịch sử Đông phương nhất là Trung Hoa. Hành nghề báo tự do ông vẫn được coi như một tham vấn uy tín của các nhà báo Mỹ về các vấn đề Việt nam và Đông dương. Ông Khắc còn rất nhạy bén về các vấn đề chánh trị mà theo ông *như một cái túi trộn lẫn cái tốt cái xấu và cả cái đáng ghê tởm*. Không phải là con người *cynic* kiểu Oscar Wilde, ông Khắc vẫn biết *cái giá của mọi điều và cũng biết chẳng có điều nào là có giá trị.* Theo Ông những tay làm chánh trị thì lúc nào cũng cố tạo ra một bề ngoài tốt có giá nhưng thực tế bên trong thì không được như vậy. Cả những chánh khách mà ông tiếp xúc tưởng như đang đóng một vai trò lịch sử nhưng dưới mắt ông Khắc họ không hơn không kém chỉ là những con rối của một giai đoạn.

Tai nạn máy bay cho dù chỉ là một tin nhỏ chìm đắm giữa bao nhiêu tin tức quan trọng khác nhưng với ông Khắc đôi khi lại mang một ý nghĩa khám phá của một chuỗi những biến cố trong bức tranh rộng lớn. Không chỉ đơn thuần là nhà báo, ông Khắc còn là một nhà văn nổi tiếng với bộ trường thiên tiểu thuyết *"Những Năm Sau 2000"* chứa đựng nhiều điều được coi như là *"tiên tri"*.

Chỉ với một bài báo phân tích ngắn bằng phương pháp loại suy, ông Khắc là người đầu tiên nêu ra một nghi vấn gây chấn động báo giới. Bởi vì theo ông:

- Phi cơ lâm nạn là loại máy bay mới dành riêng cho các nhân vật

thuộc Bộ Chánh trị đảng Cộng sản Lào, và trong phi vụ chở phái đoàn quân sự cao cấp Việt nam từ Vạn tượng đi Xieng Khouang, chiếc phi cơ đã nổ tung 2 phút trước khi đáp.

Giả thiết do nguyên nhân thời tiết xấu là không đúng vì đó là một ngày nắng đẹp và thời gian vào lúc 10 giờ 20 sáng khi các lớp sương mù đã tan. Do lầm lỗi kỹ thuật lại càng không đúng vì Phum Na là một phi công đầy kinh nghiệm được chọn đưa về phục vụ Bộ Chánh trị Lào và đã từng bay nhiều năm trên đường bay này.

Giả thiết về một âm mưu phá hoại do tranh chấp nội bộ trong đảng cộng sản Việt nam khó đứng vững vì đoàn chỉ bao gồm những cấp chỉ huy quân sự thuần túy.

Và cuối cùng chỉ còn nghi vấn về *tranh giành ảnh hưởng giữa Trung cộng và Việt nam.* Cũng vẫn theo Ông Khắc thì có nhiều chi tiết đáng nói về tiểu sử viên Trung tướng trưởng đoàn bị tử nạn, *tên tuổi ông ta gần như gắn liền với những giai đoạn tranh giành ảnh hưởng giữa Trung quốc và Việt nam trên đất Lào*: trong thời chiến tranh Việt nam ông ta từng là tư lệnh chiến trường ở Cánh Đồng Chum cho mãi tới năm 73, sau đó giữ chức tư lệnh sư đoàn đóng tại Lai châu trực tiếp đối đầu với quân đội Trung quốc để bảo vệ biên giới phía bắc.

China Connections và tấn thảm kịch Xieng Khouang chẳng phải hoàn toàn là một chương sách hư cấu.

Thấy Cao và các bạn trẻ như còn thắc mắc, ông Khắc tiếp:

- Trong chiến lược bành trướng trường kỳ của Bắc kinh, khi mà 2 nước Lào và Cambốt còn nằm trong quỹ đạo Việt nam thì đó là những cái gai. Nên ngay giữa cuộc chiến Việt nam, *mặc dù là nước cung cấp vũ khí nhiều nhất cho Việt nam* nhưng Trung quốc vẫn tìm mọi cách loại ảnh hưởng cộng sản Bắc Việt tại Lào bằng cách mở một xa lộ thênh thang từ Vân nam xuống tới giữa nước Lào đồng thời dùng sông Mekong như một thủy lộ thông thương xuống Lào - kể cả kế hoạch đưa người Hoa xuống định cư ở Lào vì *"đất Lào rộng mà người thưa"*. Với Cambốt, Bắc kinh đã không ngừng hỗ trợ cho các phe phái chống lại Việt nam kể cả Khmer Đỏ với ý đồ cô lập và làm suy yếu Việt nam.

Sau một phút như ngưng lắng, vẻ mặt ưu tư trông ông Khắc như già thêm, giọng ông trầm xuống:

- Đối với Việt nam, bên cạnh một nước Cambốt thường xuyên thù nghịch, nếu thêm một nước Lào không hữu nghị lại nằm trong quỹ đạo Trung quốc, bằng vết thương ngực là Lào vết thương bụng là Cambốt, toàn lưng hở đưa ra biển Nam hải, trên đầu là những nhát búa giáng xuống, bên trong với hơn 50 sắc tộc thiểu số luôn luôn bị khích

động đòi tự trị, cộng thêm với đòn kinh tế mất quyền kiểm soát lưu lượng nước con sông Mekong tưới dẫn cho vựa lúa toàn vùng châu thổ và trên cái nền của bức tranh lớn ấy là nhân tâm ly tán không còn chất keo sơn...

Viễn tượng một nước Việt nam bị vỡ ra từng mảnh là nỗi lo sợ mà không ai dám nói ra. Cao có ý nghĩ, rõ ràng lịch sử là một tái diễn, bước vào thiên niên kỷ thứ ba Việt nam lại bắt đầu bài học về sinh tồn, trong đó người Việt có một trí nhớ dài về bài học đoàn kết và chia rẽ của họ.

Sau chuyến công tác ngắn ở Singapore, bằng *đường hàng không Lụa* Hộ trở lại Bangkok gặp Cao sau Hội nghị Vân nam, cho dù trước đó qua internet hàng ngày họ đã trao đổi và cập nhật các tin tức liên quan tới hội nghị này.

Hộ muốn báo với Cao một tin vui như kết quả của chuyến đi Singapore:

- Từ nay tới 1999, sẽ thiết lập xong đường bay tên *Air Mekong* nối liền đồng bằng sông Cửu long (ĐBSCL) với một số địa điểm quan trọng trong vùng Á châu như Hongkong Bangkok Singapore, như một *liên doanh - Joint Venture giữa General Industry Co. Singapore,* Quân khu 9 và một số tỉnh như phương tiện hữu hiệu đưa hàng hóa ra các thị trường lân cận.

Cao hỏi ngay với nhận thức sắc bén:

- Gạo, tôm cá và cây trái là những sản phẩm chính của ĐBSCL nhưng đường hàng không đâu phải là phương tiện chuyển vận ít tốn kém, trong khi đã có hải cảng lớn Cần Thơ, phải chăng như anh từng nói trước đây, *Air Mekong* là bước chuẩn bị cho *"Du lịch xanh năm 2000"?*

Hộ vẫn trầm tĩnh:

- Có lẽ cả hai, chuyển vận hàng hóa và đưa đón khách du lịch. Nhưng đâu phải chỉ có cảnh quan thiên nhiên của con sông Mekong hùng vĩ mà có thể mở mang ngay ngành du lịch. Vấn đề là phải xây dựng hạ tầng cơ sở có tối thiểu tiện nghi trước khi mở ra đường bay đón du khách ngoại quốc; bởi vì nếu bước khởi đầu mà yếu kém sẽ làm tiêu tan một kế hoạch nhiều triển vọng đem lại ngoại tệ cho vùng châu thổ.

Cao không thể không nghĩ tới thảm họa dịch HIV đang diễn ra ở Thái lan, anh nói:

- Cũng mong *"Du lịch Xanh"* trên sông Mekong không có kết hợp với Sex Tour để khởi đầu cho một nạn dịch HIV mới trong vùng



TƯỜNG VŨ ANH THY

Đếm bình minh

lửa đấm trong vũng nến
đếm bình minh
sương khói lung linh
kìa cánh vạc
   lạc giữa rừng sao

tao ngộ hay phân ly
trái đất chìm
từng quả tim đập ngược
tiếng khóc òa
dội vào thiên thạch
con kiến càng
   ngơ ngác ngó gió đưa

trăng treo đầu năm mới
tới đây tới đây
lửa cháy
bình ăm ắp rượu
đời bao nhiêu đâu
mà chưa say

TƯỜNG VŨ ANH THY
1999

ĐBSCL. Kinh nghiệm Thái lan không thể là *"lessons unlearned"* đối với Việt nam.

Ngày cuối cùng trước khi về Mỹ, như đi tìm chút hương vị Việt nam trên đất Thái, Cao mời ông Khắc, Hộ và tiến sĩ Chamsak dùng bữa tối tại quán ăn *Dalat* khung cảnh thanh lịch trên đường Sukhumvit Soi là một trong những quán ăn Việt nam được quảng cáo là ngon nhất Bangkok với các món chả giò, chạo tôm và nem nướng. Riêng Cao chọn nơi đây vì cái tên Đà lạt gợi rất nhiều kỷ niệm.

NGÔ THẾ VINH



PHẠM VIỆT CƯỜNG

Trí tặc

khi cơn mưa dứt
trên vai một người vừa quay đi
lửa
và rơm
ngoại tình chớp nhoáng

khói cũng vương mắt ai
tội lỗi
dịu dàng thơm

kiên nhẫn truy tìm kỷ niệm
những tên hacker
đã chết
rối trí trước tình yêu

Nắng đỏ

thơ
đi
qua
tôi

đúng
ngọ

không
hất
bóng
lên
trang

đời
là
mê
man
trưa

Mù sương

huyền ảo hàng cây
em lướt trôi trên sân khấu vĩ đại
trắng nhờ

tên một thành phố quê xa
bật ra
như phản xạ

những chuyến bay không cất cánh
người ngồi đêm sáng phi trường
nghĩ về định mệnh

những chiếc dù trắng nhọn
khoan thai đội những ngọn đèn khuya

không còn nhìn thấy người gần lẫn người xa
nên lòng mù sương quá khứ

dù chính đời sống đang trở thành kỷ niệm

PHẠM VIỆT CƯỜNG



R. R. NARAYAN

Căn nhà đối diện

Truyện ngắn Ấn Độ



Vị đạo sĩ không khỏi rùng mình mỗi khi nhìn ra cửa sổ. Căn nhà đối diện là chỗ trọ của một người đàn bà dày dạn. Đêm tối đến, những gã đàn ông kéo đến gõ cửa nhà nàng - đôi khi cả vào buổi trưa, nếu đó là những ngày lễ hay có hội hè đình đám gì. Họ thường nằm dài trên những cái ghế ở nhà nàng, hút thuốc, nhai xì gà, rồi khạc nhổ xuống các ống cống - nghĩa là tạo nên đủ mọi thứ tội lỗi trần gian dưới mắt của vị đạo sĩ đang theo đuổi một cuộc đời khổ hạnh, từ bỏ gia đình, của cải và mọi thứ cám dỗ của thế gian. Ông đã tự thấy đủ với căn phòng nhỏ có dăm cây dừa ngoài ngõ, một cái giếng ở sân sau, và cái ngõ nhỏ đầy bọn trẻ con: đôi khi ông gọi lũ trẻ vào, xếp chúng ngồi quanh tròn, dạy chúng những bài học đạo đức và những lời cầu nguyện giản đơn. Trên vách treo vài bức hình của các vị thần thánh được cắt ra từ mấy tờ báo cũ mà ông thường dạy mấy đứa trẻ quỳ xuống lễ lạy trước khi về, và ông cũng không quên tặng cho mỗi đứa một viên kẹo.

Cuộc sống hằng ngày của ông theo một thời khóa biểu không thay đổi. Giống như loài chim, trời vừa chạng vạng, ông đã đi nghỉ, nằm trên sàn trơn với chiếc gối gỗ lót dưới đầu. Bốn giờ sáng, sớm hơn

cả tiếng gà gáy ở góc đường, ông đã trở dậy, tắm gội bên giếng, rồi ngồi thiền trên một tấm da nai. Sau đó, ông đốt lò than để nướng vài mẩu bánh ăn sáng, buổi trưa, nấu một ít những loại rau cải mà tôn giáo ông cho phép sử dụng, tránh dùng khoai tây, hành tỏi, những thứ có thể kích thích bản năng thấp kém của con người.

Ngay những lúc chìm sâu trong thiền định, ông cũng không thể không nghe tiếng cửa mở đóng của ngôi nhà bên đường khi có người khách nào đó ra đi sau một đêm trác táng. Ông đè nén mãnh liệt tất cả những vọng tưởng của tâm, và gò bó thân xác mình bằng nhiều cách. Nếu bạn có hỏi ông lý do tại sao, ông sẽ bối rối, không thể giải thích. Ông là sự trái ngược lại với người lực sĩ luôn gồng các bắp thịt, hay ưỡn ngực trước gương. Vị đạo sĩ của chúng ta, trái lại, canh giữ từng giây phút sự chuyển động của thân mình, và ông không khỏi vui mừng vì sự thành công của mình. Ông chỉ biết tuân theo mà không hề chất vấn những lời dạy của thầy mình, với hy vọng một ngày nào đó sẽ đạt được sự giải thoát của tâm linh.

Một ngày kia, mở cửa sổ để quét bụi trên khung cửa, ông nhìn thấy cô ta đang đứng ở ngưỡng cửa nhà, nhìn ra đường. Thái dương ông giựt mạnh như bị máu dồn lên đầu đột ngột. Ông quan sát cô ta - có những nét đẹp, nhưng đã bị vẻ đẫy đà chiếm lấn. Tuy nhiên, cô gái đầy tự tin, một cách quyến rũ; hai cánh tay như một cặp gối, và có lẽ cái cảm giác được ngả đầu lên cặp gối đó đã lôi cuốn đám đàn ông. Cái nhìn của ông không thể dừng lại, ở đầu mũi người đối diện, như đã được dặn dò bởi các vị thầy của ông.

Hông cô to, các bắp chân cũng to như thân chuối, tóm lại một sinh vật giống như cái giường nệm trên đó các vị khách tha hồ lăn lộn - "Con quỷ đáng ghê tởm! Hiện thân của loài ma vương." Bỗng nhiên ông cảm thấy giận dữ. Tại sao con người quái quỉ kia lại đứng ở đó, để phá hủy bao công sức tu hành của ông: Tất cả những gì ông đã khổ hạnh tu hành bị cuốn trôi đi như nước chảy qua phễu. Thật khó nói được là những cánh tay quỉ quái đó, hay bộ ngực, hay bắp đùi cô ta đã quyến rũ đàn ông và hủy diệt họ... Ông rít lên qua hơi thở: "Vào đi, con quỷ, đừng có đứng đó!" Bỗng nhiên cô ta quay lại, đi vào nhà, đóng cánh cửa phía sau lưng. Ông cảm thấy đắc thắng, dầu rằng câu ra lệnh của ông và sự tuân phục của cô gái chỉ là sự ngẫu nhiên. Ông đóng chặt cửa sổ lại, rồi chui vào góc phòng khuất xa nhất, ngồi xuống tấm da nai, nhẩm đi nhẩm lại câu chú "Om, Om, Rama, Jayarama": âm thanh của chữ "Rama" rất công hiệu - trong việc giúp người ta kiểm soát vọng tưởng và cám dỗ. Ông rất tinh thông thần chú, và sự nhiệm mầu của chúng. "Sri Rama...," ông lập lại, nhưng câu thần chú giống như

một thứ thuốc đã bị pha loãng, không đủ độ mạnh để làm giảm cơn sốt cao. Nó không còn công hiệu. "Sri Rama, Jayarama...," ông lập lại trong tột cùng tuyệt vọng, nhưng không có gì xảy ra. Một cách không kềm chế, tư tưởng của ông phóng vọng, khởi những thắc mắc: "Gã đàn ông mặc áo ca rô, với mảnh khăn lụa vắt vai, khi đi chợ, ta gặp hắn đang đi xuống cầu thang là ai nhỉ? Hình như ta đã gặp hắn ở đâu rồi... ở đâu? lúc nào nhỉ?... à, hắn là thợ may nổi tiếng trên đường Market... với bao nhiêu người — đàn bà lẫn đàn ông — bám quanh! Tay thợ may lỗi lạc nầy là thành viên của hai hay ba câu lạc bộ thời trang gì đó... Quen biết với nhiều quan chức, các nhà kinh doanh - vậy mà hắn đã trải qua đêm ở nơi nầy, trên tấm nệm người ấy! Vậy mà những người sang cả kia lại có thể để hắn với cây thước đo của hắn đụng đến người! Ô uế, không có gì hơn là ô uế; một cuộc sống tội lỗi. Ông than trách trong căn phòng vắng vẻ, kêu lên "Rama! Rama!" như đang hét vào tai một kẻ điếc. Cuối cùng, ông nhận ra sự vô ích của việc cầu khẩn nầy. Rama là một đấng tái sinh hoàn toàn, dĩ nhiên rồi, nhưng ngài rất hiền từ, bao dung trừ khi bị đưa đến tận cùng giới hạn, khi đó ngài sẽ tạo cuồng phong, giết kẻ xấu ác không để lại dấu vết gì, dầu kẻ đó có là quỷ Ravana. Những tư tưởng bất thiện, lộn xộn vừa ngưng được chốc lát, lại trỗi dậy chạy đuổi theo người đàn bà. Cả buổi tối cô mở cửa ra vào có hơn sáu lần. Không lẽ cả bao nhiêu người đàn ông đều có mặt cùng một lúc sao? Ông ngừng lại, tự thấy buồn cười với ý nghĩ nầy, và lần nữa nhận ra rằng sự chú tâm cầu nguyện Thượng Đế của ông lại biến mất. Ông đập tay vào trán, thật đau để có thể tỉnh thức. "Om Namasivaya..." Tâm của ông lại bị phân tán bởi tiếng cót két của cánh cửa ở căn nhà đối diện. Cô ả đúng là một con rắn quấn chết mọi gã đàn ông đến gần - già, trẻ, sồn sồn, thợ may, sinh viên (ông đã để ý thấy mấy cậu sinh viên cử nhân trẻ ở nhà trọ Albert Mission, gần đó, mấy ngày trước đây), rồi luật sư, dân ngụ cư (tại sao không?)... Cũng chẳng lạ gì khi thế giới ngày càng đông đúc - vì những ham muốn bản năng trong mỗi con người! Ôi, thần Siva, ả đàn bà nầy phải bị trừng phạt. Có lẽ một ngày nào đó, ông sẽ đối mặt với ả, để bảo ả hãy xéo đi ra khỏi nơi nầy. Ông sẽ nói với ả rằng: "Này, hỡi người đàn bà tội lỗi, kẻ đã lây truyền bịnh tật, ô uế như một cái cống mở nắp: hãy nghĩ đến những bịnh dịch cô đã lây truyền cho mọi người - từ gã thợ may trung niên đến anh sinh viên cử nhân trẻ. Cô sinh ra để hủy diệt nhân loại. Hãy sám hối tội lỗi đi, cạo tóc đi, che phủ da thịt đẫy đà với những thứ vải thô, hãy đến ngồi ở cửa các đền thần linh, van xin tha tội, hãy chìm sâu xuống dòng nước rửa tội, sau khi đã cầu nguyện cho một cuộc đời thanh cao hơn ít nhất là cho kiếp sau..."

Ông cứ suy nghĩ miên man như thế, câu chuyện về người đàn bà kia vẫn không rời bỏ tâm trí ông, suốt cả một đêm trằn trọc khó ngủ; ông nằm lăn qua, trở lại trên sàn nhà mát lạnh. Ông thức dậy trước khi trời sáng, với đầy quyết tâm. Ông sẽ đi ngay, băng qua cánh đồng Nallappa, và đến bên kia bờ sông. Ông không cần một chỗ ở nhất định, ông sẽ lang thang đây đó, ngủ nghỉ trong các đền thờ, ở các chòi dân hay dưới bóng cây đa: ông nhớ lại một câu chuyện cũ do thầy ông kể lại lâu lắm rồi... Một người đàn bà hư đốn đã được lên thiên đàng sau khi chết, trong khi kẻ phỉ báng bà, người tự coi mình là đầy đủ đức hạnh, lại rơi xuống địa ngục. Đó là vì người đàn bà kia chỉ có tội lỗi ở thân, còn kẻ phỉ báng bà, tâm ông đầy tội lỗi vì luôn nghĩ đến bà, đến những việc làm của bà, và không thể định tâm hay làm bất cứ điều gì.

Vị đạo sĩ bỏ vào chiếc giỏ mây những thứ của cải ít ỏi của mình: một hình tượng bằng đồng, một chuỗi hạt, tấm da nai và một cái tô bằng thau. Ôm thùng đồ trong tay, ông bước ra khỏi nhà, nhẹ nhàng đóng cánh cửa lại phía sau. Trong bóng tối của buổi rạng sáng, những bóng người chuyển động qua lại - một người vắt sữa bò dẫn bò đi phía trước, những thợ thuyền đeo trên vai cuốc xẻng, các phụ nữ cầm giỏ đi ra chợ. Ông lặng lẽ đi để nhìn lại lần cuối căn nhà mình sắp bỏ đi, ông nghe một tiếng kêu nhỏ: "Thưa ngài," từ căn nhà đối diện, và nhìn thấy người đàn bà đang bước đến gần ông với một mâm đầy trái cây, và bông hoa. Cô đặt nó dưới chân ông, và nói trong giọng nhỏ nhẹ đầy kính trọng "Xin vui lòng nhận lấy của nầy. Đây là ngày giỗ kỵ của mẹ tôi. Vào ngày này, tôi cầu nguyện và cầu xin phước lành của Thượng Đế. Hãy tha thứ cho tôi..." Tất cả những lời ông đã sắp đặt để nói khi gặp cô giờ đã biến đâu mất, nhìn xuống thân hình nặng nề, đôi mắt thâm quầng của người đàn bà, ông cảm thấy tràn dâng lòng thương hại. Khi người đàn bà cúi xuống chào ông, ông nhận ra mái tóc nhuộm không đều, và đường ngôi rẽ ở giữa mở rộng đến một mảng da hói, nơi đó treo lỏng lẻo nhánh hoa nhài. Ông chạm khẽ đầu ngón tay vào mâm hoa quả tỏ dấu chấp nhận, rồi đi xuống đường không nói một lời nào.

L.T.L *dịch*

Lược dịch từ *House Opposite*,
trích trong *Under the Banyan Tree*,
Nxb Viking Penguin, Inc.)



NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

"Lâu ghê mới gặp"



Vậy là đã hơn 20 năm, chúng ta lại có dịp ngồi đối mặt nhau trong cái quán cà phê vắng vẻ. Nhưng đã khác lắm. Sài Gòn! Mà cũng đã khác lắm, chúng ta! Anh bây giờ đã sắp làm ông nội. Còn em thì, nói như thế nào cho đúng đây? Một cô giáo già: dưới mắt học trò em; một mụ nhân tình gá nghĩa để che mắt thế gian: dưới mắt người mà em đang chung sống; một đứa con gái vĩnh viễn khờ khạo: dưới mắt cha em...

Em cảm động lắm khi biết anh vẫn còn yêu em, thậm chí yêu hơn cả ngày xưa. Bởi vì với anh, em tượng trưng cho cả một Sài Gòn xưa thất lạc. Khi được ngồi riêng với nhau, anh đã đọc một hơi những bài thơ xưa kia em viết. Viết cho ai, em không nhớ. Có thể là cho Mi, đã chết trận, có thể là cho Thức, vừa mới cưới cô vợ thứ ba. Những câu thơ mà người viết ra là em chỉ còn loáng thoáng nhớ...

Em yêu anh, hết thảy, tính hay, nét sống.
Hết thảy, lòng bao dung, sự bạo tàn,
Môi dịu dàng, lời đau đớn...
Ô hay, có ai như là em
Mộng chưa chín tới đã tàn phai.

Ngồi trước mặt em là anh, người đàn ông đã hai lần ngỏ lời cầu

hôn khi em vừa 20 tuổi. Em nhớ lúc ấy em yêu anh ghê gớm lắm nhưng em đã lắc đầu từ chối đến hai lần. Có lẽ em tiếc em. Em còn ham chơi. Em nghĩ vài năm nữa cũng chưa muộn để em được đóng vai người vợ. Ai dè sau đó lạc nhau, thoắt đã thêm nửa hơn 20 năm. Anh đã tóc hoa râm hai bên màng tang gợi nhớ muối tiêu, rau răm, hột vịt lộn. Em thì tóc biếc đen nhờ thuốc nhuộm Colorsilk vài tháng một lần. Có lẽ em cũng để tóc tai mặt mũi u sầu nếu trong hợp đồng sống chung Vỹ không đề nghị em nên cố gắng tối đa "cưa sừng làm nghé" cho ra vẻ một cặp "đôi lứa xứng đôi" dưới mắt bà con chòm xóm khán giả vì dù gì anh ấy cũng là một người mẫu thời trang.

Em không muốn đính chính chút nào những lời anh đang mắng mỏ anh ta. Anh bực dọc vì vừa đặt chân về xứ đã nghe nhiều điều tiếng không hay là Vỹ đã đối xử không tốt với em. Em cứ sợ lời đính chính thật thà của mình sẽ nặng nề hơn những lời tố cáo mà anh đã bị nghe một cách xuyên tạc.

Thôi, dẹp hết đi, nói chuyện hiện tại, anh làm ăn sao? Vợ con sao? Hạnh phúc không?

Anh lại than vợ, khen con như 99% đàn ông có vợ sau anh, em thường bị gặp. Em muốn nghe chuyện của anh kìa. Anh lại cười buồn. Anh thất nghiệp thường trực, anh sống không giống như những người đồng hương khác, vợ anh đôi lúc nói anh khùng nhưng hai con của anh có vẻ càng lớn càng hiểu cha hơn. Em gục gặc ra vẻ hiểu. Em đã có dịp ra nước ngoài. Và trong số người Việt sống ở hải ngoại em gặp, thường khoảng vài chục ông, bao giờ cũng lạc loài nổi lên một, hai ông khá bất bình thường như vậy. Chẳng biết hồi đó nếu em gật đầu làm vợ anh, anh có bình thường được không, hay là...

Hôm vừa rồi, những bạn học liên lớp 12 xưa có nhắn về họp mặt ở P. Em không về được, gọi điện thoại ra. Có một đứa con trai nhắc hồi đó tôi mê Ngâm lắm. Vì cái gì Ngâm biết không? Vì cái vẻ khùng khùng không giống ai của Ngâm. Rồi nó hét to trong điện thoại liên tỉnh. Ngâm khùng!... Nghe nói bây giờ nó đang là một bác sĩ hái ra tiền ở một thị trấn miền Trung.

*

Hết ngồi ngó mặt nhau, chúng ta lại kiếm một quán nước cùng ngó thẳng ra bờ sông để thỉnh thoảng ngó nghiêng nhau...

Bên nhau cách một ván thiên
Muốn nhìn nhau đi nữa cũng phải nằm nghiêng mà nhìn.

Anh nói anh còn thần tượng em lắm nên anh chỉ muốn đánh cái

đứa sống chung với em khi anh nghe nói nó đã xử tệ với em. Em phản đối yếu ớt. Vỹ có xử tệ với em mô nà. Vỹ rất yêu em. Có chuyện chi đi nữa cũng là lỗi tại em thôi. Anh còn thắc mắc, đọc lại những chuyện em viết trước và sau 30 tháng Tư năm 1975 gì đi chăng nữa thì cũng chẳng thấy em kể chuyện sex như nhiều nữ văn sĩ khác. Em cười khỏa lấp, tại em sợ phạm pháp, em không muốn giống người ta...

Anh nói thật kỳ lạ, 20 năm sau mà em vẫn không thay đổi gì hết, thậm chí còn trẻ hơn. Em bày đặt viết lách ra bộ dị hơm nhưng làm sao giấu nổi anh, em còn thơ dại lắm. Đó không phải là câu khen đâu mà là một câu chê bai. Em thừa biết vì nếu không ai chê em thì em cũng đã tự chê rồi...

Đi chơi với nhau như vậy trong ròng rã một tuần anh vào Sài Gòn với gia đình. Có lúc em ngồi lẫn trong những buổi ăn đông đúc của bà con anh đãi. Có những lúc hai đứa đi chơi riêng nhưng chỉ ngồi ngó ngang hoặc ngó nghiêng, vẫn tiếp tục là "bạn để ngồi" với nhau chứ không sao chuyển nổi sang "bạn để nằm" như anh và em đều mơ ước.

Cố gắng lắm chỉ là nắm tay nhau trên hoặc dưới bàn như trẻ mới lớn. Mặc dầu trẻ mới lớn bây giờ tụi nó biết và làm được nhiều chuyện hơn mình lắm. Nói đâu xa, hồi xưa, khi hai gia đình đã coi hai đứa mình như vợ chồng, cũng đã đi sâu vào nhau đâu. Chỉ là vài nụ hôn lén lút khi xe lửa chạy qua hầm trên chuyến tàu về quê. Nhớ không, và những nụ hôn nồng nàn sóng sánh men say của một thứ rượu dường như được cất lên từ mớ sao rải lênh láng giữa gió biển đèo cao?...

*

Rồi tuần trôi nhanh hơn mây, hơn mộng, hơn gió, sấm và hơn cả ánh sáng hiu hắt từ trời... Ngày anh đi, em trốn, không tiễn, dù gia đình anh tha thiết mong sự có mặt của em vì ngó bộ họ chắc chắn sẽ không bao giờ hai ta còn cơ hội gặp lại.

Anh hỏi sao em không cố đến với anh lần cuối, biết còn có bao giờ, mai sau... Em đùa, bao giờ vợ con anh sống vững vàng rồi, dù đã bảy, tám mươi tuổi, cũng ráng thu xếp về đây sống những ngày cuối đời với em. Anh lại hỏi, nói thật đi, tại sao?...

Em im lặng một phút rồi buông; - Em sợ em chết...

Anh chùi nước mắt ở khóe cho em: - Còn em không ra tiễn, không sợ anh chết ngay trên phi trường Tân Sơn Nhất hay sao?

*

Để trốn được cái ngày "thương nhau đoài đoạn, ối a đoạn trường"

đó, em nhận lời đến dự buổi lễ mãn tang cha ở nhà một đứa học trò cũ. Lê Ngọc bây giờ đang là một danh hài của sân khấu Việt Nam. Hồi đi học nó là đứa học trò phá phách nhất, đôi khi chỉ bằng tiếng cười vô tổ chức, âm thanh nổi của nó. Còn bây giờ chính nó lại là đứa sống hiếu nghĩa nhất. Lê Ngọc cố làm lễ mãn tang cho cha thật trang trọng để chuẩn bị sau đó đứng ra gả chồng cho cô em gái kế.

Bạn đồng nghiệp tấu hài của Ngọc gặp nhau cứ chào: "Lâu ghê mới gặp!" rồi ré lên cười từng cơn trước khuôn mặt bẽn lẽn với một chút gì hạnh phúc của má nó. Thấy em ngơ ngác, tụi nó kể:

- Cô Ngâm biết không, đêm qua lúc nhắc tụi em nhớ đến đây dự, Ngọc có kể giai thoại trong ngày ba nó mất.

Giai thoại một, ai cũng biết ba má nó ly dị nhau đã lâu. Hình như ba nó bị một tình địch hành hung lén, nặng tới độ đưa vào bệnh viện cấp cứu trong trạng thái hôn mê. Chỗ ông nằm tấp nập các cô vô thăm. Khi má nó ngồi rơ miệng cho ba nó, ông cắn chặt ngón tay bà như muốn nói điều gì rồi... ông đi luôn. Các cô khóc rộ lên, bị má nó trừng mắt: "Câm ngay mấy con đĩ chó kia, chồng tao, phải để tao khóc trước!"

Khi các bà kia tạnh im phăng phắc xong, má nó mới bung người ra khóc như một người lĩnh xướng, các bà Hai, bà Ba, bà Tư mới nỉ non làm dàn đệm đồng khóc bè theo.

Giai thoại hai, má nó lãnh phần tắm rửa thi thể cho ba nó. Xong phần tay chân mặt mũi, xong cổ, thân mình, bụng... tới chỗ "đàn ông" nhất, bà khựng lại vài giây rồi thở ra, có lẽ với một chút ngậm ngùi: - "Chà! Lâu ghê mới gặp!"

*

Khi kể mẩu chuyện này cho anh nghe, em không phải để cười hay khóc mà đơn giản là em muốn anh biết em đang lọt vào tình thế không đủ tư cách nói được câu này với tất cả những người đàn ông đã bị mang tiếng là người yêu của em trong quá khứ - và em nghi là ngay cả với những người đàn ông trong hiện tại lẫn tương lai.

Em với anh "biết" nhau đến độ sâu nào thì anh đã rõ rồi. Em chẳng cần thiết phải dối anh làm gì khi cho anh biết vài người đàn ông khác cũng chỉ vậy mà thôi...

Còn trường hợp người đang chung sống với em, anh chàng người mẫu thời trang hạng B1 — Lã Quới Vỹ — thì giữa hai ta em kể thật luôn. Khi mẹ em hấp hối, để bà vui, em có hỏi trong vòng tình thân, ai muốn làm đám cưới giả với em thì sẽ được chung hai cây vàng chín

tuổi sáu. Nói nôm na là hai đứa sống hợp đồng. Mà loại là loại hợp đồng "chay."

Nhiều đêm không ngủ được, em ngồi dậy, ngó Lã Qưới Vỹ — "giấc mơ của nhiều cô gái trẻ" như một bài báo đã viết — đang hồn nhiên nằm ngủ cạnh mình mà em chẳng biết nên cười hay mếu. Cái gì bên trong những bộ đồ ngủ sang trọng, những chiếc quần lót các màu các kiểu kia... chưa hề làm xem xao động vì em biết phần số đã không dành cái đó cho em. Vỹ đang chọn yêu một số những người bạn trai đồng nghiệp của em... Thế nên anh đã có thể hiểu tại sao trong những tác phẩm của em, em né tối đa những chuyện nhuốm màu sắc sexuel, chuyện làm tình, chuyện thầm kín phòng the. Thiệt ra thì em cũng chẳng tử tế, đức hạnh gì đâu. Chẳng qua em đã nghe lời khuyên của nhiều người đi trước lẫn đi sau: Không nên viết về những gì mình chẳng rành rẽ, chuyên môn.

*

Tạm biệt anh, người đã hai lần suýt làm chồng em. Đừng quên cái hẹn vào năm bẩy, tám chục tuổi với em. Anh thấy đó, có những niềm vui rất nhỏ nhưng có lẽ em không được dự phần vào. Mẹ của cậu Lê Ngọc, danh hài của sân khấu Việt Nam hiện đại, ít ra cũng hạnh phúc hơn em vì đã có chút vốn trước khi được ngó lại thể xác người xưa trong tích tắc ngậm ngùi kia... Còn em, được sống cạnh khá nhiều thi thể sống nhưng chắc gì em được cơ may một thoáng kêu lên: "Ôi trời! Lâu ghê mới gặp!"

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC



TRẦN THỊ MAI NINH

Cõi thơ, niềm cô đơn và người họa sĩ vong mệnh: Marc Chagall.



Năm năm đó sôi sục trong linh hồn tôi,
tôi đã hao gầy. Ngay cả đói khát
tôi ao ước được nhìn lại người...
B..C...P...ơi, tôi mệt mỏi
tôi sẽ trở về, cùng với vợ, với con
tôi sẽ nằm xuống cạnh người có thể,
Châu Âu sẽ yêu thương tôi và,
cùng với nó, nước Nga của tôi

Như thế đó, Marc Chagall đã chấm dứt cuốn tự truyện *Ma Vie, Đời Tôi*, vào năm 1922, khi ông phải rời bỏ xứ sở của mình làm một kẻ tha hương. Những lời lẽ xúc động mà trong sự đơn giản của nó, ta đã nghe thấy tình trạng tinh thần khổ não của người họa sĩ, trong một nước Nga quá sôi động và dữ dội thời ấy.

Không có gì định sẵn trong số mệnh là cậu bé Marc sẽ là một họa sĩ lừng danh. Ngược lại thì đúng hơn. Sinh năm 1887, Marc là con cả trong một gia đình khiêm tốn có chín người con. Cha cậu là một công nhân của tiệm bán cá mòi. Mẹ cậu, một người đàn bà bình dân. Nhưng trên tất cả,

nguồn gốc Do Thái của gia đình này mới là điều chính yếu cản trở khuynh hướng nghệ sĩ của cậu. Theo thánh kinh của dân tộc Do Thái, tất cả những gì tạo lại khuôn mặt con người, hay sự miêu tả đều là những cấm kỵ trong đạo giáo.

Chúng ta sẽ quên đi điều thiết yếu trong nhiều tác phẩm của Chagall, nếu không nhắc đến cái nếp sống rất đặc biệt của người dân Do Thái trên đất Nga ở khúc quanh của thế kỷ. Vào những năm 1890, nước Nga có hơn một triệu rưỡi người Do Thái sống gom góp trong hai mươi sáu tỉnh ở phía nam và phía tây. Họ phải nhận chịu một chế độ khắc nghiệt, có rất nhiều ngăn cấm: không quyền sở hữu ruộng đất, không được tự do hành nghề, phải ở trong những vùng có giới hạn...Cuộc sống của họ rất thô sơ và không ngừng bị đe dọa bởi những cuộc hành quyết. Ngoài một số ít gia đình khá giả, đám dân ấy sống co quắp trên chính mình, tuân theo triệt để những giáo điều dạy họ phải tránh tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Đó là tình trạng xã hội mà từ đó Chagall đã được sinh ra, lớn lên, và chúng ta đã bắt gặp trên tranh ông.

Sau khi học xong trường cấp một cho học trò Do Thái, cậu bé Marc được phép theo học trường nhà nước, dù trên nguyên tắc, họ không thu nhận người Do Thái. Ngay từ thuở nhỏ, cậu đã được mẹ, một người đàn bà kiên cường và có ý chí, cho học vĩ cầm và học hát. Marc khởi sự học vẽ trong trường thầy Pènn của tỉnh Witebsk. Những bức tranh đầu tiên là hình ảnh người xách nước, nhà cửa, đồi núi...cậu đem về treo ở đầu giường mẹ. Nhưng những cô em gái cứ ngỡ rằng những tấm vải thô ấy dùng để chùi chân nên hạ xuống đất làm thảm. Marc vừa học vẽ vừa bắt đầu làm việc để kiếm tiền trong một hiệu chụp hình. Cậu chẳng thích gì thứ công việc của mình là sửa chữa những tấm hình chụp chân dung. ềỮTôi không thấy cần thiết chút nào phải che đi vài nốt mụn đen, xóa đi vài nếp nhăn, hay làm trẻ ra những khuôn mặt mỗi cái một khác, không bao giờ sống động! Khi tôi rơi trúng một tấm ảnh người quen, tôi mỉm cười với nó. Và tôi sẵn sàng điểm tô ngay.

Sự nhàm nhạt lan dần, mỗi một ngày trôi qua là một ngày tiến dần vào tương lai mù mịt, trong một đời sống vô cùng hạn hẹp của tỉnh nhỏ. Có điều gì đó không thể nào yên ổn nữa trong tâm hồn cậu thiếu niên vừa lớn. Thế là Marc quyết định rời nơi sinh trưởng năm 1907 để đi tìm một đời sống mới, ở một thành phố mới. ềỮVới hai mươi bảy đồng rúp trong tay, số tiền duy nhất mà trong cả đời, bố tôi đã ban cho cái việc học về nghệ thuật của tôi. Vẫn với làn da hồng, vẫn mái tóc uốn quăn, tôi bỏ trốn về Pétersbourg với người bạn của mình.

Với một học bổng, Marc được thâu nhận vào trường hội họa

nổi tiếng của Léon Bakst, người có chủ trương hướng cái nhìn về nghệ thuật phương tây. Ông ta cũng là người đại diện cho nền hội họa tượng trưng của tờ báo Mir Iskoustva (Thế giới của nghệ thuật). Được sự bảo trợ của Bakst, Marc đã tạo cho mình một tư kiến rất chững chạc. Những tác phẩm vẽ trong thời gian này đã mất hẳn cái vẻ cẩn thận, dè dặt đã có lúc khởi đầu. Marc không còn là một thiếu niên ngây thơ của một gia đình khiêm tốn nữa. ềŨTôi tên là Marc, tôi có một mớ ruột yếu mềm và không tiền. Nhưng người ta bảo rằng tôi có tài.

Đây là lần đầu tiên, xa rời quê nhà, Chagall đã đề cập tới những đề tài, mẫu ý, mà sau này đã trở thành nền tảng của tác phẩm ông: hình ảnh làng mạc, ruộng đồng, từng nhịp sống hằng ngày của người dân nhỏ. Chính đời sống bị đè nặng bởi sự thiếu thốn từ thuở bé cho đến những ngày lang thang này, nhưng cũng chính ước vọng đạt tới tiếng tăm, đã thúc đẩy Marc gửi lại trên nền vải những cái nhìn đầy hứng khởi. Nhưng không kém dịu dàng, cảm xúc. Như trong bức họa ềŨLa Famille, Gia ĐìnhŨỪ, vẽ năm 1909, những dáng người yên ắng, những cử chỉ đơn giản, màu dùng gần như độc sắc, đã làm cho nghi thức gia đình trong đạo Do Thái ở đây, mang tính cách vô cùng êm đềm, bình thản.

Tuy vậy ý hướng về nghệ thuật của Chagall là tìm tòi những điều mới lạ. Ông luôn luôn muốn vượt qua giới hạn của tư tưởng để vươn tới những ý thức mới mẻ. Trong sự tìm kiếm về một thứ ngôn ngữ hội họa có thể đáp ứng được tính cách đa dạng trong quan niệm nghệ thuật của chính mình, Chagall bỗng nhận ra rằng, không có hy vọng gì tìm ra điều mong ước ấy từ nền nghệ thuật Nga lúc đó. Mà chỉ có Paris, thủ đô của mọi thứ nghệ thuật, mới có thể, từ nay về sau, đem đến cho ông câu trả lời.

Và thế là mùa thu 1910, Chagall rời Saint Pétersbourg lên tàu hỏa ra đi. Ông đến thủ đô ánh sáng sau bốn ngày đường ròng rã. Chỉ với một học bổng khiêm nhường, nhưng lòng tràn đầy hy vọng tìm được sự nâng đỡ của cộng đồng người Nga đông đảo ở Paris. Chính ở khu Montmartre, trong căn phòng của một người đồng chủng, ông đã làm xưởng vẽ đầu tiên. Thế giới mới mở ra! Ông lao mình vào đó. Làm quen với những tên tuổi như Gauguin, Vangogh, Matisse...Paris cũng đã đem đến cho ông nhiều bạn văn nghệ. Họ đã giúp ông mạnh bạo đi vào con đường ông đã chọn. Họ đã chia với ông nỗi mê đắm thi ca, và cuối cùng, họ cùng ông tìm kiếm ý nghĩa che dấu trong từng sự vật.

Chỉ ở nơi này, Chagall mới khám phá ra phương cách để hồn nhiên mở tung cánh cửa nội tâm, để thoát ra cho mọi người thấy hạnh phúc của mình. Niềm hoài vọng cố hương cũng đã làm thức giấc trong



ông bao kỷ niệm của thuở thiếu thời. Đến mùa xuân 1914, khi tiếng tăm ông càng ngày càng vang, thì tiếng gọi của quê hương, gia đình cũng thôi thúc không kém. Được cấp thị thực có hạn ba tháng, ông lên đường trở về Nga dự đám cưới cô em gái, và cũng để gặp lại nàng Bella, người ông yêu dấu, nhưng đã cách biệt từ ngày ông bỏ Witebsk

ra đi. Nào ngờ cuộc thế chiến thứ nhất đã khép lại những cánh cửa biên giới. Biến vài tuần lễ dự định về thăm quê nhà thành một quãng đời tám năm.

Ngày 25 tháng 7 năm 1915, nàng Bella Rosenfeld, con gái một thương gia buôn bán nữ trang gốc Do Thái đã kết hôn cùng Marc Chagall. Trong hồi ký, nhà họa sĩ này kể lại những mê hoặc mà gia đình giàu có Rosenfeld, cư ngụ trong một ngôi nhà lịch sự, đã làm ông khoâg tanh ñöôïc söïso sanh. *Bố của nàng được ăn nho đến khoái khẩu như bố tôi ăn hành vậy! Gà vịt là thứ lễ vật mà gia đình tôi chỉ được hy sinh mỗi năm một lần trong ngày trước lễ Xá Tội, thì nó lại là thức ăn hằng ngày trên bàn nhà nàng.* Nhưng Bella đã đem đến cho Marc nhiều thứ khác ngoài cái thú ở bàn ăn. Bằng sự giáo dục, bằng vốn văn hóa nàng được hấp thụ, Bella đã giúp chồng khám phá ra những lãnh vực mới về lịch sử của hội họa cổ điển, về văn chương, và về kịch, một ngành nàng rất yêu thích.

Thật nhanh chóng, đôi vợ chồng hợp bởi người đẹp Bella và Marc đã chiếm ngự những bức tranh ông. Chagall dùng hội họa để ngợi ca niềm hạnh phúc của mình. Tấm tranh ềAnniversaire, Sinh nhậtỮỪ cho ta nhìn thấy một đôi tình nhân bay bổng. Nếu vị trí không thật của họ chỉ là điều tượng trưng, theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, cho một cuộc du hành tình ái, thì trái lại, bên trong bức tranh này chứa đựng bao chi tiết có thực. Chagall đã tỉ mỉ vẽ lại rất trung thành những đồ vật hiện diện trong căn phòng của hai người. Từ khăn quàng cổ của Bella treo trên tường, đến tấm phủ giường và ngay cả chiếc bánh sinh nhật trên bàn.

Trong Marc, lúc đó hạnh phúc bay bổng, tràn ngập.˜ *Tôi chỉ cần mở ra cánh cửa phòng tôi là không khí xanh, là tình yêu và hoa bay vào cùng với nàngỮ! Từ lâu rồi, dù mặc toàn trắng hay toàn đen, nàng đã bay qua các tranh tôi, hướng dẫn nghệ thuật của tôi.* Đó là những lời rất thơ mà Marc dùng để diễn tả niềm hạnh phúc kỳ diệu ông cảm thấy bên cạnh Bella. Hai người yêu nhau, chơi vơi, không một vướng víu trong không gian tranh ông, chính ra chỉ là cách chuyển sao rất trung thực những hình ảnh nên thơ thành một cấu tạo hội họa mà thôi.

Thơ, một cách phối hợp ý thức của những điều rất khác biệt trong tư tưởng với sự giàu có của ngôn từ, trong trường hợp Chagall, cũng có thể được xem như là một cuộc hôn nhân đằm thấm giữa thực và mộng. Dù thứ ngôn ngữ thơ này không thể che dấu nổi cái nghĩa sâu xa trên các tranh ông, đó là chứng nhân của một nguyện vọng về một thế giới trọn vẹn. Và đó là phương tiện giúp ông chạy trốn những



thực tế phũ phàng gây ra bởi chiến tranh và cuộc sống.

Sau bốn năm vắng mặt, sự hòa nhập của Chagall vào xã hội Nga không dễ dàng gì. Lẽ dĩ nhiên, ông khó lòng nối lại với nhóm học trò cũ ở trường của Bakst. Đến 1917, cuộc cách mạng tháng mười đã trả lại cho dân Do Thái các quyền công dân của họ. Những giáo điều khắt khe về nghệ thuật dưới thời Nga Hoàng được bãi bỏ. Năm 1920, Chagall lại đem vợ con lên đường, trong những toa xe lửa chở hàng chật chội và bẩn thỉu. Ông về Mạc Tư Khoa, để lại cho thiên hạ tất cả xáo trộn của một xã hội giao thời.

Ông quay về với điều hoang tưởng rất nên thơ: *kịch* ! Ngày nay

nhìn lại, ta thấy sự tham dự của Chagall vào thế giới ca kịch chỉ là một nối tiếp tự nhiên của một tâm hồn họa sĩ mà thôi. Ông đã dùng nghệ thuật Do Thái để trần thiết rạp hát nhà nước. Ông vẽ lên trên những bức tường của rạp hát hình ảnh người họa sĩ bình dân, anh hề diễu đùa trong đám cưới, người đàn bà đang múa, anh chàng nghệ sĩ đang mơ...một cặp tình nhân bay trên sân khấu. Tất cả toát ra từ nghệ thuật Chagall đã cám dỗ được người chung quanh. Một kịch sĩ danh tiếng thời bấy giờ đã bị cuốn hút theo tư tưởng, theo những vòng cung tuyệt vời của hình ảnh tạo bởi Chagall. Từ đó ông ta đã thay đổi hẳn cách diễn xuất.

Tuy thành công trên lãnh vực này, nhưng sự nghèo khó lại đeo đuổi gia đình ông, nhất là từ khi không còn trông cậy được nữa vào sự giúp đỡ của bố mẹ Bella. Cả gia sản của họ đã bị đập phá và trưng dụng. *Trong tiền sảnh của bộ Quốc Dân Giáo Dục, tôi phải kiên nhẫn ngồi chờ để được gặp ông chánh văn phòng. Tôi chỉ muốn được họ trả tiền lương, công lao về các bức họa trên tường mà tôi đã thực hiện cho rạp hát. Nhưng ông Chánh mỉm cười, lắp bắp: Vâng, ơ...vâng..ông hiểu cho là những giá biểu, chữ ký, con dấu này nọ...cần phải làm. Ông trở lại ngày mai đi!*

Cứ thế, kéo dài trong hai năm.

Thượng Đế! Người đã cho ta tài năng, ít nhất, người đời đã bảo như vậy. Nhưng tại sao người chẳng cho ta một bộ mặt oai nghiêm, để người đời sợ hãi, nể vì ta. Nếu ta dũng mãnh, to lớn, chân dài, đầu vuông. Như vậy họ sẽ ngán ta, như vẫn thế, trong cõi đời này. Nhưng khuôn mặt tôi quá hiền lành. Tôi cũng chẳng có một giọng nói vang to.

Tôi đâm tuyệt vọng. Tôi lang thang trên đường phố Mạc Tư Khoa.

Tôi chán quá rồi mấy cái nghề dạy học, giám đốc.

Có mỗi một điều tôi muốn làm, là được vẽ

Chagall rời khỏi Liên Xô năm 1922. Để đi đâu? Để tiếp tục cuộc đời vong mệnh ở Bá Linh, Paris, nhiều nơi khác ở Âu Châu. Khi đại chiến thứ nhì khởi sự, Chagall trong thân phận Do Thái phải sống những ngày phập phồng với hình ảnh khủng khiếp của các lò tập trung đe dọa. Bức tranh ềŨLes troi cierges, Ba ngọn nếnŨỪ, năm 1940, với màu sắc u buồn đã nói lên tất cả nỗi lo âu trong cử chỉ, trên khuôn mặt của các hình người trong đó. Những thứ ấy như đông đọng lại thành vật chất, gợi lên sự phù du của đời người. Nó hòa nhập vào cái vẻ tang ma của mấy ngọn nến.

Chính phủ Pháp thời ấy cấu kết với Đức Quốc Xã nên không còn cho ông sự bảo vệ hữu hiệu. Và thế là để phòng ngừa một thảm

họa, Chagall cùng gia đình rời đi châu Mỹ. Ông đặt chân đến Nữu Ước ngày 23 tháng 6 năm 1941. Đó cũng là ngày quân đội Đức đặt chân lên đất Nga. Cái huyền thoại Ahasverus nói về định mệnh di tản của giống dân Do Thái đã được thường xuyên đề cập tới trên tác phẩm ông. Bây giờ, nó không còn đơn giản là một tượng ý hội họa nữa, mà đã trở thành một thực tế đời ông.

Tuy ở miền đất dung thân mới nhưng ông không ngừng nhắc đến hai nơi mà ông yêu thương hơn cả: nước Nga của thuở thiếu thời, và Paris, nơi đã nuôi nấng tâm hồn ông, và đã đem lại ánh sáng cho tranh ông. Chagall cũng đã tìm về chốn ấy ngay tức khắc, khi hòa bình tái lập.

Ba năm trước ngày ông mất, 25 tháng 3 năm 1985, ông được 98 tuổi, một cuộc triển lãm ở Nữu Ước đã mở ra cho những người yêu hội họa thấy cách vẽ mới của ông. Đó là lối thủy mặc. Những nét vẽ mảnh mai như hòa tan trên nền màu của giấy ẩm.

Ngẫm nghĩ về số mệnh của con người có nghĩa là tự hỏi, những trường hợp ngẫu nhiên hay vô tội vạ nào đó đã có thể bẻ cong, hay làm rối loạn con đường đời của một người? Trong thế kỷ mà Chagall đã sống, thời thế và những sự kiện lịch sử đã buộc ông phải sống nhiều mảnh đời khác nhau, trong cuộc di tản không ngừng. Nhưng ta thấy, Chagall đã biết đến ở nơi phải đến, thật đúng lúc. Paris trước chiến tranh với các nghệ sĩ tên tuổi. Bá Linh với trường phái biểu hiện. Trong lòng cách mạng Nga. Và Nữu Ước, giữa hai tài danh: Matisse cùng Picasso.

Con đường ông đi, dù thế nào chăng nữa, cũng đã đưa ông theo sát những cơ hội lớn lao, đã đi qua những nơi chốn được đánh dấu nhất trong lịch sử của nghệ thuật hiện đại. Trên con đường ấy, ông đã đem theo niềm cô đơn, nỗi đau buồn, sự thất vọng, và cả một cõi trời thơ, trên từng bước chân du mục.

TRẦN THỊ MAI NINH
Xuân Quý Dậu - 93



TRẦN DOÃN NHO *thực hiện*

Trả lời phỏng vấn của nhà văn Nguyễn Mộng Giác về vấn đề sáng tác



- Sáng tác một tác phẩm văn chương phải dựa vào bốn yếu tố: kinh nghiệm sống (kinh nghiệm về hạnh phúc, đau khổ, kinh nghiệm giao tiếp với sự vật, biến cố...), cảm hứng sáng tạo (trực giác, tưởng tượng, liên tưởng...), kiến thức (về lịch sử, xã hội, tâm lý, khoa học...) và tư duy nghệ thuật (phương pháp sáng tác, kỹ thuật viết...). Xin anh cho biết ý kiến về nhận định đó. Riêng về các tác phẩm anh đã viết, yếu tố nào chiếm ưu thế?

- Câu anh hỏi có thể tìm thấy trong tất cả các sách giáo khoa tại các trường đại học, phân khoa nghiên cứu về văn chương. Bốn yếu tố anh nêu ra đều đúng, cần thiết cho việc sáng tác. Không có gì phải bàn cãi về bốn yếu tố quan trọng này. Nhưng cũng có một thực tế nhãn tiền: các giáo sư am tường về phương pháp sáng tác văn chương hầu hết đều thất bại khi họ thử rời bục giảng và bắt tay viết truyện, làm thơ. Thêm một thực tế khác: Rất nhiều thính giả chẳng biết gì ráo về âm nhạc, hát rất

dở, nhưng nghe một bản nhạc, một bài ca, họ biết ngay bài nào hay bài nào dở. Nếu anh soạn nhạc chị ca sĩ bị chê nổi sùng, thách thức: "Anh chê tôi thì thử hát tôi nghe coi!", chắc chắn vị thính giả đáng thương nọ phải đuối lý. Vị đó chịu thua, không dám công khai khen chê nữa. Nhưng trong thâm tâm, vị đó vẫn giữ nguyên cách đánh giá của mình.

Hai ví dụ tôi đưa ra không nhằm hạ giá các yếu tố cần thiết cho việc sáng tác đã ghi trong các sách giáo khoa. Tôi chỉ muốn nói các yếu tố ấy giống như văn phạm đối với ngôn ngữ: ngôn ngữ có trước, văn phạm đến sau nhằm tiêu chuẩn hóa, hệ thống hóa ngôn ngữ. Yếu tố tiên khởi của việc sáng tác không thuộc vào tri thức hay luận lý. Sáng tạo nghệ thuật, trong bất cứ hình thái nào, cũng khởi đầu bằng đam mê. Có nhiều nhà văn đột ngột xuất hiện và độc giả kinh ngạc vì thấy tác giả làm một nghề, sống một đời hình như chẳng ăn nhập gì với văn chương. Sự thực không phải vậy. Nhà văn đó âm thầm nuôi dưỡng, ấp ủ giấc mơ sáng tạo từ lâu, từng làm con mọt sách ở thư viện, từng đọc ngấu đọc nghiến bất cứ mảnh giấy nào có chữ, từng thích thú quan sát cử chỉ điệu bộ của người chung quanh, từng dán mắt vào tủ kính hiệu sách có trưng bày những cuốn sách mới, sau khi hoàn tất công việc của một anh lái buôn, một người cai tù, một tay du thủ du thực...Cái đam mê đọc thường bắt nguồn từ cái đam mê tò mò về đời sống, về con người; vì nhờ đọc mà sống thêm được nhiều đời sống, trải thêm được nhiều kinh nghiệm . Rồi tới một ngày đẹp trời nào đó, từ mê đọc người ta bẽn lẽn rụt rè bước thêm một bước nữa: mê viết. Đến đây thì câu hỏi: "Làm sao để viết được, viết hay" mới đặt ra? Các yếu tố anh nêu ở trên thuộc phần giải đáp cho câu hỏi này. Bốn bửu bối để có tài viết truyện. Tôi cho cái đến trước tài là tâm. Nguyễn Du bảo "chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài". Tôi không dám định giá rõ ràng như Nguyễn Du. Tôi chỉ nghĩ trong quá trình sáng tạo, tâm đến trước, phải đến trước.

- Khi sáng tác một tác phẩm, cái gì đến với anh trước: nhân vật, cốt truyện, một chủ đề tư tưởng nào đó?

- Tôi không biết người khác thế nào. Phần tôi, thường thường khởi đầu việc viết một truyện ngắn hay truyện dài bao giờ cũng là một ý tưởng, một cảm giác nào đó. Chẳng hạn khởi đầu của Sông Côn Mùa Lũ là băn khoăn của tôi trước câu hỏi: Người nghệ sĩ, người trí thức làm được gì trong thời loạn? Tôi viết Mùa Biển Động với niềm tin rất khờ khạo là phải ghi lại những gì thế hệ mình trải qua, mình không làm mà những người khác cũng không làm thì mai sau không ai

biết được kinh nghiệm của thế hệ mình. Giả sử nếu tôi không sống khốn đốn lơ láo dưới chế độ cộng sản sau 1975, chắc chắn không có động lực nào đủ mạnh để buộc tôi phải viết Sông Côn Mùa Lũ. Cũng như nếu tôi không vượt biên, nếu tôi không nghĩ thôi từ đây ta vĩnh biệt quê hương, chưa chắc tôi đã chịu gạt sang bên cái tật lười cố hữu để viết Muà Biển Động. Tôi không có được cái tài viết dễ dàng bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu của nhiều bạn văn khác. Khi nào có một động lực lớn lao, tôi mới viết. Sau khi quyết định viết một tác phẩm nhờ thôi thúc mãnh liệt của một cảm giác, một ý tưởng, tôi mới bắt đầu nghĩ đến những điều khác như nhân vật, cốt truyện, kỹ thuật...

- Anh chuẩn bị như thế nào trước khi bắt tay vào viết một tác phẩm:

- Có làm một bản phác thảo?

- Có những ghi chú về cốt truyện, nhân vật, ý tưởng?

- Tìm tài liệu, đi thực tế?

- Sau khi quyết định viết, tôi chú trọng đến nhân vật nhiều hơn cả. Tôi cho rằng nhân vật như người mang tín hiệu, anh ta có đáng tin thì tín hiệu mới thuyết phục được người đọc. Nhân vật mà giả thì dù có nói hay đến đâu người ta cũng không tin. Cho nên ngay từ thời "tiểu thuyết mới" đang thịnh hành, tôi đã nghĩ thế nào cao trào ấy cũng thất bại. Người đọc chỉ thích thú khi đọc truyện khi nào họ tìm thấy phần tương đồng nào đó giữa nhân vật tiểu thuyết và họ. Đọc, là để soi gương tìm chính mình. Làm sao soi gương tìm ra được mình khi trong gương chỉ có khoảng trống lạnh lẽo, hoặc những khuôn mặt không có mắt mũi tóc tai mang tên X, Y, Z. Dù người ta có biện luận rằng cuộc sống vốn là một mớ chỉ rối, một cõi hỗn độn ngẫu nhiên (đôi lúc đúng như thế), nhưng bất cứ hành động nào của con người cũng đều hướng về một mục tiêu: nối những điểm ở hai đầu con đường quanh co bằng con đường thẳng, nghĩa là hợp lý hóa những điều phức tạp thành một hệ thống đơn giản hơn, dễ hiểu hơn, đến độ có thể yên tâm chấp nhận được cuộc sống đó. Siêu thực, tượng trưng, Dada, tiểu thuyết mới...và bao nhiêu phong trào cách tân khác trong văn nghệ chẳng qua chỉ là phản ứng nhất thời trước một hiện trạng duy lý cứng ngắt, gò bó, đè ép khát vọng tự do của con người. Khi sự đè nén đó suy giảm, các phong trào trên cũng thoái trào. Người viết tiểu thuyết lại trở về với nhiệm vụ cố hữu là kể chuyện đời. Nhân vật tiểu thuyết vì vậy vẫn là quan tâm hàng đầu của người viết tiểu thuyết.

Do nhu cầu làm sao để nhân vật tiểu thuyết sống thực hoặc "dường như có thực", người viết không thể lơ là phần tìm tài liệu, đi thực tế để tạo một khung cảnh cũng "dường như có thực" cho nhân vật.

- Anh làm thế nào để sáng tác trong trường hợp anh muốn mô tả một tình huống, một khung cảnh, hay một loại nhân vật mà anh chưa hề sống qua hay tiếp xúc với?

- Tôi tìm đọc những sách vở, tài liệu nói về tình huống, khung cảnh, loại nhân vật ấy. Quả tình công việc đó không dễ dàng, nhất là khi mình phải viết về một thời đại cách thời đại mình cả hai thế kỷ, như thời Tây sơn trong Sông Côn Mùa Lũ. Tại các nước Tây phương, công việc ấy tương đối dễ dàng nhờ người Tây phương tôn trọng di tích lịch sử và tận tình bảo tồn các sử liệu, chưa kể óc khoa học giúp họ ghi chép tỉ mỉ mọi hoạt động của đời sống thời đại của mình. Một nhà văn Pháp viết về Napoléon dễ dàng hơn một nhà văn Việt Nam viết về Quang Trung. Khi tìm tài liệu thời Tây Sơn để viết Sông Côn Mùa Lũ, tôi mới bắt đầu thấy mình liều lĩnh. Sách viết về thời ấy rất nhiều, nhưng những thứ người viết tiểu thuyết cần để tái dựng lại thời đó thật hiếm hoi. Chẳng hạn y phục thời đó ra sao, đàn bà mặc thế nào, đàn ông mặc thế nào, quan lại dùng loại quần áo gì, chế độ thuế khoá, trưng binh khác thế nào với Đàng Ngoài...Tôi chỉ tìm được một vài lời giải đáp trong Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quí Đôn, và càng khâm phục ông hơn. Trong vòng sáu tháng, dù bận không biết bao nhiêu công việc, Lê Quí Đôn vẫn tìm ra thì giờ để ghi lại tỉ mỉ cách tổ chức hành chánh, binh bị, thuế khóa, lẫn phong tục tập quán của Đàng Trong thế kỷ 18.

Trong trường hợp không thể có chứng cứ hoặc một mẫu hình thích hợp để bắt chước, viết theo, phóng tác, có lẽ tôi cũng làm giống như các bạn văn khác đã làm: là "luận kim suy cổ". Chẳng hạn khi viết về cảnh hoang tàn và tâm trạng phức tạp của dân Thuận Hóa sau khi Tây Sơn tiêu diệt quân Trịnh và Nguyễn Huệ chuẩn bị Bắc tiến, tôi đã dựa vào những gì xảy ra cho các thành thị Miền Nam sau khi chế độ Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ: từ cảnh quân lính Trịnh vất quần áo khí giới trốn về với gia đình cho đến những phá phách thanh toán ân oán giang hồ tích lũy hằng mười năm dưới thời Trịnh cai trị, từ những đám ma lặng lẽ dấm dúi của gia đình quân Trịnh cho tới thái độ thu mình né tránh của nhân sĩ Thuận Hóa. Tôi nghĩ nhà văn nào cũng làm như tôi: là khi phải viết về những tình huống, nhân vật...mình không am tường,

cách tốt nhất là tự đặt mình vào cảnh huống ấy, và căn cứ vào hiện tại hoặc những gì mình biết để suy ra. Trong hai bộ trường thiên, vì có quá nhiều nhân vật, quá nhiều cảnh huống, tôi phải áp dụng phương pháp này nhiều lần. Có thể nhiều độc giả không đồng ý với cách "luận kim suy cổ" như thế, bảo ngày xưa không như thế như thế. Nhưng nói như vậy thì nhà văn chỉ có quyền viết tự thuật hoặc hồi ký, và nhân vật tiểu thuyết luôn luôn ở ngôi thứ nhất.

Mới đây, trên tuần báo Văn Nghệ ở Hà Nội, nhà văn chuyên viết tiểu thuyết lịch sử Hà Ân có chê trách một số người viết truyện lịch sử không cẩn thận trong việc dùng chữ cho thích hợp, và ông dẫn chứng trường hợp một nhà văn dùng chữ "lính gác" để viết truyện xưa. Hà Ân bảo chữ "gác" là từ chữ Pháp "garde" mà ra, sao lại dùng chữ đó để nói về thời Tây chưa biến Việt Nam thành thuộc địa của họ. Nghe ông Hà Ân nói, tôi thấy mình cũng vấp phải những lỗi lầm như Hà Ân nêu ra. Nhưng, nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử cho ai đọc vậy? Cho người sống cách đây hai thế kỷ, hay cho độc giả cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21? Và nhà văn viết về bất cứ thứ gì, dù là chuyện xảy ra thời khai thiên lập địa cho tới chuyện khoa học viễn tưởng xa tít mù trong mai sau, cũng là viết về mình, cộng đồng của mình, trong hoàn cảnh hiện tại. Không thể nào tránh được điều đó.

- Anh có cho rằng kỹ thuật dựng truyện đóng một vai trò quan trọng trong việc chuyên chở tâm cảnh của nhân vật cũng như chủ đề cốt lõi của tác phẩm? (Kỹ thuật dựng truyện ở đây được hiểu như là: cách viết câu văn, cấu trúc truyện, cách đối thoại, trình tự thời gian...)

- Dĩ nhiên là có. Nội dung quyết định hình thức. Chủ đề tác phẩm quyết định cách dựng truyện sao cho thích hợp. Tôi xin lấy hai trường hợp điển hình: bút pháp Võ Phiến và bút pháp Nguyễn Huy Thiệp. Chủ đề truyện và tùy bút của Võ Phiến là cái nhìn bi quan của ông về nhân sinh, trình bày không qua những thiên đại luận về triết lý mà qua những cái chi li của đời sống bình thường, theo kiểu chứng minh trong mỗi hạt bụi có chứa cả một vũ trụ. Chủ dề ấy chỉ thích hợp với hai thể loại Võ Phiến phát huy được hết sở trường của mình, là tùy bút và truyện vừa. Nguyễn Huy Thiệp mang lại một không khí mới cho truyện ngắn Việt Nam, khi ra ngoài truyền thống tải đạo và đưa ra những mẫu nhân vật đa diện, đa nghĩa, bất trắc, lơ lửng, không chịu xếp hàng. Vì thế dù hình thức truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp mang dáng cổ kính của những truyện truyền kỳ, các nhà nghiên cứu văn học vẫn xem Nguyễn Huy Thiệp là nhà văn thuộc trào lưu hậu-hiện-đại.

Nội dung đó đòi hỏi một lối viết ngắn, cộc, như những nhát dao quệt sơn lên bức tranh sơn dầu ấn tượng. Lối viết đó không thể thích hợp với truyện dài. Nó chỉ thích hợp với truyện ngắn và kịch.

- Anh là nhà văn VN duy nhất có đến hai bộ trường thiên tiểu thuyết: Sông Côn Mùa Lũ và Mùa Biển Động. Hai bộ đều đề cập tới hai giai đoạn lịch sử cực kỳ quan trọng của dân tộc. Chắc chắn là anh đã đổ biết bao nhiêu tâm huyết và công sức để hoàn thành hai tác phẩm ấy. Anh đã chuẩn bị như thế nào cho việc sáng tác hai bộ trường thiên đó? Có gì khác nhau? Có gì giống nhau? Yếu tố nào (kinh nghiệm, cảm hứng sáng tạo, kiến thức và kỹ thuật) đóng vai trò quan trọng trong quá trình sáng tác hai bộ truyện?

- Ông Trần Đại Sỹ ở Pháp viết nhiều bộ trường thiên hơn tôi. Xin đính chính ngay câu nói của anh về chuyện tôi là người duy nhất có tới hai bộ trường thiên.

Bây giờ trở lại với việc chuẩn bị thế nào khi viết hai bộ trường thiên ấy.

Đầu tiên là bộ Sông Côn Mùa Lũ, viết tại Sài Gòn từ 1977 đến 1981. Khi quyết định viết bộ truyện này, tôi bắt đầu đi tìm tài liệu, đọc hết tất cả những sách báo viết về thời Tây Sơn. Một số tài liệu tôi tìm được ở Thư viện Viện Khảo cổ, sau 1975 chuyển qua cho Phân viện Khoa học Xã hội quản lý. Tại đây, tôi đọc được những thư từ và tài liệu của các nhà truyền giáo Tây phương hoạt động tại Việt Nam thế kỷ 18, đăng trên các báo nghiên cứu xuất bản đầu thế kỷ 20. Tài liệu về phía Việt Nam cũng nhiều, nhưng phần lớn chỉ chú ý tới những diễn biến lịch sử và nhận định lịch sử, phần tiểu thuyết gia cần là những dấu vết của đời sống thực thế kỷ 18, không tìm thấy. Chỉ có một cuốn sách bổ ích cho tôi là Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quí Đôn . Trong những cuốn sách nhận định về thời Tây Sơn, cuốn "Lịch Sử Nội Chiến..." của Tạ Chí Đại Trường hữu ích cho tôi nhất, do cách định giá độc đáo của anh..

Sau khi đã đọc kỹ các tài liệu, tôi gác các tài liệu ấy qua một bên, tự dặn là hãy quên các tài liệu ấy đi, để bắt tay vào viết tiểu thuyết. Trên bàn viết của tôi, tôi dán một câu châm ngôn để thường xuyên nhắc nhở mình: "Đừng để cho sự kiện lịch sử lấn át đời sống". Và vì đời sống của hai thế kỷ trước ra sao tôi không biết, nên tôi phải tưởng tượng ra, theo cái mẫu nhân tình thế thái của đời sống quanh tôi ngày nay. Thú thực ban đầu tôi cũng có e ngại, băn khoăn không biết phải viết thế nào: "phục cổ" "nệ cổ" hay là cứ viết thoải mái theo lối

bây giờ. Mà viết cho có vẻ xưa là viết làm sao, thế nào là xưa? Cuối cùng tôi tìm ra một chỗ dựa để viết Sông Côn Mùa Lũ theo cách tôi chọn: Nguyễn Du viết Truyện Kiều cách đây cũng gần hai trăm năm, mà sao đọc Truyện Kiều không thấy xưa như đọc văn Phạm Quỳnh? Tôi nghĩ như vậy cái gọi là xưa chỉ có trong văn chương bát cổ, còn đời sống thực bên ngoài, ngôn ngữ đời thường ngày xưa chắc cũng không khác ngày nay bao nhiêu. Văn chương Truyện Kiều đâu có rắc rối khó hiểu!

Giải quyết được vấn nạn mấu chốt đó, tôi bắt đầu viết. Viết thế nào? Xin lỗi, tôi sẽ làm thất vọng nhiều người, khi nói thật là tôi không vạch ra một sơ đồ qui mô nào trước khi viết, không tỉ mỉ bố trí mọi việc như một sĩ quan tham mưu thảo kế hoạch hành quân cho một cuộc tấn công cấp quân đoàn, phối hợp chặt chẽ nào hải lục không quân cho tới tiếp liệu quân nhu, đạn dược, chương trình dân vận, sách lược truyền thông... Như bản thảo Sông Côn Mùa Lũ anh đã xem qua, tôi cứ lần lượt viết từng chương theo thứ tự thời gian, và viết một lần thôi, không thêm bớt sửa chữa gì nhiều. Nhiều bạn văn thấy bản thảo sạch sẽ, tưởng tôi đã chép lại các bản thảo có nhiều sửa chữa tẩy xóa trước đó. Không, đó là bản thảo đầu tiên và cuối cùng, bản thảo duy nhất. Theo thói quen, khi viết cái gì, tôi suy nghĩ rất lâu trước khi viết. Nhưng khi đã viết, thì viết một mạch, viết một lần rồi thôi. Tôi rất ngại sửa đi sửa lại những bản thảo đã viết. Tôi ngụy biện bảo mình là thay vì bỏ thì giờ sửa cái cũ, tại sao không viết hẳn một cái mới khác.

Bốn năm viết Sông Côn Mùa Lũ là bốn năm khốn đốn nhất trong đời tôi: hai năm thất nghiệp lang thang việc nuôi sống gia đình nhà tôi phải gánh vác hết, một năm rưỡi làm công nhân cho tổ hợp mì sợi Dân Sinh dưới Chợ Lớn, hai lần bị tù (một lần vì hai bang người Hoa trong tổ hợp kình chống phá phách nhau tôi bị vạ lây, một lần vượt biên bị bắt). Điều chính tôi cũng ngạc nhiên là không hiểu sao trong hoàn cảnh sống khốn cùng như thế, tôi vẫn giữ được bình tĩnh để ngồi viết Sông Côn Mùa Lũ. Có lẽ trong tuyệt vọng, tôi tìm được một công việc khó khăn để thu hút tâm trí của mình, quên đi cuộc sống trước mắt. Tôi ngồi viết Sông Côn Mùa Lũ như viết di chúc. Cho nên quyết tâm rất cao. Thời gian đạp xe đạp xuống Chợ Lớn làm mì sợi hàng ngày, thời khoá biểu rất căng: sáng 6 giờ dậy, mang theo một lon Guigoz đựng lon gạo và hũ chao, đạp xe từ Thị Nghè xuống đường Văn Điển Quang quận 11. Làm việc từ 8 đến 12 giờ. Nấu cơm, ăn cơm từ 12 giờ đến 12 giờ 30. Ngồi viết từ 12.30 đến 2 giờ chiều. Làm việc trở lại từ 2 đến 6 giờ chiều. Đạp xe về Thị Nghè, trên đường đi chở mì giao cho khách hàng, chở bột đi bán. Tối viết trở lại từ 9 đến 12 giờ khuya.

Mỗi ngày viết tối thiểu 5 trang giấy khổ lớn, và đều đặn như thế. Chưa viết xong phần cuối thì mối vượt biên gọi phải đi gấp. Chuyến vượt biên ấy thất bại, bị tù bốn tháng ở Vũng Tàu. Trở về, tôi viết tiếp phần Kết từ, làm bản Tổng lược và Thư mục. Tôi cảm ơn nhà tôi đã để cho tôi làm một chuyện ngược đời như thế trong thời gian gia đình gặp khó khăn về kinh tế. Viết một bộ truyện dày như thế mà không có hy vọng nhỏ nhoi nào về chuyện xuất bản, thì viết làm gì? Nhà tôi để mặc cho tôi ngồi viết hằng đêm, vì biết đấy là lối thoát cuối cùng của tôi về tinh thần.

Bộ Mùa Biển Động, như anh biết, tôi khởi viết khi đã ra khỏi nước. Tập I (nhan đề Những Đợt Sóng Ngầm) viết ở đảo Kuku Nam Dương năm 1982. Tập II (Bão Nổi) viết ở Hoa Kỳ năm 1985, tập III (Mùa Biển Động) năm 1986, tập IV (Bèo Giạt) năm 1988, tập V (Tha Hương) năm 1989. Cách chuẩn bị tìm tài liệu và cách viết Mùa Biển Động cũng giống như hồi viết Sông Côn Mùa Lũ. Tôi có trình bày khá chi tiết chuyện viết Mùa Biển Động trên tạp chí Việt số 2.

So với thời viết SCML, đời sống thời viết MBD có khá hơn. Nhưng quyết tâm dồn trọn mọi suy nghĩ cảm xúc cho tác phẩm, thời viết MBĐ không cao bằng thời viết SCML. Đời sống nơi xứ lạ có trăm mối lo. Trở lại sống và viết bình thường là trở lại với những ràng buộc bình thường: viết để làm gì? viết cho ai? viết thế nào? Một người lái xe ngay ngáy lo phạm luật giao thông thì tất nhiên lái không tự nhiên, dễ bị xe sau bóp còi. Tôi chưa đến nỗi phải nhìn trước nhìn sau đề phòng khi viết MBĐ, nhưng rõ ràng là không viết hết mình như khi viết SCML.

- Nhà phê bình Thụy Khuê cho rằng "Kinh nghiệm cho biết là muốn tiếp tục viết, nhà văn phải có thì giờ đầu tư vào địa hạt tư tưởng, rồi từ đó mới có thể sản xuất ra được tác phẩm của mình". Theo tôi hiểu, chị Thụy Khuê muốn nói đến vấn đề kiến thức của nhà văn. Anh nghĩ thế nào về vai trò của kiến thức trong việc sáng tác tác phẩm văn chương.

- Tôi đồng ý ngay với chị Thụy Khuê. Người ta thường nói tới ba yếu tố cần thiết cho một nhà văn: năng khiếu, kiến thức và sức làm việc. Hầu hết các nhà văn Việt Nam tận dụng năng khiếu, và được chú ý dễ dàng (dễ dàng so với thời khởi nghiệp của các nhà văn Tây phương chẳng hạn) khi dùng năng khiếu viết về đời mình. Cho đến lúc nhà văn trẻ ấy gặp thử thách lớn: chuyện đời mình nói mãi cũng nhàm cũng cạn, viết cái gì nữa đây? Nhiều người không biết viết cái



HOÀNG PHỦ CƯƠNG

Chiều sương ở Kim Sơn

Khổ nỗi kính rạn gần chân
tích tách vũng lu nước đọng
ngàn đêm thừa nước bạc nguồn

nói bằng tai đã vờ nghe
xoay xoay vòng quay lung lạc
đường quên ngõ mốt tường mai

à sương, mày lên thấp thoáng
chới với lòng ta chớp choáng
đóm lửa tàn soi không thấy
mịt mùng trượt dốc xanh biên

HOÀNG PHỦ CƯƠNG

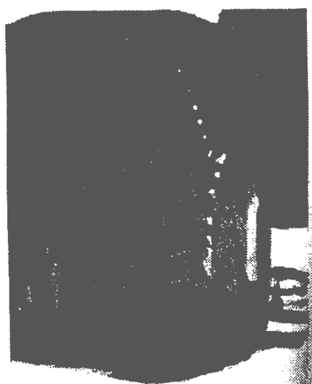
gì khác ngoài chuyện đời mình, săm soi ngắm nghía mình, nên tiếp tục sản xuất những bản sao. Những người có kiến thức sẽ tìm được lối thoát, ra khỏi cái "tôi" đi tìm "người khác", những cuộc đời khác. Từ "tường thuật", "mô tả", văn chương chuyển qua "suy tư", "dự phóng". Từ ca lâu, tửu quán, người viết đến thư viện, giảng đường. Không phải ngẫu nhiên mà hầu hết các nhà văn nhà thơ lớn trên thế giới đều là những nhà văn hóa lớn, những triết gia được hâm mộ tại các khuôn viên đại học. Người viết Việt Nam hiện nay dường như vẫn chưa bước ra khỏi giai đoạn năng khiếu.

TRẦN DOÃN NHO *thực hiện*
(12 tháng 11 năm 1998)



PHẠM NGUYỄN

Sinh hoạt văn học nghệ thuật



Nhà văn Salman Rushdie được giải thưởng của Pháp

Chính phủ Pháp sẽ trao phần thưởng văn học lớn - "Commandeur dans l'Ordre des Arts et des Lettes" - cho nhà văn Salman Rushdie vào cuối tháng giêng tại Luân-Đôn.

Nhà văn Anh gốc Ấn này đã bị lãnh tụ tôn giáo Khomeini ban hành án tử hình fatwa từ mười năm qua, kết tội báng bổ người Islam qua tác phẩm "The Santanic Verse." Mặc dù vào năm ngoái chính quyền Iran đã tuyên bố không can dự đến bản án "fatwa" hay khuyến khích ai tìm giết ông nữa, sinh mạng Rushdie vẫn đang bị đe dọa. Một tổ chức cuồng tín ở Iran - bên cạnh nhiều nhóm khác - đã tiếp tục treo giải thưởng 2.8 triệu mỹ kim cho ai giết được nhà văn này.

Phần thưởng cao quý của chính quyền Pháp ghi nhận sự đóng góp của nhà văn Rushdie vào nền văn học nghệ thuật ở Pháp và thế giới. Các nhân vật được giải thưởng không phải là người Pháp trước đây gồm có nhạc sĩ Beatle Sir Paul McCartney, tài tử Lauren Bacall và đạo diễn Stanley Kubrick. Tác phẩm và lập trường chống thái độ bất khoan dung của Rushdie đã mang lại cho ông rất nhiều bè bạn ở Pháp.

Mới đây, vào hôm 5-1-99, nhà văn Rushdie đã phải đình hoãn cuộc xuất hiện cùng nhà văn Mễ Carlos Fuentes tại Mexico City vì tin

về sự có mặt của ông đã bị lộ quá sớm và giới truyền thông Iran đã đưa ra lời đe dọa. Một ngày trước đó, Rushdie đã có mặt bên cạnh ông Cardenas, Thị Trưởng Mexico City, tại buổi lễ khánh thành ngôi nhà dự định sẽ dùng làm nơi trú ngụ cho ba nhà văn đang bị đe dọa trên thế giới, như một phần chương trình của International Parliament of Writers nhằm tạo dựng các thành phố tị nạn khắp nơi.

Ôạng Rushdie đã tuyên bố trước đó là ông vẫn chưa có được một đời sống bình thường mặc dù chính phủ Iran đã bỏ lệnh tử hình hồi tháng chín và ông bày tỏ sự quan tâm đặc biệt đến các nhà văn ở Algeria và Iran là những nơi có nhiều nhà văn đã bị giết hại hay biến mất gần đây.

Nhà văn Anh cũng rất lo ngại cho sự an toàn của nhà văn nữ người Bangladesh, Taslima Nasreen, người cũng đang đương đầu với một bản án "fatwa" của nhóm Hồi giáo quá khích. Bà Nasreen vừa trở về nước để chăm sóc cho bà mẹ đang bệnh nặng sau bốn năm sống lưu vong.

Tác giả "Quê Hương Tan Rã"
được cử làm đại sứ của LHQ

Hôm 7-1-99, nhà văn hàng đầu của Phi châu là Chinua Achebe đã được bổ nhiệm làm Đại sứ thiện tâm (goodwill ambassador) mới cho Population Fund (UNFPA) của Liên Hiệp Quốc. Tổ chức này nhằm vận động về vấn đề sinh sản lành mạnh và kế hoạch hóa gia đình.

Ông Achebe, 68 tuổi, dạy văn chương tại đại học Bard College ở tiểu bang New York tuyên bố là ông chưa biết rõ là ông sẽ làm gì trong nhiệm vụ đại sứ mới của mình nhưng nói ông nhiệt liệt ủng hộ Liên Hiệp Quốc và các công trình của Population Fund. Ông nói các nước Tây phương nên lắng nghe tiếng nói của các nước đang phát triển để hiểu rõ hơn nhu cầu của họ.

Tác phẩm nổi tiếng của Achebe, "Things Fall Apart" - trước đây có bản dịch Việt ngữ với nhan đề "Quê Hương Tan Rã" - in năm 1958. Sách đã bán được khoảng 8 triệu cuốn và được xem là một trong những kiệt tác của văn học Phi Châu hiện đại.

Nhà văn Solzhenitsyn từ chối giải thưởng

Một lần nữa, nhà văn lưu-vong-rồi-quy-cố-hương Alexander Solzhenitsyn lại có dịp bày tỏ sự quan tâm đầy nhân bản của mình đến đám đông quần chúng.

Vào trung tuần tháng 12, nhân dịp sinh nhật 80 tuổi của nhà văn, Tổng thống Nga Yeltsin đã đề nghị trao tặng ông một phần thưởng văn hóa cao quý nhất của Nga nhưng nhà văn đã từ chối phũ phàng.

Ông Solzhenitsyn, người đã gay gắt chỉ trích Yeltsin bấy lâu nay, đã cám ơn, từ chối huân chương và phát biểu: "Khi dân chúng đang đói kém và thất nghiệp trầm trọng như trong tình hình hiện nay, tôi không thể chấp nhận phần thưởng này được."

Tổng thống Nga đã đề nghị trao tặng huân chương St. Andrew về "sự phục vụ tổ quốc xuất sắc và đóng góp lớn lao vào văn học thế giới" của nhà văn đoạt giải Nobel văn chương này.

Một viên chức cao cấp của Yeltsin nói rằng dĩ nhiên nhà văn có quyền từ chối phần thưởng nhưng bổn phận của Tổng Thống là "vinh danh một con người xuất chúng như vậy vào ngày sinh nhật của ông."

Tuy nhiên, cơ quan thông tấn Nga cho biết trước đây ông Solzhenitsyn đã từng nhận một phần thưởng của Hàn Lâm Viện Khoa Học Nga.

Tao đàn trên "lưới"

Hàng trăm các web site đặc biệt chuyên về thi ca đang làm sống lại lòng yêu thơ tưởng đã tàn lụi hẳn nơi nhiều người. Trong sinh hoạt chợt rộ ra ồn ào đó, Cafe Poetry tại địa chỉ www.cafepoetry.com có lẽ được biết đến nhiều nhất, trở thành chỗ giao tiếp văn nghệ lý thú. Người làm thơ yêu thơ khắp nơi không còn bắt buộc phải lui tới các quán café chập chờn đèn đóm, không khí lập dị hoặc đến các câu lạc bộ sinh viên lăng nhăng ở các trường đại học mới có chỗ để phô bày tài năng thi ca của mình nữa.

Một fan của Cafe Poetry cho biết là cô có "page" riêng của mình và đã từng được giới thiệu như "Thi Sĩ Trong Tháng." Những thông tin liên lạc ở đây rất là thân thiện, giống như cuộc giao tiếp của những người hàng xóm sát nhà nhau và có cùng một sở thích nào đó.

Cafe Poetry, trước đây gọi là "The Electric Cafe," thành hình từ tháng bảy năm 1997 và nhận được khoảng 3500 pages vào mỗi ngày. Cafe Poetry đang trở thành một trong những site hay đẹp nhất trên mạng web.

Những người âm thầm làm thơ mà không có cơ hội cho người khác đọc nay có dịp phổ biến tác phẩm rộng rãi và không tốn kém. Cũng không cần phải khai báo lý lịch cá nhân gì cả, trừ một bút hiệu. Site thơ Cafe Poetry không đòi hỏi phải đóng lệ phí, tặng hiến hay thậm chí phải đăng ký gì cả. "Chủ tiệm" có nhận được một tí xíu phần

trăm huê hồng nào đó qua các "click through purchase" từ các cửa tiệm online lớn như Amazon và Proflowers.

Các thi sĩ Việt Nam đang sáng tác bằng Anh ngữ như Đinh Linh, Dương Như Nguyện, Bảo Kim, Thiên Yên... đã có dịp xuất hiện và gây sững sốt cho các "bang thơ" trên web kia chưa nhỉ?

Nghĩ cũng khá khôi hài khi thứ kỹ thuật cao cấp như web lại có thể tiếp tay trợ giúp cho thi ca - một nghệ thuật xưa cũ gần như đang mất hẳn!

Một nhà văn Iran xin tị nạn ở Na Uy

Bản tin Reuters gửi đi hôm 08-01 cho biết một tác giả người Iran đang tìm cách xin tị nạn ở Na Uy vì sợ nguy hại đến tính mạng nếu ông ta trở lại Tehran.

Một tổ chức tranh đấu cho quyền tự do phát biểu ở Na Uy cho biết ông Mansour Koushan sẽ nộp đơn xin thường trú tại Na Uy dù vợ con ông Koushan vẫn còn ở lại Iran. Ông Koushan đã có mặt ở Oslo tháng trước để tham dự một cuộc hội luận tổ chức tại đây với giấy chiếu khán du lịch.

Ông Koushan là một trong sáu nhà văn hồi năm ngoái đã cố gắng tìm cách phục hồi một tổ chức độc lập cho các nhà văn Iran bấy lâu nay vẫn thường chỉ trích chính quyền. Hai trong sáu người mới đây đã bị giết chết và Bộ Nội Vụ cho biết đã bắt giữ một số mật vụ tình nghi có dính líu đến vụ sát hại này.

Na Uy là một trong những quốc gia ủng hộ nhà văn Salman Rushdie mạnh mẽ trong việc chống lại bản án tử hình fatwa. Nhà xuất bản tác phẩm Rushdie ở Na Uy là ông William Nygaard đã bị bắn trọng thương ở Oslo vào năm 1993. Cảnh sát chưa bắt được thủ phạm mà họ nghi là bọn ám sát người Iran.

Nghi vấn về cuốn hồi ký của một người đoạt giải Nobel

Bà Rigoberta Menchu là người đã đoạt giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1992, phần lớn nhờ được thế giới biết đến qua quyển hồi ký nhan đề "I, Rigoberta Menchú," in năm 1983 bằng tiếng Spanish, ngay lúc cao điểm cuộc nội chiến khốc liệt tại Guatemala đang diễn ra.

Quyển hồi ký cảm động ghi lại những sự hủy diệt tàn phá, bạo động, đau khổ mà bà chứng kiến đã khiến bà Menchú nổi tiếng ngay lập tức. Các tổ chức nhân quyền bấy giờ đã kết lòng ra sức vận động,

giúp mang lại giải Nobel Hòa Bình cho bà 9 năm sau đó.

Tuy nhiên, mới đây, một nhà nhân chủng Hoa Kỳ lại vừa tung ra một quyển sách nhan đề "Rigoberta Menchú and the Story of All Poor Guatemalans," cho rằng các chi tiết chính trong quyển hồi ký kia là không đúng sự thật. Căn cứ trên những điều tra và phỏng vấn trên 120 người đang sinh sống tại đó, kéo dài gần 10 năm, ông David Stoll đã kết luận là không thể xem quyển hồi ký của bà Menchú là có tính cách nhân chứng được vì "bà ta đã kể lại những kinh nghiệm mà bà chưa bao giờ trải qua cả."

Về phần bà Menchú, trong một cuộc phỏng vấn mới đây, bà đã khăng khăng từ chối không trả lời về những sự kiện khác biệt mà quyển sách của ông Stoll đưa ra vì bà cho rằng đó không phải là công việc của bà. Bà cho biết bà vẫn vô cùng hãnh diện với quyển hồi ký của mình và ngầm ý cho rằng những sự chỉ trích liên hệ chỉ là một phần của các âm mưu chính trị muốn lôi kéo sự chú ý của công chúng. Bà cho biết hơn 15000 luận đề trên khắp thế giới đã viết về ba, nhờ đọc quyển sách đã được dịch ra hơn 10 thứ tiếng này.

Trong khi đó, ông Geir Lundestad, thư ký thường trực của Ủy Ban Nobel Na Uy cho biết là chuyện lấy lại phần thưởng đã trao tặng là một vấn đề không thể xảy ra, một phần vì khi cứu xét, ủy ban hàn lâm Thụy Điển không chỉ căn cứ vào quyển sách đó mà thôi.

Sách hình Tintin được bảy mươi tuổi

Vào hôm chủ nhật 10-01, nhân vật Tintin cho thấy là chàng đã hầu như sắp sống thọ qua mặt đối tượng độc giả của chàng là các trẻ con từ 7 tuổi cho đến các cụ già 77 tuổi. Sau ngần ấy năm, sách Tintin vẫn được in ra và bán chạy khắp thế giới, từ Nhật cho đến Liên Xô.

Kể từ khi xuất hiện lần đầu tiên trong "Cuộc phiêu lưu của Tintin vào đất Xô Viết" vào ngày 10-01-1929, chàng trai tóc vàng và con chó Snowy đã chạm trán không biết bao nhiêu nhà khoa học điên khùng và bọn điệp viên tinh khôn khắp thế giới.

Để kỷ niệm sinh nhật Tintin lần này, nhà xuất bản Casterman đang cho in lại 500000 quyển Tintin đầu tiên, chỉ bằng tiếng Pháp, vì sách đã tuyệt bản từ lâu.

Có ý kiến cho rằng họa sĩ Herge, tác giả của Tintin, bút danh của một người vẽ hí họa Bỉ tên thật là Georges Remi, là một người "có thị kiến" trước việc khối Xô Viết tan rã sau này. Trong quyển sách đầu tiên đó, có một câu nói đáng nhớ của Tintin như sau: "Trong khi dân chúng Nga đang chết dần chết mòn thì vô số lúa mạch được xuất cảng

ra nước ngoài để cố phô bày cái-gọi-là sự giàu có của thiên đường Xô Viết."

Từ khi họa sĩ Remi qua đời vào năm 1983 - sau khi đã tung ra 23 bộ Tintin toàn tập - mỗi năm vẫn có khoảng 3 triệu sách Tintin được bán ra khắp thế giới. Tintin đã được dịch ra đến 58 thứ tiếng khác nhau.

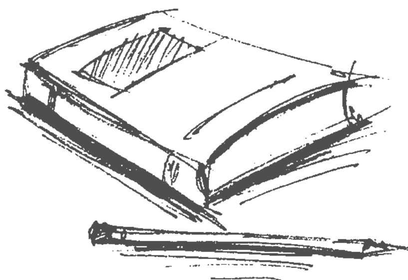
Có lần cố tổng thống Pháp Charles De Gaulle ậm ừ đùa rằng "nói cho cùng, đối thủ quốc tế duy nhất của tôi chính là Tintin."

PHẠM NGUYỄN



KIM THI

Ngày... Tháng...



Ngày.. tháng...

Bốn năm trước, một tác giả uy tín cư ngụ tại Bắc Mỹ, thư cho Kim Thi, tỏ vẻ khó chịu vì một số từ ngữ ông đọc thấy trong các sáng tác của những nhà văn trong nước hiện nay, nhất là những nhà văn sinh và trưởng thành tại miền Bắc. Theo ông, "chướng tai không chịu được." Nhiều năm qua, tòa soạn cũng từng nhận không ít những lá thư có nội dung tương tự. Hầu hết đều bày tỏ thái độ bỉ thử hoặc bực dọc. Bình tĩnh hơn, một số người nghĩ rằng những "sai lầm" ấy do lỗi của đả tự viên. Và ngay chính các đả tự viên, khi đánh máy, cũng thường "sửa lại cho đúng" theo quán tính đã in hằn trong nếp nghĩ. Chả hạn, gặp chữ "thi thoảng", họ chỉnh thành "thỉnh thoảng", hoặc "Phản ánh", thành "phản ảnh...

Kim Thi còn nhớ đã trả lời vị tác giả uy tín trên, đại ý, ngôn ngữ của bất cứ chủng tộc nào cũng nằm trong tiến trình sinh nở và biến hóa không ngừng theo thời gian, do va chạm với các ngôn ngữ khác, do nhu cầu sinh hoạt xã hội. Vậy, khi đọc hoặc nghe thấy một từ mới, ta nên tập làm quen với nó, và nên mừng, bởi ngôn ngữ của ta đã mỗi ngày mỗi giàu có thêm. Có lẽ vị tác giả kia không bằng lòng với quan niệm của Kim Thi, ông phản ứng một cách quyết liệt: cắt đứt quan hệ, thôi không thư từ bài vở với *Hợp Lưu* nữa. Ban đầu, Kim Thi ngạc nhiên, nghĩ, có gì đâu, sao đến nỗi trầm trọng thế. Sau này, qua giao

tiếp với truyền thông và báo chí hải ngoại, Kim Thi vỡ lẽ, chuyện không đơn giản và không "nhẹ" như Kim Thi tưởng. Trong vấn đề này, mới, cũ của ngôn ngữ chỉ là cái cớ. Điển hình, có lần Kim Thi nghe được "ý kiến" của một thính giả, phản đối một đài truyền thanh tại địa phương, rằng "người Quốc Gia" ta có thiếu gì từ hay hơn, ý nghĩa hơn, sao không dùng, dùng làm gì cái chữ *"đăng ký"* của bọn Việt Cộng. Do phản ứng từ độc giả, thính giả, và do não trạng của chính những người lọc tin, đã sản sinh ra một thứ "luật lệ" chung bất thành văn trong giới truyền thông hải ngoại. Đó là công tác "chỉnh lý" chữ nghĩa trong mọi bài viết, mọi bản tin xuất phát từ quốc nội. Những ai liên quan ít nhiều đến báo giới đều biết, tất cả các tờ báo lớn bé tại hải ngoại đều "kế thừa có chọn lọc" tin tức trong nước, qua chính báo chí trong nước. Nhưng thay vì trích đăng nguyên văn, các tòa báo thường viết lại, bằng ngôn ngữ của "người quốc gia", nghĩa là thay thế tất cả những từ mới bằng những từ tương đương có trước 1975 tại miền Nam.

Với thực tế trên, Kim Thi hiểu, người hải ngoại không chấp nhận những từ mới, không cho phép ngôn ngữ sinh nở, biến hóa, chả phải vì muốn bảo tồn tinh hoa tiếng Việt, mà chỉ vì lý do duy nhất: chính kiến. Nghĩa là bất cứ cái gì xuất phát từ Việt Nam sau tháng Tư một chín bảy lăm đều là "của địch". Đã là "của địch" thì dứt khoát không hay, không tốt, không văn minh tiến bộ, và nhất định không đúng. Khách quan nhận xét thì trong một số trường hợp, quả thật có một số từ mới (hay đã cũ nhưng được dùng để thay thế những từ, theo quan niệm của chính quyền, là "lai căng", "mất gốc", "lệ thuộc") nghe "chướng không chịu được". Ví dụ *"máy bay lên thẳng"* thay vì *"trực thăng"*, *"nhà phòng cháy chữa cháy"* thay vì *"sở cứu hỏa"*, *"lính thủy đánh bộ"* thay vì *"thủy quan lục chiến"*, *"lính gái"* thay vì *"nữ quân nhân"*, *"nhà ỉa đái"* thay vì *"nhà vệ sinh"*... Loại "từ mới" này phát sinh sau ngày miền Nam đổi chủ, bắt nguồn từ tinh thần quốc gia quá khích, muốn Việt hóa tất cả những gì còn mang hơi hướm Tàu. Khổ nỗi, ngôn ngữ của ta, nhất là ngôn ngữ văn chương, thường vay mượn một phần rất lớn ngôn ngữ Tàu. Nếu Việt hóa tất cả, e tiếng Việt tinh ròng chẳng còn bao nhiêu, lại chả thanh lịch tí nào. Thậm chí có nhiều từ không thể Việt hóa được. Ví dụ nhóm chữ *"Bác Hồ vĩ đại"*, thử "hóa" mà xem, *Bác Hồ* của chúng ta sẽ biến thành một dã nhân có đuôi dài ngoằng ngay. Bất kính và hài hước kể gì. Cho nên, theo Kim Thi, cứ tha hồ mượn, chả sao cả. Nô lệ hay tự chủ nào phải vì sự vay mượn này? Hai mươi bốn mẫu tự dùng để viết tiếng Việt do ta sáng chế ra chắc? Rất may, "thời kỳ quá độ" ấy qua rồi, Ngày nay, tại Việt Nam, chẳng mấy người còn sử dụng những từ ngữ "chướng tai" kia nữa.

Điều ấy chứng tỏ khả năng sàng lọc hữu hiệu của quần chúng. Cái gì đúng tất tồn tại, cái gì sai hẳn nhiên sớn muộn cũng bị đào thải.

Ngoài các trường hợp trên, không nên vì chính kiến mà đẩy vấn đề đi quá xa theo kiểu sửa lại tất cả những từ xuất phát từ miền Bắc, nói riêng, nội địa, nói chung sau 1975, hoặc nhất định buộc ngôn ngữ Việt Nam phải "triệt sản", không được phép sinh nở, biến hóa. Quan niệm cực đoan ấy, xét cho cùng, cũng cuồng tín không kém gì ý đồ Việt hóa kiểu *"nhà ỉa đái"* hay *"lính gái"* Kim Thi vừa dẫn bên trên.

Ngôn ngữ nếu không sinh sản, không cập nhật, không mọc thêm cành, thêm nhánh, thì sớm muộn gì cũng trở thành tử ngữ. Vị nào từng du lịch Thái Lan, và nếu đã từng đến một ngôi làng Việt Nam nằm gần biên giới Thái - Miên, hẳn biết, tất cả đồng bào ta sống trong ngôi làng này đều dùng một thứ tiếng Việt cổ của thời Gia Long. Tổ tiên của nhóm người này trước kia theo Nguyễn Ánh bôn tẩu sang tận đất Thái, rồi định cư, sinh con đẻ cái. Một số lớn lên, lấy người bản xứ, con cháu trở thành người Thái, tách lìa hẳn cộng đồng gốc. Số còn lại, bám chặt vùng đất đã chọn buổi ban đầu. Họ làm ăn sinh sống, dựng vợ gã chồng, gìn giữ tập tục, tín ngưỡng, cách ăn nếp ở. Ngoại trừ lúc giao dịch buôn bán với dân bản địa, họ buộc phải dùng tiếng Thái, còn thì trong sinh hoạt bình thường, tiếng Việt vẫn là ngôn ngữ chính. Nhưng vì tự cô lập mình trong một cộng đồng nhỏ, lại thêm phương tiện truyền thông còn quá "bán khai", họ hoàn toàn bị cắt lìa hẳn với đất mẹ. Khi rời nước ra đi, họ ăn vận thế nào, thì mấy trăm năm sau, vẫn tuyệt không thay đổi. Vẫn áo tứ thân, vẫn khăn mỏ quạ, vẫn nón mê chân đất. Nhất là tiếng Việt của họ, chẳng những không được cập nhật, sinh nở, trái lại mỗi lúc mỗi mòn đi. Nếu có dịp tiếp xúc với họ, thì cả ta và họ đều rất khó khăn khi truyền đạt thông tin cho nhau bằng chính tiếng mẹ đẻ của mình. Họ nói, ta hiểu lỏm bỏm, ta nói, họ mù mờ chập choạng.

Có thể vì chưa có cơ hội tiếp xúc với họ, nhiều độc giả chưa hình dung được sự khác biệt ngôn ngữ Việt giữa ta và nhóm đồng bào ruột thịt ly hương biệt xứ đó, Kim Thi xin lấy một ví dụ dễ tra cứu hơn: Hãy tìm và đọc *Nguyễn Trải Toàn Tập*, phần *Quốc Âm Thi Tập* (nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1976) độc giả sẽ thấy nhiều, rất nhiều từ ngày nay đã mất tích hẳn, hoặc còn đó, nhưng nghĩa đã khác, thậm chí nhiều từ mang nghĩa ngược hẳn với nghĩa đương thời.

Hiện tại, hơn hai triệu người Việt phân tán cùng trời cuối đất. Dù địa lý quan san, song chúng ta may mắn hơn nhóm người Việt định cư trên đất Thái Kim Thi vừa nói trên, là nhờ phương tiện truyền thông

hiện đại, tất cả đều có thể giao tiếp với nhau dễ dàng, nếu muốn. Chỉ cần mở computer, hay nhấc ống điện thoại, mọi người sẽ nói hoặc viết, hoặc đọc hoặc nhìn một cách thoải mái bất cứ cái gì từ Việt Nam nội địa, từ Á châu, Âu châu, Úc châu. Nhờ vậy, tiếng Việt của ta không bị hao hụt, trái lại còn được cập nhật, bổ sung kịp thời. Đó là hạnh phúc lớn, là phép lạ, do văn minh đem lại. Lẽ ra ta nên cảm ơn và tận dụng tối đa lợi điểm ấy, hà cớ gì vì hận thù, vì chính kiến nhất thời, ta tự bế môn tỏa cảng, tự làm mình nghèo đi.

Thực tế từng chứng minh, khi tiếp cận với văn học nội địa, đôi lúc chúng ta cảm thấy ngỡ ngàng vì bắt gặp một số từ trước đây ta chưa từng đọc bao giờ. Chỉ mới lìa xa đất mẹ hai mươi bốn năm, chúng ta đã ít nhiều trở thành "kẻ lạ" với tiếng Việt như thế, huống gì vẫn khư khư ôm chặt mớ vốn liếng có được lúc ra đi, nhất định không chịu dung nạp thêm, Kim Thi e sẽ có lúc chúng ta chẳng khá gì hơn nhóm người trên đất Thái, đến hôm nay, vẫn còn dùng thứ tiếng Việt của thời Gia Long.

Ngôn ngữ vốn vô tội. Nó được khai sinh, trở thành tài sản chung của dân tộc. Hãy để ngôn ngữ tự tại một cách vô tư. Đừng mặc cho nó bất cứ màu cờ sắc áo nào. Kim Thi cho đó mới là thái độ không ngoan, của những người thực sự yêu thương tiếng mẹ đẻ.

Ngày... Tháng...

Nhân bàn chuyện ngôn ngữ, Kim Thi có nói đến việc "kế thừa có chọn lọc" của giới truyền thông hải ngoại từ báo chí nội địa.

Đây là một mảng đề tài khá lý thú.

Như Kim Thi đã nói, đa phần tin tức liên quan đến Việt Nam chúng ta đọc được, nghe được qua các hệ thống truyền thông tại hải ngoại, đều xuất phát từ báo chí trong nước. Ở Bolsa, nói riêng, nước Mỹ, nói chung, có nhiều tụ điểm bán đủ mọi loại báo - từ thương mại đến văn chương nghệ thuật xuất bản tại nội địa khá cập nhật. Có thể khẳng quyết 100% những tờ báo đang lưu hành ở California và các tiểu bang khác, quốc gia khác đều lấy phần lớn tin tức (Việt Nam) từ các nguồn thông tin này.

Nhưng họ đã sử dụng kho tư liệu ấy thế nào? Thưa, theo ngôn ngữ của người anh em nội địa, thì đó là cách "kế thừa có chọn lọc". Có nghĩa, cái gì lợi cho ta, ta xài tận tình, cái gì hại cho địch, ta khai thác tối đa (nếu cần cường điệu thêm chút đỉnh, không sao).

Kim Thi xin đưa ra hai cách điển hình, phổ biến nhất.

Cách thứ nhất dành cho loại báo đặt trọng tâm phục vụ nhu cầu giải trí, bồi bổ kiến thức phổ thông và kiến thức... nhảm nhí, làthay vì mua, đọc báo ngoại quốc, chọn bài phù hợp với chủ trương của mình rồi thuê người dịch, các ông bà chủ bút đã "đi đường tắt" bằng cách bê nguyên con bài vở của những tờ báo có nội dung tương tự xuất bản tại nội địa, đem xào nấu lại, thế là hàng tuần có dư bài trám chỗ trống (giữa các trang quảng cáo). Nhất cử lưỡng tiện, không cần làu thông ngoại ngữ, không cần đầu tư tim óc, và lợi nhất là không cần chi trả tiền nhuận bút cho các tay thợ dịch mà bài vở vẫn đâu ra đó. Ở Bolsa, có ít nhất ba bốn tờ báo được thực hiện theo công thức này. Nguồn tài liệu được chiếu cố tận tình là tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay*, có số ấn bản cao nhất Việt Nam hiện nay. Tạp chí này phát hành mỗi tháng hai lần, tràn ngập bài vở, 80% nguồn bài lấy từ các tạp chí của Mỹ, Pháp và được chuyển sang Việt ngữ một cách sáng sủa, dễ hiểu, rất phù hợp với trình độ chung của quần chúng Việt Nam. Từ văn chương, điện ảnh, thời trang, xã hội, khoa học, y học đến chuyện lẩm cẩm xe cán chó (Chồng bị vợ cắt của quí vì đã ngủ với con riêng của vợ; Cuộc tình trống bói nhưng rất lãng mạn giữa "ông nội" tám mươi hai với "em Lolita" mười sáu); Chuyện khó tin nhưng có thật (Một phi công Đức Quốc Xã vừa hạ cánh chiếc khu trục cơ do anh ta lái xuống một sân bay bên Congo, sau hơn 50 năm bay lòng vòng trên không. Lý do: người phi công này bị đồng minh bắn hạ, nhưng oan hồn không thoát ra khỏi buồng lái được, vì chìa khóa cửa phi cơ đã bị bắn nát, anh ta buộc phải tiếp tục bay đến ngày được gọi đi... đầu thai); Những mẹo vặt các bà nội trợ cần biết (Làm thế nào giữ tươi rau cải trong tủ lạnh dài ngày? Kho thịt với nươc táo ngon hơn với nước dừa); Những bí kíp dành cho các đấng mày râu (Bảy chiêu thức cực kỳ hiệu quả nhằm đưa người nữ đến khoái lạc cực điểm nhiều lần trong một trận tình; Toa thuốc bí truyền *Nhất dạ lục giao sinh ngũ tử* vừa được cháu ba đời của một ngự y triều Nguyễn công bố...) Trung bình, một số báo *Kiến Thức Ngày Nay* cộng với bài vở của vài tờ khác (cũng xuất bản tại nội địa), nếu khéo xào nấu, chặt đôi chia ba, chắp vá, chế biến thêm, là có thể sử dụng cho ba bốn kỳ báo phát hành hàng tuần. Theo chỗ Kim Thi biết, một trong những ông bà chủ nhiệm thuộc "trường phái' trên, hiện sống tại quận Cam, nắm trong tay một tờ báo có số doanh thu vài bậc nhất nhì trong làng "lá cải", đã biết lo xa, luôn chuẩn bị sẵn bài vở cho ít nhất ba kỳ báo bằng phương cách vừa dẫn. Nhờ thế, ông ta không còn việc gì khác để làm ngoài việc xách xe chạy vòng vòng xin quảng cáo. Điểm đặc biệt, những tờ báo loại này thường nhiều độc giả.

Thiên hạ đã quá ngán chuyện chính trị chính em làm nhàm theo kiểu "Cộng Sản đang thoi thóp dẫy chết. Đã đến lúc người Việt quốc gia chung vai sát cánh cùng đồng bào quốc nội đập cho vỡ sọ con rắn đỏ tàn độc", nên có khuynh hướng thích đọc những chuyện lẩm cẩm đại loại vừa dẫn trên. Mà báo càng nhiều người đọc thì quảng cáo càng hiệu quả. Thử lấy một tờ báo dày hai trăm trang, bỏ đi phần bài vở, còn lại trên dưới một trăm năm chục trang quảng cáo. Đỗ đồng mỗi trang 50 đô la. Trừ tiền in ấn và mọi thứ tiền linh tinh (điện thoại, văn phòng, giấy mực...), "lời ròng" mang về chắc chắn không dưới 5 nghìn đô la mỗi tuần. Vị chi mỗi tháng 20 nghìn. Chuyện thuế má thì ba năm đầu - theo luật - có quyền khai lỗ, chả đóng đồng nào. Những năm sau nhờ các "chuyên gia khai thuế" lo, họ sẽ có cách bù qua sớt lại thế nào đó, rốt cuộc, từ huề vốn đến lời chút đỉnh, không đủ nuôi vợ nuôi con, thành ra cũng... chả đóng đồng nào (có khi còn được sở thuế bù thêm, vì thu nhập quá thấp.)

Đó là cách "kế thừa có chọn lọc" của những tờ báo "phi chính trị".

Cách thứ hai dành cho các tờ báo có lập trường quốc gia kiên định. Loại này có chung điểm đồng qui, là mọi tin tức được trích dẫn sau khi đã "nhuận sắc" và "quốc gia hóa" (đại khái, thay những nhóm chữ như "*cả nước đạt chỉ tiêu*" bằng "*Cộng sản khoe rằng*"; "*thủ tướng Võ Văn Kiệt vừa kết thúc chuyến công du Âu châu*" bằng *"Võ Văn Kiệt đã trở lại Bắc Bộ Phủ sau một vòng ăn mày Âu châu"*...) đều nhằm đưa đến cho độc giả một khuôn mặt hết sức thảm não mọi rợ mang tên Việt Nam Cộng Sản. Hàng ngày, đọc những tin tức này, Kim Thi cứ băn khoăn tự hỏi tại làm sao cái chế độ ấy vẫn chưa ngã nhào, chết tốt, khi mà, cứ chiếu theo mọi nguồn tin đáng tin cậy vừa dẫn, thì nó quá thối nát, tồi tệ, mục rã, dơ bẩn, vô luân, man rợ, thoi thóp, tơi tả. Và tại sao gần 80 triệu con người triền miên sống trong kìm kẹp, đói khát ấy không vùng lên, để dành lấy "quyền sống cho ra một con người"? Tại kìm kẹp quá dã man làm họ sợ? Tại đói khát đã cướp hết của họ sức lực, biến họ thành những cọng bún mềm nhũn chỉ biết vâng lời? Lịch sử hào hùng của Giao Chỉ ta từng minh chứng: hơn nghìn năm dưới ách đô hộ Trung Hoa, ngót trăm năm làm thuộc địa Pháp, kìm kẹp dã man như thời tiền sử, đói khát đến phải ăn rong ăn cỏ, thế mà rốt cuộc Tàu cũng chạy, Tây cũng cuốn gói. Vậy thì e rằng không phải vì kìm kẹp đói khát mà nhân dân ta chưa vùng lên. Dứt khoát phải có một nguyên cớ. Nhưng nguyên cớ gì? Hỏi mãi, băn khoăn mãi, rồi cũng đến lúc Kim Thi giác ngộ, như nhà ông Tố Hữu giác ngộ cách mạng xưa kia. *"Một mặt trời chân lý chói qua tim"*, khiến Kim Thi cảm thấy

vô cùng hồ hởi phấn khởi, giúp Kim Thi kiên định lại lập trường, giữ vững lại niềm tin, rằng anh cộng sản nội địa dù mặt xanh nanh đỏ cỡ nào đi nữa, sớm muộn cũng phải tiêu ma. Vấn đề chỉ là thời gian. Đúng vậy, thời gian chính là nguyên cớ. Nồi cơm bắt lên bếp cũng phải cần thời gian cho nước sôi, cho gạo nở, rồi mới chín. Trái trứng nở ra con vịt cũng phải cần thời gian mọc lông, mọc cánh, rồi mới to, mới mập, mới có da có thịt để mà cắt cổ hãm tiết canh hay chặt khúc nấu sáo măng. Thậm chí đôi giày mua từ tiệm về, cũng phải cần thời gian "bao năm lê lót nơi quê người" thì mới mòn, mới vẹt, mới phải vất bỏ. Tóm lại. Hãy bình tĩnh, hãy tiếp tục ra báo chửi tắc bếp bọn "cướp nước", dùng computer thay huyết viết kháng thư tố cáo tội ác Cộng sản, rồi nhẫn nha chờ đợi. Chuyện quốc gia đại sự đâu phải một sớm một chiều. Hai mươi bốn năm thoi thóp dẫy chết, không có nghĩa đang chết, lại càng không có nghĩa đã chết, thì thêm hai mươi bốn năm nữa, hoặc bốn tám năm nữa, hoặc nói gỡ, mãi đến lúc ta leo lên tàu suốt về cõi Phật, cõi Chúa, thì con cháu ta cũng sẽ được chứng kiến cái ngày nhắm mắt xuôi tay của anh cộng sản. Dục tốc bất đạt. Lời cổ nhân như đinh đóng cột. Sai thế quái nào được.

Kim Thi vốn nổi tiếng chậm tiêu. Nói trắng ra Kim Thi thuộc chủng loại thiếu thông minh, kém trí tuệ, nhưng cũng lờ mờ hiểu rằng, phàm trong đấu tranh chính trị, cái gì của ta xấu thì nên che, tốt mới nên khoe. Ngược lại, cái gì của địch tốt dứt khoát phải phe lờ, xấu ắt cần la to, càng to càng hay, để mọi người cùng thấy, mà hun đúc căm thù, mà nuôi dưỡng khí thế đấu tranh. Phiền một nỗi, ta lại quá tận tình trong nhiệm vụ vạch trần cái xấu của địch, khiến đôi khi... nghe chướng chịu không thấu. Chả hạn, hàng ngày ở trang trong của các tờ báo nội địa thường có những mục thuộc loại xe cán chó, đại loại giựt vợ cướp chồng, trộm cắp đĩ điếm, lường tình gạt tiền (như tất cả mọi tờ báo của mọi quốc gia)... Thế nhưng báo chí hải ngoại ta lại hồ hởi phấn khởi xào lại, biến thành "tin quan trọng", chiếm ở trang nhất, với lời bình đại loại "vì chế độ cộng sản Việt Nam quá mục nát, nên đã sản sinh ra những tệ nạn này". Làm như ở Mỹ, ở Tây, ở mọi nơi trên trái đất thiên hạ đều sống trong vườn địa đàng, hay miền cực lạc, không trộm cắp, không cướp giật, không hiếp dâm, không giết người, không lừa đảo.

Chướng hơn nữa, đến độ đọc xong một vài bản tin, Kim Thi không thể không đỏ mặt, ngượng chín người. Trước đây không lâu, trên một tờ báo uy tín tại quận Cam, Kim Thi đọc thấy lời chú thích dưới tấm hình chụp một gia đình đang ngồi quây quần quanh mâm cơm, trên một nhà sàn cất dôi ra mé nước ở đồng bằng sông Cửu Long. Lời chú thích "diễn nghĩa" rằng vì chế độ hiện nay tại Việt Nam đã bần

cùng hóa nhân dân, đẩy họ vào cảnh sống tạm bợ bấp bênh trên sông nước. Trời ạ, thế này hỏi có chết không cơ chứ? Ai từng sống hoặc từng thăm viếng các thôn làng miền Nam, đều hiểu do địa hình đất đai chằng chịt kinh rạch, chuyện cất nhà, sinh sống trên mặt nước là điều tất nhiên. Vì nó rất tiện lợi, khi di chuyển (thường bằng thuyền), khi giặt giũ, tắm rửa, nấu nướng, kể cả khi làm công tác thải những cặn bả trong cơ thể ra ngoài. Đó là tập quán, là "phong hóa" của miền đất Mũi. Thử buộc người dân ở đây dời nhà đến những vùng đất cao ráo, xa kinh rạch, xem họ có chịu không? Còn khuya. Thoạt nhìn tấm hình, Kim Thi thích vô cùng, nó gợi lên trong đầu bao nhiêu ý tình thơ mộng, nó đưa Kim Thi về lại kỷ niệm đã có với vùng đất "ẩm ướt" này. Một đêm nào trăng sáng, trên mặt sàn gỗ, quanh lẩu cá bốc khói và hai bát rượu nếp, Kim Thi với anh em một người bạn đồng ngũ, chén thù chén tạc thâu đêm. Phía dưới, nước sông lấp xấp vỗ nhẹ các chân cừ, mơ hồ bên kia dòng kinh, rặng bần lả ngọn sà thấp mặt nước. Cảnh đẹp, chất men cay nồng, giọng cười hào sảng của thằng bạn, khuôn mặt cô em gái tắm sữa dưới màu trăng huyền hoặc. Rất ít khi trong đời, Kim Thi có được một bữa nhậu "tới chỉ" như thế. Một bữa nhậu khó quên. Từ thực tế của bản thân đến lời "chú thích", Kim Thi có cảm tưởng như vừa bị nện một búa trời giáng. Lời "chú thích" không giúp Kim Thi ghét bỏ gì thêm cái chế độ hiện nay tại quê nhà, trái lại, nó làm Kim Thi ngao ngán cung cách chống Cộng trẻ con đến ngô nghê của anh chàng làm tin, và ông chủ bút có trách nhiệm duyệt tin. Nghĩ xa thêm tí nữa, giả dụ một cơ quan truyền thông nào đó tại nội địa vớ được tờ báo này, đăng lại "nguyên con", rồi phổ biến rộng rãi khắp nước, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Kim Thi nghĩ, cả nước sẽ được một trận cười no bụng.

Thương nhau cau sáu bổ ba, ghét nhau cau sáu bổ ra làm mười. Qui luật muôn đời này hẳn nhiên không lấy gì làm khó hiểu cho lắm. Tuy nhiên, giá ta biểu lộ niềm thương nỗi ghét một cách "văn minh", "tiến bộ" hơn, Kim Thi nghĩ kẻ ta ghét sẽ nễ trọng ta hơn, và nhất là chính ta, vào những lúc một mình đối bóng, sẽ cảm thấy lương tâm thanh thản, nhẹ nhàng, bởi không phải hao tổn công sức loay hoay với những đòn phép, những mưu mô, những tính toán hơn thua biển lận. Mất nhân cách, vô bổ, phản tác dụng.

Ngày... tháng...

Nhiều độc giả sau khi đọc mẩu tin nhà văn Hoàng Phũ Ngọc

Tường bị tai biến mạch máu não trong *Hợp Lưu* số 43, đã gọi điện thoại hoặc thư cho tòa soạn hỏi thêm diễn biến. Để trả lời chung, Kim Thi trích đăng lại một bản tin ngắn trong một tờ báo xuất bản tại Việt Nam, dưới đây:



NHÀ VĂN HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG ĐÃ LÀM THƠ TRỞ LẠI

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường bị tai biến mạch máu não hiểm nghèo nằm hôn mê hơn hai tháng ròng, gia đình và bạn bè ai cũng lo chắc anh khó qua nổi cơn trọng bệnh. Nhưng nhờ sự cứu chữa tận tình của các y, bác sĩ Bệnh viện Đa Khoa Đà Nẵng và Bệnh viện Trung Ương Huế, sự giúp đỡ hết lòng của các cơ quan, bạn bè trong và ngoài nước, đến đầu tháng 9 anh dần hồi tỉnh, và từ ngày 26 tháng 9/1998 đến nay, anh được về nằm điều trị tại căn phòng quen thuộc của mình trên đường Nguyễn Trường Tộ, Huế xanh thơm hàng long não. Hàng ngày, anh uống thuốc Bắc, thuốc Tây, châm cứu kết hợp thủy châm và tiêm thuốc dưới huyệt; phối hợp với xoa bóp tập luyện phục hồi chức năng theo sự hướng dẫn của thầy thuốc.

Đến giữa tháng 10, gia đình và bạn bè vô cùng sung sướng khi thấy anh viết những dòng chữ đầu tiên. Ngày 22-10 vừa qua, một lần nữa mọi người xúc động đến nghẹn ngào, khi thấy anh ngồi trên xe lăn, cặm cụi làm thơ! Tôi may mắn có mặt kịp thời để được chia vui với anh, với mọi người và chụp bức ảnh ghi lại giây phút hồi sinh trên trang viết của đời anh. Sáng hôm đó, Hoàng Phủ đã làm được hai bài thơ bốn câu khá hay. Thơ anh viết về chiếc lá long não rơi run rẩy trước hành lang; viết về một cô gái trong phim làm anh xúc động khi xem truyền hình. Cuối trang thơ anh lại hào sảng ký "Hoàng Phủ", chữ ký đã từng ký suốt bốn chục năm cầm bút.

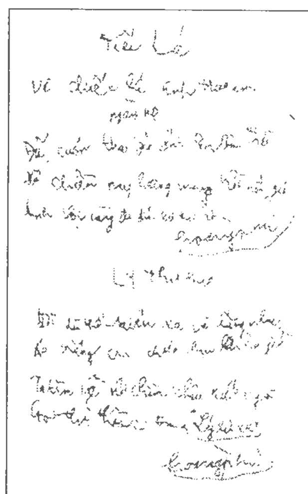
Tiếc lá

Và chiếc lá anh trao em ngày nọ
Đã cuốn theo ảo ảnh tận bên trời

Để chiều nay hoang mang trời nổi gió
Anh vội vàng đi đón lá thu rơi

Lý thư thư

Đời dù thế - kiêu sa và lăng nhục
Áo trắng em chưa lấm bụi bao giờ
Ta tìm về nơi chìm châu nát ngọc
Gọi thì thầm: - Em ạ, "Lý xư xư"!



Thế là Hoàng Phủ Ngọc Tường đã trở về với trang viết - Điều mà gia đình, bạn bè nhà văn cũng như bạn đọc cả nước mong mỏi hơn bốn tháng qua đã trở thành hiện thực. Xin cãm ơn số phận đã không tước đi niềm hạnh phúc lớn lao của anh và của bạn đọc yêu anh, đó là những trang viết tâm huyết với cuộc đời.

Huế, cuối tháng 10-
Ngô Minh

Ngày... Tháng...

Cả đời, Kim Thi dị ứng với những con số. Số điện thoại, số nhà, số an sinh xã hội, số bằng lái xe, số trương mục... Sinh nhật, giỗ chạp, lễ lộc... Tất cả với Kim Thi đều trở nên những ẩn số mỗi lần muốn nhớ.

Thế mà, khi đóng cuốn lịch mới lên tường thay cho cuốn cũ vừa bóc đến tờ cuối cùng, Kim Thi chợt nhớ ra chỉ mươi ngày nữa, là ngày giỗ đầu của nhà văn Mai Thảo.

Như thế, đã hơn một năm, trên đường phố Bolsa, mỗi sáng, người ta không còn thấy cái bóng cao gầy của "ông nhà văn" đi rất chậm trên lề đường, từ ngôi chợ gần nơi cư ngụ của ông ta về lại căn phòng trong khu chung cư sau lưng nhà hàng Song Long, với một túi ni lông nhỏ trên tay. Trong cái túi nhỏ ấy, có thể là một bó rau, vài vuông đậu phụ, một miếng thịt heo ba chỉ, ít dưa chua. Đó là phần lương thực "ông nhà văn" thường mua, nhiều khi không phải để nấu (có ăn bao nhiêu đâu mà nấu?) nhưng vẫn mua, mỗi sáng, như một thói quen, như một thú tiêu khiển, đã thành nếp.

Như thế, đã hơn một năm, căn phòng cạnh chân cầu thang lúc nào cửa cũng khép hờ, bên trong, trên bốn vách tường, đã không còn những ấn bản tranh Van Gogh, Matisse, Mirõ, những chân dung sơn dầu, bút sắt vẽ bằng mực màu, những ảnh chụp nữ tài tử Kiều Chinh, thi sĩ Vũ Hoàng Chương, kịch tác gia Vũ Khắc Khoan, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, giám đốc nhà xuất bản An Tiêm Thanh Tuệ, cùng nhiều bạn bè văn hữu mới cũ. Và đã không còn nữa màn ảnh Tivi mở thường trực, kệ sách kê bằng những vuông gạch lớn, cái bàn viết nhỏ, trên mặt là chồng bao thư, xấp giấy trắng, chiếc ly đựng viết, giò Lan vươn những đài hoa trắng nõn họa sĩ Ngô Bảo thỉnh thoảng mang đến, thay cho giò hoa cũ đã héo, tàn. Cũng không còn nữa, dọc chân tường, những chai rượu. Có chai đã cạn, có chai còn lưng lửng, có chai chưa khui. Cũng không còn nữa trên mặt bàn đêm, hộp điện thoại màu trắng ngà, bao thuốc Wilton đỏ, chiếc gạt tàn, chiếc ly chưa bao giờ vơi chất nước nâu óng nồng men.

Tất cả đã thuộc về một dĩ vãng dần bị lãng quên. Tất cả đều không còn nữa. Không còn nữa khung giường cá nhân, trên đó, Mai Thảo đã nằm, đã mở trừng hai mắt sâu hoắm nhìn không chớp kẻ vừa bước vào, qua khung cửa mở hé. Tia nhìn lặng lẽ, tia nhìn như muốn bày tỏ cùng người đối diện: Tôi yêu lắm cuộc đời này. Tôi muốn sống cùng, mãi mãi. Nhưng, đành vậy, không còn cách nào khác.

Không còn cách nào khác. Mai Thảo đành ra đi.

Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cành không hay
Vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in một bóng gầy.

Vầng trăng mỗi tháng vẫn sáng, cành hoa bốn mùa vẫn đơm bông, nở đỏ cạnh cửa sổ, nhưng còn cái bóng nào đâu để mà tìm ra ra dấu? Mai Thảo đã vĩnh viễn giã biệt trần gian. Mai Thảo đã đến một cõi khác, Mai thảo đã từ bỏ chúng ta, một năm trước. Một năm, bốn mùa nắng mưa ấm lạnh. Một năm, ngôi mộ ngày nào cỏ đã xanh mướt. Tấm bia khắc tên tuổi, pháp danh, bút hiệu, ngày tháng năm sinh và từ trần, cùng bức chân dung thời trung niên của nhà văn cũng phủ mờ lớp bụi thời gian. Thỉnh thoảng Kim Thi ghé qua, thắp với anh một điếu thuốc, ngồi với anh đôi ba phút, nói thầm với anh dăm điều bâng quơ, rằng đời sống, anh ạ, vẫn thế. Vẫn những công việc phải làm, hàng ngày. Vẫn những trang chữ phải viết, hàng đêm. Vẫn những bàn rượu

phải ngồi, hàng bữa. Không vui, không buồn, không còn quyến rũ nào đủ mạnh thắp đỏ ngọn lửa đam mê, như thời tuổi trẻ xưa kia. Bây giờ thì Kim Thi hiểu tại sao dù rất trân trọng chữ nghĩa, anh vẫn dường như xem thường chữ nghĩa, hay đúng hơn, xem thường những thành công, thất bại chữ nghĩa mang đến cho bản thân mình. Sớm hơn nhiều người cùng thời khác, anh hiểu ra cái lẽ vô thường, cái qui luật tựu thành và vữa nát của vạn hữu, nhờ vậy, anh đã ung dung sống, ung dung rong chơi, ung dung làm việc, dung ung thả vào đời hàng nghìn trang chữ, và ung dung nhìn hàng nghìn trang chữ ấy tắm gội trong bão dông đời, Lắm khi gió táp mưa sa, nhiều phen sóng yên bể lặng. Anh ung dung, và anh tự tại, và anh vô cầu. Kim Thi sống với anh đủ lâu để biết, chả bao giờ anh giữ lại bất cứ cái gì do mình sáng tạo, hay do người khác xiển dương. Mấy mươi đầu sách đã ra đời, có cuốn anh chưa từng thấy mặt mũi nó ra làm sao. Tiểu thuyết viết từng kỳ cho nhật báo, chấm dứt, nhà xuất bản đến gặp anh, ứng một khoản tiền, xin in thành sách. Anh gật. Thế là họ thu nhặt lại các kỳ báo, mang di sắp chữ, và in . In xong, phát hành, tính toán lời lỗ, nhưng lại... quên mang sách đến tặng tác giả. Anh cũng quên bẳng đã có người đến hỏi xin. *Chả quan trọng gì*.

Đúng vậy, chả quan trọng gì, những cuốn sách. Thỉnh thoảng từ xa, một vài độc giả, văn hữu gửi về tặng anh những cuốn sách anh đã viết và được xuất bản mấy mươi năm trước. Đó là những món quà quí, nó tỏ lộ lòng yêu mến của người tặng với tác giả. Anh trân trọng những tấm lòng ấy, viết thư, điện thoại cảm ơn. Riêng sách, anh để lăn lóc đâu đấy, không buồn lật xem. Vài anh chị em khác đến chơi, thấy sách cũ, thích, hỏi xin, anh cười, *"Ra cái đếch gì"*, và *"lấy đi"*. Một đời viết lách, không bao giờ anh nhớ mình đã viết được bao nhiêu cuốn. Lúc *Hợp Lưu* thực hiện số báo đặc biệt về anh - Nhà văn Mai Thảo. Anh đọc cái list dài ngoằng trên dưới 50 đầu sách, mỉm cười, nhỏ nhẹ: *"Thế à, cũng nhiều đấy nhỉ."* Câu nói không hàm ý tự mãn, câu nói chỉ bày tỏ một ngạc nhiên.

Nhiều người cho sự hững hờ đó là thái độ coi thường độc giả. Nói vậy oan cho anh. Nói vậy là chưa hiểu rõ Mai Thảo. Có lần Kim Thi hỏi anh về cái viết mình. Mai Thảo trả lời thành thật, *"Tôi là người viết tiểu thuyết"*. Theo anh, "nhà văn" khác với "tiểu thuyết gia". Nhà văn làm văn, làm tư tưởng, nhà văn khai phá, sáng tạo chữ nghĩa. Tiểu thuyết gia chỉ là người kể chuyện, mua vui cho đời, và *"tôi bằng lòng với vị trí đó"*. Hơn ai hết, Mai Thảo hiểu những tác phẩm của mình ít có khả năng tồn tại dài lâu với thời gian (chính bản thân, Mai Thảo cũng chưa từng có ước muốn tồn tại với thời gian. *Ta thấy hình ta những*

miếu đền là một cách đùa chơi của Mai Thảo. Nhiều người không đủ tâm cơ, lòng chưa đủ rộng để hiểu điều ấy, nên biến cái đùa thành cái thật, rồi vin vào đó, bằng chữ nghĩa, bằng lời nói, cho rằng Mai Thảo cao ngạo, trịch thượng.). Hơn một lần Kim Thi nghe Mai Thảo nói, *"Tác phẩm đã được viết ra, đã được ném vào nắng mưa đời, và đã có cho riêng mình một định mệnh, tôi không còn trách nhiệm gì với nó nữa."* Theo anh, xem lại một cuốn sách đã in, sửa lại những điều chưa ổn, xét cho cùng, chả ích lợi bao nhiêu cho chính tác phẩm ấy (ý anh muốn nói, nếu hay, đã hay. Dở, làm cách nào vẫn dở). Để thì giờ viết cái khác, vẫn hơn.

Để thì giờ viết cái khác. Mai Thảo đã làm thế. Mai Thảo thủy chung với điều nghĩ, nói, ròng rã trên 50 năm. Văn học Việt Nam không nhiều lắm những người viết văn như Mai Thảo, chỉ sống bằng chữ nghĩa, cho chữ nghĩa, tuyệt đối không làm gì khác. Văn học Việt Nam cũng không nhiều lắm những người dù sống bằng chữ nghĩa, cho chữ nghĩa, rất mực yêu thương trân trọng chữ nghĩa, nhưng không mặc cho chữ nghĩa cùng công việc làm ra chữ nghĩa những sứ mệnh thiêng liêng cao cả, những trọng trách đội đá vá trời. Có người cày ruộng, có người đập đá, thì cũng có người cầm bút viết chữ. Giản dị thôi. Vấn đề là có yêu công việc của mình hay không? *"Chữ nghĩa lấp lánh lắm cơ, tôi yêu nó"*. Mai Thảo từng nói thế, và có lẽ bởi thế, Mai Thảo lớn. Anh lớn không do tác phẩm, anh lớn, do chính phong thái sống của mình, với chữ nghĩa. Kim Thi kính trọng anh, như kính trọng Bùi Giáng, như kính trọng tất cả những người đã ném cả sinh mệnh mình vào cuộc chơi văn chương, bằng một cái tâm vô sở cầu.

Chỉ còn vài giờ nữa thôi, một năm nữa sẽ chấm hết. Chỉ còn vài giờ nữa thôi một năm mới sẽ đến. Từ chiều, Kim Thi nghe trong máy nhắn nhiều cú phone bạn bè mời tới nhà uống rượu, đón giao thừa. Nhưng Kim Thi đã không trả lời. Nghĩa là sẽ không đi . Kim Thi không đi, Kim Thi muốn ngồi đây, một mình, với chai rượu vừa khui, với chiếc ly đựng chất nước nâu óng anh vẫn thường uống thuở sinh tiền. Chìm trong dòng nhạc thánh thót của Mozart, lãng đãng với chút men cay, và những con chữ nhảy đều trên màn hình sáng trắng, Kim Thi đang nghĩ đến anh, Kim Thi đang viết về anh, Kim Thi muốn gõ xuống bàn chữ bốn câu thơ của anh, bốn câu thơ có lần Kim Thi đề nghị với người thân trong gia đình anh, nên khắc lên mặt mộ bia, như lời nhắn nhủ của nhà văn, gửi lại cho đời:

Thế giới có triệu điều không hiểu

Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao, khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.

Đọc ở sao trời sẽ hiều thôi. Anh đã hiểu chưa, sau một năm nằm sâu trong đất?

Nhưng mà, xét cho cùng, hiểu hay không thì anh cũng đã ra người thiên cổ. Hiểu hay không thì Kim Thi cũng đã mất đi một người bạn vong niên, một người anh văn nghệ. Hiểu hay không thì ngày tháng vẫn trôi, cuộc đời vẫn thế. Thành tựu và mục rữa, khai sinh và hủy diệt. Vòng quay sẽ còn quay, mãi mãi.

Chai rượu chỉ mới vơi đi một phần nhỏ, nhưng hình như Kim Thi đã lãng đãng. Độ sau này sức khỏe không mấy tốt, tửu lượng Kim Thi yếu hẳn. Cái thời hai anh em "cưa" đôi mỗi người nửa chai "hai chữ" thoải mái chỉ còn là vang bóng. Vả, bạn bè mỗi lúc mỗi vắng, càng vắng hơn các tri kỷ (áo cơm, tiền bạc, những bon chen được thua tục lụy biến mỗi cá nhân thành một ốc đảo vị kỷ, chỉ loay hoay với chính mình và cái bóng của mình). Những cuộc rượu cũng thưa dần. Nửa năm nay Kim Thi thường uống rượu một mình.

Đã rất nhiều lần chứng kiến anh uống rượu một mình. Kim Thi đoán ra đó không phải là lạc thú. Đó là nỗi buồn. Âm ỉ, chán chường. Tuổi tác và cô quạnh. Chỉ còn lại thủy chung nhất với mình, rượu.

Riêng Kim Thi, *Nhiều khi uống rượu một mình / mới hay trong bụng lình bình điều chi.* Ngay bây giờ, "điều chi" đang lình bình quẩn đọng trong Kim Thi là hình ảnh anh, cùng bao kỷ niệm. Nhớ anh, nhớ phong thái sống hào sảng của anh, nhớ tiếng ngâm thơ chìm, khuất, nhừa nhựa hơi men, nhớ nụ cười hom hem, và nhớ nhất câu nói anh vẫn thường nói, thay cho một nhận xét, về tất cả mọi sự xảy ra trong cuộc đời: *"Hừm! Ra cái đếch gì".*

Quả thật, *"ra cái đếch gì"*, mọi sự. Kể cả *"ra cái đếch gì"* lẽ sinh tử ly biệt thường tình.

Và cuối cùng, *"ra cái đếch gì"* những dòng chữ này. Những dòng chữ Kim Thi không nghĩ đã được viết ra vì ngày giỗ của anh rơi đúng vào chu kỳ của tờ báo, vì thế, với tư cách một người chịu trách nhiệm bài vở, Kim Thi phải viết.

Nếu làm báo là tự buộc mình phải tuân thủ những qui cách lảm nhảm như thế, thì, *"ra cái đếch gì"*, báo với bổ. Phải vậy không, anh Mai Thảo?

KIM THI

Ngày 10 tháng 1 năm 1999
Giỗ đầu nhà văn MAI THẢO
(1927-1998)



Ảnh Nguyễn Bá Khanh

"Khi ta nằm xuống, cuộc đời là trái núi.
Hãy đứng dậy mà xem, cuộc đời sẽ nằm dưới chân ta"

(Mai Thảo)



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



NHỮNG HUYỀN THOẠI & SỰ THẬT VỀ CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM, của Vĩnh Phúc, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 22MK. Ngoài Mỹ 25MK.

"Trong mục đích đi tìm sự thật, người viết đã tiếp xúc với nhiều nhân vật trước kia đã từng cộng tác hoặc đối nghịch với chế độ và những người lãnh đạo chế độ (...) Các nhân chứng lịch sử này bằng lòng để cho soạn giả phỏng vấn về các chi tiết liên quan đến những biến cố trong đó họ đóng vai chính hay vai phụ. **Tất cả các cuộc đối thoại, dù trực tiếp hay qua điện thoại, đều được ghi âm và lưu giữ làm tài liệu để tiện đối chiếu khi cần kiểm chứng,** soạn giả yêu cầu các nhân vật hãy tôn trọng sự thật và tinh thần vô tư trong mục đích giúp cho các nhà viết sử có những tài liệu xác thực do chính các nhân vật cung cấp. (...) **Tính chất khả tín và mức độ xác thực của các sự kiện thuộc trách nhiệm của các nhân chứng - những người được phỏng vấn.** Nếu có những ý kiến khác biệt hay mâu thuẫn về cùng một vấn đề, một sự kiện, người viết đều ghi lại hết để **độc giả có cái nhìn từ nhiều góc cạnh và tự chọn lấy kết luận."** (tựa).

Baèg phöông phaùp aáy, *Những Huyền Thoại & Sự Thật về chế độ*

Ngô Đình Diệm tương đối mang tích khách quan. Chúng tôi nói tương đối, vì như bất cứ cuốn sách nào thuộc lĩnh vực này, sự chủ quan không thể không có, do từ bản thân người viết, do nguồn cung cấp tư liệu.

Trong chừng mực nào đó, cuốn sách là một tư liệu dồi dào dữ kiện, viết về nền Đệ Nhất Cộng Hòa của miền Nam Việt Nam, cùng các biến cố xoay quanh.

ĐI VÀO CÕI THƠ (Cuốn một) giá 10MK & **THI CA TƯ TƯỞNG** (Sổ Đoạn Trường - Tức **Đi Vào Cõi Thơ** hai) giá 12MK, Bùi Giáng. An Tiêm tái bản, Paris 1998. Tổng phát hành Văn Nghệ.

Không theo bất cứ một qui phạm trường ốc nào hay một phương pháp phê bình nào, Bùi Giáng đọc thơ, đi vào cõi thơ bằng tâm hồn của một thi sĩ, ngẫu hứng và tài hoa. Nhiều nhận xét của ông có vẻ như đùa, như giỡn, nhưng lại hàm ẩn những rung động tế vi nhất, với thi ca.

Hai tác phẩm này trước đây do nhà xuất bản Ca Dao in lần đầu năm 1969, nay, nhà An Tiêm tái bản lần thứ nhất tại Paris năm 1998.

MƯA NGUỒN, thơ Bùi Giáng, bìa Trần Duy Hiệp, Mưa Nguồn tái bản lần thứ nhất. Giá 20MK. Liên lạc: 1055 Dewcrest Dr., Anaheim, CA 92808. Tel: 714-281-2934. Fax: 714-280-1204.

Đây là tập thơ tiêu biểu trong "rừng" thơ đại ngàn mang tên Bùi Giáng.

Mưa Nguồn cũng là tên một nhà xuất bản vừa được khai sinh, do ông Bùi Vịnh, em ruột của Bùi Giáng sáng lập. Trong dự tính, nhà xuất bản này sẽ lần lượt tái và xuất bản tất cả những tác phẩm của Bùi Giáng.

Tuyển tập BÌNH NGUYÊN LỘC, Võ Phiến giới thiệu, An Tiêm xuất bản lần thứ nhất 1999, Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 20MK.

Theo lời nhà xuất bản, đây là một tuyển tập gồn những tác phẩm chính tác giả ưng ý nhất, cũng như đã được quần chúng truyền tụng, đánh giá cao.

Qua mấy mươi trang nhận xét về tác phẩm và nhân cách Bình Nguyên Lộc, nhà văn Võ Phiến kết luận: "... tấm lòng của ông chắc chắn là yếu tố đáng kể trong sự quí trọng của người đời. Người ta quí trọng ông như quí trọng một nhân sĩ trong làng văn, cái lòng rộng lớn của cả Nam kỳ cũ."

Và Mai Thảo cũng đã có lần nói về Bình Nguyên Lộc: "Ấm áp như cái thế giới tiểu thuyết Bình Nguyên Lộc, không siêu hình, không

gió bão, cái thế giới đã bốn mươi năm văn học ở trong đời sống và làm cho đời sống muôn vàn tươi thắm. Yên tâm như như cái văn phong, cái nhân cách Bình Nguyên Lộc, dung dị mà bác học, đơn giản mà trí thức, Bình Nguyên Lộc con người và Bình Nguyên Lộc tác phẩm chính là niềm yên tâm lớn nhất một thời của văn học chúng ta."

Tuyển tập dày khoảng 500 trang, ngoài những sáng tác tiêu biểu của Bình Nguyên Lộc, còn có thêm nhiều hình ảnh, thủ bút, thư mục...

KIM VÂN KIỀU Index, Phạm Thị Ngoạn, An Tiêm xuất bản tại Paris 1999. Giá trọn bộ 2 cuốn 50MK. Văn Nghệ tổng phát hành.

Dày 1,000 trang, khổ lớn (8:50" X 11:00")

Một công trình nghiêm túc bằng Pháp ngữ, gồm bản phiên âm Việt ngữ Truyện Kiều, bản khắc chữ Nôm và phần chú giải tỉ mỉ.

Đây là một bộ sách quí, rất cần thiết cho các nhà nghiên cứu và cho những độc giả thông thạo Pháp ngữ.

ĐÀO THOÁT, tập truyện Ngự Thuyết, bìa Nguyễn Đồng, Đồng Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 13MK. Liên lạc mua sách qua Văn Nghệ, hoặc trực tiếp với tác giả: Ngự Thuyết, 13947 Brock Lane. Garden Grove, CA 92843. USA. Tel: 714-625-5189

Tập truyện thứ hai, sau *Sóng Trôi* (1996).

Gồm 8 truyện ngắn, hầu hết đã đăng trên *Văn, Văn Học* (California, Hoa Kỳ); một phụ lục gồm hai bài thơ, một bài phỏng vấn do Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện với Ngự Thuyết một tạp bút: "*Đọc lại Võ Phiến*".

Hầu hết những tác giả đã hoặc đang ở tuổi trung niên (hay lão niên), khi sáng tác, nội dung tác phẩm thường xoan quanh một trục chính là quá vãng, là hoài niệm, dù bối cảnh của câu chuyện được dàn dựng ở Mỹ, ở Pháp, ở Australia, hay ở bất cứ nơi nào trên trái đất.

Điều này dễ hiểu. Ở vào tuổi trên dưới sáu mươi, những tác giả ấy đã có ít nhất hai phần ba cuộc đời hệ lụy với đất mẹ, nên khi tìm đến văn chương, khát vọng được nổi tiếng, được văn học sử khắc ghi tên tuổi có lẽ chỉ là chuyện phụ. Mục đích chính là cốt giải tỏa bớt những ưu tư về lẽ đời, về quan niệm nhân sinh, về lập trường chính trị và về những kinh nghiệm đã trải, chồng chất bao nhiêu năm theo tuổi tác, mà đời sống ly hương ở quê người càng làm đậm nét thêm.

Và có lẽ cũng do tuổi tác, văn chương Ngự Thuyết không có sự sôi nổi bạo liệt, mà rất chuẩn mực, trầm tĩnh. Đọc Ngự Thuyết giống như uống một tách trà thơm, nhẩn nha từng ngụm nhỏ, để vị ngọt của trà thấm tê đầu lưỡi, chứ không như uống một chén rượu mạnh, cay xé

cuống họng.

VẦNG TRĂNG NỘI THÀNH, tập truyện Hồ Đình Nghiêm, bìa Đinh Cường, tựa Hồ Minh Dũng, Văn Mới xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: Văn Mới, 1528S. La Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035. USA. Tổng phát hành Văn Nghệ.

Đây là tập truyện ngắn thứ 3, sau *Nguyệt Thực*, 1988 và *Tờ Mộng Rách Rồi,* 1991.

Trong lời tựa, nhà văn Hồ Minh Dũng đã nói về "cái viết" của Hồ Đình Nghiêm rất đúng:

"... như thể bàng quan, dửng dưng, như thể vô can, lơ lửng, thế mà vẫn buồn da diết. Với lối văn dí dỏm, có lúc đùa cợt, có lúc buông thả cảm xúc, ngùn ngụt ngôn từ, Nghiêm đã làm cho người đọc hé một nụ cười mà nước mắt ràn rụa lúc nào không hay. Đó là nghệ thuật sáng tạo (...) không phải ai cầm bút cũng có được... Chuyện đời, chuyện tình, chuyện bể dâu, chia lìa, thù nhà nợ nước, bom rơi đạn lạc... Nghiêm chen chúc, trộn hòa,khóc cười không lằn ranh, buồn vui lẫn lộn để rồi sau đó, cuối cùng vẫn để lại cho người đọc những nỗi mất mát, đắng cay. Làm cho tâm hồn kẻ xa xứ thêm vất vưỡng héo hắt trơ trọi thêm."

Rất tiếc, chúng tôi nhận *Vầng Trăng Ngoại Thành* hơi trễ, tuy nhiên, nếu bạn đọc chưa có tác phẩm này, thì rất nên tìm mua. Đây là một tập truyện ngắn xứng đáng nằm trong tủ sách của gia đình.

CẢO THƠM, Hồ Trường An. Bìa tranh Khánh Trường. Minh Văn xuất bản. Giá 11MK. Ngoài Mỹ 13MK. Địa chỉ: 2808 Graham Road, Falls Church, VA 22042. Tel: 703-698-8490. Fax: 703-538-6403.

Gồm bảy bài "đọc sách" của Hồ Trường An về Võ Phiến (với *"Truyện Thật Ngắn"*; Cao Tần (với *"Thơ Cao Tần"*); Võ Đình (với "*Lầu Xếp"*); Thơ Thiền (với *"Thân Thị Ngọc Quế, Vi Khuê, Như Chi, Hà Thúc Sinh"*); Trương Anh Thụy với thơ tản mạn; Mai Thảo (với *"Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền"*; Trần Long Hồ (với *"Vết Sẹo 2"* và *"Sư Phụ"*.

Tại hải ngoại, Hồ Trường An là một trong vài ba nhà văn chỉ sống thuần túy bằng ngòi bút. Sức viết của ông rất mạnh, và bao trùm nhiều thể loại. "Đọc và phê bình sách" là một trong những thể loại ấy.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



Với văn hữu và bạn đọc



CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Hai tháng qua, tòa soạn nhận được nhiều thiệp Giáng Sinh và Năm Mới của độc giả, văn hữu khắp thế giới gửi về chúc lành ban chủ trương nói chung, chủ biên KT nói riêng.

Hợp Lưu trân trọng cảm ơn tất cả.

Rất mong mọi điềuvừa ý nhất sẽ đến với văn hữu và độc giả trong năm mới.

THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

Số Bùi Giáng rất hay.

Hợi Lưu số vừa qua, về Bùi Giáng rất hay. Cảm ơn Hợp Lưu đã cung cấp cho độc giả những tư liệu giá trị.

Theo dõi Hợp Lưu từ số đầu, tôi có nhận xét là những số đặc biệt viết về các nhân vật văn học đều hay cả, hay hơn những số có chủ đề về các bộ môn, như Thơ, Kịch, Điện ảnh, Âm nhạc. Tôi nghĩ, có lẽ các số chủ đề về các bộ môn đề tài bao quát quá, nên với một số báo có bề dày một hai trăm trang hẳn nhiên không thể cover đủ. Chả hiểu nhận xét của tôi có đúng không.

Nếu đúng, tôi đề nghị Hợp Lưu nên tiếp tục thực hiện những số chủ đề về các nhân vật. Nhân đó, nói đến các bộ môn liên hệ trực tiếp

với các nhân vật ấy. Ví dụ nói về Văn Cao, là nói đến âm nhạc, nói về Nguyễn Gia Trí, là nói đến sơn mài Việt Nam, nói về Bùi Giáng, là nói đến thơ... Hơn nữa, làm các số đặc biệt về các nhân vật, Hợp Lưu sẽ đi được đường dài, vì chỉ riêng Việt Nam thôi, chúng ta đã có rất nhiều nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ mà sự nghiệp của họ xứng đáng được nghiên cứu. Cụ thể, Hợp Lưu chưa có số báo nào viết về Phạm Duy, một nhạc sĩ, theo tôi, rất phong phú, đa dạng, sung mãn trong sáng tác. Hơn nửa thế kỷ gắn bó với âm nhạc Việt Nam, dĩ nhiên như tất cả mọi thiên tài khác, Phạm Duy có nhiều người thương mà cũng lắm người ghét, nhưng công bình ghi nhận, ông là một trong vài khuôn mặt tiêu biểu của Tân nhạc Việt Nam. Đã đến với Văn Cao mà không đến với Phạm Duy, tôi cho là không công bình.

Phạm Văn L.
California

Xin ghi nhận và cảm ơn ý kiến của anh. Chúng tôi cũng đã nghĩ sẽ thực hiện một số chủ đề về nhạc sĩ Phạm Duy, và đang thu tập tài liệu.

Cũng có nhiều con đường

Qua Mỹ (đầu năm 1994), tôi thèm đọc, và đã đọc tất cả những gì mà mình gặp được bằng chữ Việt Nam, bởi vì cảm thấy lạc lõng giữa xứ ngôn ngữ bất đồng. Nhưng càng đọc càng ngán ngẩm và nhất là khi gặp những tay viết "tên tuổi", những tờ tạp chí "đát giá" đã bán tên mình "3 đồng" mà cứ tưởng là đang bỏ ra "3 vạn" để mà mua. Chán nản tôi không sờ tới nữa, cứ nghĩ theo ý thiển cận của mình là diễn đàn văn chương tại hải ngoại bây giờ đều vậy cả, muốn được nổi tiếng thì phải *chưởi* người khác cho thật hay! Ôi, đâu còn "văn là vẻ sáng" mà "chương là vẻ đẹp" nữa. Nên tôi tự nhủ thôi cố gắng học năm ba chữ Anh văn để coi tivi, đọc mò vài đoạn tin trong báo My làm vui cũng được.

Thế rồi tôi gặp Hợp Lưu, thật tình là như cá gặp nước, hợp quá, càng đọc càng thích. Lại tiếc, đọc thì nhanh mà báo thì hai tháng mới có một kỳ. Đang thỏa mãn với tờ báo mà mình gặp được thì đùng một cái đến số 41 Hợp Lưu thông báo sẽ cố gắng biến *"mỗi số báo sẽ có giá trị như một tập tư liệu chuyên đề"*. Mà tôi thì đọc để được gần với Việt Nam ở khía cạnh văn chương. Vậy là không hợp với mình nữa rồi!

Không hợp, nhưng bỏ thì cũng không đành, vì vậy mới có thư

này.

Thưa Hợp Lưu, tôi nghĩ *"để trở nên hữu ích hơn cho nền học thuật Việt Nam mai sau"* (HL 41) cũng có nhiều con đường. Tôi nhớ không lầm nếu không có được sự phát hiện để gìn giữ ở miền Nam thì đâu có Hữu Loan, Xuân Diệu, Vũ Đình Liên, Nguyễn Tuân, Lưu Trọng Lư, Thế Lữ. Đó không là việc để lại cho mai hậu ư? Và bây giờ, Nguyễn Huy Thiệp, Phùng Quán... há không hữu ích sao? Đối với tôi văn chương VN trong mai hậu hay bất cứ lúc nào đều cũng được quyết định bởi những tác phẩm VN 100% và độc giả cũng phải là người VN. Đọc HL 44 qua đoạn "nhạc sến" và thơ Bùi Giáng tôi thấy những chuyện nhiều khi ta thấy tầm thường nhất, nó cũng có giá trị, ít nhất cũng tiêu biểu cho một giai đoạn. (thôi xin ngưng ngu ý của mình ở đây)

Hợp Lưu đã dọn đường rừng để đi và tôi nghĩ sắp ra khỏi rừng, sẽ thênh thang cùng mấy chục triệu người Việt và sẽ đi khắp mọi miền đất nước với sự quí mến của mọi người bởi cái "đạo" mà từ lâu HL đã tải trong tập san.

Tôi rất tâm đắc với HL xem chính trị như là một trò chơi quỉ quyệt bẩn thỉu. Nếu được, mong rằng HL đừng cho chính trị dính vào, để văn chương đẹp và sáng mãi mãi. Điều mong ước cuối cùng là mong HL cố gắng giảm mật độ *lai* ở văn cảnh cũng như từ ngữ để được gần với VN nhiều hơn. Và HL có nghĩ đến mục "Sinh Hoạt báo chí trong và ngoài nước" trong tương lai không?

Nguyễn Ph.
Worcester

Khi chúng tôi nói "mỗi số báo sẽ có giá trị như một tập tư liệu chuyên đề" không có nghĩa sẽ vất bỏ phần thơ văn sáng tác. Trái lại, chúng tôi sẽ cố gắng tìm chọn những tác phẩm hay hơn, giá trị hơn, để kết hợp với phần biên khảo, lý luận, hầu nâng cao chất lượng của tờ báo. Anh yên tâm, HL sẽ không khô như xác mía làm người đọc ngán ngẩm đâu.

Về "Sinh hoạt báo chí trong ngoài nước" chúng tôi đang nhờ thêm một văn hữu nữa, hiện đang số tại Việt Nam, phụ trách, kết hợp với phần sinh hoạt bên ngoài. Tuy nhiên do liên lạc khó khăn (người chúng tôi nhờ không có computer, do đó không có email), mà chuyển bài bằng đường bưu điện thì vừa lâu, vừa thiếu an toàn. Anh thừa hiểu, cái khó bó cái khôn.

Riêng về "mật độ **lai** *trong văn cảnh và từ ngữ" thì chúng tôi chưa hiểu trọn ý anh? Có lẽ anh muốn nói đến những câu văn ba rọi kiểu "nửa Việt nửa Mỹ"? Hay lối lạm dụng ngoại ngữ thái quá của một số tác gia? Nếu đúng thế thì chúng tôi cũng rất đồng ý với anh. Từ lâu, HL đã đề cập đến vấn đề này. Chúng ta đang viết văn bằng tiếng Việt, cho người Việt đọc, ngoại trừ một số từ chuyên môn có tính cách khoa học, kỹ thuật, y học, triết học... chưa có từ tương đương, còn thì gia tài tiếng Việt của ta ngày nay đủ để chuyên chở, diễn đạt bất cứ "ý đồ" nào, thuộc mọi lĩnh vực, nhất là lĩnh vực văn chương. Vậy, không vì lý do gì chúng ta làm câu văn Việt của mình trở nên "lai tạp" một cách khá buồn cười, theo kiểu "bài vở* **of** *Hợp Lưu rất hay". Ý thức được điều đó nên trong lúc chọn bài, nhất là lúc viết, chúng tôi đã Việt hóa tất cả những từ có thể Việt hóa được, và tránh không dùng ngoại ngữ, trừ phi trong sáng tác, có vài trường hợp chẳng đặng đừng, chúng tôi đều có chú thích. Ví dụ khi mô tả đối thoại giữa hai em nhỏ Việt Nam đang sống trên đất Mỹ, nếu buộc các em dùng thuần tiếng Việt là không đúng với thực tế.*

Cuối cùng, cảm ơn những ý kiến đóng góp của anh.

HỢP LƯU



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) đề HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.

LÊ THỊ THẤM VÂN

yellow light

thơ

YELLOW LIGHT



Thơ

Lê Thị Thắm Vân

Giá 8MK

Nhà xuất bản ANH THƯ
Thư từ chi phiếu
xin liện lạc
LÊ QUAN TUẤN
P.O.Box 360923. Milpitas, CA 95035. USA